

Agatha Christie®

THUNG LŨNG BẤT HẠNH



THE HOLLOW

Quang Kương dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Tặng LARRY và DANAÉ

*Xin thứ lỗi cho tôi vì đã biến hồ bơi của quý vị thành
hiện trường vụ án mạng nhé.*

Sáu giờ mười ba phút sáng thứ Sáu, Lucy Angkatell mở bừng cặp mắt to xanh biếc. Như thường lệ, bà nhanh chóng tỉnh hẳn và lập tức suy tính đủ chuyện bằng bộ óc siêu lạnh lẽo của mình. Rồi bà cảm thấy cấp thiết phải có ai đó để trao đổi và hỏi ý kiến, lần này đối tượng được nhắm tới là cô em họ Midge Hardcastle vừa mới đến Thung Lũng tối qua. Bà Angkatell nhồm vôi khỏi giường, khoác chiếc áo ngủ quanh bờ vai hầy còn nét duyên dáng, rồi đi dọc hành lang đến phòng của Midge. Đầu óc bà vốn quen nhảy loạn xạ lia lịa từ suy nghĩ này đến suy nghĩ khác, nên trong trạng thái thường lệ đó, bà tự dựng luôn cuộc đối thoại trong đầu, mớm cho Midge sẵn những câu trả lời mà cô nàng có trí tưởng tượng phong phú mấy cũng không ngờ nổi.

Bà Angkatell mở cửa, nói tiếp thành lời cuộc trò chuyện trong đầu như đúng rồi:

“— và như thế, cưng thấy không, cưng phải để ý rằng cuối tuần này sẽ nhiều rắc rối lắm đây!”

“Hả?” Midge lồm bồm, giật mình tỉnh dậy giữa cơn mộng đẹp.

Bà Angkatell đi tới mở tung cửa sổ, dứt khoát kéo mạnh tấm rèm, ánh sáng nhạt nhạt của buổi bình minh tháng Chín tràn vào phòng.

“Ô kìa bọn chim!” bà ngó nghiêng thích thú. “Dễ thương quá.”

“Hả?”

“Ừ, dù sao đi nữa thì thời tiết không thành vấn đề đâu. Dự là trời sẽ đẹp. Chuyện đó cũng quan trọng đấy. Bởi vì nếu đủ mọi dạng khách khứa phải chen chúc nhau trong nhà, thì chắc hẳn em hình dung được chuyện tiếp đãi thành ra khó khăn chừng nào. Có lẽ lại chơi trò chơi vòng tròn, rồi

sẽ thành ra như năm ngoái mất. Ôi cái lần đó, chị không bao giờ tha thứ cho mình được, cô nàng Gerda tội nghiệp. Sau đó chị phải nói riêng với Henry rằng cũng do chị ích kỷ vô tâm quá—và cả người phải chung đội với cô ấy nữa, tất nhiên, bởi vì nếu mời John vô đội thôi và gạt cô vợ ra thì quá bất lịch sự, mà mời cả cô ấy còn khó xử hơn—mà tệ nhất là cô ấy lại tốt tính chứ—thật tình hiếm có ai tử tế như Gerda mà đầu óc trống không như vậy, nếu nghĩ theo hướng ở đời được cái này mất cái kia, thì quả là công bằng thật.”

“Chị đang nói về chuyện gì vậy, Lucy?”

“Chuyện cuối tuần này, cưng. Mấy người khách ngày mai là đến đấy. Chị nghĩ suốt đêm qua, cứ thấy buồn bực quá. Nên nói ra được với em thật nhẹ nhõm. Lúc nào em cũng tỉnh táo và thực tế.”

“Chị Lucy à,” Midge lạnh nhạt đáp. “Chị có biết bây giờ là mấy giờ hay không?”

“Không biết, cưng. Chị có bao giờ nhớ giờ giấc gì, em biết mà.”

“Sáu giờ mười lăm phút sáng đó.”

“À thế à,” Bà Angkatell đáp không chút áy náy.

Midge nhìn chòng chọc bà chị. Thật điên hết cả người, hết thuốc chữa! Không hiểu nổi vì sao cả nhà còn chịu nổi bà ấy nữa.

Nghĩ thế nhưng cô vẫn thận trọng với lời nói ra. Lucy Angkatell vẫn hơn hở đứng đó; khi nhìn bà chị, Midge cảm thấy được vẻ duyên dáng đặc biệt mà cả đời Lucy rất biết vận dụng, thậm chí cho đến tận bây giờ, khi bà đã quá sáu mươi. Chính bởi dáng vẻ ấy mà người ta, bất kể ở đâu, dù là vua chúa, tướng tá, hay quan chức chính phủ, đều vui vẻ chịu đựng những bất tiện, khó chịu lẫn bối rối bà gây ra. Có lẽ niềm vui tươi như trẻ thơ của Lucy đã dần hòa mọi chỉ trích. Lucy chỉ cần mở to đôi mắt xanh, chìa đôi bàn tay thon thả móng manh và nhẹ giọng, “Ôi! Nhưng mà em *rất xin lỗi*...” thế là mọi bất bình tiêu tan.

“Ôi cưng,” bà Angkatell lên tiếng, “chị *rất xin lỗi*. Đúng ra em phải bảo chị.”

“Thì em đang bảo chị biết đây, nhưng quá trễ rồi! Giờ em tỉnh hẳn rồi còn đâu.”

“Ồi ngại quá, nhưng mà em vẫn sẽ giúp chị, nhé, nhé?”

“Về cuộc vui cuối tuần à? Tại sao vậy? Có chuyện gì thế chị?”

Bà Angkatell bèn ngồi xuống cạnh giường. Thật chẳng giống người thường, Midge nghĩ. Nhẹ không, cứ như nàng tiên vừa đậu xuống vậy.

Bà Angkatell xòe bàn tay trắng nõn ra ý bất lực đến là thương.

“Khách khứa. Toàn là những người không hợp ở cạnh nhau ấy, ý chị là không phải vấn đề ở từng người. Họ đều là những người tao nhã cả.”

“Thế có những ai đến?”

Midge đưa cánh tay nâu bóng chắc khỏe gạt mớ tóc đen cứng khỏi vầng trán rộng. Trông cô không chút dáng vẻ thần tiên mong manh gì cả.

“À, có vợ chồng John và Gerda. Cặp đó rất được. John vui tính, rất quyến rũ. Gerda tội nghiệp thì... mình phải rất tế nhị với cô ấy. Rất, rất tế nhị mới được.”

Midge phác một cử chỉ phản đối mơ hồ

“Ồ, thôi mà, cô ấy đâu đến nỗi nào.”

“Ồi cưng ơi, em ấy thấy thương lắm. Đôi mắt ấy. Và thường Gerda chẳng hiểu chút gì chuyện mọi người đang bàn đến cả.”

“Thì quả vậy,” Midge đáp. “Không phải về chuyện chị nói—mà em thấy cũng không trách cô ấy được. Chị biết đấy, đầu óc chị hoạt động quá nhanh đi, nên để bắt kịp câu chuyện chị nói thì phải nhảy cóc rất giỏi. Chẳng có đầu dây mối nhợ liên quan gì cả.”

“Như con khỉ ấy nhỉ,” bà Angkatell tự lự.

“Rồi có ai đến nữa, ngoài nhà Christow? Henrietta nữa, phải không?”

Gương mặt bà Angkatell sáng bừng lên.

“Đúng, cô ấy đúng là tràn trề sức sống. Lúc nào cũng vậy. Em biết đấy, Henrietta lúc nào cũng tử tế, tử tế thật sự đấy chứ không phải chỉ ngoài mặt đâu. Cô ấy đỡ cho Gerda tội nghiệp nhiều lần rồi. Trong cuộc gặp mặt năm

ngoái, cô ấy tuyệt lắm. Lúc đó mọi người chơi nối thơ, ghép từ hay đoán câu trích gì đó, ai cũng xong rồi và bắt đầu đọc đáp án, thì mới thấy Gerda còn chưa làm được gì. Cô ấy còn chưa hiểu luật chơi kia. Khó xử hết sức, phải không Midge?”

“Sao mọi người cứ thích đến chơi nhà Angkatell nhỉ, em chịu,” Midge nhận xét. “Toàn mấy trò động não, rồi trò chơi vòng tròn, rồi cả cách nói chuyện độc nhất vô nhị của chị nữa, Lucy.”

“Ừ, mình phải cố gắng thôi—lúc nào mọi người cũng ác cảm với Gerda, chị thường nghĩ giả như cô ấy có chút xíu ý thức thôi thì đã bỏ đi rồi, nhưng không, nên cô nàng tội nghiệp cứ ngỡ đó, bối rối, rồi lại, ừm, bị làm xấu hổ thêm ra, em biết đấy. Rồi John trông cáu hết sức. Chị chịu không biết làm sao vẫn hồi không khí nữa, thế nên khi đó chị biết ơn Henrietta vô cùng. Cô ấy quay sang Gerda hỏi thăm về chiếc áo len chui đầu cô ấy đang mặc, thật sự cái áo xấu kinh khủng, màu xanh xanh bạc bạc, kiểu hàng giảm giá ấy em, thế rồi Gerda như vớ được cọc, đâu như cô ấy tự đan cái áo đấy, rồi Henrietta hỏi thêm về hoa văn kiểu đan các thứ, Gerda vui vẻ tự hào khôn tả. Đấy Henrietta là thế. Cô ấy lúc nào cũng có những cử chỉ như vậy. Đúng là có khiếu xã giao.”

“Cô ấy gánh lấy việc khó,” Midge chậm rãi.

“Ừ, và cô ấy biết nên nói những gì.”

“À, nhưng cô ấy không chỉ nói suông đâu. Lucy, chị có biết Henrietta thực sự đan hẳn cái áo y như thế không?”

“Ôi trời ơi,” bà Angkatell nghiêm túc hơn. “Rồi mặc luôn à?”

“Rồi mặc luôn. Henrietta làm tới cùng mà.”

“Thế trông có xấu kinh không?”

“Không, Henrietta mặc lên xinh lắm.”

“Ừ, tất nhiên rồi. Đó là khác biệt giữa Henrietta và Gerda. Henrietta đã dụng tay vào việc gì cũng làm tới nơi tới chốn. Hầu như chuyện gì cũng học được rất nhanh, như sở trường của cô ấy vậy. Chị nói này Midge, nếu có ai đó giúp dịp cuối tuần này được vui vẻ suôn sẻ, thì chính là Henrietta

đó. Cô ấy sẽ tử tế với Gerda và làm vui lòng Henry, chưa kể là xoa dịu tính khí của John, và cũng sẽ thân với David nữa.”

“David Angkatell?”

“Ừ. Thằng bé vừa về từ trường Oxford, hay Cambridge nhỉ? Mấy cậu trai trẻ tuổi ấy thật khó chi ều, nhất là mấy cậu kiêu trí thức nữa. David biết nhiều hiểu rộng. Ước gì mấy đứa nhỏ già dặn thêm chút nữa rồi hãy biết nhiều thế. Thường chúng cứ nhìn chăm chăm người ta và cắn móng tay, mặt mày đầy mụn, đôi khi đã có trái cổ nữa. Rồi chúng hoặc không nói năng gì cả, hoặc nói rất to và đầy mâu thuẫn. Dù vậy, như chị đã nói đấy, chị tin ở Henrietta. Cô ấy khôn khéo, biết đặt câu hỏi đúng chỗ, và là nhà điêu khắc nên các cô cậu trẻ tuổi sẽ kính nể cô ấy, nhất là cô ấy không chỉ khắc đầu thú với em bé đâu, mà còn làm những tác phẩm khó hơn, như cái món gì bằng kim loại và thạch cao mà cô ấy trưng trong buổi triển lãm Nghệ sĩ mới năm ngoái đấy. Trông cứ như cái thang gấp hiệu Heath Robinson. Món đấy đặt tên là Chắp cánh Tư tưởng—kiểu thế. Những thứ như vậy sẽ khiến thằng bé như David ấn tượng... ôi còn bản thân chị thấy nó chẳng đâu vào đâu cả.”

“Kìa Lucy!”

“Nhưng có những tác phẩm của Henrietta chị cũng thấy dễ thương thật. Như cái tượng Cây T ần bì than khóc đó.”

“Henrietta ti ềm ẩn chất thiên tài thực sự, em nghĩ vậy. Cô ấy tính tình cũng rất được và dễ chịu nữa,” Midge nhận xét.

Bà Angkatell đứng dậy, lướt ra chỗ cửa sổ, vợ vẫn nghịch sợi dây kéo màn.

“Sao lại là hình quả đấu nhỉ?”

“Quả đấu gì?”

“Trên dây kéo màn đây này. Như quả dưa hay khắc trên cổng ấy. Hẳn phải có lý do gì đó chứ. Bởi vì gắn quả thông, hay quả lê cũng được mà, nhưng lúc nào cũng là quả đấu. Em biết không, ‘quả s ữ’ là chữ hay dùng gợi ý cho từ ‘con lợn’ trong trò ô chữ nhé, vì lợn thích ăn quả đấy mà. La thật đấy.”

“Thôi đừng lan man, chị Lucy. Chị đến đây bàn về vụ cuối tuần, mà em thấy có gì đâu. Nếu chị bỏ quách mấy trò chơi theo vòng tròn, rồi cố nói năng mạch lạc khi trò chuyện cùng Gerda, rồi để Henrietta kìm cương cậu David kia, thì có gì để lo nữa đâu?”

“Còn một việc nữa, cưng, Edward cũng tham dự đấy.”

“Edward à.” Midge im lặng một chốc, rồi lặp lại cái tên ấy. Rồi cô hỏi nhẹ:

“Thế vì đi đâu gì mà chị lại mời Edward đến vào cuối tuần này?”

“Chị không mời, Midge à. Cứ thế, cậu ấy tự muốn đến. Gởi điện hỏi cậu ghé chơi nhà ta vào cuối tuần được không. Em biết Edward mà, rất nhạy cảm. Nếu chị nhấn lại rằng ‘không’ thì có thể chẳng bao giờ cậu ấy chủ động đề nghị gì nữa. Cậu ấy là thế mà.”

Midge chậm rãi gật đầu.

Ừ, cô nghĩ, Edward là thế. Gương mặt thân thương ấy vụt hiện lên trong đầu cô. Gương mặt thừa hưởng nét quyến rũ tinh tế của Lucy: thanh lịch, rụt rè, vẻ châm biếm...

“Edward đáng mến,” Lucy nói thành lời suy nghĩ trong đầu Midge.

Rồi bà nôn nóng nói tiếp: “Giá mà Henrietta chịu cưới cậu ấy. Cô ấy cũng rất thích Edward mà, chị biết thế. Giá mà họ đến đây mà không vương nhà Christow... Rõ là John Christow luôn gây xui xẻo cho Edward. Em biết John rồi đấy, cứ thể hiện quá lên, thế là Edward thành ra lép vế. Em hiểu mà nhỉ?”

Midge lại gật.

“Mà chị không hoãn mời nhà Christow được bởi cuộc cuối tuần này được lên lịch từ lâu rồi, nhưng chị cứ cảm thấy, Midge à, mọi chuyện sẽ thành ra khó khăn lắm đây. David thì ngẩng nhìn chòng chọc và cắn móng tay, rồi thì còn phải cố giữ cho Gerda thấy mình không ngoài cuộc, rồi thì John quá lỗ và Edward thân mến quá rụt rè...”

“Nguyên liệu cho món bánh pudding này nghe chừng khó hợp,” Midge lầm bầm.

Lucy mỉm cười với cô em.

“Đôi khi mọi chuyện sẽ tự nó đầu vào đấy,” bà trềnh ngâm. “Chị có mời ông thám tử đến ăn trưa hôm Chủ nhật. Cũng giúp thay đổi không khí, em nghĩ sao?”

“Thám tử à?”

“Đầu như quả trứng ấy,” bà Angkatell diễn tả. “Ông ấy từng ở Baghdad, lo việc gì đó, thời Henry còn là Cao ủy viên. Hay là sau thời đó nhỉ? Anh chị mời ông ấy đến ăn trưa cùng vài vị viên chức khác. Ông ấy đóng bộ vét trắng, chị nhớ thế, cài bông hoa hồng lên khuy áo, thêm đôi giày da đen bóng. Chị không để ý lắm vì chị không bao giờ để tâm đến chuyện ai giết ai. Thì người cũng đã mất rồi, chết vì đâu cũng đâu quan trọng nữa, cứ nhặng xị lên vì việc ấy cũng hơi ngớ ngẩn...”

“Nhưng chị có sự vụ gì ở đây phải đi đầu tra à, Lucy?”

“Ồ không, cưng ơi. Ông ấy ở trong một căn nhà miền quê ngộ lắm, kiêu mà có thanh dầm thấp ra vào không cẩn thận thì va phải đầu, hệ thống ống nước tốt, và vườn hoa thì lộn xộn. Dân London thích kiêu thế. Có một cô diễn viên cũng ở gần đó nữa. Họ không phải lúc nào cũng ở nhà như chúng ta. Dù vậy,” bà Angkatell lơ đãng đi quanh phòng, “chắc hẳn là họ thích khu này. Midge cưng, em tốt quá, giúp được bao việc.”

“Em có giúp gì được đâu.”

“Ồ thế à?” Bà Lucy Angkatell trông vẻ ngạc nhiên. “Thôi thế em ngủ ngon nhé, không phải dậy đúng giờ ăn sáng đâu, cứ ngủ thẳng giấc, không ngại bất lịch sự gì đâu.”

“Bất lịch sự?” Midge ngạc nhiên. “Sao chứ? Ồ!” cô bật cười. “Em hiểu rồi. Sâu sắc quá, chị Lucy. Có lẽ em sẽ làm theo lời chị.”

Bà Angkatell mỉm cười, ra khỏi phòng. Khi đi ngang cửa phòng tắm để mở, thấy cái ấm đun nước và bếp ga, bà chợt nghĩ ra một chuyện.

Ai cũng thích uống trà, bà biết thế, và Midge mấy tiếng sau mới dậy. Bà sẽ pha ít trà cho Midge. Bà đặt ấm lên bếp, rồi đi tiếp dọc hành lang.

Bà ngừng trước cửa phòng ông chồng, xoay nắm cửa, nhưng Sir Henry Angkatell, một viên chức rất có năng lực, quá hiểu vợ mình. Ông vô cùng yêu vợ nhưng ông không muốn bị phiền vào buổi sáng. Cửa khóa.

Bà Angkatell trở lại phòng. Bà muốn hỏi ý kiến chồng nữa, nhưng thôi để sau. Bà ra đứng trước cánh cửa sổ mở rộng một lát, rồi ngáp dài. Bà lên giường nằm, đặt đầu lên gối chừng hai phút đã ngủ say như trẻ con.

Trong nhà tắm, cái ấm nước sôi réo lên không ai nhớ...

“Lại cháy một cái ấm rồi, ông Gudgeon à,” cô hầu gái Simmons phàn nàn.

Ông quản gia già chỉ biết lắc đầu.

Ông nhận lấy cái ấm cháy đen từ tay Simmons rồi đi vào phòng chứa đồ bếp lấy ra một cái ấm mới từ tủ chén đĩa, trong đấy ông trữ sẵn hẳn nửa chục ấm.

“Đây, Simmons. Bà chủ sẽ chẳng biết được đâu.”

“Thế bà chủ thường gây ra việc như thế này ạ?” Simmon hỏi.

Ông Gudgeon thở dài.

“Bà chủ ấy mà, rất mực nhân từ tốt bụng, nhưng đáng trí lắm, cô biết đấy. Nhưng trong nhà này thì,” ông nói thêm, “tôi chắc chắn mọi thứ đều được chuẩn bị hết mức để tránh mọi sự gây bu ồn phiền lo lắng cho bà.”

Henrietta Savernake lăn tròn dải đất sét r ồi v ỗ dẹt ra để tạo hình. Cô đang thành thạo nặn đầu một cô gái.

Cô nghe, nhưng không mấy để tâm đến những lời kể lể r ờ r ỉ bên tai bằng chất giọng t ầm thường:

“R ồi tôi nghĩ, cô Savernake à, tôi nói thế là đúng chứ! Tôi bèn nói, ‘Thật sự, nếu đó là ranh giới dành cho ông!’ Bởi vì, tôi nghĩ rằng một cô gái phải biết chống lại những trò đ ầy—cô hiểu ý tôi mà nhỉ. ‘Tôi không quen nghe mấy chuyện như vậy đâu, trí tưởng tượng của ông thật bản thủi quá!’ Không ai thích nghe v ỗ mặt thế, nhưng tôi nghĩ mình phải biết chống lại chứ, phải không, cô Savernake?”

“Vâng, rõ r ồi,” Henrietta đáp, ai hiểu cô hẳn sẽ nhận ra cô không để tâm lắng nghe cho lắm.

“‘Và nếu vợ ông nói những chuyện đ ầy,’ tôi nói, thì tôi chắc là mình không nhin được đâu!’ Tôi không biết nữa, cô Savernake, nhưng hình như tôi đi đến đâu cũng xảy ra chuyện đến đ ầy, mà tôi chắc chắn là không phải lỗi ở tôi. Đ àn ông đúng là nhạy cảm quá, phải không?” Cô người mẫu rúc rích cười qu ỳến r ữ.

“Khủng khiếp,” Henrietta đáp, hơi hé mắt nhìn.

“Đẹp đ ầy,” cô t ầm nghĩ. “Một mảng ngay dưới mí mắt thật đẹp, r ồi mảng khác từ dưới đi lên, giáp với nó. Góc hàm xem chừng hơi sai... Phải làm lại chỗ đó thôi. Khó thật.”

R ồi cô đáp bằng chất giọng ấ m ấ p, đ ầy thông cảm:

“Thật khổ tâm cho chị quá.”

“Tôi biết không nên ghen tị, cô Savernake à. nói ra thì nghe hẹp hòi nữa, cô biết đấy. Nhưng đúng là phát ghen với mấy người trông xinh đẹp trẻ trung hơn tuổi thực của họ.”

Henrietta mãi chình khuôn hàm tượng, đáp qua loa, “Vâng, tất nhiên rồi.”

Nhiều năm trước, cô đã học được cách chôn sâu khóa kín tâm tư mình. Cô có thể chơi những trò cần trí nhớ, trò chuyện cân não, viết một lá thư rất chịn chu mà chỉ dùng một phần nhỏ khả năng tập trung. Giờ cô đang toàn tâm dựng nên đầu tượng Nausicaa dưới những ngón tay khéo léo, còn những lời tán gẫu rì rì đầy ác ý phát ra từ đôi môi nũng nịu kia không hề lọt vào đầu óc cô. Dù vậy cô vẫn đối đáp thoải mái. Cô đã quen với những người mẫu ưa chuyện. Mấy người chuyên nghiệp thì không thế, nhưng mẫu nghiệp dư thì không quen giữ tay chân bất động, nên giải tỏa bằng cách nói liên hồi. Thế nên ngoài mặt thì Henrietta nghe và trả lời, còn cô Henrietta *thật* ở xa, sâu tít bên trong thì đang tự nhủ “mấy thứ chuyện bỉ bôi vặt vãnh... nhưng cặp mắt đó... Thật dễ thương, dễ thương quá...”

Cô tiếp tục với đôi mắt, mặc cô người mẫu huyền thuyên. Khi nào nặn đến phần miệng rồi yêu cầu cô ấy im lặng cũng được. Thật buồn cười rằng những câu từ sắc lẹm đó tuôn ra từ bờ môi cong hoàn hảo đến vậy.

“Trời đất,” Henrietta đột nhiên phát cáu, “tôi làm hỏng cung chân mày rồi! Chuyện quái quỷ gì thế? Tôi quá nhấn chỗ xương, sắc cạnh quá, không đủ dày...”

Cô đứng lù lị, cau có nhìn bức tượng rồi so sánh với người mẫu trên bục.

Doris Saunders vẫn thao thao bất tuyệt:

“‘Đó,’ tôi nói, ‘Nếu ch ồng chị thích thì tặng tôi món quà, đâu có gì sai trái đâu,’ rồi tôi nói, ‘mà tôi nghĩ chị cũng đừng nên gợi ý gì về chuyện đó.’ Cái vòng cổ đó đẹp lắm, cô Savernake à, thấy cưng lắm, tất nhiên cái lão khom nghèo khổ đó làm gì mà mua nổi, nhưng mà được vậy cũng tử tế lắm rồi, tất nhiên tôi không bao giờ có ý trả lại món đó!”

“Ờ, ờ,” Henrietta lẩm bẫm.

“Mà thế không có nghĩa là giữa hai chúng tôi có chuyện gì đâu nhé, ý là không có gì bản thủ cả, không phải chuyện kia đâu.”

“Hắn r ồi,” Henrietta cân nhắc, “Chắc hẳn là không...”

Chân mày cô giãn ra. Trong nửa giờ tiếp theo, cô đẩy nhanh tốc độ. Đất sét văng cả lên trán, lên tóc khi cô sốt ruột đưa tay gạt ngang. Đôi mắt cô tập trung cao độ. Sắp được r ồi... cô đang phiêu...

Chỉ vài giờ nữa thôi, cô sẽ thoát khỏi sự tra tấn tích tụ suốt mười ngày nay.

Nausicaa—Cô hóa thân vào Nausicaa, cô thức dậy cùng Nausicaa, ăn sáng với Nausicaa và đi ra ngoài với Nausicaa. Cô đi hết đường này tới phố nọ trong cơn bứt rứt phấn khích, không để tâm được vào việc gì ngoài gương mặt bí ẩn tuyệt trần vẫn chưa nắm bắt được—thấp thoáng đó mà không thấy rõ. Cô đã phỏng vấn nhiều người mẫu, cân nhắc giữa các phong cách Hy Lạp, r ồi thất vọng tận cùng...

Cô muốn thấy một thứ gì đó để cô có thể bắt đầu—một thứ để làm sống dậy những hình dung tản mạn. Cô đi những chặng dài, mệt rã rời về thể chất và tâm trí sẵn sàng chấp nhận đi đâu sẽ phải đến. Thứ thôi thúc cô, ám ảnh cô, chính là cơn khao khát mãnh liệt không yên đó—phải *thấy được* gương mặt ấy.

Những khi đi như vậy, mắt cô trông mơ màng. Cô chẳng nhìn thấy gì quanh mình. Cô căng thẳng—luôn tập trung chỉ để gương mặt kia rõ ràng hơn... Cô cảm thấy mệt mỏi, bệnh hoạn, khốn khổ...

R ồi đột nhiên thị lực của cô trở lại, bằng đôi mắt trần thế, cô thấy đối diện mình, trên chiếc xe buýt mà cô nhảy lên không mục đích—cô đã thấy—phải, chính là *Nausicaa!* Gương mặt trẻ thơ thu nhỏ, đôi môi hé mở, và đôi mắt—đôi mắt trống rỗng, mơ màng ấy.

Cô gái bấm chuông r ồi ra cửa xe. Henrietta theo chân.

Giờ cô bình tĩnh và bắt đầu tính toán công việc. Cô đã có thứ mình muốn—cơn khốn khổ khi tìm người mẫu đã kết thúc.

“Xin lỗi làm phiền cô. Tôi là nhà điêu khắc chuyên nghiệp, và xin nói thật rằng dáng điệu của cô đúng là mẫu tôi đang tìm.”

Cô tỏ ra thân thiện, duyên dáng và hấp dẫn, cô rất biết làm thế mỗi khi muốn đạt được điều gì.

Doris Saunders thắc mắc, nghi ngại, đồng thời cũng thích thú vì được khen.

“Ồ, tôi cũng không biết nữa, chắc được thôi. Nếu chỉ cần đáng đầu. Tất nhiên, tôi chưa từng làm qua loại việc như vậy.”

Câu nhắc vừa phải, gợi ý thù lao tế nhị.

“Tất nhiên tôi xin phép được mời cô với mức thù lao xứng tầm mẫu chuyên nghiệp.”

Vậy là giờ Nausicaa ngồi đây, trên bục làm mẫu, thỏa mãn vì vẻ quyến rũ của mình đang được đưa vào bất tử (dù cô không mấy ưa những mẫu trong xưởng do Henrietta đã làm!) và khoái chí phơi bày bản tính thực cho một thính giả xem chừng vô cùng cảm thông và chú ý.

Trên cái bàn cạnh bục mẫu có để cặp kính mà hãn hữu lắm cô mới đeo, vì tính tự đại hão huyền, chấp nhận rằng đôi khi cô chẳng khác gì mù dờ. Cô thừa nhận với Henrietta rằng nếu không đeo kính thì cô cận nặng đến mức khó lòng nhìn thấy quá tầm cánh tay.

Henrietta gật gù thông hiểu. Giờ cô đã hiểu vì sao ánh nhìn của cô mẫu lại vô định và đáng yêu như vậy.

Thời gian cứ trôi. Đột nhiên Henrietta đặt các dụng cụ xuống và dang rộng hai tay.

“Được rồi,” cô nói. “Tôi đã xong. Mong là cô không quá mệt?”

“Không, cảm ơn cô Savernake. Chuyện này thật thú vị mà. Thế là xong hẳn rồi sao, nhanh như vậy?”

Henrietta bật cười. “À không, chưa thật sự xong đâu. Tôi còn phải gia công nhiều nữa. Nhưng đã xong phần cần mẫu. Tôi đã xong phần tạc các mặt thô.”

Cô người mẫu chậm rãi bước xuống bục. Cô đeo kính lên, và lập tức vẻ ngây thơ ngờ ngác vốn là nét duyên nơi cô biến mất. Giờ trông cô vẫn xinh đẹp nhưng tầm thường, dễ dãi.

Cô đến bên cạnh Henrietta và bức tượng.

“Ồ,” cô nghi ngại nói, ra ý thất vọng.”Cũng không giống tôi lắm, phải không?”

Henrietta mỉm cười. “Vâng, đây không phải là bức điêu khắc truyền thần.”

Thật sự không có điểm nào giống. Dáng mắt và đường xương gò má là những điểm mà Henrietta cho là quan trọng nhất trong tạo hình Nausicaa mà cô hình dung. Nhưng đây không phải là Doris Saunders, mà là nàng thơ mù lòa khơi nguồn thi ca. Đôi môi tượng hé mở vì môi Doris cũng thế, nhưng không y hệt. Đó là đôi môi cất lên thứ ngôn ngữ khác, truyền tải những nghĩ suy khác hẳn của Doris.

Chưa có nét nào rõ ràng. Đó là một Nausicaa trong ký ức, chưa được thấy...

“Chà,” cô Saunders do dự, “hẳn là nó sẽ đẹp hơn nếu cô làm thêm... vậy là cô thật không cần tôi nữa sao?”

“Vâng, cảm ơn cô nhé,” Henrietta nói (“cảm ơn Chúa,” cô tự thêm trong đầu). “Cô rất tuyệt vời, tôi thật lòng biết ơn lắm.”

Cô thành thạo xua Doris đi rồi quay vào, pha cho mình ít café đen. Cô rất mệt, mệt rã. Nhưng rất vui và nhẹ nhõm.

“Cảm ơn trời,” cô nghĩ, “giờ con lại được làm người.”

Rồi ngay lập tức cô hướng về John.

“John,” cô nghĩ. Hơi ấm lan lên gò má cô, trái tim rạo rức rộn rã.

“Ngày mai,” cô tự nhủ, “mình sẽ đến Thung Lũng... mình sẽ gặp John...”

Cô ng ẩ yên, ngả lưng ra đi-văng, uống nốt thứ chất lỏng nóng, đặc. Cô pha lượng café đủ cho ba tách đây. Sức sống tràn lại vào người cô.

Thật là dễ chịu khi trở lại làm người... và không gì khác. Thật dễ chịu khi không còn phải thấy bút rứt khốn khổ và thôi thúc. Thật dễ chịu khi không còn phải khổ sở lê bước khắp nơi, tìm kiếm đúng thứ mình cần, cấu kính và sốt ruột bởi vì thật tình cô còn không biết mình phải tìm gì! Giờ thì

tạ ơn Chúa, chỉ cần chăm chỉ là hoàn tất được tác phẩm, mà có ai ngại làm việc chăm chỉ chứ?

Cô đặt cái tách không xuống rồi trở lại với Nausicaa. Cô ngắm bức tượng một lúc, hai chân mày chậm rãi chau lại.

Không phải... Không hẳn... Không đứng ở đâu nhỉ? Đôi mắt mù lòa. Không nhìn thấy nhưng đẹp hơn mọi đôi mắt sáng... Làm người ta tan nát cõi lòng cũng bởi nỗi mù lòa... Cô đã thể hiện được hay chưa?

Cô đã làm được, phải, nhưng đồng thời cô cũng đưa vào một điểu khác. Một điểu mà cô chưa từng dự định hay ngờ tới... Dáng tượng rất đẹp, chắc chắn là thế. Nhưng cái cảm giác mơ hồ, quỷ quyệt này là từ đâu?

Cái cảm giác đâu đó tỏa ra từ một tâm trí đầy ác ý.

Cô không nghe người mẫu nói gì, không thực sự lắng nghe. Nhưng bằng cách nào đó, những lời ấy đã truyên vào tai và thông qua những ngón tay cô, đi vào dáng tượng.

Và cô biết, biết rõ, mình sẽ không thể nào làm lại lần nữa...

Henrietta quay ngoắt đi. Có khi chỉ là tưởng tượng thôi. Hẳn là vậy. Sáng nay cô đâu có cảm giác đó. Cô rầu rĩ nghĩ: “Môn nghệ thuật mới mong manh làm sao chứ...”

Vẫn chau mày, cô bước đến cuối xưởng, rồi dừng chân trước bức tượng Kẻ Tôn Sùng.

Bức ấy rất đẹp, làm từ miếng gỗ lê tốt, đánh sần vừa đủ. Cô đã để dành nó rất lâu rồi.

Cô nghiêm khắc đánh giá bức tượng. Đúng, bức này rất đạt. Rõ là vậy. Tác phẩm thành công nhất của cô suốt một thời gian dài, bức này để cho buổi Triển lãm Quốc tế. Nó xứng đáng được trưng bày.

Cô đã nắm bắt chuẩn: Vẻ nhún nhường, sức mạnh lộ lộ qua những cơ bắp ở cổ, bờ vai căng vồng, gương mặt hơi ngược—vẻ mặt không biểu cảm gì, bởi lòng sùng kính đã át đi mọi cá tính.

Phải, sự tuân phục, yêu kính—và sự tận hiến vượt xa lòng sùng bái...

Henrietta thở dài. Giá mà John lần trước đừng giận dữ như vậy.

Cơn giận của anh làm cô giật mình. Nó cho cô thấy một khía cạnh khác nơi anh mà chính anh cũng không biết, cô cho là vậy.

Hôm đó anh nói thẳng: “Em không thể đưa bức này đi triển lãm!”

Cô đáp, cũng thẳng thắn như thế: “Em sẽ làm vậy.”

Cô chậm rãi trở lại với Nausicaa. Không có gì mà cô không sửa cho đúng được. Cô xịt nước lên và bọc nó bằng tấm vải ẩm. Nó còn phải đứng đây cho đến thứ Hai hoặc thứ Ba. Không có gì phải gấp. Thời gian gấp gáp qua rồi, những mặt cơ bản đã hoàn thành. Giờ chỉ cần thêm kiên nhẫn để hoàn thiện.

Trước mắt cô là ba ngày vui vẻ cùng Lucy, Henry và Midge—và John nữa!

Cô ngáp, duỗi người như chú mèo, trông vừa quyến rũ vừa buông thả, kéo giãn từng bó cơ. Cô đột nhiên nhận ra mình mệt vô cùng.

Cô đi tắm nước ấm rồi ngủ. Nằm trên giường, cô nhìn ra một hai ngôi sao nhấp nháy bên ngoài. Rồi từ đó, mắt cô chuyển qua đốm sáng cố định trong phòng: bóng điện nhỏ hắt sáng cái mặt nạ thủy tinh, một trong những tác phẩm đầu tay của cô. Một tác phẩm ngụ ý quá rõ ràng, giờ nhìn lại, cô thấy vậy. Ấn dụ theo lối nghĩ thông thường.

May mắn thay, cô tự nhủ, cái sau khá hơn cái trước...

Giờ thì ngủ thôi! Tách cà phê đen đặc ban chiều không ảnh hưởng gì, trừ khi cô muốn mình tỉnh táo. Đã từ lâu cô đã dạy mình nhịp điệu cốt yếu để mang lại sự lãng quên tức khắc.

Cảm nhận những suy nghĩ, thả chúng khỏi tâm tư, rồi không chăm chú đào sâu mà để chúng trôi qua tâm trí, đừng nắm bắt, đừng chìm đắm, đừng để tâm... cứ thả trôi nhẹ nhàng.

Ở bên ngoài, khu Mews, có tiếng xe hơi rộ lên tăng tốc—tiếng ai la hét và cười hoang dại. Cô để những tiếng động ấy lọt vào đầu óc đang chấp chờn thức ngủ.

Xe hơi, cô nghĩ, như tiếng hồ gầm... vàng và đen, sọc vằn như sọc trên lá cây... lá cây và bóng râm... rừng nhiệt đới... con sông, dòng sông xứ nhiệt đới... đổ ra biển, con tàu xuất hiện... những giọng chào chào đang

hét chào tạm biệt... John đứng cạnh cô trên boong tàu... cô và John... trước biển xanh và cùng đi xuống phòng ăn... mỉm cười với anh, hệt như trong bữa tối tại Maison Dorée... tội nghiệp John, khi ấy giận quá!... lại trở ra bầu không khí ban đêm... chiếc xe, cảm giác trượt trên những bánh răng, dễ dàng, êm ái, lao ra khỏi London... lên tận Shovel Down... những hàng cây... lễ tế cây... Thung Lũng... Lucy... John... John... Hội chứng Ridgeway... John thân yêu...

Rồi cô trôi vào cõi thiên đường vô thức.

Rồi một cơn giật mình khó chịu, một linh cảm ám ảnh lôi cô tỉnh lại. Còn có một việc cô phải làm cho xong. Một việc cô cứ ngẩn ngừ trốn tránh.

Nausicaa?

Chậm chạp và miễn cưỡng, Henrietta bò ra khỏi giường. Cô bật đèn, đi đến giá và mở tấm vải che.

Cô hít vào một hơi. Không phải Nausicaa—Chính là Doris Saunders!

Henrietta cảm thấy nhói cả người. Cô thẫn thờ nấn nỉ chính mình, “mình sửa được, mình chỉnh được mà...”

“Ngu thật,” cô tự nhủ. “Mày quá biết mày nên làm gì mà.”

Bởi nếu không làm ngay bây giờ, ngay lập tức, thì ngày mai cô sẽ không đủ can đảm. Chẳng khác nào tự xẻ thịt róc da. Đau đấy.

Có lẽ bọn mèo cũng cảm thấy như thế này khi bọn mèo con đâm ra hung hỏn khiến con mẹ buộc phải giết chúng.

Cô hít nhanh một hơi sâu, rồi nắm lấy bức tượng nặng trĩu, lôi nó ra khỏi khuôn, vứt vào thùng đất sét.

Cô đứng đó, thở dốc, nhìn đôi bàn tay lấm lem, vẫn còn cảm thấy cơn buốt nhói ở tâm trí lẫn cơ thể. Cô chậm rãi phủ đất sét khỏi tay.

Lúc vào giường, cô cảm thấy trống rỗng lạ lùng, nhưng yên lòng.

Nausicaa sẽ không trở lại, cô buồn bã nghĩ. Nàng đã thành hình, đã bị ô uế, rồi ra đi.

“Thật quái gở,” Henrietta nghĩ, “khi nghĩ tới những thứ có thể thấm rỉ vào con người mình mà thậm chí mình còn không biết.”

Cô không lắng nghe, không thực sự để tâm nghe, thế nhưng những lời lật vạt ác ý rẻ tiền của Doris bằng cách nào đó vẫn lan vào tâm trí và vô thức ảnh hưởng đến đôi tay sáng tạo của cô.

Thứ từng là Nausicaa—Doris—giờ chỉ là tảng đất sét, thứ vật liệu thô sẽ sớm được nhào nặn thành sản phẩm mới.

Henrietta mơ màng, “Có phải cái chết chính là như vậy? Rằng thứ mà ta gọi là cá tính chẳng qua chỉ là tạo hình được nhào nặn bởi tư tưởng người khác? Mà của ai kia chứ? Đức Chúa chẳng?”

Đó là một ý tưởng, của Peer Gynt chẳng? Sống dậy từ cái muôi của Button Moulder.

“Ta ở nơi đâu, trọn vẹn, thực thà? Ta ở nơi đâu, với dấu ấn của Người trên trán?”

John liệu có cảm thấy thế chẳng? Đêm đó anh đã quá mệt mỏi, quá nản lòng. Hội chứng Ridgeway... Không có cuốn sách nào cho biết Ridgeway đó là ai! Ngu ngốc thật, cô nghĩ, mình mà lại muốn biết... Hội chứng Ridgeway.

John Christow ngồi trong phòng tham vấn, tiếp bệnh nhân áp chót trong buổi sáng hôm đó. Đôi mắt đầy cảm thông và khuyến khích của anh quan sát bà ta khi bà đang ra sức diễn tả, kể lể từng chi tiết. Chốc chốc anh gật đầu, tỏ vẻ thông hiểu. Anh đặt câu hỏi, dẫn dắt. Làn ánh sáng nhu hòa bao bọc lấy kẻ chịu khổ đau. Bác sĩ Christow thật tuyệt vời! Ông ấy thật chăm chú, hết lòng quan tâm. Chỉ trò chuyện với ông thôi đã tiếp cho người ta sức mạnh.

John Christow rút ra tờ giấy, bắt đầu viết. Nên cho bà ta uống thuốc nhuận tràng thì hơn. Cái nhãn hiệu thuốc độc quyền mới của Mỹ ấy, đóng gói đẹp, hấp dẫn, màu hồng cam lạ mắt. Tất nhiên rất đắt và khó kiếm, không phải dược sĩ nào cũng có. Có lẽ bà ta phải đi đến nhà thuốc nhỏ trên đường Wardour. Cũng là vì mục đích tốt đẹp thôi—có lẽ nên bòn bà ta hết sức trong một hoặc hai tháng gì đó rồi tính tiếp. Anh chẳng làm gì được khác cho bà. Chẳng qua là thể lực quá yếu, không cải thiện được! Không có chỗ nào để nhúng tay vào. Đâu có như mẹ già Crabtree...

Một buổi sáng chán ngắt. Có doanh thu đấy nhưng không gì khác nữa. Trời ơi, anh mệt mỏi biết bao. Ngán tận cổ các bà các cô cùng những ốm đau của họ. Giảm đau, xoa dịu—chỉ có thế. Đôi khi anh tự hỏi liệu có đáng làm thế không. Nhưng rồi anh nhớ đến nhà thờ Thánh Christopher, rồi dãy giường bệnh từ thiện dài dặc ở Margaret Russell Ward, rồi bà Crabtree cười với anh bằng nụ cười không răng móm mém.

Thế nhưng anh và bà hiểu nhau! Bà là một chiến binh, không phải như người bệnh yếu đuối nằm cạnh. Bà cùng phe với anh, bà muốn sống—dù có Chúa mới biết vì sao, khi xét tới cuộc đời cơ cực của bà. Ông chẳng say xỉn và bày con ngỗ nghịch, bản thân bà ngày này sang tháng nọ phải lau

dọn biết bao nhiêu sàn nhà và văn phòng. Quần quật triền miên mà quá ít niềm vui. Thế nhưng bà muốn sống—bà yêu sự sống—cũng như anh, John Christow, anh tận hưởng phút giây còn thở! Không phải là anh thích thú gì cụ thể trong đời, mà anh thích bản chất việc mình còn sống—sự tồn tại thuần túy. Lại lòng thật, không thể giải thích được. Anh nghĩ sẽ nói với Henrietta về điếu này, lúc nào đó.

Anh đứng dậy tiễn bệnh nhân ra cửa. Tay anh siết tay bà một cách nồng ấm, thân thiết, động viên. Giọng của anh cũng đầy khích lệ như thế, quan tâm và thông cảm. Bà khách ra về mà như đã khỏe hẳn ra, sung sướng. Bác sĩ Christow thật có tâm!

Rồi khi cánh cửa khép lại, John Christow lập tức quên bà ta, thậm chí còn không nhớ đã từng khám cho một bệnh nhân như vậy. Anh chỉ làm việc phải làm. Mọi phản xạ đều tự động, hầu như không khuấy động chút gì trên bề mặt tâm trí anh, anh còn chẳng phải gắng sức. Những gì anh làm chỉ là sự phản xạ tự nhiên của một người chữa trị, và anh cảm thấy cả người chùng xuống khi năng lượng đã tuôn ra hết.

“A trời ơi,” anh thầm nghĩ, “mình mệt quá.”

Chỉ còn phải khám cho một bệnh nhân nữa là được rảnh tay đến cuối tuần. Anh thầm thấy biết ơn. Những tán lá vàng đã điểm vệt đỏ và nâu giữa hương mùa thu âm ỉm dịu dàng—con đường xuyên qua rừng cây—lò sưởi ấm áp, Lucy, đặc biệt và duy nhất, sự tò mò của bà, trí óc sáng rực mà cũng khó nắm bắt như ngọn lửa ma trơi. Anh quý Henry và Lucy hơn bất kỳ vị chủ tiệc nào ở khắp xứ Anh này. Và Thung Lũng là nơi đem lại cho anh nhiều niềm vui thú nhất. Chủ nhật này, anh sẽ đi bộ băng qua rừng cùng Henrietta, leo lên tận đỉnh đồi. Có bạn đồng hành như vậy, anh sẽ quên tất cả mọi tha nhân ốms đau trên cõi đời này. Tạ ơn Chúa, anh thầm nghĩ, Henrietta không bao giờ có phiền phức gì cả.

Rồi đột nhiên, anh tự trào:

“Mà nàng cũng không bao giờ nói cho mình biết, dấu có!”

Hãy còn một bệnh nhân nữa. Anh phải bấm chuông trên bàn. Nhưng rồi anh do dự. Bây giờ đã trễ rồi. Bữa trưa hẳn đã dọn sẵn ở phòng ăn trên lầu. Gerda và các con đang đợi. Anh phải lên thôi.

Nhưng anh vẫn ng ồi yên. Anh mệt quá, thật quá mệt.

Cơn mệt mỗi ngày g ần đây cứ lớn dần. Nguồn cơn của nó là nỗi bứt rứt thường trực mà anh biết rõ nhưng không kiểm chứng được. Tội nghiệp Gerda, cô ấy phải chịu đựng quá nhiều. Giá mà vợ anh đừng quá nhẫn nhịn như vậy, đừng lúc nào cũng sẵn sàng nhận sai trong khi phân nửa trường hợp, thì lỗi là do anh! Có những ngày mà Gerda nói gì, làm gì anh cũng bực bội, và chủ yếu chính đức hạnh tròn vành đó của vợ khiến anh cáu, anh nghĩ một cách độc địa. Lòng nhẫn nại, không ích kỷ, lúc nào cũng chỉ chăm chăm vào công việc, khiến anh càng cáu kỉnh. Mà cô cũng không bao giờ tức giận trước thói dễ cáu của anh, không bao giờ có ý kiến riêng, càng không bao giờ cố vạch ra một ranh giới cho mình.

(Ờ, mà cũng chính vì vậy mà mình đã cưới nàng, phải vậy không? Còn phần nà n gì nữa? Sau mùa hè ấy ở San Miguel...)

Nghĩ cũng lạ, những nét tính cách của Gerda khiến anh bực bội cũng chính là những tính cách anh ước ao có ở Henrietta. Anh khó chịu (à mà không, phải dùng từ giận dữ mới đúng) trước thái độ khẳng khẳng và thẳng thắn của Henrietta trong bất cứ chuyện gì có dính dáng tới anh. Thái độ ấy rất khác với cung cách cô cư xử với phần còn lại của thế giới. Có lần anh nhận xét:

“Anh nghĩ em là kẻ nói dối giỏi nhất anh từng biết đấy.”

“Có lẽ thế.”

“Em luôn sẵn lòng nói bất cứ gì miễn là làm vui lòng người nghe.”

“Với em thì đi ều đó quan trọng hơn.”

“Hơn cả sự thật sao?”

“Hơn nhiều.”

“Thế thì vì Chúa, tại sao em không nói dối đôi chút với anh?”

“Anh muốn em làm thế sao?”

“Phải.”

“Rất tiếc, John, nhưng mà em không làm được.”

“Em hẳn thường biết anh muốn em nói gì...”

Thôi, anh không được nghĩ đến Henrietta nữa. Anh sẽ gặp cô ngay chiều mai thôi. Giờ là lúc phải tiếp tục với công việc! Phải rung chuông và tiếp tụ khách cuối cùng kia! Lại một sinh vật bệnh hoạn! Một phần bệnh thật chín phần bệnh tưởng! Kể ra thì, sao bà ta lại không được hưởng cái thú ốm đau một khi bà ta chịu chi tiền cho đi đâu đó? Như thế sẽ cân bằng với các thể loại như bà Crabtree trên đời này.

Thế nhưng anh vẫn không nhúc nhích.

Anh mệt—mệt rã. Chừng như anh đã mệt mỗi lâu lắm rồi. Anh chỉ muốn một đi ầu, muốn đến cháy bỏng.

Rồi đi ầu ấy vụt ra trong tâm trí anh: “*Mình muốn về nhà.*”

Anh ngạc nhiên với chính mình. Mong muốn ấy nảy nòi từ đâu? Có nghĩa là gì mới được? Nhà sao? Anh chưa từng có mái ấm thực sự. Cha mẹ anh là người lai Anh-Ấn, từ nhỏ đến lớn anh được chuy ền tay nuôi nấng từ hết bà cô này tới ông chú kia, mỗi dịp lễ lạt lại ở một nhà. Gia đình ổn định đầu tiên anh từng có, chính là tại căn nhà trên đường Harley này.

Nhưng anh có coi nơi đó là nhà mình? Anh lắc đầu. Anh hiểu rõ lòng mình không cảm thấy thế.

Rồi một mối tò mò thu ần túy chuyên môn nảy ra. Cụm từ vừa vụt qua đầu anh có ý nghĩa gì?

Mình muốn về nhà.

Hẳn đó là một hình tượng. Anh nhắm hờ mắt—hẳn nó gắn với *bối cảnh* nào đó.

Rồi thật rõ ràng, anh thấy sắc xanh thăm thẳm của Địa Trung Hải, những cây cọ, xương rồng và lê gai; anh ngửi thấy mùi hơi đất hun nóng dưới trời hè rực rỡ, và cả làn nước mát lịm sau khi nằm phơi nắng trên bãi biển. *San Miguel!*

Anh giật mình, hơi bối rối. Anh đã không nhớ về San Miguel nhiều năm rồi. Tất nhiên anh không muốn trở về đó. Mọi thứ nơi đó đều nằm ở một chương đã qua trong đời anh.

Đó là chuyện chừng mười hai, không, mười bốn, mười lăm năm trước rồi. Anh đã làm đúng! Anh lựa chọn hoàn toàn đúng! Anh từng yêu

Veronica điên dại nhưng không thành. Veronica sẽ nuốt trọn cả linh hồn lẫn thể xác của anh. Cô là người ích kỷ trăm phần trăm, và thắng hẳn thừa nhận đi đâu đó! Veronica thu tóm được hầu như mọi thứ cô muốn, trừ anh. Anh đã trốn thoát. Nhìn theo cách thông thường thì nói cách nào đó, anh đã cư xử không phải với cô. Nói thẳng ra là anh phụ tình cô! Nhưng thật ra anh chỉ muốn sống cuộc đời theo ý mình, mà đó là đi đâu Veronica không bao giờ cho phép. Cô muốn sống cuộc đời theo ý cô, trong đó có John theo cùng.

Khi xưa cô kinh ngạc khi anh từ chối đi Hollywood cùng cô.

Cô khinh khỉnh nói:

“Thì nếu anh thật sự muốn làm bác sĩ, anh có thể qua đó rồi thi lấy bằng, nhưng mà làm thế khá dư thừa. Anh có đủ tiền để sống khỏe mà, hơn nữa em sẽ kiếm được cả núi tiền.”

Anh quyết liệt đáp:

“Nhưng anh đam mê công việc của mình. Anh sẽ cộng tác với *Radley*.”

Giọng nói trẻ trung, nhiệt huyết của anh khi ấy, khiến người ta phải kiêng nể.

Veronica khịt mũi.

“Cái ông già nực cười khó chịu đó hả?”

“Cái ông già nực cười khó chịu đó,” John tức giận nói, “là tác giả của một trong những công trình nghiên cứu giá trị nhất về chứng bệnh Pratt...”

Cô ngắt lời anh: Ai buồn quan tâm tới chứng Pratt gì đó chứ? California có thời tiết tuyệt vời, cô nói. Nhìn ngắm thế giới rộng mở rất vui mà. Cô nói thêm: “Em ghét sống thiếu anh lắm. Em muốn anh, John à, em cần anh.”

Rồi trước sự ngạc nhiên của Veronica, anh đưa ra lời đề nghị của mình, rằng cô hãy từ chối lời mời từ Hollywood, kết hôn cùng anh, và cả hai đi London lập nghiệp.

Đáp lại, cô chỉ thấy buồn cười và không hề lay chuyển. Cô sẽ đi Hollywood, cô yêu John, thế nên John phải cưới cô và đi cùng cô. Cô không hề nghi ngờ nhan sắc và mị lực của mình.

John thấy mình chỉ còn một lựa chọn duy nhất, và anh đã chọn. Anh viết cho cô tờ giấy hủy hôn.

Anh đã chịu đựng rất nhiều, nhưng không hề nghi ngờ sự đúng đắn của con đường mình đã chọn. Anh trở về London, làm việc cùng Radley và một năm sau anh cưới Gerda, một người trái ngược Veronica về mọi mặt...

Cửa chợt mở, cô thư ký Beryl Collins bước vào.

“Anh vẫn còn một bệnh nhân là bà Forrester ạ.”

Anh đáp ngắn gọn, “tôi biết.”

“Tôi cứ nghĩ anh quên mất.”

Cô đi ngang phòng và ra bằng cửa bên kia. Đôi mắt anh dõi theo dáng cô lặng lẽ rút lui. Một cô gái giản dị, nhưng làm việc vô cùng hiệu quả. Anh đã thuê cô được sáu năm. Cô chưa bao giờ mắc lỗi, chưa bao giờ thất thường, lo lắng hoặc hấp hấp. Cô có mái tóc đen, nước da xin xỉn và khuôn cằm vuông quả quyết. Đằng sau cặp kính dày, đôi mắt xám trong trẻo của cô quan sát anh và cả vũ trụ này bằng cùng một vẻ thờ ơ như thế.

Anh muốn thuê một người thư ký giản dị, không làm đi đâu thừa thãi phiền phức, và anh được như nguyện, thế mà đôi khi, John Christow lại vẫn thấy phiền lòng! Theo như kịch bản thường thấy trong văn chương và sân khấu, thì cô gái như Beryl hẳn phải vô cùng say mê ông chủ chứ. Nhưng anh luôn biết mình chẳng mảy may tác động gì được đến cô. Không say mê, không dâng hiến gì hết—Beryl chỉ coi anh là một người bình thường có khiếm khuyết. Cô đứng dưng trước cá tính của anh, vẻ quyền rũ của anh. Đôi lúc anh còn không biết cô có quý mến mình không.

Có lần anh nghe cô nói chuyện điện thoại với bạn.

“Không,” cô nói, “tôi nghĩ không phải anh ta ích kỷ hơn trước nhiều đâu. Chẳng qua có lẽ là vô tâm và khinh suất hơn đấy thôi.”

Anh biết cô nói về mình, suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, anh cứ bần lòng về chuyện đó.

Sự ân cần của Gerda với mọi thứ làm anh bực bội, mà thái độ lạnh nhạt của Beryl cũng làm anh cáu kỉnh nốt. Thật tình, anh nghĩ, chuyện gì cũng làm mình bực...

Có gì đó không ổn. Làm việc quá sức chẳng? Có lẽ vậy. Không, đó là cái có mà thôi. Sự bần chần ngày càng tăng này, sự mệt mỏi bứt rứt này hẳn đến từ nguyên do sâu xa hơn. Anh nghĩ: “Thế này không được. Mình không thể tiếp tục như vậy. Có chuyện gì thế này? Giá mà mình có thể ra đi...”

Một lần nữa—ý nghĩ mơ hồ đó nảy lên, lướt qua đầu, nhập với ý nghĩ bỏ trốn đang manh nha hình thành.

Mình muốn về nhà...

Mẹ kiếp, nhưng số 404 đường Harley này là nhà anh!

Bà Forrester vẫn đang ngồi chờ ngoài sảnh. Một người đàn bà rầy rà, có quá nhiều tiền và quá dư thời gian rảnh để nghĩ đến những bệnh đau vụn vặt.

Có người từng nói với anh: “Anh hẳn sẽ rất mệt mỏi với những bệnh nhân giàu có cứ luôn nghĩ mình đau bệnh. Thật dễ chịu khi khám cho người nghèo, họ chỉ tới khi họ thực sự có bệnh!” Khi đó anh cười. Thật ngộ nghĩnh, những đi đâu mà người ta nghĩ về Người Nghèo, chữ Nghèo viết hoa. Đúng ra họ nên gặp bà Pearstock, người khám ở năm phòng khám liền, đầu đặn mỗi tuấn, mang về chai chai lọ lọ, nào là dầu xoa lưng, syrup trị ho, thuốc nhuận tràng, thuốc trợ tiêu hóa nói chung. “Suốt mười bốn năm qua tôi toàn dùng thuốc viên màu nâu, thưa ông bác sĩ, chỉ có thứ ấy là tôi thấy công hiệu. Tuấn trước vị bác sĩ trẻ kê cho tôi loại thuốc màu trắng kia. Không ích gì cả! Thuốc kia còn bán là phải có lý do chứ, phải không bác sĩ? Tôi đã dùng loại thuốc viên nâu mười bốn năm nay, nếu mà không có paraffin lỏng cùng với thuốc viên nâu...”

Anh như đang nghe bên tai cái giọng rên rỉ ấy, rất khỏe, vang như chuông, chừng ấy thuốc men bà dùng chừng như chẳng gây hại gì đến bà cả!

Mấy người bọn họ đều như nhau cả, bà Pearstock ở Tottenham cho đến bà Forrester ở Park Lane Court. Cứ lắng nghe rĩ viết thẩu một đơn thuốc đắt kinh người trên tờ giấy, hoặc trên phiếu thuốc bệnh viện, tùy từng trường hợp...

Chúa ơi, anh quá mệt với tất cả những việc này...

Biển xanh, mùi hoa mimosa ngọt nhẹ, làn hơi đất nóng hôi...

Mười lăm năm trước. Mọi thứ đã qua và đã xong, phải, đã xong, cảm ơn trời đất. Anh đã có đủ can đảm bắt đầu công việc này.

Can đảm sao? Con quỷ nhỏ trong anh thì thầm hỏi. Anh gọi đó là sự can đảm sao?

Ừ thì, anh đã lựa chọn hợp lý, phải vậy không? Cuộc chia tay thật đau đớn. Mẹ kiếp, tưởng như sa địa ngục! Nhưng anh đã vượt qua nó, cắt đứt mọi dây dưa, trở về nhà, và cưới Gerda.

Anh đã thuê một cô thư ký giản dị và cưới một người vợ giản dị. Anh muốn vậy mà, phải không? Anh đã quá ngán mỹ nhân, đúng chứ? Anh đã chứng kiến những người như Veronica có thể làm gì với nhan sắc của mình — đã chứng kiến sức ảnh hưởng của nó đối với mọi người đàn ông trong tầm nhìn. Sau Veronica, anh chỉ muốn an toàn. An toàn và bình yên, lòng trung thành tận tụy và sự yên tĩnh nữa, những đi đâu lâu dài trong cuộc sống này. Thật sự, anh muốn Gerda! Anh muốn một người sống xoay quanh mình, chấp nhận những quyết định của anh mà sẽ không bao giờ có, dù chỉ trong chốc lát, bất kỳ ý muốn cá nhân nào...

Ai từng nói rằng người có được mọi thứ mình muốn trên đời là bi kịch thực sự đấy nhỉ?

Anh bực bội nhấn chuông trên bàn.

Anh sẽ xử lý bà Forrester.

Anh mất mười lăm phút là xong. Một lần nữa, kiểm tra lại quá dễ. Một lần nữa, anh lắng nghe, hỏi han, trấn an, tỏ lòng thông cảm, truy vấn cho bà một chút năng lượng chữa lành từ anh. Một lần nữa, anh kê cho bà đơn thuốc đắt đỏ.

Người đàn bà lo âu yếu ớt lê bước vào phòng khám, và bước ra bằng những bước đi vững vàng, màu hồng trở lại đôi gò má của bà, cùng cảm giác cuộc đời này, sau tất cả, cũng đáng mà sống tiếp.

John Christow ngả người ra ghế. Giờ anh được rảnh rỗi, đã có thể lên lầu cùng Gerda và bọn trẻ — đã được giải thoát khỏi những bận tâm về các thể loại bệnh tật đau đớn trong suốt kỳ nghỉ cuối tuần.

Nhưng anh vẫn thấy sự miễn cưỡng bất thường khi phải cử động, một trạng thái uể oải kỳ quặc từ trong tinh thần.

Anh mệt, mệt, mệt quá...

Ở phòng ăn trong căn hộ bên trên phòng khám, Gerda Christow nhìn chăm chăm vào tảng thịt cừu.

Cô có nên đưa nó xuống phòng bếp để hâm lại không?

Nếu John còn chưa lên nữa thì nó sẽ nguội đi, cứng lại, thế thì dở lắm.

Nhưng mà bệnh nhân cuối cùng đã về rồi, John sắp lên đến nơi, nếu cô đưa nó đi hâm lại thì bữa trưa sẽ trở mất—John vốn rất hay mất kiên nhẫn. “Nhưng chắc hẳn em phải biết là anh sắp lên...” Cô rất biết và sợ cái ngữ điệu cáu kỉnh kìm nén đó của chồng. Hơn nữa, nếu nướng lại thì miếng thịt sẽ khô đi vì quá lửa, John vốn ghét món thịt bị quá lửa.

Nhưng anh cũng ghét đồ ăn nguội nữa.

Hiện giờ thì món ăn đang nóng ngon vừa độ. Cô cứ lưỡng lự tới lui, càng lúc càng thấy lo lắng khổ sở.

Cả thế giới thu nhỏ lại bằng một cái đũa cừu đang nguội dần trên đĩa.

Ở phía đối diện bàn, cậu con trai Terence đang ngủ rồi, năm nay cậu mười hai tuổi.

“Muối boric cháy cho ra ngọn lửa màu xanh, muối natri thì ngọn lửa vàng,” cậu nói.

Gerda lơ đãng ngược nhìn gương mặt vuông, lấm tấm tàn nhang của con trai. Cô chẳng hiểu nó vừa nói gì.

“Mẹ biết chuyện đó không mẹ?”

“Biết gì hả cưng?”

“Về các loại muối ấy.”

Gerda bất giác liếc nhìn hũ muối trên bàn. Ừ, muối và tiêu đều đầy đủ cả. Mọi thứ đều vào đó. Tuần trước Lewis lỡ quên, thế là John bực mình. Luôn luôn có gì đó khiến anh ấy bực mình...

“Đó là một câu trong bài kiểm tra môn Hóa,” Terence mơ màng nói tiếp. “Thú vị lắm, con nghĩ thế?”

Zena, cô con gái chín tuổi với gương mặt thơ ngây xinh xắn, mè nheo:

“Con muốn ăn. Mình ăn liền được không mẹ?”

“Chờ chút đi con, mình phải chờ cha lên.”

“Mẹ con mình cứ ăn trước đi,” Terence năn nỉ. “Cha không giận đâu mà. Mẹ biết cha ăn nhanh cỡ nào mà.”

Gerda lắc đầu.

Hay là cắt thịt ra? Nhưng cô không nhớ nên cắt theo thứ nào. Tất nhiên, có thể bà bếp Lewis đã đặt miếng đùi trên đĩa vừa chiều tay cắt rỗi, nhưng có khi không, mà John thì luôn cáu kỉnh nếu cắt sai. Mà, Gerda nhớ lại đây tuyệt vọng, lúc nào cô làm cũng sai hết. Ôi trời ơi, nước xốt nguội ngắt rỗi, bắt đầu đóng màng kia, cô phải đem nó xuống bếp thôi, nhưng mà John sắp lên, chắc chắn là sắp lên tới rỗi.

Những ý nghĩ trong đầu cô cứ khốn khổ quanh đi trở lại... như con thú sập bẫy.

Vẫn ng ã dựa ra ghế trong phòng khám, tay gõ gõ cái bàn trước mặt, biết rằng trên lầu, bữa trưa hẳn đã sẵn sàng, nhưng John Christow vẫn chưa thể bắt mình đứng dậy nổi.

San Miguel... biển xanh... mùi hoa mimosa... con bọ cánh tím vo ve bay lên đám lá xanh... mặt trời nóng bỏng... mùi đất... nỗi tuyệt vọng của tình yêu và nỗi đau...

Anh th ãn nghĩ: “Ôi trời ơi, không phải chứ. Đừng nữa! Đã qua r ãi mà...” .

Anh ước gì tự nhiên mình thành ra chưa từng quen Veronica, chưa từng cưới Gerda, cũng chưa từng gặp Henrietta...

Bà Crabtree đáng giá hơn họ nhiều lần. Tuần trước, có một buổi chiều bệnh tình bà trở nặng. Khi đó anh đang rất hài lòng với phản ứng thuốc. Giờ bà đã chịu được mức .005. Rồi đột nhiên độc tính tăng đến mức báo động, và phản ứng DL cho ra kết quả âm tính thay vì dương tính.

Bà già gân năm đó, xanh tím tái, hít thở hỗn hển—liếc nhìn anh bằng đôi mắt độc địa, kiên cường.

“Coi tôi như con chuột lang hử, cậu trẻ? Thí nghiệm thuốc, kiểu thế.”

“Chúng tôi chỉ muốn giúp bà khỏe lại thôi mà,” anh nói, mỉm cười nhìn bà.

“Chơi lắt léo nhỉ!” Đột nhiên bà cười. “Mà cũng chẳng sao đâu, Chúa phù hộ cho cậu. Cứ tiếp tục đi, bác sĩ! Thì cũng phải có người thử đầu tiên chứ, hả? Có lần tui uốn tóc, hồi còn nhỏ. Cực dữ lắm. Không thể cầm lược vào tóc mà chải. Nhưng mà, tôi thấy chuyện đó vui. Thế thì giờ cũng để bác sĩ thử cho vui vậy. Tôi chịu được.”

“Bà thấy không khó chịu lắm, đúng không?” Anh đưa tay bắt mạch. Sức sống tràn từ anh qua bà lão đang thở dốc trên giường.

“Đau lắm. Bác sĩ gần được rồi! Không theo đúng dự định ban đầu, hả? Đừng lo. Đừng mất tinh thần. Tôi chịu được dai lắm, thật đó!”

John Christow khen thật lòng:

“Bà khỏe lắm. Tôi ước mọi bệnh nhân của tôi đều như bà.”

“Vì tôi muốn khỏe lại mà! Tôi muốn khỏe mạnh. Mẹ tôi thọ những tám mươi tám, bà ngoại thì chín mươi mới đi. Gia đình tôi đều sống thọ cả.”

Lúc rời đi, anh thấy dẫn dắt, khổ sở vì nghi ngờ và mất lòng tin vào bản thân. Anh khá chắc mình đang đi đầu trị đúng hướng. Thế sai ở đâu? Làm sao để giảm độ độc và tăng nồng độ hormone, đồng thời trung hòa lượng pantratin?...

Anh đã quá kiêu ngạo, anh cứ ngỡ rằng mình đã lường chặn trước mọi tình huống xấu..

Rồi ngay tại bậc thềm bệnh viện Thánh Christopher, cơn rã rời tuyệt vọng đột nhiên ập tới—anh chợt cảm ghét cái nghề chữa chạy mệt mỏi, dài đằng dặc và chậm chạp này, anh nghĩ tới Henrietta, không phải cụ thể về

con người cô, mà vẻ đẹp, sự trẻ trung tươi tắn, sức sống rạng rỡ ở cô— và cả hương anh thảo phảng phất trên tóc cô nữa.

Thế rồi anh đi thẳng đến chỗ Henrietta, chỉ nhấn một tin nhắn gọn về điện thoại nhà rằng anh bận việc. Anh đi tới xưởng sáng tác và ôm chặt Henrietta trong tay, ghì siết lấy cô vượt khỏi mức thân mật khi đó giữa hai người.

Henrietta thoáng giật mình. Cô lùi khỏi vòng tay anh, rồi pha ít café mời anh. Khi trở lại xưởng, cô hỏi anh hàng loạt câu chẳng liên quan gì đến nhau. Có phải anh đến thẳng đây từ bệnh viện?

Anh không muốn nói về bệnh viện. Anh muốn làm tình với cô và quên hết bệnh viện, bà Crabtree, Hội chứng Ridgeway lẫn tất tậ mọi thứ khác trên đời.

Nhưng rồi anh cũng trả lời cô, ban đầu miễn cưỡng, sau lưu loát dần. Lát sau anh đã đi qua đi lại, tuôn ra hàng tràng giải thích và phỏng đoán. Thỉnh thoảng anh ngừng lời, cố chọn cách nói cho dễ hiểu:

“Em biết đấy, cái phản ứng đó phải...”

Henrietta đáp nhanh:

“Vâng, phải, phản ứng DL phải dương tính. Em hiểu, anh nói tiếp đi.”

Anh sắc giọng, “Sao em biết về phản ứng DL?”

“Em có cuốn sách...”

“Cuốn nào? Ai viết?”

Cô chỉ tay về cái bàn viết nhỏ. Anh khịt mũi.

“Scobell à? Scobell thì biết gì. Ông ta mắc sai lầm cơ bản. Đây, nếu em muốn đọc, thì đừng...”

Cô ngắt lời anh.

“Em chỉ muốn hiểu những thuật ngữ anh dùng thôi, để anh không phải cứ chốc chốc lại dừng chuyện mà giải thích cho em. Anh nói tiếp đi, em theo kịp.”

“Ừ,” anh nói đầy nghi ngờ, “nhớ rằng Scobell không ra sao đâu.”

Rồi anh nói tiếp. Liên tục hai tiếng rưỡi đồng hồ. Cân nhắc những điểm chưa được, phân tích các khả năng, bàn về những giả thuyết khả dĩ. Anh không mấy để ý đến sự hiện diện của Henrietta nữa. Và hơn một lần, khi anh ngập ngừng, thì trí óc nhanh nhạy của anh hướng anh nói tiếp, cô gần như đoán được trước anh sẽ ngập ngừng ở đoạn nào. Giờ anh lại bừng bừng hứng thú, sự tự tin từ từ trở lại. Anh đúng, lý thuyết chính không sai, còn có nhiều cách khác để giảm lượng độc tố.

Rồi tự nhiên, anh lại mệt rũ. Giờ mọi chuyện đã rõ ràng. Anh sẽ tiếp tục vào sáng mai. Anh gọi cho Neill, dặn anh ta phối trộn hai dung dịch và cho dùng thử. Phải, thử nghiệm. Vì Chúa, anh sẽ không bị đánh bại.

“Anh mệt,” anh nói cộc lốc. “Lạy Chúa, anh mệt quá.”

Rồi anh nằm vật xuống, ngủ như chết.

Khi tỉnh dậy, anh thấy Henrietta mỉm cười với anh dưới ánh nắng sáng, đã pha sẵn trà, và anh mỉm cười đáp lại.

“Không theo đúng kế hoạch chút nào,” anh nói.

“Đi đâu đó có quan trọng không?”

“Không, không. Em thật tuyệt vời, Henrietta.” Anh liếc mắt về phía kệ sách. “Nếu em quan tâm đến những chủ đề này, anh sẽ lựa mấy cuốn phù hợp cho em.”

“Em không quan tâm mấy thứ này. Em quan tâm anh, John à.”

“Em không được đọc sách của Scobell.” Anh rút một cuốn ra. “Thằng cha này là lang băm.”

Cô phá lên cười. Anh không hiểu vì sao lời chỉ trích của anh với Scobell lại khiến cô buồn cười đến thế.

Nhưng đó chính là những đi đầu mà, đôi khi, khiến anh phải giật mình về Henrietta. Những hé lộ bất ngờ, khiến anh bối rối, rằng cô có thể cười anh như thế.

Anh không quen đi đầu này. Gerda lúc nào cũng đàng hoàng nghiêm chỉnh trước mặt anh. Còn Veronica thì không bao giờ bận tâm về đi đầu gì khác ngoài chính cô. Nhưng Henrietta thì có cái kiêu ngạo đầu ra sau, quan sát anh qua đôi mắt khép hờ, miệng nhếch cười hơi châm biếm mà dịu dàng,

như thế đang nói: “Nào hãy ngắm cho kỹ anh chàng tức cười tên John này xem... Lùi ra xa chút mà ngắm anh chàng nào...”

Hệt như khi cô nheo mắt ngắm nghía tác phẩm vừa khắc xong, hoặc một bức tranh, anh nghĩ thế. Cái kiểu đó, chết tiệt thật, rất là khách quan. Anh không muốn Henrietta như thế. Anh muốn cô chỉ nghĩ về anh, không sao lãng khỏi anh.

(“Thế mà Gerda như thế thì người lại khó chịu,” con quỳ nhỏ trong anh nháy ra.)

Đúng là anh tự mâu thuẫn. Anh còn không biết mình muốn gì.

(“*Mình muốn về nhà.*” Thật phi lý, thật nực cười. Câu đấy chẳng mang ý nghĩa gì cả)

Trong suốt chừng một tiếng đồng hồ, anh sẽ lái xe ra khỏi London—để quên đi những người bệnh với thứ mùi bệnh tật chua chua đặc trưng... để ngửi mùi khói củi và gỗ thông và mùi lá ẩm mùa thu dịu dịu... chuyển động của xe hơi hẳn là êm ái, tăng ga mượt mà êm ru.

Nhưng không, anh đột nhiên bừng tỉnh. Vì anh bị căng cổ tay nhẹ nên Gerda phải cầm lái, mà vì Chúa, Gerda chẳng bao giờ biết thực sự lái xe cho tử tế! Cứ mỗi lần cô vào số là anh phải im lặng, nghiêng rặng, cố nhịn không nói gì, bởi anh biết, từ kinh nghiệm cay đắng trước đây, hễ anh lên tiếng là Gerda sẽ còn lái tệ hơn nữa. Thật lạ rằng chưa từng có ai dạy được cho Gerda cách sang số đúng đắn, kể cả Henrietta. Anh từng giao vợ cho Henrietta chỉ dẫn, nghĩ rằng sự nhiệt tình của cô hẳn sẽ đưa lại kết quả tốt hơn thói cẩu thả của mình.

Mà cũng vì Henrietta thích xe cộ. Cô nói về xe hơi say sưa tình cảm như thể người ta tả mùa xuân, hay trận tuyết đầu mùa.

“Cậu chàng đẹp quá phải không John? Cứ kêu rì rì thế?” (Với Henrietta, xe hơi luôn là giống đực.) “Chàng ta leo đống Bale khi gài số ba nhé, không khó khăn chút nào, nhẹ như không. Anh nghe thử tiếng máy chạy không đầu thế này.”

Cứ thế, cho đến khi anh nổi giận bật ra:

“Henrietta, em không thấy nên chú tâm hơn vào anh và quên phứt con xe vớ vẩn đó một phút hả!”

Anh luôn xấu hổ vì những cơn bùng nổ đó.

Anh không biết chúng ập tới với mình khi nào.

Đối với công việc của cô cũng vậy. Anh biết công việc của cô đang trôi chảy. Anh ngưỡng mộ nó và đễng thời cũng ghét nó.

Trận tranh cãi nảy lửa nhất giữa cô và anh cũng do công việc.

Gerda có lần nói với anh:

“Henrietta mời em ng ễ mẫ cho cô ấy.”

“Gì chứ?” Ngẫ lại, sự ngạc nhiên của anh khi ấy không hề có vẻ chúc mừng hay khen ngợi. _“Em_ ấy hả?”

“Vâng. Ngày mai em sẽ sang bên xưởng của cô ấy.”

“Nhưng cô ấy muốn em làm gì mới đợc chứ?”

Đúng là anh không lịch sự lắm. May là Gerda không nhận ra. Cô trông có vẻ khá hài lòng.

Anh ngờ rằng Henrietta, do sự tử tế không thật lòng của mình, đã đễng ý vì Gerda có lẽ ng ễ bóng gió rằng cô cũng muốn làm người mẫ. Đại loại thế.

R ễ mười ngày sau, Gerda hơn hỏ khoe với anh một bức tượng thạch cao nhỏ.

Bức tượng rất xinh, khéo về mặt kỹ thuật, như những tác phẩm khác của Henrietta. Bức ấy lý tưởng hóa hình ảnh Gerda, nên Gerda rõ là hài lòng về nó.

“Em nghĩ nó khá là duyên dáng, John à.”

“Đó là tác phẩm của Henrietta sao? Nó không mang ẫ dụ gì cả, hoàn toàn không. Anh không biết sao cô ấy lại làm ra một món thế này.”

“Tất nhiên nó khác với những tác phẩm trờu tượng của cô ấy, nhưng em nghĩ nó đẹp, John à, thật lòng thế.”

Anh không nói gì thêm để khỏi làm vợ mất vui, nhưng anh hỏi Henrietta ngay khi có dịp.

“Em làm cái tượng gỗ ngăn đó cho Gerda để làm gì? Nó không giá trị gì với em cả. Em thường cho ra tác phẩm cũng khá mà.”

Henrietta chậm rãi đáp:

“Em nghĩ bức đó không tệ. Gerda có vẻ rất thích mà.”

“Gerda thì vui rồi. Hẳn phải thế. Cô ta còn không phân biệt được tranh vẽ với ảnh chụp màu cơ mà.”

“Đó không phải là một tác phẩm nghệ thuật xấu, John à. Đó là tượng chân dung, vô hại, và không phô trương, ra vẻ gì cả.”

“Em thường đâu có phí thời gian cho những món như vậy...”

Anh ngưng ngang, nhìn chằm chằm vào bức tượng gỗ cao hơn thước rưỡi. “Này, cái gì đây?”

“Món đó là dành cho Triển lãm Quốc tế, Bằng gỗ lê. Kẻ Tôn Sùng.”

Cô quan sát anh. Anh nhìn kỹ hơn, rồi thỉnh thoảng, cô anh phồng lên, anh giật dử quay sang cô.

“Thế nên em cần Gerda cho chuyện này đấy hả? Sao em dám thế?”

“Không biết anh thấy gì...”

“Thấy hả? Tất nhiên anh thấy! Ngay đây.” Anh trở ngón tay vào lớp cơ cổ thô dày.

Henrietta gật đầu.

“Phải, em muốn bờ vai và cổ như vậy, dáng vẻ nghiêng về trước nặng nề như thế, sự tuân phục, nhìn xuống. Thật tuyệt diệu!”

“Tuyệt diệu hả? Nhìn đây Henrietta, anh không đồng ý. Em phải để cho Gerda được yên.”

“Gerda đâu có biết. Không ai biết cả. Gerda không thể nào nhận ra cô ấy trong bức tượng này, cũng như những người khác. Mà đây *không phải* là Gerda. *Chẳng là ai hết.*”

“Thế nhưng *anh* nhận ra, phải chứ?”

“Anh thì khác mà, John, anh... nhìn thấu.”

“Em nhìn gò má chết tiệt đó kìa! Anh không chấp nhận, Henrietta! Không thể! Em không thấy đây là chuyện không thể nào lấp liếm được hay sao?”

“Phải vậy không?”

“Em không biết sao? Em không *cảm thấy* sao? Sự nhạy cảm ngày thường của em đâu rồi?”

Henrietta chậm chạp đáp:

“Anh không hiểu, John à. Em chắc không bao giờ nói cho anh hiểu được... Anh không biết muốn tha thiết một thứ là như thế nào đâu, nhìn nó ngày này qua ngày nọ, đường nét cái cổ, những cơ bắp đó, góc đầu khi ngược nhìn lên, sự nặng nề vượt tròn khuôn hàm. Em đã tìm kiếm chúng, mong muốn chúng... rồi cứ mỗi lần em thấy Gerda... Cuối cùng em đã tìm được!”

“Thật vô liêm sỉ!”

“Phải, có lẽ vậy. Nhưng khi anh mong muốn đi đâu gì đến thế, thì anh phải có cho được.”

“Ý em là em không thêm quan tâm đến bất kỳ ai khác. Em không quan tâm Gerda...”

“Đừng có ngốc thế, John. Chính vì vậy mà em làm bức tượng kia còn gì. Để làm vui lòng Gerda, để cô ấy được hạnh phúc. Em đâu có bất nhân thế.”

“Từ đó mô tả em chính xác đấy.”

“Thành thật mà nói, anh có nghĩ Gerda nhận ra được chính mình trong bức này không?”

John miễn cưỡng nhìn lại cái tượng. Lần đầu tiên, cơn oán giận của anh phải tạm lui trước lòng hứng thú. Một dáng hình nhẵn nhụi lạ lùng, đang tỏ lòng tôn kính trước một đấng thánh thần khuất mặt—gương mặt ngược lên, mù lòa, lặng câm, hết lòng—rất mạnh mẽ, đầy sùng mộ. Anh nhận xét:

“Em làm ra một thứ khủng khiếp quá, Henrietta!”

Henrietta thoáng run lên.

“Vâng, em nghĩ rằng...”

John ngắt ngang:

“Thế cô ta đang nhìn ai đó? Ai ở trước mặt cô ta?”

Henrietta do dự. Rồi cô trả lời, trong giọng cô có nét nhấn nhá kỳ dị:

“Em không biết. Nhưng em cho rằng... có lẽ cô ấy đang nhìn anh đó, John.”

Trong phòng ăn, cậu bé Terry lại khoe kiến thức khoa học tiếp.

“Muối chì dễ tan trong nước lạnh hơn là nước nóng. Nếu cho thêm potassium iodide thì sẽ thu được kết tủa màu vàng của chì iodide.”

Cậu ngược mắt nhìn mẹ đầy trông mong, nhưng không thực sự hy vọng gì. Trong đầu óc của nhóc Terence, buồn thay, các bậc cha mẹ đều đáng thất vọng.

“Mẹ có biết đi đâu đó không hở mẹ?”

“Mẹ không biết gì về môn hóa học cả, cưng ạ.”

“Thì mẹ có thể đọc sách mà,” Terence nói.

Một câu đơn giản, nhưng có ý nuôi tiếc trong đó.

Gerda không nghe ra ẩn ý kia. Cô vẫn đang chìm đắm trong lo lắng khổ sở. Cứ lặp đi lặp lại mãi. Cô thấy khốn khổ từ giây phút mình thức dậy sáng nay và nhớ ra rằng có cả một cuối tuần dài đằng đẵng đáng sợ với nhà Angkatell đang chờ đón cô phía trước. Khi ở Thung Lũng, lúc nào cô cũng thấy như ác mộng. Cô luôn luôn thấy bối rối và trợ trọi. Cô sợ nhất là Lucy Angkatell với những câu chuyện liên hồi không dứt, sự đổi chủ đề nhanh chóng không theo logic gì cả, và cả cố gắng lộ liễu của bà để bày tỏ sự tử tế. Những người khác cũng không hơn gì. Đối với Gerda, đó là hai ngày đọa đày thực sự, mà cô phải chịu đựng vì John.

Cũng sáng hôm đó, khi thức dậy John đuổi người và nói với vẻ hài lòng rõ rệt:

“Thật tuyệt khi nghĩ đến kỳ nghỉ cuối tuần tại miền quê. Chuyện đó sẽ có lợi cho em, Gerda à, đúng thứ em cần.”

Cô mỉm cười máy móc và đáp với vẻ dửng dưng cảm xả thân: “Hắn sẽ vui lắm ạ.”

Đôi mắt buồn bã của cô vợ vẫn lướt qua phòng ngủ. Giấy dán tường màu kem có một vết đen đen gần tủ áo, bàn trang điểm bằng gỗ gụ với tấm gương bị chĩnh nghiêng về trước quá nhiều, tấm thảm màu xanh rực rỡ, bức tranh màu nước vẽ Lake District. Mãi cho đến thứ Hai tuần sau, cô mới lại được thấy những thứ thân thương quen thuộc này.

Ngày mai, một người hầu gái sẽ vội vã đi vào căn phòng ngủ xa lạ, đặt khay đựng trà sáng cuối kỳ gần giường và kéo rèm cửa, sắp xếp và gấp lại quần áo của Gerda—khiến cô thấy nóng nực và không thoải mái. Cô sẽ nói dối một cách khốn khổ, chịu đựng hết những chuyện đó, cố tự trấn an bằng cách tâm niệm “chỉ còn một buổi sáng nữa thôi.” Cứ như hồi còn đi học, đếm từng ngày cho qua.

Gerda không vui về gì với đời sống học đường. Trường học là nơi có nhiều điều bất an hơn bất kỳ đâu. Ở nhà thì đỡ hơn. Nhưng kể cả trong nhà cô cũng không hạnh phúc lắm, bởi tất cả mọi người đều nhanh nhẹn và thông minh hơn cô, dĩ nhiên là vậy. Những lời nhận xét của họ vội vã, sốt ruột, không dịu dàng cho lắm, cứ rít bên tai cô như cơn mưa đá. “Ồi, nhanh chóng lên, Gerda!” “Đồ hậu đậu, đưa cái đó đây!” “Thôi đừng để Gerda làm chuyện đó, biết bao giờ mới xong!” “Gerda chẳng bao giờ làm được gì...”

Chẳng lẽ họ đều không nhận ra, nói như thế chỉ khiến cô chậm chạp và trì độn hơn? Cô cứ ngày càng kém cỏi, ngày càng vụng về, ngày càng chậm trí, đến mức chỉ biết nhìn trân trân chờ đợi trước mọi điều người ta nói với cô.

Rồi đột nhiên, tới một lúc, cô tìm ra cách giải thoát. Thật sự cô tìm được vũ khí tự vệ của mình một cách ngẫu nhiên.

Cô càng lớn càng chậm chạp, ánh nhìn càng trống rỗng. Nhưng giờ, mỗi khi có ai sốt ruột giục giã: “Trời ơi Gerda, sao mà ngốc thế, em không hiểu chuyện đó hay sao?” Thì đằng sau biểu cảm chờ đợi, cô đã có thể che giấu một bí mật nho nhỏ... Rằng cô không ngu ngốc như họ tưởng. Thường mỗi khi cô vờ như không hiểu, thì thật ra cô có hiểu. Và thường cô cố tình rờ rà

chậm chạp trong mọi việc mình làm, và cười thầm khi có ai đó vì quá sốt ruột mà giành làm luôn cho xong.

Cô thấy vui sướng và kích động với cái cảm giác thượng đẳng âm thầm. Cô bắt đầu thấy hơi vui thú. Phải, thật buồn cười khi mình biết nhiều hơn người ta tưởng. Làm được việc đấy nhưng khiến mọi người nghĩ là mình không thể.

Chuyện đó thành ra có lợi, vì tự dung mọi người làm thay việc cho cô. Mà như thế cô tránh được kha khá rắc rối. Rồi cuối cùng, sẽ tới lúc ai cũng quen làm giúp cô, cô không phải làm gì nữa, thế nên cũng không để lộ rằng cô làm gì cũng tẻ. Và thế là, từ từ, cô có thể quay lại gần như đúng điểm bắt đầu. Để cảm thấy rằng mình cũng có thể bình đẳng với phần lớn mọi người.

(Nhưng cách đó khó mà dùng được với nhà Angkatell, mấy người nhà đó lúc nào cũng vượt xa đến mức thậm chí cô cảm thấy mình không thể sánh bằng họ. Sao mà cô ghét cái nhà đó thế! Chỉ có lợi cho John, John thích nơi ấy. Sau khi từ đó về anh đỡ mệt mỏi hơn, và có khi còn đỡ cái bản.)

John thân yêu, cô nghĩ. John tuyệt vời. Ai cũng nghĩ thế. Một bác sĩ giỏi, rất mực tử tế với bệnh nhân. Vất kiệt sức mình, toàn tâm với những người bệnh ở bệnh viện, dù không được trả tiền ở đó. John thật vô vụ lợi, thật cao quý.

Ngay từ đầu, cô đã luôn biết John là người xuất sắc, và rồi sẽ lên đến đỉnh cao. Và anh đã chọn cô, cho dù anh có thể cưới một người vợ sáng láng hơn nhiều. Anh không phiến lòng vì cô chậm chạp, ngốc nghếch và cũng không xinh lắm nữa. “Anh sẽ chăm sóc cho em,” anh từng nói vậy. Thật dễ thương, mà cũng có phần áp đặt. “Đừng lo lắng gì Gerda, cứ để anh chăm sóc em...”

Quả là đáng nam nhi đích thực. Thật tuyệt khi nghĩ rằng John sẽ chọn cô.

Anh từng nói với nụ cười nửa miệng quyến rũ đặc trưng, “Anh thích làm theo cách của mình, em biết đó, Gerda.”

Thì, được thôi, cô luôn nhượng bộ anh trong mọi chuyện. Kể cả trong thời gian gần đây, khi anh đâm ra khó tính và căng thẳng, chừng như không gì làm anh hài lòng được. Có những lúc cô làm gì cũng thành sai. Sao mà trách anh được. Anh bận rộn đến thế, vị tha đến thế...

Ôi, cái đui cừu! Cô phải đem nó xuống bếp thôi. Vẫn không thấy John lên. Sao không khi nào cô ra quyết định đúng được? Cảm giác khổ sở lại trào lên như những đợt sóng u tối. Cái đui cừu! Dịp cuối tuần khó xử ở nhà Angkatell. Cô thấy cơn đau nhói dội vào hai bên màng tang. Ôi trời ơi, giờ lại thêm cơn đau đầu nữa. Cứ mỗi lần vậy là John lại bực. Anh chẳng khi nào cho cô dùng thuốc, dù rằng chuyện đó quá đơn giản, anh là bác sĩ mà. Thay vào đó, anh chỉ bảo: “Đừng nghĩ tới nó nữa. Đừng đầu độc mình bằng thuốc men. Cứ đi bộ nhanh là được.”

Cái đui cừu! Vừa nhìn nó, Gerda vừa nghe tiếng lặp vang vọng trong đầu mình, “Cái đui cừu, CÁI ĐUI CỪU, CÁI ĐUI CỪU...”

Những giọt nước mắt tủi thân dâng lên ằng ặng. “Vì sao mọi chuyện không bao giờ ổn với mình chứ?”

Terence nhìn mẹ, rồi nhìn đui cừu. Cậu nghĩ: “Sao mình không được ăn bữa ăn của mình nhỉ? Mấy người lớn thật chán quá. Không có đầu óc gì hết!”

Cậu thận trọng lên tiếng:

“Nicholson Minor và con định sẽ làm thí nghiệm tạo nitroglycerine ở vườn nhà ba nó. Nhà nó ở Streatham.”

“Thật à cưng? Thế thì hay quá,” Gerda đáp.

Thời gian như đứng lại. Nếu giờ cô rung chuông và bảo Lewis mang cái đui cừu xuống bếp...

Terence nhìn mẹ, hơi ngạc nhiên. Bằng bản năng, cậu biết rằng chế tạo nitroglycerine không phải là chuyện mà các bậc bố mẹ khuyến khích làm. Cậu đã tranh thủ cơ hội nói ra chuyện này, khá chắc chắn đây là dịp tốt để không bị phạt khi nói ra dự định đó. Cậu đã tính đúng. Nếu sau này có vụ lùm xùm, nếu bị phát hiện do đặc tính của nitroglycerine quá dễ phát hiện, thì cậu vẫn có thể thanh minh bằng giọng đầy tổn thương, “con có nói với mẹ rồi mà.”

Nhưng đồng thời cậu cũng hơi thất vọng.

“Ngay cả mẹ,” cậu nghĩ, “cũng phải biết về nitroglycerine chứ nhỉ.”

Cậu thở dài, rồi chợt thoáng thấy nỗi cô đơn sâu sắc mà chỉ tuổi thơ mới cảm nhận được. Cha cậu không đủ kiên nhẫn lắng nghe, còn mẹ cậu thì lơ đãng. Nhóc Zena thì khờ khạo chưa biết gì.

Hàng bao nhiêu trang sách về những thí nghiệm hóa học thú vị. Mà ai quan tâm chứ? Không ai cả.

Bang! Gerda giật thót. Đó là tiếng đóng cửa phòng khám dưới nhà. John đang chạy lên lầu.

John Christow lao vào phòng, mang theo luồng năng lượng đậm đặc. Anh đang phấn chấn, đói bụng, và không kiên nhẫn.

“Chúa ơi,” anh vừa nói vừa ngã xuống, và nhanh nhẹn liếc con dao cắt trên que thép. “Sao mà anh ghét mấy người bệnh đến thế!”

“Kìa John,” Gerda quát. “Đừng nói vậy chứ anh. Các con tưởng anh nói thật đấy.”

Cô khẽ phác một cử chỉ về phía hai đứa nhỏ.

“Thì anh nói thật mà,” John Christow đáp. “Đâu có ai bị bắt phải ốm đau đâu.”

“Cha nói đùa thôi,” Gerda nói nhanh với Terence.

Terence quan sát cha mình bằng cái vẻ thờ ơ vốn có trước mọi việc.

“Con nghĩ cha không đùa đâu,” cậu kết luận.

“Nếu anh ghét người bệnh, thì sao anh làm bác sĩ được, anh yêu,” Gerda khẽ cười.

“Chính đó là lý do đấy,” John Christow đáp. “Không có bác sĩ nào ưa tật bệnh hết. Chúa lòng lành, món cừu này lạnh như đá rã. Sao em không cho người đưa xuống bếp hâm lại?”

“Thì, anh xem, em không biết. Anh thấy đó, anh vừa mới lên...”

John Christow nhấn một hồi chuông dài gắt gỏng. Bà Lewis có mặt ngay lập tức.

“Dem món này xuống cho Cook làm nóng lại đi.”

Anh nói cộc lốc.

“Vâng, thưa ông.” Lewis đáp, có phần xác xược, trong câu đáp đó bà tỏ luôn sự phê phán với nữ chủ nhân ngồi ngay bàn ăn mà cứ thế nhìn món thịt nguội đi.

Gerda cố nói tiếp:

“Em xin lỗi, anh à, đúng là lỗi của em, nhưng mà anh xem, em nghĩ anh sắp lên, rồi em lại nghĩ, nếu giờ em cho đưa đi hâm thịt...”

John sốt ruột ngắt lời cô.

“Thì sao chứ? Đâu có gì quan trọng. Không cần thiết phải dài dòng về chuyện này.”

Rồi anh hỏi:

“Xe đã sẵn sàng chưa?”

“Em nghĩ là rồi. Collie đã gọi xe.”

“Thế thì ăn trưa xong ta đi luôn.”

Đi qua cầu Albert, anh tính toán, rồi qua Clapham Common, đi tắt ngang qua Crystal Palace, Croydon, đường Purley... rồi tránh đường chính, đi theo nhánh rẽ phải lên đồi Metherly, đi dọc theo Haverston Ridge, rẽ phải tiếp ngay ở vành đai ngoại ô, tiếp tục xuyên qua Cormerton, rồi lên Shovel Down—những hàng cây lá vàng lá đỏ—rừng cây bao quanh, hướng mùa thu nhẹ nhàng, rồi đi xuôi xuống sườn đồi.

Lucy và Henry... Henrietta...

Anh không gặp cô đã bốn ngày rồi. Lần cuối gặp gỡ, anh đã rất giận. Cái ánh nhìn đó nơi cô. Không trờu tượng, không vô định, anh không diễn đạt được—ánh nhìn tỏ ra *thấu suốt* được đi đâu gì đó, một đi đâu không lộ, một đi đâu (then chốt) không phải thuộc về John Christow!

Anh tự nhủ: “Mình biết cô ấy là nghệ sĩ điêu khắc. Mình biết những tác phẩm của cô ấy rất đẹp. Nhưng mà mẹ kiếp, cô ấy không thể gạt chúng sang bên một lát hay sao? Không thể thi thoảng chỉ tập trung vào mình, không gì khác hay sao?”

Anh đang nghĩ bất công. Anh biết thế. Henrietta hiếm khi nói về những tác phẩm của mình, thật ra rất ít, so với những nghệ sĩ khác. Rất hiếm khi Henrietta chìm vào mộng tưởng riêng, khiến cô không hoàn toàn tập trung vào anh. Những lần như thế luôn làm anh nổi cơn thịnh nộ.

Có lần anh nói, giọng sắc và cộc cằn.

“Em không thể từ bỏ tất cả những thứ đó khi anh yêu cầu em sao?”

“Tất cả... những gì?” Giọng nói ấm áp của cô tỏ ra ngạc nhiên.

“Tất cả những thứ này.” Anh giơ tay chỉ quanh xưởng.

Rồi ngay lập tức, anh nghĩ, “Ngu thật! Sao lại yêu cầu chuyện đó?” Và lại: “Cứ để cô ấy nói, ‘tất nhiên rồi ạ.’ Cứ để cô ấy nói dối mình. Ước gì cô ấy chỉ đơn giản đáp: ‘Tất nhiên em sẽ làm vậy ạ.’ Dù cô ấy có thật lòng hay không cũng mặc kệ. Nhưng hãy cứ nói vậy đi. Mình phải được thấy yên lòng.”

Thế nhưng thay vào đó, đôi khi cô không đáp gì cả. Đôi mắt cô mơ màng lãng đãng. Cô hơi chau mày.

Rồi cô chậm rãi nói: “Em nghĩ vậy. *Nếu cần thiết.*”

“Cần thiết? Em nói cần thiết nghĩa là sao?”

“Em cũng không thật hiểu đâu, John à. Cần thiết, giống như khi anh buộc phải làm thủ thuật đoạn chi vậy.”

“Thật đúng là chẳng khác nào cuộc phẫu thuật vậy!”

“Anh giận rồi. Thế anh muốn em nói sao?”

“Em quá biết mà. Chỉ cần nói một từ là xong. *Vâng.* Sao em không nói được? Em nói đủ thứ để làm hài lòng người ta, bất kể là có thực lòng hay không, thế sao không làm thế với anh? Vì Chúa, sao không làm thế với anh chứ?”

Lần này, cô đáp càng chậm rãi hơn:

“Em không biết nữa... thật đó, em không biết, John à. Em không thể... vậy thôi. Em không làm được.”

Anh đi qua đi lại tầm một hai phút. Rồi anh nói:

“Em sẽ làm anh phát điên mất, Henrietta. Chưa bao giờ anh thấy mình có sức ảnh hưởng gì tới em cả.”

“Vì sao anh lại muốn ảnh hưởng tới em?”

“Anh không biết. Thật sự.”

Anh ng ỡ phịch xuống ghế.

“Anh muốn được coi trọng nhất.”

“Đúng là vậy mà, John.”

“Không đâu. Nếu anh chết r ỡ thì việc đầu tiên em sẽ làm, dù nước mắt còn ròng ròng trên má, là bắt tay vào khắc bức tượng người đàn bà than khóc hay một bức bu ồm thương chết tiệt nào đó.”

“Vậy sao? Em nghĩ... vâng, có lẽ vậy. Nghe đáng sợ nhỉ.”

R ỡ cô ng ỡ đó, nhìn anh bằng cặp mắt lo sợ.

Món bánh pudding bị cháy. Christow nhướng mày nhìn nó, Gerda vội vàng xin lỗi.

“Xin lỗi, anh yêu. Em không biết sao nó lại vậy nữa. Hẳn là lỗi của em. Để em cắt phần cháy bên trên cho, anh ăn phần dưới đi.”

Món pudding cháy là do chính anh, John Christow, đã ng ỡ trong phòng khám thêm mười lăm phút dù không bận gì nữa, nghĩ ngợi về Henrietta và bà Crabtree và mơ màng nhớ San Miguel. Lỗi là ở anh. Thật ngớ ngẩn khi Gerda cứ cố nhận lỗi và cố ăn phần bị cháy. Sao cô ấy cứ phải nhẫn nhục như thế? Sao Terence cứ nhìn anh bằng cái vẻ đẽ tâm như vậy? Mà sao cả con bé Zena cũng cứ khụt khịt mãi thế. Sao họ đều khiến anh bực mình vậy?

Anh trút giận lên Zena.

“Sao con không xì mũi đi hả?”

“Con bé hơi cảm lạnh, anh à.”

“Làm gì có. Em cứ luôn nghĩ bọn nó bị cảm lạnh này nọ. Nó khỏe.”

Gerda thở dài. Cô không bao giờ hiểu nổi vì sao một vị bác sĩ, người luôn dành thời gian chữa chạy cho mọi người, mà lại cư xử khác đến thế về sức khỏe người nhà. Anh lúc nào cũng nhạo báng những nỗi lo bệnh tật.

“Con hắt xì những tám lần trước bữa trưa nay,” Zena trịnh trọng nói.

“Do trời nóng thôi.”

“Trời đâu có nóng,” Terence xen vào. “Nhiệt kế chỉ nhiệt độ trong phòng chỉ hơn 12°C.”

John đứng dậy. “Cả nhà xong chưa? Tốt, thế thì đi thôi. Sẵn sàng chưa Gerda?”

“Một phút thôi, John. Còn vài món em mang thêm.”

“Hẳn là em phải chuẩn bị trước mọi thứ rồi chứ. Thế cả sáng nay em làm gì?”

Anh cúi kính bỏ ra khỏi phòng. Gerda hồi hải vào phòng ngủ. Càng bị thúc hối thì cô càng chậm chạp. Nhưng sao cô vẫn chưa sẵn sàng chứ? Va-li của cô đã đóng gói và để sẵn ngoài hành lang. Thế vì sao...

Zena chạy trước anh, vổ vổ mấy lá bài hơi dính nhớp.

“Con bói bài cho cha nhé? Con biết cách nè. Con bói cho cả mẹ và chú Terry và bà Lewis và chị Jane và chú Cook nữa.”

“Được thôi.”

Anh không biết Gerda còn phải loay hoay bao lâu. Anh muốn ra khỏi căn nhà khó chịu này và con phố khó chịu này và cái thành phố đặc nghẹt người bệnh đau, mệt mỏi, ho hen khụt khịt. Anh muốn vào rừng với những tầng lá ướt—thích cái vẻ thoát tục duyên dáng của Lucy Angkatell, lúc nào bà cũng khiến anh cảm thấy chừng như bà thậm chí không có xác thân trần tục.

Zena đang chăm chú trải bài.

“Đây nè cha, ngay giữa, quân già cơ. Người xem bói bao giờ cũng là quân này nhé. Rồi con úp những lá còn lại xuống. Hai lá bên trái, hai lá bên phải, một lá bên trên, lá đó sẽ ảnh hưởng đến cha, và một lá dưới chân—cha sẽ ảnh hưởng tới nó. Rồi lá này—sẽ cho biết về cha!”

“Bây giờ nhé.” Zena hít sâu. “Mình lật bài nào. Bên phải của cha là quân đầ rô, một người rất gầ gũ.”

“Henrietta,” anh thầ nghĩ, trong chốc lát khuây lẫ và buồn cười trước vẻ trịnh trọng của con gái.

“Lá tiếp theo là con b ấ chu ầ— một người đàn ông trẻ ít lời.”

“Bên trái cha là con tám bích— một kẻ thù bí mật. Cha có kẻ thù bí mật nào không cha?”

“Theo cha biết thì không.”

“Xa nữa là con đầ bích— một người phụ nữ lớn tuổi.”

“Bà Angkatell nhỉ,” anh nói.

“Lá bài ở phía trên cha và có ảnh hưởng tới cha, con đầ cơ.”

“Veronica,” anh nghĩ. “Veronica!” r ầ sau đó, “Mình ngốc thật! Giờ Veronica đâu dính dáng gì tới cuộc đời mình nữa.”

“Và bên dưới cha, người mà cha gây ảnh hưởng, là con đầ chu ầ.”

Gerda vội vã vào phòng.

“Em xong r ầ, John.”

“Chờ chút mẹ ơi, chờ chút, con đang coi bói cho cha. Chỉ còn lá bài cuối thôi. Cha à, đây là lá quan trọng nhất nha, lá bài v ề chính cha đó.”

Ngón tay của Zena lật ngửa lá bài. Cô bé hít một hơi.

“Ồi, lá Ách bích! Nó chỉ *cái chết*, nhưng mà...”

“Mẹ của con,” John nói, “chắc sẽ đâm phải ai đó trên đường lái xe ra khỏi London. Thôi đi nào Gerda. Chào hai đứa nhé. Ở nhà ngoan đấy.”

Midge Hardcastle xuống lầu vào khoảng 11 giờ trưa ngày thứ Bảy. Cô đã ăn sáng tại giường, đọc sách, ngủ thêm chút nữa rồi mới dậy hẳn.

Thư thả như thế này thật là dễ chịu. Đã đến lúc cô được hưởng kỳ nghỉ chứ! Ngày thường, bà Alfrege chủ tiệm khiến cô phát điên lên được.

Cô ra cửa trước, tắm mình trong ánh nắng mùa thu dễ chịu. Sir Henry Angkatell đang ng ồi trên chiếc ghế r ỉ sét đọc tờ *The Times*. Ông ngẩng lên và mỉm cười. Ông vốn quý Midge.

“Chào em.”

“Em dậy trễ quá nhi?”

“Vẫn chưa lõ bữa trưa mà,” Sir Henry cười.

Midge ng ồi xuống cạnh ông r ồi thở một hơi dài: “Ở đây thật dễ chịu quá.”

“Em có vẻ hơi ti ều tụy đấy.”

“À em không sao. Thật sung sướng khi được ở một nơi mà không có bà béo nào cố ních những món qu ần áo nhỏ hơn các bà ấy mấy cỡ li ền!”

“Nghe khiếp thật!” Sir Henry ngừng một lát r ồi tiếp, liếc nhìn đ ồng hồ đeo tay, “Edward sẽ đến vào khoảng 12 giờ 15 đấy.”

“Thế ạ?” Midge hỏi, “cũng lâu lâu r ồi em chưa gặp Edward.”

“Cậu ấy vẫn thế thôi,” Sir Henry nói. “Hiếm khi từ Ainswick đến chơi.”

“Ainswick,” Midge nghĩ ngợi. “Ainswick!” Trái tim cô nhói lên. Những ngày thân thương ở Ainswick. Những lần đi thăm được trông ngóng hàng tháng trời. “Mình sắp đi Ainswick.” Trước đó mấy đêm là nằm thao thức

trông mong. Và rồi cuối cùng, đến ngày đi! Ga xe lửa nhỏ xíu ở miền quê, nơi con tàu tốc hành London chỉ ghé lại khi hành khách báo trước với người gác tàu! Chiếc Daimler chờ sẵn bên ngoài. Chuyển xe, cứ rẽ cuối cùng đi qua cổng là leo dốc xuyên qua rừng, cho đến khi ra đến trắng trổng và ngôi nhà hiện ra—màu trắng, to lớn, hoan nghênh khách khứa. Ông chú Geoffrey mặc chiếc áo khoác vải tweed.

“Nào, các cô cậu, cứ vui vẻ nhé.” Và rồi họ cùng vui vẻ. Henrietta từ Ireland. Edward từ Eton. Cô từ một thị trấn công nghiệp ở miền quê phương Bắc khắc nghiệt. Những ngày ấy đẹp tựa thiên đường.

Edward lúc nào cũng khoan hòa rộng lượng. Edward, cao ráo, nhẹ nhàng, rụt rè và luôn tử tế. Như mọi khi, anh không bao giờ để ý đến cô nhiêu mỗi khi có mặt Henrietta.

Edward luôn luôn dè dặt giữ ý chẳng khác nào một vị khách, đến mức cô giật mình khi nghe Tremlet, người làm vườn chính, nói rằng:

“Cơ ngơi này sẽ thuộc về cậu Edward.”

“Nhưng vì sao hả chú Tremlet? Anh ấy đâu phải là con trai của chú Geoffrey.”

“Cậu ấy là người thừa tự, cô Midge à. Người được kế thừa gia sản, người ta gọi thế. Cô Lucy là con một của ông Geoffrey, nhưng cô ấy không được thừa kế vì là phụ nữ, và ông Henry, chồng cô ấy, chỉ là cháu họ thứ hai. Không gần gũi như cậu Edward.”

Vậy là bây giờ, Edward sống tại Ainswick. Một mình, hiếm khi ra ngoài. Đôi khi Midge tự hỏi Lucy có chạnh lòng hay không. Có vẻ như Lucy luôn chẳng để tâm đến việc gì.

Nhưng Ainswick từng là nhà của Lucy, và Edward chỉ là cậu em họ, trẻ hơn bà hai mươi mấy tuổi. Cha của Lucy, ông Geoffrey Angkatell, từng là một nhân vật tiếng tăm vùng quê này. Ông từng rất giàu có, đa phần tài sản để lại cho bà, thế nên nói cách nào đó thì Edward tương đối nghèo, chỉ có vừa đủ để duy trì dinh cơ cũ, nhưng không dư dả gì hơn.

Mà Edward cũng không quen sống xa hoa. Anh từng phục vụ trong ngành ngoại giao một thời gian, nhưng khi được thừa hưởng Ainswick, anh từ chức và về đó sống hẳn. Anh chuyển sang mê sách vở, sưu tầm những

bản in đầu tiên, và thi thoảng viết những bài châm biếm có phần dè dặt cho những tạp chí điếm sách ít tiếng tăm. Anh từng ba lần cầu hôn em họ kế của mình, chính là Henrietta Savernake.

Midge ng ỡ hưởng ánh nắng thu, nhớ lại tất cả những chuyện này. Cô vẫn chưa rõ khi gặp lại Edward thì liệu mình có thấy vui vẻ không. Như thế cô vẫn chưa “vượt qua,” như người ta vẫn nói. Thật khó lòng mà quên hẳn một người như Edward. Hình ảnh Edward ở dinh thự Answick trong cô vẫn sống động như hình ảnh Edward đứng dậy đón cô ở nhà hàng London. Cô đã yêu Edward tự lúc nào không rõ...

Giọng nói của Sir Henry khiến cô trở về với thực tại.

“Em nghĩ Lucy sẽ thấy thế nào?”

“Sẽ rất ổn thôi. Chị ấy luôn như vậy mà.” Midge hơi mỉm cười. “Còn hơn cả ổn ấy chứ.”

“Ừ.” Sir Henry rít ống tẩu. Rồi ông đột ngột nói:

“Đôi khi, em biết đấy, anh khá lo cho Lucy.”

“Lo lắng ạ?” Midge ngạc nhiên nhìn ông. “Vì chuyện gì?”

Sir Henry khẽ lắc đầu.

“Lucy, bà ấy không nhận ra có những chuyện không thể nào làm được.”

Midge nhìn chăm chăm chờ ông nói tiếp.

“Bà ấy giỏi tránh rắc rối, lúc nào cũng vậy.” Ông mỉm cười. “Bà ấy phớt lờ những truyền thống của Tòa nhà Chính phủ, bà ấy gây khó xử cho các vị tai to mặt lớn ở các bữa tiệc. (Midge à, đó là tội ác thực sự đấy!) Bà xếp những kẻ thù ng ỡ cạnh nhau bên bàn ăn, và đảo lộn những quy tắc về màu da! Rồi thay vì gây ra tranh cãi lớn và khiến tất cả khó xử, và gây ô nhục cho xứ Ấn Độ thuộc Anh—thì cứ để anh đi đầu xuống đất nếu bà ấy không thoát được! Mẹo của bà ấy là cứ mỉm cười với mọi người và tỏ ra như thể bà ấy không sao làm khác được! Đối với kẻ ăn người ở cũng vậy, bà gây ra cho họ đủ thứ phiền phức, thế nhưng họ vẫn quý trọng bà.”

“Em hiểu ý anh,” Midge trầm ngâm. “Có những chuyện người khác làm thì không sao chấp nhận nổi, nhưng nếu là Lucy gây ra thì không sao. Đó gọi là gì nhỉ? Sự quyến rũ? Sức hút?”

Sir Henry nhún vai.

“Bà ấy vẫn luôn như vậy từ hồi trẻ, chỉ có đi đâu đôi lúc, anh thấy khuynh hướng ấy nơi bà còn tăng thêm. Kiểu như bà không nhận ra rằng thật sự có những giới hạn. Em biết không, Midge,” ông cười, “anh nghĩ Lucy cho rằng bà ấy thậm chí trốn được cả tội giết người!”

Henrietta đánh chiếc Delage ra khỏi garage ở Mews và sau khi trao đổi vài đi đầu về kỹ thuật với Albert, người chịu trách nhiệm chăm lo cho chiếc xe, cô khởi hành.

“Đi vui nhé, thưa cô,” Albert nói.

Henrietta mỉm cười. Cô chạy xuống từ Mews, đắm chìm vào cảm giác thoải mái và chắc chắn mỗi khi tự lái xe. Cô rất thích lái một mình. Trên đường đi cô sẽ hưởng trọn cảm giác sung sướng riêng tư mà việc lái xe đem lại.

Cô tận hưởng tài đi đầu khiên giữa dòng xe cộ, thích thú khám phá những ngõ tắt dẫn ra khỏi London. Cô biết những lối riêng, ngay cả khi lái xe trong London cô cũng thấy thuộc đường chẳng kém bất kỳ tài xế taxi nào.

Giờ cô đang lái xuôi theo con đường mới phát hiện, về hướng tây nam, liên tục rẽ ngoặt trong mê cung những con đường ngoại ô.

Khi cuối cùng cô cũng đến sườn đồi Shovel Down thì đã mười hai giờ rồi. Henrietta luôn yêu thích khung cảnh nhìn từ chỗ này. Cô ngừng ngay chỗ con đường bắt đầu dốc xuống. Xung quanh và bên dưới cô toàn là cây, lá vàng bạt ngàn dãn ngả nâu. Cả một vùng trời ruộm vàng mỹ lệ dưới ánh nắng thu rực rỡ.

Henrietta nghĩ, “mình yêu mùa thu. Nó n ồng nàn hơn mùa xuân nhiều.”

R ồi đột nhiên cảm giác hạnh phúc sâu đậm ùa đến với cô—khi cảm nhận sự đẹp đẽ của cuộc đời—và rằng cô đang tận hưởng nó.

Cô nghĩ, “Chắc mình không bao giờ hạnh phúc được như lúc này nữa, không bao giờ.”

Cô nán lại đó chừng một phút, thu vào tầm mắt không gian vàng rực rỡ chừng như tự chìm đắm và tan hòa vào chính nó, từng từng đẹp đẽ át mờ

lẫn nhau.

Rồi cô lái xuôi xuống triền đồi, băng qua rừng, theo con đường dốc dài hướng đến Thung Lũng.

Khi Henrietta đánh xe vào, Midge đang ngồi trên bức tường thấp chỗ hiên, nồng nhiệt vẫy chào cô. Henrietta cũng vui, cô vốn quý mến Midge.

Bà Angkatell bước ra khỏi nhà:

“Ôi em tới rồi, Henrietta. Khi em dắt xe vào chuồng và đổ cho nó ít cháo cám, thì bữa trưa cũng dọn xong đây.”

“Thật là một nhận xét sâu sắc đúng kiểu Lucy,” Henrietta nói, đánh xe vòng ra sau nhà, Midge đi cùng cô lên bậc thềm. “Chị biết không, em luôn tự hào là đã hoàn toàn rũ bỏ được máu mê ngựa nghèo từ tổ tiên Ireland của em. Khi mà lớn lên giữa những người không bàn chuyện gì khác ngoài ngựa, thì mình sẽ thành ra cao hơn hẳn nếu không quan tâm đến chúng. Thế mà vừa này Lucy cho thấy rõ là em đối xử với xe hơi y như với con ngựa cưng vậy. Quả đúng thế thật.”

“Chị hiểu mà,” Midge đáp. “Lucy cứ thẳng toạc ra thế. Sáng nay chị ấy còn bảo là cứ cứ xử thô lỗ thoải mái trong thời gian ở đây.”

Henrietta ngẫm nghĩ một lát rồi gật đầu.

“À nhỉ,” cô nói. “Ý là về cửa hiệu quần áo!”

“Ừ. Nếu mà ngày nào cũng phải ru rú trong cái cửa hiệu bé tí tù túng, ra sức lịch sự với các bà các cô khó chịu, rồi phải thừa gởi, phải kéo áo khỏi đầu giúp họ, phải mỉm cười bất kể họ nói năng hỗn xược ra sao— như thế ai mà không muốn chửi bậy! Em biết đấy, Henrietta, chị luôn thắc mắc không hiểu sao người ta cứ thấy xấu hổ khi phải đi làm giúp việc và coi việc bán hàng ở cửa hiệu thì cao sang và tự chủ hơn. Những lối cư xử chẳng ra làm sao mà chị phải chịu trong cửa hiệu còn vất vả hơn cả quản gia Gudgeon, cô hầu Simmons, hay mấy người hầu thân tín trong nhà này nữa.”

“Nghe vất vả thật, Midge à. Ước gì chị bớt cao sang và kiêu hãnh và khăng khăng đòi tự kiểm tra nuôi thân đi.”

“Dù sao, Lucy đúng là thiên thần. Chị sẽ thô lỗ một cách hùng hồn đối với tất cả mọi người trong dịp cuối tuần này.”

“Có những ai đến nhỉ?” Henrietta hỏi khi ra khỏi xe hơi.

“Nhà Christow đang trên đường,” Midge ngừng một chút, rồi nói tiếp, “Edward vừa mới tới.”

“Edward à? Hay quá. Em không gặp anh ấy bao lâu rồi. Còn ai nữa không?”

“David Angkatell. Theo lời Lucy thì sự có mặt của em sẽ rất có ích với cậu ấy. Em sẽ ngăn cậu ấy khỏi gặm móng tay.”

“Nghe không giống em gì hết,” Henrietta nhận xét. “Em vốn không thích quấy rầy ai, càng không mong uốn nắn thói quen của họ. Thế Lucy thực sự nói sao?”

“Ý tứ đúng là vậy đấy! Cậu ấy cũng là đàn ông mà!”

“Em sẽ không bị kỳ vọng phải làm gì về chuyện đó đâu, nhỉ?” Henrietta có vẻ đề phòng.

“Và em sẽ tử tế với Gerda.”

“Em mà là Gerda thì hẳn là em ghét Lucy lắm đấy!”

“Và có một ông gì chuyên lo xử lý các vụ phạm tội, sẽ đến dự bữa trưa ngày mai.”

“Mình đâu định chơi trò Giết Người, phải không?”

“Ừ. Chị nghĩ mời ông ấy vì là hàng xóm láng giềng thôi.”

Giọng Midge thoáng thay đổi.

“Edward ra chào chị em mình kìa.”

“Edward thương mến,” Henrietta thầm nghĩ, chợt cảm thấy ấm áp.

Edward Angkatell rất cao và mảnh khảnh. Anh mỉm cười, bước đến gần hai cô gái.

“Chào Henrietta, hơn năm rồi không gặp em nhỉ.”

“Chào Edward.”

Edward mới dễ thương làm sao. Nụ cười hiên hòa, nếp nhăn nhỏ xíu nơi khóe mắt. Và cả những đầu khớp xương nhô lên rất đẹp. “Mình rất thích cấu trúc *xương* của anh ấy.” Henrietta thẫn nghĩ. Cảm giác ấm áp thân mật khi gặp Edward khiến cô hơi giật mình. Cô đã quên mình từng thích Edward thật nhiều.

Sau bữa trưa, Edward mời: “Đi dạo chút đi, Henrietta.”

Đi dạo thong thả kiểu Edward.

Hai người đi lên phía sau nhà, theo lối mòn zigzag xuyên rừng cây. Cũng giống khu rừng ở dinh thự Ainswick, Henrietta thẫn nghĩ. Cái chốn thân thương đó, bọn họ từng vui vẻ biết bao. Cô bắt đầu nói với Edward về Ainswick. Cả hai cùng khơi những kỷ niệm xưa.

“Anh có nhớ con sóc của bọn mình không? Cái con bị gãy móng ấy? Rồi mình nuôi nó trong lồng đến khi nó khỏe lại.”

“Tất nhiên rồi. Cái tên nó buồn cười lắm, tên gì ấy nhỉ?”

“Cholmondeley-Marjoribanks!”

“Chính nó!”

Cả hai cùng bật cười.

“Rồi bà giúp việc Bondy già, lúc nào cũng nói sẽ có ngày nó trèo lên ống khói.”

“Bọn mình nghe thế thì tức lắm.”

“Rồi nó làm thế thật.”

“Do bà ấy mà,” Henrietta sôi nổi. “Bà ấy tiêm ý nghĩ đó vào đầu con sóc.”

Cô nói tiếp:

“Vẫn như xưa sao, Edward? Hay đã thay đổi rồi? Em vẫn luôn hình dung nơi ấy vẫn như trước.”

“Sao em không về chơi, Henrietta? Cũng lâu lắm rồi em không ghé chơi.”

“Em biết.”

Vì sao mình để bao nhiêu thời gian trôi qua như vậy nhỉ? Người ta rồi sẽ trở nên bận rộn, có những mối quan tâm riêng, rồi đây đưa với người này kẻ nọ...

“Em biết đấy, em luôn luôn được hoan nghênh đến chơi bất cứ lúc nào.”

“Anh thật dễ thương quá, Edward à!”

Edward thân thương, với những chiếc xương thật đẹp.

Anh nói ngay:

“Thật mừng là em thích Ainswick, Henrietta.”

Cô mơ màng, “Đó là nơi dễ chịu nhất thế giới.”

Cô gái chân thon dài, với bờm tóc nâu rối... cô gái vui vẻ không hề biết về những đi đâu cuộc đời sẽ đẩy đưa đến cho cô... cô gái từng rất yêu cây rừng...

Từng rất hạnh phúc mà không hề biết thế! Ước gì trở lại ngày xưa, cô nghĩ.

Rồi cô đột nhiên hỏi:

“Cây càn khôn còn đó không?”

“Nó bị sét đánh ngã rồi.”


“Ôi không, không phải là *cây càn khôn* chứ!”

Cô rất buồn. Cây càn khôn là cái tên cô đặt cho cây sồi lớn. Nếu các đấng thánh thần còn giáng sét xuống cả nó, thì chẳng có gì được an toàn cả! Tốt hơn là đừng trở về.

“Em có nhớ hình vẽ đặc biệt đó không, hình cây càn khôn ấy?”

“Hình cái cây nom buồn cười, mà em vẽ lên bất cứ miếng giấy nào rơi vào tay em đúng không? Vẫn nhớ chứ, Edward! Vẽ vào sổ nháp, sổ điện thoại, cả miếng giấy ghi điểm bài bridge nữa. Lúc nào em cũng sẽ nó. Đưa em cây bút chì nào.”

Anh đưa sang cây bút chì và quyển sổ, cô vừa cười vừa vẽ một cái cây ngộ nghĩnh.

cây-can-khon

cây-can-khon

“Đó,” anh nói, “Cây càn khôn đó.”

Hai người đã đi gần đến mút con đường mòn. Henrietta ng ẩ xuống một thân cây đổ. Edward ng ẩ cạnh cô.

Cô nhìn suốt dọc thân cây.

“Ở đây cũng hơi giống Ainswick nhỉ, coi như Ainswick thu nhỏ. Đôi khi em nghĩ, Edward này, anh có nghĩ chính vì vậy mà Lucy và Henry chọn ở đây không?”

“Cũng có thể.”

“Không ai biết được,” Henrietta chậm chạp nói, “điều gì diễn ra trong đầu óc Lucy.” Rồi cô hỏi, “Vậy cuộc sống của anh ra sao, Edward, kể từ lần gần nhất em gặp anh?”

“Không có gì mới, Henrietta.”

“Nghe có vẻ yên bình nhỉ.”

“Anh có bao giờ giỏi... làm này làm nọ đâu.”

Cô liếc nhanh sang anh. Có gì đó khang khác trong giọng nói. Nhưng anh chỉ lặng lẽ mỉm cười với cô.

Đột nhiên, cô lại thấy cảm giác ấm áp thân mật trào dâng.

“Có lẽ,” cô nói, “như anh là khôn ngoan nhất.”

“Khôn ngoan sao?”

“Trong chuyện không cố làm gì cả.”

Edward chậm rãi nói, “Em nói thế nghe thật lạ, Henrietta à. Em đã thành công đến thế mà.”

“Anh nghĩ em thành công sao? Thật ngộ nghĩnh.”

“Nhưng đúng là vậy mà. Em là nghệ sĩ. Hẳn em rất tự hào về mình, không thể khác được.”

“Em biết thế,” Henrietta nói. “Rất nhiều người nói thế với em. Họ đều không hiểu, không hiểu đi đâu cơ bản nhất. Anh cũng không hiểu, Edward. Điều khắc không phải là đi đâu người ta ráp tâm làm để đạt thành công. Nó là thứ ở bên trong mình, thôi thúc mình, ám ảnh mình, thế nên người ta sớm hay muộn cũng phải thỏa hiệp với nó. Rồi thì, từ từ, ta sẽ thấy bình yên—cho đến khi tất cả những đi đâu đó lặp lại.”

“Em có muốn được bình yên không, Henrietta?”

“Có những khi em ao ước đi đâu đó hơn bất cứ gì trên đời này, Edward.”

“Vậy em có thể tìm thấy đi đâu đó ở Ainswick. Anh nghĩ em sẽ hạnh phúc ở đó. Ngay cả... ngay cả nếu em phải chịu đựng anh. Em nghĩ sao, Henrietta? Em có muốn đến Ainswick và coi nó như nhà mình không? Nó vẫn luôn ở đó, chờ đợi em, em biết đấy.”

Henrietta chậm rãi quay đi. Cô đáp bằng giọng trầm hẳn:

“Ước gì em không yêu thích anh nhiều đến như vậy, Edward à. Chính vì thế nên nói lời từ chối càng thêm khó khăn biết bao.”

“Vậy câu trả lời là *Không* sao?”

“Xin lỗi anh.”

“Trước đây em đã từ chối rồi, nhưng lần này... Ồ, anh cứ ngỡ sẽ khác. Nhưng chỉ vài hôm nay em đã vui. Em không thể phủ nhận đi đâu đó.”

“Em rất vui thật mà.”

“Thậm chí gương mặt em... như trẻ ra, so với buổi sáng hôm nay.”

“Em biết.”

“Mình cùng vui với nhau, nói về Ainswick, nghĩ về Ainswick. Em không cảm thấy đi đâu đó nghĩa là gì sao, Henrietta?”

“Chính anh mới không hiểu đi đâu đó nghĩa là gì, Edward! Chúng ta đã sống buổi chiều hôm nay như thể quay về quá khứ.”

“Đôi khi quá khứ là nơi rất tuyệt để trú ngụ mà.”

“Nhưng có ai về được ngày xưa. Chuyện ấy là không thể... không quay lại được nữa.”

Edward yên lặng một lúc, rồi anh lên tiếng, bằng giọng nhẹ nhàng, dễ chịu, có phần không cảm xúc.

“Có phải em không cưới anh vì John Christow?”

Henrietta không đáp, Edward nói tiếp:

“Đúng vậy, phải không? Nếu không có John Christow trên đời này, thì em sẽ cưới anh.”

Henrietta hít giọng:

“Em không thể tưởng tượng được thế gian này vắng người như John Christow! Trước nay anh không bao giờ hiểu được đi đâu đó.”

“Nếu đã vậy, vì sao gã ấy không ly dị vợ mình để dàng hoàng đến với em chứ?”

“Anh John không muốn ly dị vợ. Mà em cũng đâu chắc mình sẽ cưới John nếu chuyện ấy thực xảy ra. Mà chuyện này... hoàn toàn không hề như anh nghĩ đâu.”

Edward đáp, vẻ nghi ngờ ngẫm:

“John Christow. Trên đời này có nhiều John Christow quá nhỉ?”

“Anh sai rồi,” Henrietta lắc đầu. “Rất hiếm người như John.”

“Em nói thế cũng tốt, ít nhất anh đã đoán đúng!”

Anh đứng dậy. “Chúng ta nên về thôi.”

Ngay khi hai vợ chồng đã vào xe và Lewis đóng cửa căn nhà trên đường Harley, thì cảm giác lưu đày đau đớn lập tức dội lên trong người Gerda. Tiếng đóng cửa đó thế là ngăn cách hẳn. Cô đã bị gạt ra ngoài—cuối tuần khốn khổ đang chực chờ trước mặt. Mà còn bao nhiêu thứ cô phải làm trước khi đi. Cô đã tắt vòi nước trong phòng tắm chưa nhỉ? Cô gia sư đó rất, rất... Như Terence chẳng hạn, nó đã bao giờ làm theo lời cô ta bảo đâu? Cô giáo người Pháp đó chẳng bao giờ có uy.

Cô ngửi vào ghế lái, lòng vẫn tràn ngập nỗi khổ sở, lo lắng đập cần khởi động xe. Cô thử lại lần nữa, lần nữa. John nói, “Gerda à, chiếc xe sẽ khởi động nếu em bật động cơ lên.”

“Ôi trời, em ngốc quá.” Cô sợ hãi liếc vội về phía chồng. Lỡ mà John nổi cáu ngay lúc này... Nhưng cô thở phào khi thấy anh chỉ cười.

“Anh ấy đang vui là vì sắp đến nhà Angkatell,” Gerda thầm nghĩ, trong một khoảnh khắc nhạy cảm hiếm hoi.

Tội nghiệp John, anh ấy làm việc vất vả quá. Cuộc đời anh hoàn toàn hiến cho người khác. Chẳng vậy mà anh trông ngóng đợt nghỉ cuối tuần dài này đến vậy. Cô nhớ lại đoạn nói chuyện vào bữa trưa, rồi cô lên tiếng, vừa đập ga đột ngột tới nỗi chiếc xe lao giạt xuống khỏi vỉa hè:

“Anh biết đấy, John, anh thật tình không nên nói đùa là anh ghét những người đau ốm đâu. Thật tuyệt vì anh đùa làm công việc của mình nghe có vẻ nhẹ nhàng đi, em hiểu. Nhưng mà bọn trẻ thì không đâu. Nhất là Terry ấy, nó toàn hiểu theo nghĩa đen thôi.”

“Đã đến lúc,” John Christow nói, “đối với anh Terry ra dáng con người thực tế rồi đấy, không như Zena! Đến khi nào thì các cô con gái ngưng

chơi đủ thứ trò chơi giả bộ?”

Gerda khẽ cười ngọt ngào. Cô biết mà, John đang trêu cô thôi. Cô vẫn khăng khăng giữ lối nghĩ của mình. Tâm trí cô vốn bảo thủ.

“John à, em thật lòng nghĩ sẽ rất tốt cho bọn trẻ nếu chúng biết công việc bác sĩ vô vị lợi và cống hiến đến thế nào.”

“Ôi Chúa ơi!” Christow thở hắt.

Gerda nhất thời sao lãng khỏi câu chuyện. Họ đang đến ngã tư, đèn xanh được một lúc lâu rồi. Chắc hẳn đèn sẽ chuyển màu khi xe cô đến. Cô bắt đầu giảm tốc, đèn vẫn xanh.

John Christow quên mất nguyên tắc giữ im lặng khi Gerda lái, và hỏi, “Sao em dừng lại thế?”

“Em nghĩ đèn sắp chuyển đỏ...”

Cô đạp ga, chiếc xe nhích lên một chút, chỉ quá cột đèn một đoạn ngắn, rồi đột nhiên, động cơ tắt. Đèn chuyển màu.

Làn xe bên kia bấm còi đày giận dữ.

John nói khá ôn hòa:

“Em đúng là tài xế tệ nhất thế giới, Gerda à!”

“Em thấy đèn đường cứ làm người ta thấp thỏm. Đâu có biết được khi nào đèn chuyển màu.”

John thoáng liếc nhìn gương mặt lo lắng không vui của Gerda.

“Thứ gì cũng làm Gerda thấp thỏm,” anh nghĩ, cố hình dung nếu sống trong cảm giác lo âu như thế thì thế nào. Nhưng vì anh vốn không phải người giàu trí tưởng tượng, nên anh chịu thua.

“Anh biết đấy,” Gerda vẫn khăng khăng, “em luôn nhấn mạnh với bọn trẻ về cuộc đời làm bác sĩ—về sự hy sinh, sự tận tụy với những người đau yếu, về mong muốn được phục vụ người khác. Đó là một cuộc đời cao quý, và em luôn tự hào rằng anh luôn dành tất cả thời gian và sức lực, và không bao giờ để cho mình...”

John Christow ngắt lời cô.

“Thế em chưa bao giờ nghĩ rằng anh thích nghiệp bác sĩ vì niềm đam mê, chứ không phải vì muốn hy sinh hay sao? Em không thấy những việc ấy *lý thú* hay sao?”

Nhưng không, anh tự trả lời. Gerda sẽ không bao giờ hiểu được đi đâu như vậy! Nếu anh kể cho vợ nghe về bà Crabtree và bệnh viện Margaret Russel Ward, thì cô cũng chỉ coi anh là một thiên thần tử tế giúp đỡ người Nghèo, chữ Nghèo viết hoa.

“Con ruồi chết đuối trong bãi mật,” anh lẩm bẩm.

“Sao ạ?” Gerda nghiêng người về phía chồng.

Anh lắc đầu.

Nếu anh nói với Gerda rằng anh đang “tìm cách chữa một chứng ung thư,” thì hẳn cô biết cách đáp lời, cô vẫn hiểu được những câu đơn giản thường tình như vậy. Nhưng cô không bao giờ hiểu nổi sự quyến rũ đặc biệt do tính phức tạp của Hội chứng Ridgeway — mà không biết có khi nào anh giải thích được cho cô hiểu Hội chứng Ridgeway nghĩa là gì không nữa.

(“Nhất là khi,” anh tự nhủ với một nụ cười, “chính mình còn chưa hiểu thấu mà! Mình vẫn đâu biết vì sao vỏ não suy thoái do chứng này!”)

Anh chợt nghĩ có thể Terence, dù còn bé, nhưng rất có thể sẽ hứng thú với Hội chứng Ridgeway. Anh thích thằng bé nhìn anh cân nhắc trước khi nói: “Con nghĩ cha không đùa đâu.”

Mấy ngày trước, thằng bé bị mắng do làm vỡ cái máy pha café hiệu Cona để chế tạo ammonia. Ammonia? Thằng nhóc ngộ nghĩnh thật, nó muốn tạo ra chất ấy làm gì chứ? Nghĩ cũng lạ.

Gerda nhẹ nhõm vì sự yên lặng của John. Cô lái tốt hơn nếu không bị cuộc nói chuyện gây mất tập trung. Hơn nữa, khi John mải mê suy nghĩ, anh sẽ không để ý đến tiếng động chói gắt khi cô sang số (nếu không quá cần thiết thì cô cứ giữ một số mà chạy.)

Gerda biết, có những lúc cô sang số rất mượt (dù không tự tin), nhưng những lúc ấy không bao giờ có John trên xe. Cảm giác căng thẳng phải cố làm cho đúng khiến cô kinh hãi, tay chân lóng ngóng, cô tăng ga quá mức

hoặc không đủ, rồi cô kéo cần số quá vội vã vụng về đến nỗi xe cứ rít lên phản đối.

“Nhẹ nhàng thôi, Gerda, vuốt ve nó,” mấy năm trước, Henrietta kiên nhẫn dạy cô như thế. Henrietta làm mẫu. “Chị có cảm thấy không, phải trượt nó lên, giữ thẳng bàn tay cho đến khi cảm thấy được đúng thời điểm, đừng đẩy liều, hãy cảm nhận nó.”

Nhưng Gerda chẳng bao giờ có cảm giác gì với cái cần số. Nếu cô đẩy cần về bất kỳ hướng nào tương đối đúng thì phải sang số được chứ! Xe hơi phải được thiết kế sao cho không phát ra cái tiếng ghiền rít ghê rợn đó.

Nói chung chuyển đi cũng không đến nỗi nào, Gerda thản nhiên khi bắt đầu leo lên đồi Mersham. John vẫn đang chìm trong suy nghĩ, anh không để ý tiếng chuyển số khá chói khi đi ngang Croydon. Lạc quan quá sớm, khi xe tăng tốc, cô chuyển sang số ba, lập tức nó khựng lại. John giật mình.

“Làm sao mà em có thể giảm số khi đang leo dốc chứ?”

Gerda ghiền hàm lại. Không còn xa nữa. Mà cô cũng đâu có muốn tới đó sớm. Thật ra, nếu John không cáu thì cô thà cứ lái xe tiếp vài giờ nữa còn hơn.

Nhưng giờ họ đã lái đến Shovel Down, xung quanh họ là rừng thu rục rỡ.

“Thật tuyệt diệu khi ra khỏi London để đến một nơi như thế này,” John cảm thán. “Nghĩ mà xem, Gerda, chiều nào ta cũng phải dùng trà trong căn phòng xám xịt nhỏ xíu đó, có khi còn phải bật đèn cho sáng nữa.”

Trước mắt Gerda, hình ảnh căn phòng khách nhỏ tăm tối ấy hiện lên như một ảo vọng xa xôi. Ôi, cô mong giờ được ngủ ở đó biết bao.

“Cảnh miên quê đẹp quá,” cô cố gắng hưởng ứng.

Xe xuống dốc, giờ không còn trốn tránh được nữa. Hy vọng mong manh rằng sẽ có một đi đâu gì xảy đến, cứu cô khỏi cơn ác mộng này, đã tan thành khói. Họ đã đến nơi.

Cô thoáng nhẹ nhõm khi thấy Henrietta ngồi trên bức tường thấp cùng Midge và một người đàn ông dáng cao gầy. Cô có cảm giác ỷ lại nhất định

với Henrietta, đôi khi Henrietta đỡ lời giúp cô khi cô rơi vào cảnh khó xử.

John cũng vui khi thấy Henrietta. Đúng như anh hình dung về đích đến cuộc hành trình, khung cảnh mùa thu đẹp đẽ, xuống triền đồi và thấy Henrietta đang ở đó chờ anh.

Cô mặc áo khoác vải tweed màu xanh lục và chiếc váy mà anh chưa thấy, nhưng xem chừng hợp với cô hơn nhiều, so với các thứ trang phục cô mặc tại London. Cặp chân dài của cô duỗi thẳng, mang đôi giày đế thấp màu nâu bóng loáng.

Hai người thoáng cười chào nhau, tỏ ý đều vui khi thấy nhau xuất hiện. John chưa muốn nói chuyện với Henrietta ngay lúc này. Anh còn muốn nhấm nháp niềm vui khi thấy cô ở đây, biết rằng nếu không có cô, kỳ nghỉ cuối tuần này hẳn rất trở trọi và trống trải.

Bà Angkatell bước ra chào đón hai vợ chồng. Vì lòng thương, bà đối với Gerda nồng nhiệt hơn những vị khách khác.

“Được gặp em thật là vui quá, Gerda à! Lâu quá rồi nhỉ. Và John nữa!”

Câu này rõ ràng tỏ ý Gerda mới là vị khách được chờ mong, còn John chỉ là người đi kèm không quan trọng. Rõ là quá gượng gạo, Gerda lập tức cứng người bối rối.

Lucy hỏi: “Hai người biết Edward chứ? Edward Angkatell?”

John gật đầu chào Edward, “E là tôi chưa được biết anh.”

Ánh hoàng hôn làm rực lên mái tóc vàng và đôi mắt xanh biếc của John. Giống như một chiến binh Viking vừa đổ bộ, sẵn sàng cho cuộc chinh phục. Giọng nói ấm áp, ngân vang của anh mê hoặc mọi đôi tai, và sức hút từ cá tính của anh áp đảo tất cả.

Thái độ thân mật mà bình thản đó không ảnh hưởng gì tới Lucy. Nó lại kích thích sự tò mò ranh mãnh nơi bà. Sao Edward lại đột nhiên tái nhợt đi như vậy, so với những người khác, cậu tự nhiên nhòa nhạt đi, hơi cúi người né tránh.

Henrietta gợi ý mời Gerda cùng đi thăm vườn rau.

“Lucy nhất định sẽ muốn khoe với chị em mình khu vườn đá và luống hoa mùa thu,” cô vừa nói vừa dẫn đường. “Nhưng em nghĩ khoảnh vườn

rau rất dễ thương và yên bình. Mình có thể ngồi chơi dưới dàn dưa chuột, trời lạnh thì vào bên trong nhà kính, không ai làm phiền, đôi khi còn có thứ gì đó ăn được.”

Quả thực hai người kiếm được vài quả đậu cuối mùa. Henrietta ăn sống luôn, Gerda thì không quan tâm lắm. Cô chỉ mừng vì có cơ tránh xa Lucy Angkatell, hôm nay cô thấy bà ấy còn dễ khiến cô căng thẳng hơn thường lệ.

Cô bắt đầu trò chuyện với Henrietta, có phần nhiệt tình hơn. Những câu hỏi của Henrietta chừng như đều dự sẵn là Gerda có thể trả lời. Sau chừng mười phút, Gerda cảm thấy thoải mái hơn nhiều, có lẽ cuối tuần này sẽ không đến nỗi nào đâu, cô nghĩ.

Bé Zena sắp đi học khiêu vũ và vừa được may cho bộ áo váy mới. Gerda tả bộ váy. Rồi cô kể vừa tìm được một tiệm bán đồ da rất xinh. Henrietta hỏi không biết đặt làm riêng một cái túi xách có khó không nhỉ. Gerda nhất định phải chỉ cho cô cái tiệm ấy nhé.

Thật dễ dàng để khiến Gerda trông có vẻ vui lên, cô nghĩ, khác biệt bao nhiêu so với cô, dù cô lúc nào trông cũng vui!

“Chị ấy chỉ muốn được phép cuộn lưng và rên gừ gừ như mèo,” Henrietta nghĩ.

Hai người vui vẻ ngồi bên nhau dưới dàn dưa chuột, mặt trời đã gần chạm chân trời, hắt những tia nắng cuối rực rỡ ngõ như đang giữa một ngày hè.

Im lặng một lúc. Gương mặt Gerda đánh mất vẻ thanh thản. Vai cô khòm xuống. Cô ngồi đó, như biểu tượng của sự khổ đau. Cô giật bản lên khi Henrietta chợt hỏi.

“Sao chị tới đây, nếu chị ghét nơi này đến thế?”

Gerda vội vã đáp.

“Đâu có! Thật sự đấy, sao em lại nghĩ...”

Cô ngừng chốc lát, rồi tiếp:

“Ra khỏi London vài ngày rất dễ chịu mà, và bà Angkatell *vô cùng* tử tế nữa.”

“Lucy à? Chị ấy đâu có tử tế gì.”

Gerda trông có vẻ hơi sốc.

“Ồ, nhưng chị ấy đúng là rất tử tế với chị mà.”

“Lucy biết cư xử và khi muốn thì có thể trở nên vô cùng lịch thiệp. Nhưng chị ấy khá ác đấy. Đó là vì chị ấy không giống mọi người—chị ấy không biết cảm nhận và suy nghĩ như người bình thường là như thế nào. Chị thật sự ghét đến nơi này mà, Gerda! Chị biết thế. Sao chị vẫn cứ đến bất kể cảm giác của mình?”

“Ừ, em biết đó, John thích mà...”

“À thì John thích, không sao cả. Nhưng chị có thể để anh ấy đi một mình mà?”

“Anh ấy không thích thế. Nếu không có chị đi thì anh ấy không vui. John rất là vì người khác. Anh ấy nghĩ sẽ tốt cho chị nếu về hưởng không khí vùng quê.”

“Vùng quê cũng tốt thôi,” Henrietta đồng tình. “Nhưng không cần phải là nhà Angkatell mà.”

“Chị... chị mong em đừng cho rằng chị có ý không tôn trọng nhé.”

“Chị Gerda thân mến, sao chị phải thích mọi người ở đây chứ? Thật tình em nghĩ gia tộc Angkatell nhà mình phát tởm lên được. Mọi người đều thích tụ tập và nói năng bằng thứ ngôn ngữ khác thường của riêng mình. Nếu có người ngoài muốn giết nhà mình thì cũng chẳng lạ.”

Cô nói thêm:

“Có lẽ đến giờ uống trà rồi. Chúng ta trở vào nhà thôi.”

Cô quan sát gương mặt của Gerda khi chị ta đứng dậy và đi về hướng ngôi nhà.

“Thật lý thú làm sao,” cô nghĩ, một phần trí não của cô vẫn luôn luôn suy nghĩ khách quan như người quan sát, “khi được thấy gương mặt một phụ nữ sùng tín sắp tử vì đạo bước đến chỗ hành hình.”

Khi hai người rời khỏi khu vườn rau có tường ngăn, họ nghe tiếng súng nổ, Henrietta nhận xét, “Xem chừng cuộc thám sát nhà Angkatell bắt đầu

rồi đấy nhỉ!”

Hóa ra là Sir Henry và Edward đang nói chuyện về súng ống, và thử khai hỏa luôn mấy khẩu súng lục. Ngài Henry Angkatell có thú vui sưu tầm súng và có một bộ sưu tập kha khá.

Ông đem ra mấy khẩu súng lục và mấy tấm bia bắn, rồi ông cùng Edward bắn thử.

“Chào em, Henrietta, em có muốn tự tay hạ một tên trộm đêm không nào?”

Henrietta nhận khẩu súng từ tay ông.

“Đúng đó, phải, nhắm như thế này.”

Đoàng!

“Trật rồi,” Sir Henry nói.

“Em thử xem, Gerda.”

“Ôi, em nghĩ em không...”

“Thử đi mà, chị Christow. Đơn giản lắm.”

Gerda do dự bóp cò, nhắm chặt mắt. Viên đạn đi trật còn xa hơn phát đạn của Henrietta.

“Em cũng muốn thử,” Midge tiến tới.

“Khó hơn em nghĩ,” cô nói sau vài phát bắn. “Nhưng trò này khá vui.”

Lucy từ trong nhà bước ra. Sau lưng bà là một chàng trai trẻ vóc người cao, mặt mày sừng sủa, cổ lộ hần.

“Đây là David,” bà tuyên bố.

Bà cầm lấy cây súng từ tay Midge, nhắc chòng tiếp David Angkatell, nạp đạn, rồi không nói lời nào bắn liên ba phát khá sát hòng tâm.

“Xuất sắc, chị Lucy à,” Midge khen. “Em không biết bắn súng là một trong những môn chị giỏi đấy.”

“Lucy luôn giết được đối tượng của mình,” Sir Henry trịnh trọng nói.

Rồi ông hồi tưởng chuyện xưa, “Cũng có lần hữu dụng. Em có nhớ lần mấy gã côn đồ chặn đường chúng ta ở eo biển Bosphorus, phía thuộc châu Á đấy không? Anh vật lộn với hai gã, lúc ấy chúng nằm đè lên anh mà bóp cổ.”

“Thế lúc ấy chị Lucy làm gì?” Midge hỏi?

“Bắn hai phát vào đám đàn ông đang hỗn chiến. Anh còn không biết bà ấy mang theo súng lục. Bắn trúng chân một gã, trúng vai gã kia. Suýt nữa thì anh cũng từ biệt thế giới. Không hiểu vì sao bà ấy không bắn trúng anh nữa.”

Bà Angkatell mỉm cười với chồng.

“Thì người ta luôn phải chấp nhận mạo hiểm ở mức nào đó mà,” bà nói nhẹ nhàng, “phải xử lý nhanh và đừng nghĩ ngợi nhiều.”

“Một quan điểm đáng nể, em yêu à,” Sir Henry cười. “Nhưng anh cũng hơi phiền một nỗi rằng chính anh bị coi là sự mạo hiểm của đời em!”

Sau bữa trà chiều, John mời Henrietta, “Đi dạo chút nhé,” bà Angkatell thì khẳng khăng muốn khoe với Gerda khu vườn đá, dù mùa này trong năm cảnh vườn cũng chẳng có gì để xem.

Đi dạo cùng John khác hẳn đi cùng Edward hoặc bất kỳ ai khác, Henrietta nghĩ.

Đi dạo cùng Edward thì chẳng mệt gì hơn xoay gổm, Edward ấy, như một người thợ gổm bẩm sinh, cô thấy thế. Còn đi với John thì cô cứ phải cố chạy theo cho kịp. Khi cả hai lên đến chỗ Shovel Down thì cô đã thở hổn hển: “Đâu phải chạy marathon đâu, John!”

John đi chậm lại và bật cười.

“Em theo không kịp à?”

“Em theo kịp, nhưng sao phải thế? Mình đâu có tễ xe lửa? Sao năng lượng của anh mãnh liệt tràn trề thế? Anh đang chạy trốn chính mình hả?”

John đứng khựng. “Sao em nói thế?”

Henrietta nhìn anh, vẻ tò mò.

“Em không có ý ám chỉ gì cụ thể đâu.”

John đi tiếp, để ý bước chậm lại hẳn.

“Thực sự thì,” anh nói. “Anh mệt. Rất mệt.”

Henrietta nghe ra vẻ mệt mỏi trong giọng anh.

“Bà Crabtree thế nào rồi?”

“Khẳng định ngay lúc này hãy còn sớm, nhưng anh nghĩ mình đã nắm được cái cốt lõi, Henrietta à. Nếu anh đúng,” bước chân của anh lại nhanh lên, “thì rất nhiều ý tưởng phải cải tạo triệt để, bọn anh phải xét lại toàn bộ vấn đề về sự tiết hormone...”

“Ý anh là có cách chữa cho Hội chứng Ridgeway rồi sao? Rằng bệnh nhân sẽ không phải chết?”

“Chuyện đó, tình cờ là vậy.”

Mấy người làm nghề bác sĩ mới kỳ dị chứ, Henrietta nghĩ. Tình cờ!

“Xét về mặt khoa học, nó sẽ mở ra vô vàn khả năng.”

Anh hít sâu một hơi.

“Nhưng về vùng này thật dễ chịu quá, để hít sâu không khí vào phổi, thật vui khi được gặp em.” Anh đột nhiên mỉm cười với cô. “Và cũng tốt cho Gerda nữa.”

“À Gerda, tất nhiên rồi, chị ấy rất thích đến Thung Lũng.”

“Chắc chắn là vậy. Mà anh đã gặp Edward Angkatell bao giờ chưa ấy nhỉ?”

“Anh đã gặp cậu ấy hai lần rồi,” Henrietta đáp khô khốc.

“Ừ, mà thôi đừng phí thời gian bàn về Edward. Máy người đó đâu quan trọng gì.”

Henrietta trầm giọng:

“Đôi khi, John à, em thấy sợ thay cho anh.”

“Sợ thay cho anh—nghĩa là sao?”

Anh ngạc nhiên quay sang nhìn cô.

“Anh hay quên mọi thứ, quá... mù mờ.”

“Mù mờ sao?”

“Thì anh không biết, anh không thấy, anh vô tình đến ngạc nhiên! Anh không hề hay biết người ta nghĩ gì hay cảm thấy gì.”

“Anh nghĩ ngược lại đấy chứ.”

“Anh thấy những gì anh chịu *nhìn*, đúng là thế. Anh... anh giống như cái đèn pha vậy. Luồng sáng mãnh liệt chỉ tập trung vào những gì anh quan tâm, còn những gì đằng sau anh, xung quanh anh, thì chỉ là bóng tối!”

“Henrietta, em thân mến, tất cả chuyện này nghĩa là sao vậy?”

“Như thế rất *nguy hiểm*, John à. Anh cứ tưởng ai cũng quý mến anh, có ý tốt với anh. Ví dụ những người như chị Lucy vậy.”

“Thế chị ấy không quý anh à?” John ngạc nhiên. “Lúc nào anh cũng rất mến chị ấy.”

“Thế nên anh cho rằng chị ấy cũng quý anh. Em không chắc về đi đâu đó đâu. Cả Gerda và Edward, Midge, anh Henry nữa. Anh có biết mọi người cảm thấy như thế nào về anh không?”

“Và Henrietta nữa? Mình có hiểu em ấy cảm thấy gì không?” Anh nắm lấy bàn tay cô. “Ít nhất thì... anh chắc chắn về em.”

Cô rút tay ra.

“Anh không thể chắc chắn về bất kỳ ai trong cõi đời này, John à.”

Gương mặt anh cứng lại.

“Không, anh không tin vậy. Anh tin ở em và anh tin chính mình. Ít ra thì...” Nét mặt anh chợt đổi.

“Sao vậy, John?”

“Em có biết hôm nay anh nghĩ đến đi đâu gì không? Nghe thật ngớ ngẩn. *Mình muốn về nhà*. Anh nghĩ thế đấy, hoàn toàn không hiểu tại sao nữa.”

Henrietta chậm rãi nói, “hẳn anh đã hình dung về đi đâu gì đó trong đầu.”

Anh nói dứt khoát, “Không. Không hề có!”

Vào bữa tối hôm đó, Henrietta được xếp ngồi cạnh David. Ở tận cuối bàn, Lucy khẽ nhường đôi mày thanh tú ra ý nhờ vả, bà luôn có cách để người ta tự giác giúp đỡ, chứ có bao giờ phải yêu cầu.

Sir Henry đang cố gắng làm vui lòng Gerda và cho tới lúc này khá thành công. John trông có vẻ buồn cười, đang theo dõi luồng suy nghĩ thay đổi

liên tục không theo logic gì của Lucy. Midge trò chuyện với Edward, có phần gương gạo, Edward có vẻ lơ đãng, như thường lệ.

David căng thẳng nhìn chăm chăm vào miếng bánh mì bị cậu bóp vụn. Cậu vốn không muốn đến Thung Lũng. Trước nay cậu chưa từng gặp Sir Henry hay bà Angkatell, và vì vốn không ưa Đế chế Anh nói chung, cậu mang tâm thế sẵn lòng từ bỏ luôn họ hàng. Cậu không biết Edward, và coi anh ta chỉ như dân tay mơ. Cậu săm soi bốn vị khách còn lại. Họ hàng, kỳ dị thật, cứ gặp mặt là thành lệ phải trò chuyện với nhau, cậu ghét chuyện trò.

Cậu cho rằng Midge và Henrietta đầu óc chẳng có gì. Christow là tay lang băm mở phòng khám ở đường Harley—chẳng qua khéo miệng và biết xã giao—bà vợ ông ta thì hoàn toàn không cần nhắc đến.

David chỉnh lại cổ áo, hết lòng ao ước tất cả mọi người ở đây đều được cậu chẳng quan tâm chút gì đến họ cả! Chẳng có ai đáng để mắt.

Khi lặp lại trong đầu câu ấy ba lần, cậu thấy khá hơn. Vẫn còn cau có, nhưng cậu thôi không hành hạ miếng bánh mì nữa.

Henrietta, tuy nhận tín hiệu nhờ vả từ bà chủ nhà, nhưng mở đầu không được thuận lợi. Những câu đáp cộc lốc của David làm nhụt chí bất kỳ ai muốn bắt chuyện. Cuối cùng, cô viện đến một phương pháp cô từng áp dụng cho những cậu trai trẻ ít lời.

Cô cố tình đưa ra một nhận xét nghe có vẻ giáo điều và vô lý về một nhà soạn nhạc hiện đại, cô biết David rất thông hiểu về kỹ thuật lẫn âm nhạc.

Rồi cô thích thú thấy cậu chàng cắn câu. Đang thông người chán chường, David ngỡ chẳng dậy, giọng nói của cậu cũng không còn lờ mờ chiểu lệ nữa. Cậu ngưng bóp vụn cái bánh mì.

“Câu đó,” cậu nói bằng giọng rõ ràng, lạnh mắt liếc Henrietta, “cho thấy chị không hiểu chút gì về đề tài đó cả!”

Kể từ lúc đó cho đến tận cuối bữa, cậu thao thao giảng giải bằng giọng rõ ràng pha chút đay nghiến, còn Henrietta nhu mì lùi về vai trò của người được chỉ bảo.

Bà Lucy Angkatell nhìn từ nhìn về hướng cuối bàn, Midge cười thầm.

“Thật thông minh, cưng à,” bà Angkatell thì thầm khi quàng tay qua người Henrietta, cùng đi về phía phòng khách. “Thật vớ vẩn, cái quan niệm rằng ai khéo việc tay chân thì đầu óc không phát triển lắm! Em nghĩ nên chơi trò gì bây giờ, bài Hearts, hay Bridge, hay Rummy, hay trò siêu siêu để là ‘nghe tiếng đoán hình con vật’?”

“Em nghĩ trò đoán con vật khiến David thấy bị xúc phạm đấy.”

“Có lẽ vậy. Thế thì chơi bài Bridge. Có lẽ cậu ấy thấy món đó cũng khá vô vị, và có thể lấy đó làm cớ mà càng coi thường chúng ta.”

Mọi người ngẩng kín hai bàn. Henrietta và Gerda một đội, đấu với John và Edward. Đó không phải cách sắp xếp mà cô thấy tối ưu, đúng ra cô muốn tách Gerda xa khỏi Lucy, và cả John nữa. Nhưng John tỏ ý khẳng khái ngẩng như thế. Còn Edward đã chặn trước chuyện cùng đội với Midge.

Không khí không được thoải mái lắm, Henrietta nghĩ, nhưng cô không rõ do đâu. Dù sao nếu buổi chơi bài khiến mọi người nhẹ nhõm chút, thì theo cô nên để Gerda thắng. Thật ra Gerda chơi không kém quá, nếu không ở gần John, cô xem như người chơi trung bình, nhưng cô quá lo lắng, phán đoán dờ, và không biết rõ giá trị những lá bài trong tay. John chơi cũng giỏi, có phần quá tự tin. Còn Edward thì chơi giỏi thực sự.

Buổi tối dần trôi qua như thế, bàn của Henrietta vẫn chưa xong một hiệp, bởi điểm số cứ so kè đầu giữa hai bên. Một sự căng thẳng dần len vào giữa cuộc chơi, mà chỉ có duy nhất một người không cảm thấy.

Đối với Gerda, đây chỉ là một hiệp bài Bridge mà lần đầu cô tình cờ thấy thích thú. Cô thật tình thấy hào hứng một cách dễ chịu. Những lần phải ra quyết định khó khăn đầu bất ngờ được Henrietta ranh mãnh thay cô hóa giải.

Có những lúc John, khi không kiềm được thói chỉ trích vốn làm Gerda trở nên mất tự tin hơn là anh tưởng, kêu lên: “Sao em có thể ra con chuồn đó đầu tiên hà, Gerda?” thì lập tức Henrietta chặn ngay: “Vớ vẩn, John, tất nhiên chị ấy phải ra con chuồn! Đó là nước duy nhất khả dĩ rồi.”

Cuối cùng, Henrietta thở phào giành điểm.

“Thắng ván này và thắng cả hiệp nhé, khá suýt soát, chị Gerda à.”

“Ăn may thôi,” John nói, giọng ra vẻ vui tươi.

Henrietta liếc anh sắc lẹm. Cô quá biết giọng điệu đó. Mắt hai người chạm nhau, anh hạ mắt trước.

Cô đứng dậy và đi lại chỗ lò sưởi, John đi theo cô. Anh hỏi, ra vẻ bình thường: “Không phải lúc nào em cũng nhìn trộm bài người khác, nhỉ?”

Henrietta bình tĩnh, “Có lẽ em nhìn hơi lộ. Đúng là em khao khát muốn thắng quá mà!”

“Ý em là em mong Gerda thắng hiệp bài. Vì muốn người khác vui lòng, em sẵn sàng chơi gian lận.”

“Anh suy diễn nghe đáng sợ thật. Mà lúc nào anh cũng nói đúng.”

“Có vẻ đồng đội phe anh cũng mong em thắng.”

Vậy là anh ấy có để ý đến, Henrietta nghĩ. Cô từng ngờ ngợ về chuyện ấy, lỡ như mình nhầm lẫn. Edward chơi rất giỏi, không gì cản nổi. Một lần rao bài thất bại. Rồi một lượt dẫn bài rất hợp lý và rất lộ liễu — nhưng nếu đỡ lộ hơn thì mới chắc thắng.

Chuyện này khiến Henrietta lo lắng. Cô biết Edward không bao giờ ra bài để nhường cô thắng. Anh vốn có tinh thần thể thao đặc Anh, cạnh tranh rất thẳng thắn. Không đâu, anh ấy sẽ không nhin nổi một thắng lợi nữa của John Christow.

Đột nhiên cô cảm thấy căng người, cảnh giác. Cô không thích bữa tiệc này của Lucy.

Và rồi thật đột ngột và đầy kịch tính, với vẻ phi thực như xuất hiện trên sân khấu, Veronica Cray đi vào qua cửa sổ.

Mấy cánh cửa sổ to trong phòng khách chạy suốt từ trần đến sàn đã được mở hé vì buổi tối trời ấm. Veronica đẩy cánh cửa mở rộng ra, đi qua bậc cửa và đứng đó, dáng người nổi bật trên nền trời đêm. Cô mỉm cười, hơi có vẻ thảm nã đồng thời vô cùng quyến rũ, chờ đợi một khoảnh khắc cực nhỏ trước khi lên tiếng, để đảm bảo ai cũng chú ý đến mình.

“Xin thứ lỗi rằng em đến bất ngờ như thế này. Thưa bà Angkatell, em là hàng xóm của bà, ở nhà Dovecotes cạnh bên—một thảm họa khủng khiếp nhất đã xảy đến.”

Nụ cười của cô nở rộng hơn—nhuộm vẻ hài hước.

“Không có diêm! Không còn một que diêm nào trong nhà! Mà lại là tối thứ Bảy! Em thật ngu ngốc, nhưng em còn làm sao được nữa? Em đi đến tận đây để xin sự giúp đỡ từ những người hàng xóm.”

Không ai nói gì trước Veronica. Bởi nàng đẹp, không phải vẻ dễ thương nhẹ nhàng, cũng không phải kiêu dáng yêu rạng rỡ—mà là vẻ đẹp áp đảo khiến người ta phải nín thở! Làn tóc màu bạc sáng óng, khóe miệng hơi cong lên mê hoặc, tấm áo lông cáo bạc khoác vai, đuôi áo dài bằng nhung trắng.

Nàng nhìn hết người này sang người khác, vẻ hài hước, yêu kiêu!

“Mà em thì hút thuốc như cái ống khói! Mà bật lửa thì hỏng! Thêm vào đó, bữa sáng, bếp ga nhà em...” Cô chìa tay ra. “Em thấy mình ngốc thật sự ấy.”

Lucy tiến tới trước, vẻ lịch sự, có phần hơi buồn cười.

“Không sao...” bà mở lời, nhưng Veronica Cray cắt ngang.

Cô đã nhìn thấy John Christow. Gương mặt cô sáng bừng lên một vẻ mừng vui bất ngờ. Cô bước một bước về phía anh, tay dang rộng.

“Ô, đúng anh rồi, John! John Christow! Không phải là phi thường quá sao! Em không gặp anh nhiều nhiều nhiều năm lắm rồi! Thế mà đột nhiên lại thấy anh ở đây!”

Cô áp tay vào ngực. Cả người cô toát lên niềm vui giản dị và ấm áp. Cô hơi quay sang bà Angkatell.

“Thật là đi đâu bất ngờ tuyệt diệu nhất. John là bạn cũ lâu năm của em. Mà đúng ra, John là người đàn ông đầu tiên em từng yêu đó! Em cũng đại vì anh, John!”

Cô bật cười khẽ, tự giấu chính mình còn xúc động khi tưởng niệm tình đầu.

“Lúc nào tôi cũng thấy John là người tuyệt vời mà!” Sir Henry tiến về phía cô, về lịch sự và tao nhã.

“Cô phải uống một ly với chúng tôi nhé.” Ông khéo léo chuyển mấy cái ly sang. Bà Angkatell gọi:

“Midge, cung rung chuông giúp với.”

Khi Gudgeon xuất hiện, bà Lucy hỏi:

“Gudgeon à, mang một hộp diêm lên nhé, hẳn là Cook trữ nhiều lắm?”

“Hôm nay người ta vừa giao đến hơn một tá, thưa bà.”

“Thế thì mang sáu hộp lên đây nhé, Gudgeon.”

“Thôi ạ, thưa bà Angkatell, một hộp là được!”

Veronica bật cười phản đối. Cô đã cầm ly để uống trên tay, và giờ mỉm cười nhìn khắp mọi người. John Christow giới thiệu:

“Veronica, đây là vợ anh.”

“Ôi rất vui được gặp chị.” Veronica mỉm cười với Gerda đang bối rối.

Gudgeon mang đến mấy hộp diêm đặt trên mâm bạc.

Bà Angkatell phác một cử chỉ về phía Veronica Cray, ông bưng khay lại phía cô.

“Ôi bà Angkatell thân mến, không cần hết chỗ này đâu!”

Lucy phẩy tay một cách đặc biệt tao nhã.

“Nhưng mà trong nhà chỉ có mỗi một hộp thì khó chịu lắm. Nhà tôi cũng dễ mua thêm mà.”

Sir Henry thân mật hỏi:

“Thế cuộc sống ở Dovecotes thế nào?”

“Em thích lắm. Rất gần London mà lại cách biệt vừa đủ. Một nơi lý tưởng.”

Veronica đặt ly xuống. Cô xốc lại cổ áo vì quần da cáo cho sát hơn, rồi mỉm cười với tất cả.

“Cảm ơn mọi người nhiều lắm! Mọi người thật tử tế.” Những từ ấy hướng về Sir Henry, bà Angkatell, và không biết vì sao, cả về phía Edward. “Giờ em sẽ đem chiến lợi phẩm trở về, John à,” cô cười với anh, nụ cười thân mật, không diễn. “Anh phải tiễn em về đến nơi an toàn đấy nhé, vì em vô cùng muốn nghe anh đã làm gì trong những năm dài đã qua. Anh biết không, những chuyện đó khiến em thấy mình thật là *già nua*.”

Cô đi về phía cửa sổ, John Christow nổi bước. Cô nở nụ cười từ biệt rạng rỡ với tất cả.

“Thật lòng rất xin lỗi vì làm phiền mọi người vì lý do ngớ ngẩn thế này. Cảm ơn thật nhiều, bà Angkatell.”

Cô đi ra cùng John.

Sir Henry đứng ở cửa sổ nhìn theo.

“Tối nay trời ấm dễ chịu quá.”

Bà Angkatell ngáp dài.

“Ôi mình phải đi ngủ thôi.” Bà lầm bầm. “Anh Henry à, mình phải đi xem một bộ phim cô ấy đóng mới được. Từ tối hôm nay, em cảm thấy chắc chắn rằng cô diễn xuất tốt lắm.”

Mọi người lên lầu. Midge chào đi ngủ, rồi hỏi Lucy:

“Diễn xuất tốt lắm ạ?”

“Em không thấy vậy sao cưng?”

“Em đoán chị cho rằng ở nhà cô ấy lúc nào cũng trĩu sẵn diêm nhỉ.”

“Hẳn là có cả chục hộp, cưng à. Nhưng mà mình không nên so đo khe khắt. Vừa rồi đúng là một màn diễn hay mà!”

Các cửa lớn đầu đã đóng, đây đó thì thềm tiếng chúc ngủ ngon. Sir Henry bảo: “Tôi sẽ để mở cánh cửa sổ cho Christow về” Rồi ông đóng cửa phòng.

Henrietta nói với Gerda: “Mấy cô diễn viên buồn cười thật. Xuất hiện và rời đi thật lạ thường chứ!” Cô ngáp rồi nói thêm, “Em buồn ngủ quá chừng.”

Veronica Cray nhanh nhẹn bước trên con đường hẹp xuyên qua rừng cây dẻ.

Ra khỏi rừng là một trảng trống cạnh hồ bơi. Ở đó có căn nhà mát nhỏ để gia đình Angkatell ng ỡ chơi vào những ngày trời nắng đẹp, trừ khi có gió lạnh.

Veronica đứng lại. Cô quay mặt đối diện với John Christow.

R ỡ cô cười phá lên, chỉ tay về phía mặt hồ bơi đầy lá rụng.

“Không giống cảnh Địa Trung Hải chút nào hết, phải không John?” cô nói.

Khi đó, anh hiểu anh chờ đợi đi ều gì, anh biết suốt mười lăm năm xa cách, Veronica vẫn trong lòng mình. *Biển xanh, mùi hoa mimosa, làn hơi đất nóng hổi*— bị nhấn xuống, gạt khỏi tầm mắt, nhưng không bao giờ lãng quên. Tất cả những đi ều ấy chỉ có một ý nghĩa—Veronica. Anh lại là một chàng trai hai mươi bốn tuổi, tuyệt vọng và khốn khổ vì tình yêu, nhưng lần này anh không trốn chạy.

Christow ra khỏi cánh rừng dẻ, bước trên sườn đồi xanh gần nhà. Trăng lên, ngôi nhà buong màn kín tấm trong ánh trăng trông ngậy thơ lạ thường. Anh nhìn đồng hồ đeo tay.

Đã ba giờ sáng. Anh hít một hơi sâu, gương mặt dần chau lại. Anh đã không còn là chàng trai trẻ hai mươi bốn tuổi đang yêu. Anh giờ là người đàn ông bốn mươi, thực tế, sắc sảo, với bộ não rành mạch, cân bằng.

Anh từng khờ dại, tất nhiên là vậy, hoàn toàn ngu ngốc, nhưng anh không hối hận! Bởi giờ anh nhận ra mình đã hoàn toàn làm chủ được mình. Chừng như suốt nhiều năm qua anh phải mang xiềng xích nơi chân, giờ gánh nặng ấy đã mất. Anh được tự do.

Anh tự do và là chính mình, là John Christow, anh biết rằng đối với một John Christow — vị bác sĩ thành công trên đường Harley — thì Veronica chẳng có ý nghĩa gì cả. Mọi thứ đã là quá khứ rồi — chính vì mâu thuẫn chưa bao giờ được giải quyết, chính vì anh luôn ám ảnh nhục nhã bởi mình đã “bỏ chạy,” nên hình bóng Veronica mới không bao giờ rời khỏi anh. Tối nay cô đến với anh như một giấc mơ, và anh chấp nhận giấc mơ đó, tạ ơn Chúa, anh đã thoát khỏi nó mãi mãi. Anh đã trở về hiện thực, bây giờ là ba giờ sáng, có lẽ anh đã làm mọi sự thành ra khó xử vô cùng.

Anh đã ở cạnh Veronica ba tiếng đồng hồ. Cô nàng lao đến như chiến thuyền, rút anh ra khỏi mọi người và đưa anh đi như chiến lợi phẩm, không biết mọi người nghĩ sao về chuyện này nữa.

Gerda sẽ nghĩ sao?

Henrietta nữa? (nhưng anh không bận tâm lắm về Henrietta. Anh cảm giác rằng mình có thể giải thích cho cô hiểu rất nhanh. Nhưng anh sẽ không

nói cho Gerda hiểu được.)

Mà chắc chắn rằng anh không muốn đánh mất ai cả.

Cả cuộc đời này, anh chỉ chấp nhận đánh liều ở một mức vừa phải. Liều với bệnh nhân, với một phương thức điều trị, trong một vụ đầu tư. Không bao giờ quá mức, chỉ đi lối cái ngưỡng an toàn một chút.

Nếu Gerda nghi ngờ, nếu Gerda đoán...

Nhưng liệu có không? Anh thì hiểu bao nhiêu về vợ mình? Thường anh nói trắng thành đen cô cũng tin. Nhưng trước sự việc như thế này...

Liệu anh trông ra sao khi bước qua cửa sổ, đi theo dáng người cao ráo, đắc thảng của Veronica? Về mặt anh khi ấy thế nào? Liệu họ có nhìn anh như một cậu trai mê mụ vì tình? Hay họ chỉ coi đó là hành động lịch sự của người đàn ông trưởng thành? Anh không biết. Anh chịu không đoán được.

Nhưng anh lo sợ cho cuộc đời yên ả, trật tự và an toàn của mình. Khi xưa anh từng đại biết mấy, anh bực bội nghĩ vậy, rồi tự trấn tĩnh cũng vì chính suy nghĩ đó. Lẽ nào người ta ngờ anh vẫn còn cuồng điên như thế chứ?

Mọi người đều đã đi ngủ, rõ là thế. Cánh cửa sổ ở phòng khách vẫn mở hé cho anh vào. Anh ngẩng lên ngắm nhìn ngôi nhà yên ngủ ngây thơ. Xét ở góc độ nào đó, nó có vẻ ngây thơ quá mức.

Anh giật mình. Anh vừa nghe, hay ngỡ rằng mình nghe, tiếng đóng cửa rất nhẹ.

Anh quay ngoắt đầu lại. Nếu có ai đó đi ra hồ bơi, theo anh đến đó. Nếu có người chờ và theo chân anh về rồi men theo lối mòn cao hơn băng rừng, trở vào nhà theo cửa bên của khu vườn, thì tiếng đóng cửa vườn y hệt tiếng động anh vừa nghe.

Anh nhìn xoáy vào các cửa sổ. Có phải tấm màn vừa động, có phải có ai vừa vén màn nhìn ra rồi lại buông rèm? Phòng của Henrietta.

Henrietta! Đứng! Trái tim anh gào thét hoảng loạn. Mình không thể mất Henrietta!

Anh chợt muốn ném cả vốc sỏi vào cửa sổ, thét gọi nàng.

“Ra đây nào, tình yêu của anh. Ra đây đi để dạo cùng anh xuyên rừng về Shovel Down và hãy lắng nghe anh—lắng nghe mọi đi ều giờ anh đã hiểu thấu về chính mình, và em cũng phải biết, nếu như em chưa biết.”

Anh muốn nói với Henrietta:

“Anh sẽ bắt đầu lần nữa. Cuộc đời mới bắt đầu từ hôm nay. Những thứ cản chân níu kéo anh khỏi cuộc sống thật sự đã rơi rụng cả r ồi. Chỉ ều nay, em đã đúng khi hỏi phải chẳng anh chạy trốn khỏi chính mình. Phải, anh đã làm thế bao năm nay. Vì anh chưa từng biết mình rời khỏi Veronica là quyết định mạnh mẽ hay yếu hèn. Anh đã sợ chính mình, sợ cuộc đời, sợ em.”

Giá mà anh có thể đánh thức Henrietta để khiến cô ra ngoài cùng anh— để đi bộ xuyên rừng cho đến khi ngắm mặt trời tr ồi lên từ bên rìa thế giới.

“Mày điên r ồi,” anh tự nhủ, thoáng rùng mình. Thời tiết cuối tháng Chín đã lạnh. “Ma đưa lối quỷ đưa đường hay sao?” Anh tự hỏi. “Tối nay đã cư xử điên rồ quá lắm! Nếu chuyện qua đi suôn sẻ, thì coi như may mắn cực kỳ r ồi!” Gerda sẽ nghĩ gì nếu anh đi qua đêm r ồi sáng ra tiện tay mua sữa v ề?

Và nhà Angkatell sẽ nghĩ gì chứ? Hiển nhiên.

Nhưng thật sự anh không lo về chuyện ấy. Nhà Angkatell sống theo múi giờ Greenwich, do thói quen sinh hoạt của Lucy. Mà đối với Lucy thì những sự bất thường luôn luôn có vẻ vô cùng bình thường.

Nhưng xui xẻo thay, Gerda không giống như nhà Angkatell.

Phải nói chuyện với Gerda, anh nên đi vào và khiến cô an lòng càng nhanh càng tốt.

Nhưng nếu Gerda là người lên theo anh đêm nay?

Chẳng ích gì khi khuyên nhủ ai đừng làm đi ều này đi ều nọ. Là bác sĩ, anh quá hiểu con người, nhất là những người nhạy cảm, cao cả, khó tính, danh giá, lại thường xuyên làm những chuyện gì. Họ nghe lén câu chuyện, mở lén thư từ, rình mò hóng hớt, không phải vì trong khoảnh khắc ấy n ền tảng đạo đức cho phép họ làm thế, mà bởi vì họ không cưỡng nổi tò mò trước nỗi đau khổ cực độ của tha nhân.

Những kẻ ác đáng thương, anh nghĩ, những con người tội lỗi đáng thương đang phải chịu đựng. John Christow thấu hiểu về sự chịu đựng của con người. Anh không mấy xót thương những kẻ yếu đuối, nhưng với những ai đang phải chịu đựng thì có, bởi anh biết, kẻ mạnh mới có thể nhẫn chịu thử thách.

Nếu mà Gerda biết chuyện...

Vớ vẩn, anh tự trấn an, làm sao biết được? Vợ anh hẳn đã đi ngủ và ngủ rất nhanh, như thường lệ. Cô ấy vốn không biết tưởng tượng xa xôi, chưa bao giờ.

Anh đi vào qua lối cửa sổ, bật đèn bàn rồi khóa cửa. Rồi anh tắt đèn, rời phòng khách, lần mò công tắc ở hành lang, nhanh chóng nhẹ chân đi lên lầu. Công tắc thứ hai tắt nốt đèn hành lang. Anh dừng một chút trước cửa phòng ngủ, đặt tay lên tay nắm, rồi mở cửa, tiến vào.

Căn phòng tối đen, anh nghe tiếng Gerda thở đều đều. Cô trở mình khi anh khép cửa. Giọng cô khào khào ngái ngủ.

“Anh đó phải không, John?”

“Ừ.”

“Anh về trễ lắm phải không? Mấy giờ rồi anh?”

Anh đáp ra vẻ không để ý:

“Anh không biết nữa. Xin lỗi đã đánh thức em. Anh phải tiễn cô khách và có uống một ly.”

Anh vờ chỉnh giọng cho có vẻ chán chường và ngái ngủ.

Gerda lầm bầm: “Thế ạ? Thôi chúc anh ngủ ngon, John.”

Rồi cô trở mình ngủ tiếp.

Ồn rồi! Như thường lệ, anh gặp may. *Như thường lệ*—chữ ấy chợt khiến anh ngấm lại, biết bao nhiêu lần vận may mỉm cười với anh! Hết lần này đến lần khác, anh nín thở nghĩ thầm, “Thôi thế là xong.” Nhưng rồi mọi sự ồn cả! Nhưng chắc chắn rồi sẽ đến một ngày vận đỏ bỏ anh đi.

Anh nhanh chóng thay đồ rồi lên giường. Cái trò bói toán của trẻ con buồn cười thật. “*Lá bài ở phía trên cha và có ảnh hưởng tới cha...*”

Veronica! Cô ta đúng là *từng có* ảnh hưởng tới anh.

“Nhưng không còn nữa đâu, cưng à,” anh nghĩ với một cảm giác thỏa mãn độc địa. “Tất cả đã chấm hết. Giờ ta đã rũ bỏ được cô!”

Hôm sau, khi John xuống nhà thì đã mười giờ sáng. Bữa sáng đã dọn sẵn trên bàn. Gerda nói muốn ăn sáng tại phòng, cô hơi áy náy, lo rằng mình “gây phiền cho chủ nhà.”

Không sao đâu mà, John trấn an vợ. Gia đình Angkatell vẫn thừa tiền thuê quản gia và giúp việc thì phải cho họ có việc mà làm chứ.

Sáng nay anh rất nhẹ nhàng với vợ. Mọi sự bứt rứt khiến anh khó ở gần đây chừng như đã biến mất.

Sir Henry và Edward ra ngoài đi săn, bà Angkatell nói với anh. Bà cũng đang bận bịu, tay đeo găng làm vườn và cần một cái giỏ. Anh nán lại trò chuyện cùng bà một lúc, thì ông quản gia Gudgeon tiến đến đưa anh một bức thư đặt trên mâm bạc.

“Thư vừa mới được gửi tới, thưa ông.”

Anh hơi nhướng mày, nhận bức thư.

Là Veronica!

Anh đi vào thư viện, xé thư xem.

Sáng nay anh đến chỗ em nhé. Em phải gặp anh.

Veronica.

Lúc nào cũng cái kiêu ra lệnh, anh nghĩ. Thoạt đầu anh không định đi. Sau anh nghĩ lại, thôi thì một lần cho dứt. Rồi anh đi luôn.

Anh lần theo lối mòn đối diện cửa sổ thư viện, băng ngang hồ bơi, vốn ở vị trí trung tâm, từ đó có lối mòn dẫn đi khắp mọi hướng. Một lối dẫn lên

khu rừng trên đồi, một sẽ đến dinh thự mang tên Dovecotes.

Veronica đang đợi anh. Cô gọi vọng qua cửa sổ tòa nhà ốp gỗ phô trương.

“Vào đi John. Buổi sáng trời lạnh.”

Trong phòng khách đã đốt lò sưởi, nội thất toàn màu trắng, mấy chiếc nệm màu hoa anh thảo nhạt.

Sáng nay, khi quan sát cô bằng cặp mắt đánh giá, anh nhận ra những điểm khác biệt với người con gái trong ký ức mà tối qua anh chưa kịp thấy.

Nói cho đúng thì bây giờ cô đẹp hơn thời ấy, anh nghĩ. Vì cô ý thức được vẻ đẹp của mình rõ hơn, cô biết chăm chút cho nó và tôn vinh nó bằng mọi cách. Mái tóc vốn vàng sẫm giờ màu bạc sáng. Dáng chân mày cô cũng khác, khiến các biểu cảm trên gương mặt cô càng thêm sâu sắc.

Cô chưa bao giờ là một búp bê xinh đẹp rỗng tuếch. Anh nhớ cô từng được đánh giá là một trong những “nữ diễn viên có trí tuệ.” Cô có bằng đại học, biết thể hiện quan điểm khi bàn về Strindberg và Shakespeare.

Anh chợt vỡ lẽ một điều mà khi xưa chỉ lờ mờ cảm thấy—rằng cô là một phụ nữ có thói vị kỷ khác thường. Veronica đã quen tự tung tự tác, và đằng sau những đường nét đẹp đẽ mềm mại, anh cảm nhận được sự kiên định đến sắc lạnh.

“Em gửi thư cho anh,” Veronica mở lời trong khi đưa mời anh thuốc lá, “vì ta phải nói chuyện. Ta phải bàn định. Cho tương lai chúng mình.”

Anh rút một điếu thuốc, châm lửa. Rồi anh đáp, vẻ thoải mái:

“Nhưng liệu hai ta có tương lai gì không?”

Cô liếc anh sắc lẹm.

“Anh nói vậy là sao, John? Tất nhiên hai ta có tương lai chứ. Ta đã lãng phí những mười lăm năm. Không cần phải phí hoài thêm nữa.”

Anh ngẩng xuống.

“Anh xin lỗi, Veronica. Nhưng anh e là em hiểu lầm mọi chuyện. Anh... rất vui khi gặp lại em. Nhưng cuộc đời anh và em bây giờ không có gì giao cắt nữa. Lệch hướng cả rồi.”

“Nói vợ vãn, John à. Anh yêu em và em yêu anh. Ta yêu nhau. Khi xưa anh cứng đầu quá! Nhưng thôi giờ không bàn đến chuyện ấy. Cuộc đời hai ta không phải xung khắc nữa. Em không có ý trở lại Mỹ. Khi đóng xong phim này, em sẽ chuyển hướng hẳn sang sân khấu London. Em nhận vai trong một vở kịch rất nổi, Elderton viết riêng cho em. Vở kịch ấ sẽ thành công vang dội.”

“Hẳn là vậy,” anh lịch sự đáp.

“Và anh có thể tiếp tục làm bác sĩ.” Giọng cô ra vẻ tử tế và ban ơn.
“Anh khá nổi tiếng, người ta nói với em thế.”

“Em thân mến à, anh có vợ rồi. Có con nữa.”

“Em cũng đang có chồng mà,” Veronica đáp. “Nhưng những việc ấy cũng dễ thu xếp thôi. Chỉ cần mời đúng luật sư giỏi.” Cô cười rạng rỡ.
“Em luôn định kết hôn với anh, cưng à. Em không ngờ mình mê đắm anh đến vậy, nhưng quả thế!”

“Xin lỗi Veronica, nhưng không có luật sư nào đủ giỏi để thu xếp mọi thứ đâu. Đời anh và đời em chẳng có liên quan gì đến nhau nữa.”

“Kể cả sau đêm qua sao?”

“Em đâu còn là trẻ con, Veronica. Em đã có vài ông chồng, và vô số tình nhân. Tối qua thì có đáng kể gì? Không gì cả, em biết thế mà.”

“Ôi John thân yêu,” cô cười khoan dung. “Giá mà anh thấy gương mặt mình khi ở trong căn phòng chật ních người đó. Anh phải về San Miguel lại thôi.”

John thở dài.

“Anh từng ở San Miguel. Hãy cố mà hiểu đi, Veronica. Em đến với anh từ quá khứ. Tối qua, chính anh cũng sống trong quá khứ, nhưng hôm nay thì khác. Anh đã thêm mười lăm tuổi. Anh đã là người em không còn biết — và anh dám chắc rằng nếu em biết thêm thì sẽ không thích cho lắm đâu.”

“Anh chọn vợ con thay vì em sao?”

Cô tỏ vẻ thật lòng ngạc nhiên.

“Nghe có vẻ lạ với em, nhưng thật thế.”

“Vô lý quá John, anh yêu em mà.”

“Xin lỗi nhé, Veronica.”

Cô ngờ vực hỏi:

“Anh không yêu em sao?”

“Tốt hơn ta nên nói rõ việc này. Em đẹp và quyến rũ vô cùng, Veronica à, nhưng anh không yêu em.”

Cô ng ỡ im phất như tượng sáp. Vẻ yên lặng đó của cô khiến anh hơi khó xử.

R ồi khi cô lên tiếng lại, vẻ độc địa trong giọng cô khiến anh giật mình.

“Cô ta là ai?”

“Cô ta nào? Em nói gì thế?”

“Người phụ nữ đứng g ần lò sưởi tối qua?”

Henrietta! Anh nghĩ. Sao cô lại chĩa hướng sang Henrietta? Anh hỏi lại:

“Em nói ai? Midge Hardcastle à?”

“Midge? Cái cô da ngăm, mặt vuông đó sao? Không, em không nói cô ấy. Và không nói vợ anh. Em muốn hỏi con quý cái đứng dựa lò sưởi ấy! Chính vì *nó* mà anh bỏ em! À thôi đừng có tỏ ra đạo đức yêu vợ thương con nữa đi! Chẳng qua do người đàn bà khác thôi.”

Cô đứng dậy, tiến tới trước mặt anh. “Anh không hiểu hay sao, John, em đã trở về Anh mười tám tháng trước, và nghĩ về anh suốt từ lúc đó. Thế vì sao anh nghĩ em mua nhà ở cái chốn quê mùa này? Chỉ vì em phát hiện ra anh thường về nhà Angkatell nghỉ cuối tuần!”

“Vậy ra mọi chuyện tối qua đều được sắp đặt sao, Veronica?”

“Anh *thuộc về* em, John! Luôn luôn như vậy!”

“Anh không thuộc về ai cả, Veronica. Cuộc đời chưa dạy em rằng em không thể sở hữu linh hồn lẫn thể xác của người khác hay sao? Khi còn trẻ thì anh yêu em thật, anh những muốn chia sẻ cuộc sống cùng em. Thế nhưng em từ chối!”

“Cuộc đời và sự nghiệp của em quan trọng hơn của anh. Làm bác sĩ thì ai mà chẳng làm được!”

Anh thoáng mất bình tĩnh.

“Em tưởng em tuyệt vời lắm sao?”

“Ý anh là em chưa đạt đến đỉnh cao hả? Em sẽ lên tới! Em sẽ làm được!”

John Christow quan sát cô với vẻ thích thú chột náy.

“Anh không tin em làm được đâu. Em thiếu chút gì đó, Veronica. Em toàn chộp giạt mảnh khóc, không có sự cao thượng thật sự. Chính là vì như thế đấy.”

Veronica đứng dậy. Giọng cô trầm thấp:

“Anh đã bỏ tôi mười lăm năm trước. Giờ anh bỏ tôi lần nữa. Tôi sẽ khiến anh phải hối hận.”

John cũng đứng dậy, bước ra cửa.

“Xin lỗi nếu làm tổn thương em, Veronica. Em rất đáng yêu, anh từng yêu em nhiều. Chúng ta để cho quá khứ ngủ yên, được chứ?”

“Tạm biệt John. Ta sẽ không để quá khứ ngủ yên. Anh rồi sẽ thấy. Tôi nghĩ... Tôi căm ghét anh hơn bất kỳ ai trên đời này.”

Anh nhún vai.

“Xin lỗi. Chào em.”

John từ tốn đi bộ xuyên rừng. Khi đến chỗ hồ bơi, anh ngẩng xuống ghé băng ở đó. Anh không hề hối tiếc về chuyện với Veronica. Cô ta đúng là ghê tởm, anh buồn bực nghĩ. Trước nay luôn như vậy, chuyện hay nhất anh từng làm là rũ bỏ cô kịp lúc. Có Chúa mới biết nếu không thì đời anh bây giờ sẽ thế nào!

Nghĩ tới đó, anh bưng bưng cảm giác cuộc đời mới đang mở ra, không còn bị quá khứ đè nặng. Một hai năm gần đây hẳn việc sống cùng anh vô cùng khó khăn. Tội nghiệp Gerda, anh nghĩ, lúc nào cũng quên mình, lúc nào cũng nơm nớp mong làm hài lòng anh. Anh phải tử tế hơn với vợ mới được.

Và có thể giờ anh sẽ ngừng được việc bắt nạt Henrietta. Thật ra chẳng ai thực sự bắt nạt được cô ấy, Henrietta không để mình bị ép. Bao giờ có thể nổi ra trên đầu cô nhưng cô vẫn đứng đó, trầm tư, quan sát đối phương như từ một nơi xa lắm.

Anh nghĩ: “Mình sẽ đi gặp Henrietta và nói cho cô ấy biết.”

Anh ngừng phất đầu lên, dứt dòng suy nghĩ vì tiếng động bất thường. Có tiếng súng chốc chốc vang lại từ khu rừng phía trên đồi, và có những tiếng động nhỏ quen thuộc, tiếng chim hót, tiếng lá rơi. Nhưng tiếng động này thì khác. Một tiếng *click* lạnh lẽo.

Rồi đột nhiên, John cảm nhận sự nguy hiểm. Anh đã ngửi đây bao lâu rồi? Nửa tiếng? Một tiếng? Có ai đó theo dõi anh. Có ai đó...

Và cái tiếng *click* đó... rõ ràng đó là...

Anh quay phắt lại, đàn ông vốn rất nhanh nhẹn. Nhưng không đủ nhanh. Đôi mắt anh mở to vì kinh ngạc, nhưng không còn kịp kêu.

Tiếng súng vang lên và anh ngã vật ra, trượt xuống mép bể bơi.

Một đốm màu sẫm từ từ lan rộng từ ngực trái anh, nhỏ giọt xuống nền xi măng bể bơi, những giọt đỏ chảy xuống làn nước xanh.

Hercule Poirot phủ vết bụi trên giày lần cuối. Ông ăn vận cẩn thận cho bữa tiệc trưa và giờ đang khá hài lòng với vẻ ngoài.

Ông rất biết loại trang phục nào nên mặc khi về vùng nông thôn Anh vào ngày Chủ Nhật, nhưng ông không chọn cách thuận theo lệ tục xứ này. Ông thích vẻ trang nhã thị thành vốn là gu của ông. Thì ông đâu phải quý ông vùng quê nước Anh. Ông là Hercule Poirot!

Phải thừa nhận rằng, ông thực sự thích miền quê. Rất nhiều bè bạn ông ca ngợi chuyến đi nghỉ ở quê dịp cuối tuần, rồi ông cũng xuôi tai mà mua dinh thự Resthaven này, nhưng đi đâu duy nhất ông thích ở nó là hình dáng vuông vức như cái hộp. Ông không mấy để tâm đến quang cảnh xung quanh, dù ông biết có tiếng là cảnh đẹp. Đối với ông, quang cảnh quá hoang dã, không theo quy tắc đối xứng nên không thu hút ông. Ông vốn không quan tâm mấy đến cây cối dù là mùa nào, bởi tán lá xum xê lộn xộn. Ông chấp nhận được cây dương hay cây bách tán, nhưng hoàn toàn thờ ơ trước rừng sồi rậm rạp thế này. Cảnh như thế chỉ vui mắt khi nhìn qua cửa xe hơi lái ngang trong một buổi chiều trời đẹp. Ta tán thưởng “*Quel beau paysage!*” — rồi lái về nghỉ tại một khách sạn tiện nghi.

Theo ông, đi đâu hay nhất ở Resthaven là khu vườn rau nhỏ nhưng ngay hàng thẳng lối do Victor, ông làm vườn người Bỉ chăm nom. Cô vợ dượng của Victor là Fraçoise thì chăm lo cho dạ dày của ông chủ.

Hercule Poirot đi qua cổng, thở dài, nhìn xuống lần nữa mũi giày đen bóng loáng, chỉnh lại cái mũ Homburg xám nhạt, nhìn xuôi nhìn ngược con đường trước mặt.

Ông thoáng rùng mình trước vẻ ngoài của dinh thự Dovecotes. Dovecotes và Resthaven được xây bởi hai nhà thầu đối thủ, mỗi tòa chỉ chiếm một mảnh đất nhỏ. Những công trình to hơn đã bị cắt bỏ nhanh chóng bởi tổ chức National Trust nhằm bảo tồn vẻ đẹp vùng thôn quê. Hai dinh thự này đại diện cho hai trường phái tư tưởng khác nhau. Resthaven vuông vắn như cái hộp có mái nhà, vô cùng hiện đại và hơi nhàm tẻ. Còn Dovecotes thì mang phong cách phóng túng với tường ốp gỗ và cố đưa vào càng nhiều nét hoài cổ càng tốt.

Hercule Poirot tự tranh cãi với bản thân về cách thức đi đến Thung Lũng. Ông biết có con đường nhỏ trên cao, đi qua cái cổng nhỏ và lối mòn. Lối này không phải đường chính nhưng sẽ gần được chừng nửa dặm. Tuy vậy Hercule Poirot vốn là người nghiêm ngặt về phép tắc xã giao, quyết định đi vòng xa hơn để tiến vào đường hoàng bằng cửa trước.

Đây không phải lần đầu tiên ông đến chơi nhà Sir Henry và bà Angkatell. Ông cho là người ta không nên đi đường tắt nếu không được cho phép, nhất là khi mình đi làm khách một gia đình có vai vế xã hội. Ông phải thừa nhận rằng mình khá vui lòng khi nhận được lời mời.

“Je suis un peu snob,” ông lầm bầm.

Ông vẫn giữ ấn tượng tốt đẹp về nhà Angkatell từ thời ở Baghdad, đặc biệt là cảm tình với bà Angkatell. *“Une originale!”* Ông nghĩ thế.

Ông đã ước lượng chính xác thời gian đi bộ đến Thung Lũng. Đúng một giờ kém một phút, ông nhấn chuông cửa trước. Ông lấy làm mừng là đã đến nơi, vì thấy hơi mệt. Ông không ưa đi bộ.

Cửa được mở ra bởi ông quản gia Gudgeon toàn năng, Poirot rất quý ông này. Nhưng cách thức đón khách thì không được như ông mong đợi. “Bà chủ đang ở nhà mát gần hồ bơi, thưa ông. Mời ông đi lối này.”

Hercule Poirot hơi phiền với cái thú ngỗ ngoại trời của người Anh. Nếu đã ngỗ hong nắng hè đến chán rồi thì cũng nên ở trong nhà vào thời điểm cuối tháng Chín này chứ! Tất nhiên hôm nay tiết trời dễ chịu, nhưng đã vào mùa thu, nên không khí ẩm ướt. Chẳng phải sẽ dễ chịu hơn sao nếu ngỗ trong phòng khách thoải mái, càng ẩm cúng nếu đốt thêm lò sưởi. Nhưng không, ông được dẫn đi qua khung cửa sổ chạy sát xuống sàn, bước

ra bãi cỏ thoải thoải, qua vườn đá, qua một cánh cổng nhỏ, rồi đi dọc theo con đường hợp giữa hai hàng cây hồ đào non vừa trồng gần đây.

Nhà Angkatell có thói quen mời khách đến nhà lúc một giờ trưa, và nếu trời đẹp, mọi người sẽ cùng uống cocktail và rượu sherry trong nhà mát nhỏ gần hồ bơi. Bữa trưa được dọn lúc một giờ rưỡi, như vậy các vị khách không đúng giờ sẽ kịp tới nơi, đầu bết tay nghề tuyệt hảo của bà Angkatell kịp phục vụ món bánh soufflé và các món cần canh thời gian sít sao mà không phải quá cật rập.

Hercule Poirot thì không hào hứng gì với lịch trình thời gian ấy.

“Coi như mình vừa đến lại gần như phải quay ngược lại hướng mới đi qua,” ông thầm nghĩ.

Ông đi theo dáng cao cao của ông quản gia, ngày càng cảm thấy chân nặng nề trong đôi giày da.

Chính lúc đó, phía trước ông vẳng lại một tiếng hét nhỏ. Không hiểu sao chuyện đó càng làm ông khó chịu. Không thích hợp chút nào. Ông không phân tích kỹ, thật sự không mấy nghĩ ngợi đến chuyện đó. Về sau khi nhớ lại, ông thấy khó hiểu tưởng lại cảm xúc của mình khi đó. Hoảng hốt? Kinh ngạc? Kinh hoàng? Ông chỉ có thể nói rằng, tiếng hét ấy rõ ràng tiên báo cho đi đâu không ngờ tới.

Gudgeon bước vào rừng cây hồ đào. Ông kính cẩn bước né sang bên để Poirot vượt lên dẫn trước, đồng thời khẽ háng giọng, chuẩn bị giới thiệu “Thưa ông Poirot, bà chủ nhà tôi đây rồi!” bằng giọng trầm thấp đúng mực, thì đột nhiên ông cứng đờ. Rồi ông hít mạnh. Không giống phong thái ngày thường chút nào.

Hercule Poirot bước ra khoảng đất trống ven hồ bơi và cũng đứng người lại, nhưng là vì bức bối.

Quá thể—thật quá thể! Không thể ngờ nổi nhà Angkatell tầm thường đến thế này. Phải đi bộ cả quãng đường, căn nhà thì xấu, giờ đến trò này! Thật là khiêu hài hước không đúng chỗ của người Anh!

Ông bức mình và chán ngán vô cùng. Đối với ông, cái chết chẳng có gì vui. Thế mà giờ đây, họ sắp đặt cả một hiện trường án mạng để đùa ông.

Theo những gì ông thấy trước mắt, hiện trường rõ là sắp đặt. Bên cạnh hồ bơi là một cái xác, tư thế trông rất giả, cánh tay vươn ra, vài giọt sơn đỏ còn đang nhỏ giọt trên thành bê tông chảy xuống hồ bơi. Thân hình khá đẹp, gương mặt cũng đẹp với mái tóc sáng. Đứng bên cạnh cái xác, trong tay là khẩu súng lục, là một phụ nữ thấp đậm, cỡ tuổi trung niên, với vẻ mặt trông rỗng lạ kỳ.

Còn có ba diễn viên khác. Ở đằng xa là một phụ nữ trẻ cao ráo, màu tóc nâu sẫm hài hòa với màu lá rừng thu; tay cô cầm cái giỏ đầy cuống thực được héo. Xa hơn chút nữa là một người đàn ông cũng cao, trông kín đáo trong chiếc áo khoác ngoài trời, tay còn cầm súng. Và bên trái ông, tay cầm giỏ trứng, là bà chủ nhà, quý bà Angkatell.

Hercule Poirot thấy rõ là nhiều ngã đường đầu tụ về khu hồ bơi này, và những người này đến đây theo những ngã khác nhau.

Đây tính toán và giả tạo.

Ông thở dài. *Enfin*, thế họ mong đợi ông sẽ làm gì nhỉ? Hay là ông giả vờ tin đây đúng là một “tội ác”? Ông có nên tỏ ra hoảng hốt, căng thẳng? Hay ông nên cúi chào và ngỏ lời khen ngợi bà chủ nhà: “A, thật dễ thương làm sao, quý vị sắp đặt thế này để đón tôi đó sao?”

Thật sự, tất cả những chuyện này thật ngớ ngẩn, chẳng có hên gì cả. Chẳng phải nữ hoàng Victoria từng nói: “Chúng ta không thấy buồn cười.” đó sao? Ông rất muốn nói đi đầu tương tự: “Tôi, Hercule Poirot, không thấy buồn cười.”

Bà Angkatell đi về phía cái xác. Ông nổi bước, để ý thấy Gudgeon vẫn còn thở hổn hển sau lưng. “Ông ta hẳn là không được biết về vụ sắp đặt này.” Hercule Poirot nghĩ. Từ phía bên kia hồ bơi, hai người cũng đi về phía họ. Họ đã đến khá gần, đang nhìn xuống thân hình đẹp để nằm cạnh thành hồ bơi.

Rồi đột nhiên, cú sốc cực mạnh đột nhiên ập đến, như thể màn ảnh thoáng mờ đi trước khi cảnh phim chiếu cận, Hercule Poirot nhận ra khung cảnh giả tạo này là thực.

Khi nhìn xuống, ông thấy người kia nếu chưa chết thì cũng đang hấp hối.

Thứ đỏ sẫm đang chảy xuống thành hồ không phải sơn đỏ, mà là máu. Người đàn ông này vừa bị bắn, vừa mới đây thôi.

Ông liếc nhanh về người phụ nữ cầm súng lục đang đứng đó. Gương mặt cô trơ trơ, không có biểu cảm gì. Trông cô choáng váng và hơi đần độn.

“Lạ thật,” ông nghĩ.

Phải chăng cô ta đã vắt kiệt mọi cảm xúc, mọi tình cảm, ngay khi kéo cò? Phải chăng mọi sợi nôi trong cô đã dùng cạn, giờ chẳng còn gì ngoài cái vỏ rỗng? Có lẽ thế, ông nghĩ.

Rồi nhìn xuống người đàn ông bị bắn, ông bắt đầu quan sát. Đôi mắt người chết vẫn mở trừng trừng. Đôi mắt ấy xanh thẫm và mang biểu cảm mà Poirot không hiểu thấu, nhưng ông cảm thấy nó thể hiện sự nhận biết mãnh liệt.

Ông đột nhiên cảm thấy trong nhóm người đứng đây, chỉ có một người thực sự sống—chính là người đàn ông vừa chạm đến cửa tử kia.

Poirot chưa bao giờ bị ấn tượng mạnh như vậy về sự sống động và sức sống mãnh liệt đến thế. Những người khác chỉ là những hình bóng mờ nhạt, là diễn viên trong vở kịch xa tít tắp, nhưng người đàn ông này là thực.

John Christow mở miệng. Giọng anh vẫn còn mạnh, không tỏ ra bất ngờ, nhưng khẩn thiết.

“*Henrietta...*” anh nói.

Rồi mi mắt anh khép lại, đầu anh ngật sang bên.

Hercule Poirot quỳ xuống kiểm tra, rồi đứng dậy, máy móc phải quẫn.

“Vâng,” ông nói. “Anh ấy chết rồi.”

Cảnh phim bùng vỡ, run rẩy, rồi trở lại. Giờ mỗi người đã có phản ứng, rối rít. Poirot tỉnh táo quan sát bằng cả tai lẫn mắt, ghi lại. Chỉ là thế, *ghi lại*.

Ông nhận thấy bà Angkatell buông tay đánh rơi cái giỏ, và Gudgeon vội chạy tới trước, đón lấy nó.

“Xin phép, thưa bà.”

Bà Angkatell đáp máy móc, theo lệ thường:

“Cảm ơn, Gudgeon.”

Rồi chần chừ, bà nói tiếp:

“Gerda...”

Người phụ nữ cầm súng lục lần đầu tiên giật mình. Cô nhìn quanh. Rồi khi lên tiếng, giọng cô đầy hoang mang.

“John chết rồi,” cô nói. “John đã chết rồi.”

Với vẻ quyên hành đột nhiên, người phụ nữ trẻ cao ráo với mái tóc nâu bước nhanh tới chỗ cô.

“Đưa nó cho tôi, Gerda,” cô nói.

Rồi trước khi Poirot kịp phản đối hay can thiệp, cô gỡ khẩu súng khỏi tay Gerda Christow.

Poirot bước vội tới trước.

“Cô không nên làm vậy, thưa cô...”

Người phụ nữ trẻ giật mình khi nghe giọng ông. Khẩu súng trượt khỏi tay cô, lúc ấy cô đang đứng sát thành hồ, nên nó rơi tòm xuống nước.

Miệng cô hé mở, khẽ kêu một tiếng kinh hoàng, cô quay lại nhìn Poirot ra ý xin lỗi.

“Tôi thật ngu ngốc quá,” cô nói. “Tôi xin lỗi.”

Poirot không nói gì. Ông nhìn thẳng vào đôi mắt màu quả phỉ trong veo. Ánh nhìn cô đáp lại ông, vững vàng, khiến ông phải tự nhủ mình vừa nghi ngờ không đúng chỗ.

Ông bình tĩnh nói:

“Mọi thứ nên càng ít động vào càng tốt. Cần giữ nguyên hiện trạng để cảnh sát xem xét.”

Một thoáng căng thẳng vụt qua giữa vòng người.

Bà Angkatell thì thào ghé tởm, “Tất nhiên rồi, phải, cảnh sát...”

Bằng giọng nhỏ nhẹ để chịu những pha chút chán ghét, người đàn ông mặc áo khoác nói: “Lucy à, em e là không thể tránh được đâu.”

Giữa lúc yên lặng đó, có tiếng bước chân nhanh nhẹn và mấy giọng trò chuyện vui vẻ lạc điệu.

Đọc theo con đường mòn dẫn từ nhà ra là Sir Henry Angkatell và Midge Hardcastle, hai người vừa đi vừa nói cười.

Thấy cảnh nhóm người tụ lại quanh hồ bơi, Sir Henry dừng phắt lại, ngạc nhiên kêu lên:

“Có chuyện gì vậy? Chuyện gì đã xảy ra?”

Vợ ông đáp, “Gerda đã...” rồi chột ngưng. “Ý em là, John đã...”

Gerda nói luôn bằng chất giọng ù lì, bối rối:

“John bị bắn. Anh ấy chết rồi.”

Họ đều ngoảnh đi không nhìn cô, ngượng ngập.

Rồi bà Angkatell nói nhanh:

“Cưng à, chị nghĩ em nên đi vào... và nằm nghỉ. Có lẽ chúng ta đều nên quay vào nhà nhé? Anh Henry, anh ở đây cùng ông Poirot để chờ cảnh sát là được.”

“Thu xếp như vậy là ổn nhất đấy,” Sir Henry tán thành. Ông quay lại phía Gudgeon. “Anh gọi cho sở cảnh sát nhé, Gudgeon? Cứ báo chính xác những gì đã xảy ra. Rồi khi cảnh sát đến thì đưa họ đến thẳng đây.”

Gudgeon khẽ cúi đầu, “Vâng thưa ngài Henry.” Trông sắc mặt ông còn hơi tái nhợt, nhưng vẫn giữ phép tắc hoàn hảo.

Người phụ nữ trẻ dáng cao nói, “Đi nào, Gerda,” rồi nắm lấy cánh tay cô, dứt khoát vừa điu vừa dẫn về phía căn nhà. Gerda bước như người mộng du. Gudgeon lui ra sau nhường đường cho hai người họ, rồi nổi bước, tay xách cái giỏ đựng trứng.

Sir Henry quay phắt về phía vợ. “Lucy, chuyện này là sao? Chính xác thì chuyện gì đã xảy ra?”

Bà Angkatell dang hai tay, vẻ bất lực đáng yêu. Hercule Poirot cảm nhận rõ vẻ duyên dáng và hấp dẫn từ bà.

“Anh à, em không biết. Em xuống chỗ chuồng gà. Rồi em nghe tiếng súng rất gần, nhưng không nghĩ gì sâu xa. Dù sao đi nữa,” bà nhìn quanh tất cả, “ai mà để ý chứ! Rồi em đi lên hồ bơi thì thấy John nằm đó, Gerda đang đứng cạnh, tay cầm khẩu súng lục. Henrietta và Edward đến gần như cùng lúc đó, nhưng từ phía bên kia.”

Bà hất đầu về phía kia của hồ bơi, có hai con đường dẫn từ rừng ra.

Hercule Poirot hắng giọng.

“Họ là ai, John và Gerda này? Nếu tôi được phép biết,” ông nói thêm, ra ý xin lỗi.

“À vâng, tất nhiên.” Bà Angkatell vội quay sang ông. “Tôi lỡ quên... tôi chưa giới thiệu mọi người hẳn hoi với nhau, nhưng vì có người vừa bị sát hại nên... John đây là anh John Christow, bác sĩ Christow. Gerda Christow là vợ anh ấy.”

“Và quý cô vừa đi vào nhà cùng bà Christow là?”

“Em họ tôi, Henrietta Savernake.”

Người đàn ông đứng bên trái Poirot thoáng có một cử chỉ rất nhỏ.

—“Henrietta Savernake,” Poirot ngẫm nghĩ, “có vẻ anh ta không muốn bà ấy nói ra như vậy... nhưng dù sao đi nữa, rõ ràng là mình cần phải biết...”

“*Henrietta!*” người đàn ông hấp hối khi này đã gọi cái tên này. Cách nói rất lạ lùng, gợi cho Poirot nhớ đi đâu gì đó... rất trùng hợp... nhưng là gì nhỉ? Không quan trọng, rồi ông sẽ nhớ ra khi cần.

Bà Angkatell nói tiếp, giờ chủ động làm tròn vai trò giới thiệu mọi người với nhau.

“Và đây cũng là em họ tôi, Edward Angkatell. Và cô Hardcastle.”

Poirot lịch sự nghiêng mình trước những người được giới thiệu. Midge đột nhiên cảm thấy thôi thúc muốn phá ra cười như điên, cô vất vả lắm mới kiềm chế nổi.

“Vây bây giờ, em à,” Sir Henry nói, “Như em đ̣ề nghị khi n̄y, em nên trở vào nhà đi. Anh sẽ có đôi lời với ông Poirot đây.”

Bà Angkatell tư lự nhìn họ.

“Tôi rất mong là Gerda nói dối. Liệu tôi gợi ý như thế có đúng ch̄ng? Tôi thật sự không nghĩ ra phải nói thế nào nữa. Ý tôi là, thật chưa từng thấy. Liệu nên nói đi ầu gì với người phụ nữ vừa giết ch̄ng mình?”

Bà nhìn quanh như thế hy vọng có ai đó đủ tư cách trả lời câu hỏi ấy.

Rồi bà cũng theo lối mòn trở vào nhà. Midge theo chân bà. Edward đi cuối cùng.

Còn lại Poirot và ông chủ nhà.

Sir Henry h̄ng giọng. Xem chừng ông có phần không chắc chắn về đi ầu sắp nói.

“Anh Christow,” cuối cùng ông lên tiếng, “là một người có năng lực, rất có năng lực.”

Poirot nhìn người chết lần nữa. Ông vẫn giữ cái ấn tượng lạ lùng rằng người ấy sống động hơn tất cả những người còn sống thật ở nơi đây.

Ông không hiểu vì sao mình lại có ấn tượng như thế.

Ông lịch sự đáp lời Sir Henry.

“Bi kịch như thế này thật bất hạnh,” ông nói.

“Những việc thế này ông hiểu rành hơn tôi,” Sir Henry nói tiếp. “Tôi chưa từng ở sát gần một vụ giết người đến thế. Tôi mong rằng cho đến lúc này mình đã phản ứng hợp lệ?”

“Khá hợp quy trình,” ông Poirot nhận xét. “Ông đã báo cảnh sát, và khi họ đến thì chúng ta không còn việc gì phải làm nữa, ngoại trừ đảm bảo rằng không ai chạm đến thi thể hoặc làm hỏng các dấu vết bằng chứng.”

Khi nói đến đây, ông nhìn xuống hồ bơi, khẩu súng lục nằm im lìm dưới đáy hồ xi măng, trông hơi biến dạng khi nhìn qua làn nước xanh.

Bằng chứng có lẽ đã bị làm hỏng trước khi ông kịp ngăn chặn rồi.

Nhưng không, có lẽ đó chỉ là tai nạn.

Sir Henry lẩm bẫm ra ý chán ghét:

“Chúng ta cứ phải đứng đây đến bao giờ? Trời hơi lạnh. Tôi nghĩ nếu chúng ta vào trong nhà mát thì cũng được chứ?”

Poirot, lúc này cũng thấy bàn chân ẩm ướt và run lên vì lạnh, vui lòng đồng ý ngay. Nhà mát cạnh hồ bơi, ở góc xa nhất so với căn nhà, qua cánh cửa mở, họ vẫn quan sát được hồ và thi thể, cùng với con đường mà cảnh sát sẽ theo đó tiến vào.

Căn nhà mát này được trang trí xa hoa với những chiếc ghế dài và thảm rực rỡ. Trên chiếc bàn sắt sơn là cái khay đựng ly và một bình đựng rượu sherry.

“Tôi mong mời anh một ly,” ông Henry nói, “nhưng tôi nghĩ mình không nên chạm vào thứ gì cho đến khi cảnh sát đến. Tôi nghĩ cũng không có gì trong căn nhà này đáng để họ quan tâm, nhưng cẩn tắc vô ưu. Gudgeon vẫn chưa mang cocktail lên, rõ là ông ấy chờ anh tới.”

Hai người rón rén ng ồi xuống hai chiếc ghế đan gần cửa sổ, để tiện quan sát con đường mòn từ căn nhà.

Không khí có phần căng thẳng. Giờ không phải lúc thích hợp để nói chuyện phiếm.

Poirot nhìn quanh căn nhà, ghi nhận những điểm ông cho là bất thường. Một chiếc áo choàng lông cáo bạc vắt bừa qua lưng ghế. Ông tự hỏi áo ấy là của ai. Nó có vẻ quá hào nhoáng, không hợp với bất kỳ người nào ông gặp từ lúc vào nhà đến giờ. Ông không hình dung là bà Angkatell khoác cái áo như thế.

Chuyện đó làm ông lo lắng. Cái áo thể hiện vẻ làm sang lẫn hợm hĩnh, mà những nét tính cách đó không thấy ở những người ông đã gặp.

“Chắc ta nên hút điếu thuốc,” Sir Henry nói, đưa gói thuốc mời Poirot.

Trước khi nhận điếu thuốc, ông hít ngửi không khí.

Mùi nước hoa Pháp—loại đắt tiền.

Chỉ thoảng hương còn đọng lại, nhưng rõ là có, và một lần nữa, mùi hương đó có vẻ không hợp với những người ở Thung Lũng này.

Rồi ông nghiêng người tới, châm thuốc bằng hộp quẹt của Sir Henry. Ông lại liếc thấy một chồng hộp diêm—chính xác là sáu hộp—đặt trên cái bàn nhỏ cạnh một chiếc ghế dài.

Ông thấy diêm ấy thật lạ.

“Hai giờ rưỡi rồi,” bà Angkatell nói.

Bà đang ngồi trong phòng khách, cùng Midge và Edward. Trong thư phòng Sir Henry, đằng sau cánh cửa đóng kín vọng ra tiếng nói nhỏ. Hercule Poirot, Sir Henry và điếu tra viên Grange đang ở trong đó.

Bà Angkatell thở dài: “Em biết không Midge, chị cứ cảm thấy cũng phải lo bữa trưa chứ. Tất nhiên, cứ đi êm nhiên ngồi ăn sau khi chuyện xảy ra như vậy thì có vẻ vô tâm quá. Nhưng ông Poirot được mời đến dùng bữa trưa mà, có lẽ ông ấy đói rồi. Và ông ấy cũng không buồn lòng vì cái chết của John Christow như chúng ta. Chị dám chắc là dù chính chị cũng không có bụng dạ nào để ăn, nhưng hẳn Henry và Edward đã đói ngấu rưỡi, sau buổi sáng nay.”

Edward Angkatell lên tiếng, “Đừng lo cho em, chị Lucy à.”

“Cậu lúc nào cũng thế nhì, Edward ạ. Và David nữa, chị để ý cậu ấy ăn rất nhiều trong bữa tối qua. Xem ra những người làm việc trí óc phải nạp nhiều năng lượng. Mà tiện thể, David đâu rồi ấy nhì?”

“Cậu ấy lên phòng rồi,” Midge trả lời, “sau khi nghe chuyện xảy ra.”

“Ừ đấy, cậu ấy làm thế là khéo xử lắm. Chị dám chắc chuyện này khiến cậu ấy rất khó chịu. Tất nhiên, như em nói, dù sao thì án mạng là chuyện khó chịu mà—người hầu lo lắng và mọi chuyện trật ra ngoài nếp thường hết cả. Bữa trưa ta ăn món vịt, may là món ấy ăn nguội vẫn ngon. Thế nên làm món gì cho Gerda nhì? Để trên khay mang vào cho cô ấy? Có lẽ món xúp gì đó thật nóng?”

“Thật sao trời,” Midge nghĩ, “Lucy đúng là máu lạnh!” Rồi cô chợt rùng mình khi nhớ lại rằng người ta có thể cũng bị sốc vì Lucy quá “nặng

ấm” đó thôi! Chẳng phải sự thật rành rành là mọi tai họa đều vòng tránh bà nhờ những lời tự hỏi và bản khoản nhỏ nhỏ đó sao? Lucy chỉ nói ra lời những suy nghĩ mà những người khác không thừa nhận. Đúng là mọi người nghĩ đến những người h ầu, và bữa trưa. Và đúng là có thấy đói nữa. Chính cô cũng đang đói, ngay thời khắc này! Đói quá, cô nghĩ, và cảm thấy muốn bệnh. Những cảm giác trộn lẫn thật kỳ lạ.

Và rõ ràng là, thật ngại ng ần không biết phải cư xử sao với người phụ nữ lạnh lẽ, bình thường mà mới hôm qua thôi vẫn là “Gerda tội nghiệp,” thế mà người ấy giờ đây, có lẽ sắp phải đối mặt với cáo buộc giết người.

“Những chuyện thế này xảy đến với người khác, chứ không thể xảy đến với *chúng ta*,” Midge nghĩ.

Cô nhìn qua Edward. “Không được phép xảy ra với những người như Edward. Anh ấy phi bạo lực đến thế.” Cô cảm thấy dễ chịu khi nhìn anh. Edward thật yên lặng, thật phải phép, thật tử tế và đi êm đạ m nữa.

Gudgeon vào phòng, hơi cúi người và hạ giọng nói.

“Tôi có bày sẵn sandwich và café ở phòng ăn r ồi, thưa bà.”

“Ôi *cảm ơn*, Gudgeon!”

“Thật sự đấy,” bà Angkatell nói khi Gudgeon rời phòng. “Gudgeon rất tuyệt vời, tôi không biết xoay xử ra sao nếu không có ông ấy. Gudgeon luôn biết làm đúng việc đúng lúc. Món sandwich thay tạm bữa trưa nay được đấy, mà như thế không có gì là vô cảm cả đâu, nếu mọi người hiểu ý tôi.”

“Ôi Lucy, *thôi mà*.”

Midge đột nhiên cảm thấy hai dòng lệ ấm chảy tràn xuống gò má mình. Bà Angkatell trông có vẻ ngạc nhiên:

“Ôi tội nghiệp cưng. H ần là quá sức chịu đựng.”

Edward đi qua sofa và ng ồi xuống cạnh Midge. Anh vòng tay quanh người cô.

“Đừng lo nào, Midge bé bỏng,” anh nói.

Midge vùi mặt vào vai anh mà nức nở cho thỏa. Cô nhớ Edward từng rất tử tế với cô hồi ở dinh thự Ainswick, khi con thỏ của cô chết vào dịp lễ Phục Sinh nọ.

Edward nói nhẹ nhàng:

“Đúng là cú sốc lớn. Tôi lấy cho em ấy ít rượu brandy được không, Lucy?”

“Trong tủ ở phòng ăn, chị không nghĩ...”

Bà ngưng ngang khi Henrietta đi vào phòng. Midge ngẩng thẳng dậy. Cô cảm thấy Edward cứng người lại, ngẩng bất động.

Thế Henrietta cảm thấy sao nhỉ, Midge nghĩ. Cô có phần miễn cưỡng nhìn em họ mình, nhưng chẳng có gì để sẫm soi cả. Henrietta trông có vẻ hằn học. Cô ngẩng cao đầu, mặt đỏ bừng, cử chỉ nhanh nhẹn.

“Ồ em đây rồi, Henrietta,” bà Angkatell kêu lên. “Chị cứ tự hỏi em ở đâu. Cảnh sát đang trao đổi với Henry và ông Poirot. Thế em đem gì cho Gerda? Rượu brandy? Hay trà và thuốc aspirin?”

“Em mang cho chị ấy ít rượu brandy và chai nước nóng.”

“Phải đấy,” bà Angkatell tỏ vẻ tán thành. “Người ta vẫn hướng dẫn như thế trong các lớp dạy Sơ cấp cứu—một chai nước nóng, để làm dịu thần kinh, chứ không phải để pha với rượu. Ngày nay lại có quan niệm chống lại các chất kích thích, nhưng tôi nghĩ đó là xu thế nhất thời thôi. Từ thời con gái sống ở Ainswick, mọi người mỗi khi suy sụp đầu tiên tới rượu brandy mà. Dù vậy, tôi không biết Gerda có *suy sụp* hay không. Thật tình tôi không hiểu một người vợ sẽ cảm thấy sao khi vừa tự tay giết chồng mình—những chuyện như vậy làm sao hình dung nổi—nó không hẳn sẽ khiến người ta bị *sốc*. Phải nói là gây *kinh ngạc sững sờ* thì đúng hơn.”

Giọng nói lạnh như băng của Henrietta cắt ngang bầu không khí yên ắng:

“Sao mọi người đều chắc chắn Gerda là người đã giết John?”

Ngưng đọng—rồi Midge cảm thấy một thoáng rục rịch kỳ lạ lướt qua. Sự bối rối, căng thẳng, và cuối cùng là cảm giác dè phòng từ từ dâng lên.

Rồi bà Angkatell lên tiếng đáp lời, giọng hoàn toàn không thay đổi chút nào:

“Việc ấy xem chừng... quá rõ ràng rồi. Em có ý gì khác sao?”

“Cũng có thể Gerda đi đến hồ bơi rồi thấy John đã nằm đó, rồi cô ấy nhặt khẩu súng lục lên, ngay khi đó chúng ta đến và bắt gặp cảnh ấy?”

Lại im lặng. Cũng lại là bà Angkatell hỏi:

“Gerda nói như vậy sao?”

“Phải.”

Câu đáp của cô không chỉ để tỏ sự đồng tình. Có sự ép buộc đằng sau nó. Chữ ấy bắn ra như phát đạn súng lục.

Bà Angkatell nhướn mày, rồi bà nói lảng:

“Có sandwich và café trong phòng ăn nhé.”

Bà chột giật mình hít vào khi thấy Gerda Christow bước ra từ cánh cửa mở. Cô vội vã cáo lỗi:

“Tôi... tôi cảm thấy không thể nằm thêm được nữa. Tôi cứ... tôi cứ thao thức không yên.”

Bà Angkatell kêu lên:

“Em phải ngồi xuống đi, ngồi xuống ngay nào.”

Bà bảo Midge ngồi dịch sang bên, đưa Gerda lại sofa, đỡ cô ngồi xuống với cái nệm chèn lưng.

“Em gái tội nghiệp,” bà than thở.

Bà nói rất rõ ràng nhưng những từ ấy nghe chừng vô nghĩa trong cảnh này.

Edward bước ra chỗ cửa sổ, nhìn ra ngoài.

Gerda gạt mớ tóc rối trên trán. Rồi cô nói bằng giọng hoang mang, lo lắng.

“Em... giờ em mới thực sự nhận thức được mọi chuyện. Chị biết đấy, em không cảm thấy gì cả... giờ em vẫn không cảm thấy rằng chuyện ấy có

thật... rằng John... đã chết.” Cô hơi run rẩy. “Ai đã giết anh ấy? Ai có thể giết anh ấy cơ chứ?”

Bà Angkatell hít sâu một hơi, rồi bà chợt quay phắt lại. Henry mở cửa phòng. Ông bước vào cùng Thanh tra Grange, một người đàn ông to lớn, trông nặng nề với bộ râu quặp rậm rĩ.

“Đây là vợ tôi... đây là Thanh tra Grange.”

Ông Grange nghiêng người chào hỏi:

“Thưa bà Angkatell, tôi xin phép được nói riêng vài lời với bà Christow đây...”

Ông tự ngắt lời khi bà Angkatell nhìn về phía người ngồi trên sofa:

“Bà Christow phải không?”

Gerda đáp ngay:

“Vâng, là tôi đây..”

“Tôi không có ý khiến bà thêm đau lòng, thưa bà Christow, nhưng tôi cần hỏi bà một số câu hỏi. Tất nhiên bà có thể mời luật sư riêng của mình cùng dự, nếu muốn...”

Sir Henry nói chen:

“Trong một số trường hợp, làm thế thì khôn ngoan hơn, Gerda a...”

Cô ngắt lời ông:

“Luật sư à? Tại sao? Luật sư thì biết gì về cái chết của John chứ?”

Thanh tra Grange khẽ ho. Sir Henry định đáp thì Henrietta nói trước:

“Thanh tra đây chỉ muốn biết chuyện đã xảy ra sáng hôm nay thôi.”

Gerda quay sang nhìn ông. Cô nói bằng giọng ngờ ngác:

“Như một cơn ác mộng vậy... không thực chút nào. Tôi... tôi còn không khóc nổi. Tôi không cảm thấy gì cả.”

Thanh tra Grange an ủi:

“Quả là một cú sốc lớn, bà Christow.”

“Vâng, vâng... đúng thế. Nhưng ông biết đấy, đột ngột quá... tôi ra khỏi nhà, đi theo lối mòn ra hồ bơi...”

“Vào lúc mấy giờ, bà Christow?”

“Trước một giờ, chừng một giờ kém hai phút. Tôi biết vì có nhìn đồng hồ R ồi khi ra tới đó... tôi thấy John nằm đó. Máu chảy khắp thành hồ bơi.”

“Bà có nghe tiếng súng không, bà Christow?”

“Có... không... tôi không rõ nữa. Tôi biết Sir Henry và ông Angkatell đi săn. Tôi... tôi chỉ thấy John...”

“Vâng?”

“Thấy John và máu... và khẩu súng. Tôi nhặt khẩu súng lên...”

“Vì sao?”

“Xin lỗi tôi nghe không rõ?”

“Vì sao bà nhặt khẩu súng lên, bà Christow?”

“Tôi... tôi không biết.”

“Bà không nên động vào, bà biết mà.”

“VẬY sao?” Gerda lẩm bẫm, gương mặt cô đờ đẫn. “Nhưng tôi lỡ r ồi. Tôi đã cầm súng trên tay.”

Chợt cô quay phắt người về phía viên thanh tra. Giọng nói đột nhiên trở nên sắc bén, đầy đau khổ.

“Những ai đã giết John chứ? Không thể có ai muốn giết chúng tôi được. Anh ấy... anh ấy là người tốt nhất đời. Thật tử tế, thật vô vị kỷ... anh ấy làm mọi điều cho người khác. Ai cũng yêu mến anh ấy mà, ông thanh tra. Anh là một bác sĩ hết lòng. Là người chúng lý tưởng. Đó hẳn phải là tai nạn, hẳn thế, phải thế!”

Cô vung tay quanh phòng.

“Ông cứ hỏi mọi người đi, ông thanh tra. Không có ai muốn giết John cả, phải không?”

Cô khấn khoản nhìn quanh.

Thanh tra Grange đóng sỏ tay.

“Cảm ơn bà Christow,” ông nói bằng giọng đều đều không cảm xúc.
“Bây giờ tạm như thế đã.”

Hercule Poirot và thanh tra Grange cùng đi xuyên qua rừng cây hồ đào đến chỗ hồ bơi. John Christow, giờ chỉ còn được ghi nhận bằng từ “thi thể,” được pháp y chụp hình, đo đạc, ghi chép và kiểm tra, rồi chuyển đến nhà xác. Khung cảnh hồ bơi lúc này nhìn hiên hòa vô tội đến ngạc nhiên, Poirot nghĩ. Mà mọi đi ều hôm nay đều êm ả lạ kỳ, chỉ trừ John Christow. Ngay cả khi chết, anh ta có chủ đích. Hồ bơi bây giờ không còn là hồ bơi, mà trở thành hiện trường nơi John Christow nằm xuống và máu anh ta chảy hòa vào làn nước xanh nhân tạo.

Nhân tạo—Poirot nghi ền ngẫm cái từ đó. Phải, có gì đó do bàn tay con người sắp đặt trong tất cả những chuyện này. Như thế...

Một người đàn ông mặc đồ bơi đi đến trước mặt thanh tra.

“Khẩu súng đây, thưa ông,” anh nói.

Thanh tra Grange cẩn thận cầm lấy khẩu súng còn nhỏ nước.

“Không có hy vọng lấy dấu vân tay được nữa,” ông nhận xét, “nhưng may là trong trường hợp này đi ều đó không quan trọng. Bà Christow đang cầm khẩu súng trong tay khi ông đến nơi, phải không, ông Poirot?”

“Đúng vậy.”

“Tiếp theo cần tìm hiểu khẩu súng này thuộc về ai,” thanh tra Grange nói tiếp. “Hẳn là Sir Henry sẽ giúp ta được việc đó. Cô ta lấy nó từ phòng sách của ông ấy, tôi cho là vậy.”

Ông nhìn một vòng quanh hồ.

“Tổng kết một chút thì mọi chuyện khá rõ. Con đường bên dưới này chạy từ vườn trại lên, bà Angkatell đi theo lối đó. Hai lối khác dẫn từ rừng ra, là lối Edward Angkatell và cô Savernake xuất hiện, nhưng không cùng lúc. Anh ta đi từ lối bên trái, cô ấy thì từ lối phải, cũng là mé có thảm hoa

chạy dài phía trên nhà chính. Nhưng cả hai người họ đều đứng ở phía xa hồ bơi khi ông đến phải không?”

“Đúng vậy.”

“Còn lối này, bên cạnh nhà máy, thì dẫn đến đường Podder. Được rồi, chúng ta sẽ đi theo lối đó.”

Trên đường đi, thanh tra Grange kể chuyện, chỉ đơn thuần cung cấp thông tin pha chút cảm xúc u ám, không hào hứng gì.

“Tôi chưa bao giờ ưa nổi những vụ như vậy,” ông nói. “Có một vụ năm ngoái, mé dưới, gần Ashridge. Có một quân nhân nghỉ hưu, sự nghiệp vẻ vang lắm. Bà vợ kiêu trụy ên thống, ít nói, dễ chịu, 65 tuổi, tóc xám bạc khá đẹp, dọn sòng. Bà ấy hay làm vườn. Rồi một ngày nọ bà ấy đi lên phòng ông, lấy khẩu súng lục ông dùng khi tại ngũ, rồi bước xuống vườn bắn ông ấy. Cứ như thế! Tất nhiên còn rất nhiều đi đâu cần tìm hiểu thêm về lý do đằng sau. Có khi họ dựng chuyện đổ tội cho một tay lang thang nào đó! Chúng tôi cứ vờ chấp nhận lời khai đó, không bình luận gì khi hỏi thêm thông tin, nhưng chúng tôi biết cả.”

“Nói vậy là, ông đã chắc chắn rằng bà Christow giết chồng bà ấy.” Poirot nhận xét.

Grange ngạc nhiên nhìn ông.

“Ông không nghĩ như vậy sao?”

Poirot chậm rãi nói, “Có thể mọi chuyện xảy ra đúng như cô ấy kể.”

Thanh tra Grange nhún vai.

“Có khả năng, phải. Nhưng nghe không thuyết phục chút nào. Và bọn họ cũng cho rằng cô ấy giết chồng mà! Họ biết những đi đâu chúng ta không biết.” Rồi ông tò mò nhìn bạn đồng hành. “Ông cũng cho rằng cô ấy ra tay mà, phải không, lúc ông đến hiện trường?”

Poirot khép hờ mắt. Đi dọc lối mòn... Gudgeon dẫn trước... Gerda Christow đứng cạnh chồng với khẩu súng lục trong tay và vẻ mặt trống rỗng. Phải, như Grange nói, ông đã tưởng cô ấy ra tay... ông cũng ngỡ rằng cục diện ấy bày ra để đón ông.

Phải, nhưng hai việc ấy khác nhau.

Hiện trường dàn dựng—để đánh lừa.

Gerda Christow trông có giống một người vừa bán ch ồng mình không? Đó là đi ều thanh tra Grange muốn biết.

R ồi đột nhiên, Hercule Poirot giật mình nhận ra trong suốt những năm đi ều tra vụ án, ông chưa từng thực sự nhìn tận mắt một người phụ nữ vừa giết ch ồng. Liệu phụ nữ trông như thế nào trong trường hợp đó? Đắc thắng, kinh hãi, hả hê, sững sờ, hoài nghi, hay trống rỗng?

Có thể là bất cứ gì, ông nghĩ.

Thanh tra Grange vẫn đang nói. Poirot sực tỉnh, nghe được câu cuối.

“—một khi đã tổng hợp được mọi thông tin về vụ này, và thường thì có thể lấy từ lời khai của người h ầu.”

“Bà Christow sẽ trở lại London sao?”

“Phải. Nhà họ còn hai đứa con. Phải để cô ấy đi thôi. Nhưng tất nhiên sẽ theo dõi nghiêm ngặt, dù cô ta không biết. Cô ta sẽ nghĩ mình thoát được r ồi. Tôi thấy cô ta có vẻ khá đ ần...”

Liệu Gerda Christow có nhận ra cảnh sát nghĩ gì, và nhà Angkatell nghĩ gì về mình không? Ông tự hỏi. Có vẻ cô ta chẳng nhận ra đi ều gì cả. Cô thuộc kiểu người phản ứng chậm chạp, hoàn toàn choáng váng và suy sụp trước cái chết của ch ồng mình.

Hai người bước lên lối mòn.

Poirot dừng lại cạnh cổng vào nhà ông. Grange hỏi:

“Nhà ông đây sao? Đẹp và ấm cúng quá. Vậy xin tạm biệt, ông Poirot. Cảm ơn sự hợp tác của ông. Tôi sẽ còn ghé qua và sẽ báo ông biết nếu có tin gì mới.”

Mắt ông nhìn ngược lên dọc con đường mòn.

“Ông không có hàng xóm gì sao? Đây không phải nơi ngôi sao mới đến của chúng ta thường ghé, nhi?”

“Cô Veronica Cray, nữ diễn viên, có về đây nghỉ cuối tu ần, tôi biết vậy.”

“À phải. Dovecotes. Tôi thích với cô ấy trong phim *Lady rides on tigers*. Nhưng cô ấy xem chừng hơi quá gu của tôi. Tôi ưa Deanna Durbin hoặc Hedy Lamart.”

Ông quay đi.

“Thôi tôi phải làm việc tiếp. Chào ông Poirot.”

“Ông có nhận ra vật này không, Sir Henry?”

Thanh tra Grange đặt khẩu súng lục lên bàn trước mặt Sir Henry và nhìn ông chờ đợi.

“Tôi cần nó được không?” Bàn tay Sir Henry chần chừ trên khẩu súng.

Thanh tra Grange gật đầu.

“Khẩu súng đã rơi xuống hồ. Nếu có dấu tay thì cũng trôi cả rồi. Thật đáng tiếc là cô Savernake để tuột tay.”

“Phải, phải... nhưng lúc đó ai cũng căng thẳng quá. Phụ nữ thì thường hay hoang mang và, ờ, đánh rơi đồ.”

Thanh tra Grange lại gật đầu:

“Cô Savernake xem chừng là một người bình tĩnh giỏi giang.”

Chỉ là lời nhận xét bình thường, nhưng có gì đó khiến Sir Henry phải ngẩng lên nhìn. Ông Grange nói tiếp:

“Vâng, ông có nhận ra khẩu súng này không?”

Sir Henry cầm súng lên xem kỹ. Ông đọc số serial và so sánh với danh sách chép trong một cuốn sổ bìa da nhỏ.

Rồi ông thở dài khép sổ lại, nói:

“Vâng, thưa thanh tra, khẩu súng này thuộc bộ sưu tập của tôi.”

“Lần cuối cùng ông nhìn thấy nó là khi nào?”

“Chiều hôm qua. Chúng tôi chơi bắn bia sau vườn, nó là một trong những khẩu súng đã được dùng.”

“Hôm qua ai đã bắn bằng khẩu súng này?”

“Tôi nghĩ tất cả mọi người đều bắn ít nhất một phát từ khẩu này.”

“Kê cả bà Christow sao?”

“Kê cả cô ấy.”

“Rồi sau khi bắn xong?”

“Thì tôi đặt khẩu súng vào vị trí thường lệ của nó. Là đây.”

Ông kéo ra một ngăn từ chiếc bàn giấy lớn. Súng để đây nửa ngăn.

“Ông có bộ sưu tập súng khá phong phú nhỉ, Sir Henry.”

“Đây là thú vui của tôi nhiều năm nay rồi.”

Thanh tra Grange cân nhắc quan sát vị cựu thống đốc của Hollowene Islands. Một người xuất chúng, bảnh trai, kiêu sếp mà ông sẽ sẵn lòng phụng sự—nói thật lòng thì ông sẽ thích có sếp như vậy hơn là ông Cảnh sát trưởng hiện tại. Thanh tra Grange không nghĩ nhiều lắm đến viên Cảnh sát trưởng vùng Wealdshire—một tay thượng đội hạ đạp. Ông tập trung trở lại vào công việc.

“Khẩu súng hẳn là không nạp đạn khi ông cất đi, phải không?”

“Tất nhiên là vậy.”

“Và ông để đạn ở đâu?”

“Đây.” Sir Henry lấy chìa khóa từ một ngăn nhỏ, mở một hộp thấp trên bàn.

“Khá dễ tìm,” Grange nghĩ. Bà Christow hẳn đã thấy chỗ cất. Cô ta chỉ cần vào phòng và tự lấy thôi. Ghen tuông dẫn lối đàn bà, ông nghĩ. Ông dám cá mười ăn một rằng vụ này là do ghen tuông. Mọi sự sẽ sáng rõ khi ông làm xong mọi thủ tục ở đây và đến căn nhà trên đường Harley. Nhưng dù sao vẫn phải làm cho đúng trình tự cái đã.

Ông đứng dậy:

“Rất cảm ơn, Sir Henry. Tôi sẽ báo ông biết khi có đi điều tra chính thức.”

Mọi người dùng bữa bằng món thịt vịt đã nguội lạnh. Sau món chính là bánh trứng sữa phủ caramel, món mà theo bà Angkatell, thể hiện đúng tâm trạng của bà bếp Medway.

Nấu ăn, bà nói, thật sự thể hiện sự tinh tế lớn về mặt cảm xúc.

“Bà ấy biết, chúng ta không mấy thích món bánh trứng sữa caramel. Nhưng có phần vô tâm nếu ta thường thức món pudding ưa thích ngay sau khi một người bạn của chúng ta vừa qua đời. Nhưng món bánh trứng sữa thì thật dung dị, nó cứ trơn tuột đi, thế rồi mỗi người đều chừa lại một ít trên đĩa.”

Bà thở dài, nói rằng mong mọi người đã đúng khi để Gerda về lại London.

“Nhưng cũng may là Henry đi cùng cô ấy.”

Sir Henry khăng khăng lái xe đưa Gerda về tận nhà.

“Cô ấy phải trở lại đây khi mở điều tra chính thức, tất nhiên là vậy,” bà Angkatell nói tiếp khi từ tốn ăn tráng miệng. “Nhưng hiển nhiên là cô ấy muốn báo tin cho bọn trẻ... các cháu có thể đọc tin trên báo, mà trong nhà chỉ có mỗi cô gia sư người Pháp để bốc đồng — *crise de nerfs*, có thể thế lắm. Nhưng Henry sẽ trấn an được cô ấy, tôi thực lòng nghĩ Gerda sẽ ổn thôi. Có lẽ cô ấy sẽ gửi bọn trẻ cho họ hàng, chị em gì đó. Kiểu như Gerda hẳn có chị em, có khi đến ba bốn người, tôi nghĩ thế, ở Tunbridge Wells.”

“Chị nói những chuyện thật lạ thường, Lucy à,” Midge nhận xét.

“À thì, có thể họ hàng cô ấy ở Torquay, nếu em thích suy đoán đó hơn. Không, không thể ở Torquay. Hẳn là họ ít nhất 65 tuổi rồi nếu hiện giờ

sống ở Torquay. Có lẽ là Eastbourne, hoặc St. Leonards.”

Bà Angkatell ngấm nghĩa muổng bánh cuối cùng, như thể chia buồn cùng nó, rồi nhẹ nhàng đặt xuống đĩa, không ăn nốt.

David, vốn thích đồ ăn ngon, u ám nhìn xuống cái đĩa trống không trước mặt.

Bà Angkatell đứng dậy.

“Tôi cho là mọi người đều muốn đi nghỉ sớm tối nay, có quá nhiều chuyện xảy ra, phải không? Khi đọc những vụ thế này trên báo thì đâu thể ngờ nó mệt mỏi đến vậy. Tôi cảm giác như vừa phải đi bộ hẳn mười lăm dặm. Thật ra tôi đâu phải làm gì, cứ ngồi không vậy thôi, nhưng quá mệt, bởi nếu đọc sách hay báo thì có vẻ vô tâm quá. Dù vậy tôi nghĩ đọc bài xã luận trên tờ *The Observer* thì vẫn ổn—miễn là không đọc *News of the World*. Cậu có nghĩ vậy không, David? Tôi muốn biết người trẻ bây giờ nghĩ gì, để không bị lạc thời mà.”

David lẩm bẩm rằng cậu không bao giờ đọc tờ *News of the World*.

“Tôi thì vẫn đọc,” bà Angkatell nói tiếp. “Nhà tôi vờ như đặt tờ đó cho người hầu đọc, nhưng Gudgeon rất tinh ý, nên đến bữa trà chiều mới đưa đi. Đó là tờ báo thú vị nhất đấy, có bài kiểu như bà kia đút đầu vào lò ga tự tử... những vụ như thế nhiều lắm!”

“Thế họ biết làm sao khi sống trong những căn nhà tương lai toàn dùng đồ điện tử?” Edward Angkatell thoáng cười.

“Chị nghĩ họ sẽ phải chọn cách tốt nhất—ý là hợp lý nhất.”

“Tôi không đồng tình với anh,” David nói, “về những căn nhà tương lai toàn dùng đồ điện. Sẽ có hệ thống nhiệt từ ngu ồn cung cấp tổng. Mọi căn nhà của giai cấp lao động nên tiết kiệm sức lao động triệt để.”

Edward Angkatell vội thanh minh rằng thật ra đề tài ấy anh không rành rẽ cho lắm, David cau có bĩu môi.

Gudgeon bưng khay café vào, di chuyển chậm rãi hơn thường lệ cho hợp không khí buồn thảm.

“Ôi Gudgeon,” bà Angkatell hỏi, “mấy quả trứng ban chiều, tôi định viết ngày nhật lên trứng bằng bút chì như thường lệ. Anh có nhắc bà

Medway để ý chuyện đó chưa?”

“Mọi việc được thu xếp đâu vào đấy rồi, thưa bà.” Ông háng giọng.
“Tôi tự mình xem xét các thứ.”

“Thật cảm ơn anh, Gudgeon.”

Khi Gudgeon đi ra, bà nói nhỏ. “Anh ấy thật tuyệt. Mọi người hầu như tôi đều tốt lắm. Phải thông cảm cho họ, cảnh sát đến nhà thế này chắc họ sợ hãi lắm. Tiện thể, có ai còn nán lại không?”

“Ý chị là cảnh sát à?” Midge hỏi.

“Phải. Họ thường để lại một người trực chỗ hành lang, phải không? Hay có lẽ họ nấp chỗ lùm cây bụi để quan sát cửa ra vào.”

“Thế vì sao phải quan sát cửa ra vào?”

“Chị không biết. Nhưng chắc vậy. Trong sách viết như vậy mà. Rồi khi đêm xuống sẽ có thêm người bị sát hại.”

“Ôi Lucy, thôi mà chị,” Midge kêu lên.

Bà Angkatell ngạc nhiên nhìn cô em.

“Xin lỗi cưng. Chị vụng lời quá. Nhưng tất nhiên không ai khác bị giết đâu mà. Gerda đã về nhà rồi. Ôi cưng, Henrietta. Chị xin lỗi. Chị không có ý nói thế.”

Nhưng Henrietta không đáp. Cô đang đứng cạnh cái bàn tròn, nhìn xuống bảng ghi điểm bài bridge tối qua mọi người chơi.

Rồi cô nói như sự tình, “Xin lỗi, chị vừa nói gì thế, Lucy?”

“Chị vừa thắc mắc liệu còn cảnh sát nào nán lại nhà mình không.”

“Như những món hàng giảm giá còn sót lại sao? Không đâu. Họ đều trở về sở cảnh sát để viết báo cáo theo đúng bài bản rồi.”

“Em đang nhìn gì thế, Henrietta?”

“Không có gì.”

Henrietta đi đến chỗ lò sưởi.

“Chị nghĩ Veronica Cray đang làm gì tối nay?” cô hỏi.

Một thoáng bất an lướt qua mặt bà Angkatell.

“Ôi em gái! Em không cho rằng cô ta lại đến đây đấy chứ? Hẳn lúc này cô ấy đã biết tin rồi.”

“Phải,” Henrietta trầm ngâm đáp. “Chắc là cô ấy biết tin rồi.”

“Sẵn nhớ ra,” bà Angkatell nói thêm, “chị phải gọi điện cho nhà Carey. Chúng ta không thể mời họ đến ăn trưa ngày mai như thể không có chuyện gì xảy ra được.”

Bà ra khỏi phòng.

David lẩm bẩm rằng muốn tra thông tin gì đó trong bách khoa toàn thư Britannica. Cậu cho rằng cứ rút vào thư viện là yên ổn nhất.

Henrietta tiến lại cánh cửa sổ lớn sát sàn, kéo mở rồi bước ra ngoài. Sau một lúc do dự, Edward đi theo cô.

Anh thấy cô đang đứng bên ngoài, nhìn lên trời. Cô nói:

“Tối qua trời không ấm áp lắm, phải không?”

Bằng chất giọng dễ chịu, Edward đáp:

“Ừ, trời đặc biệt lạnh.”

Cô nhìn về phía căn nhà. Mắt cô lướt dọc cửa sổ. Rồi cô quay lại, nhìn về hướng khu rừng. Edward không đoán được cô đang nghĩ gì.

Anh dợm bước về phía cửa sổ mở.

“Thôi mình nên vào đi. Trời lạnh quá.”

Cô lắc đầu.

“Em đi dạo một lát. Ra chỗ hồ bơi.”

“Ôi trời,” anh bước nhanh về phía cô. “Anh sẽ đi với em.”

“Không, cảm ơn Edward.” Giọng cô sắc sảo xuyên qua làn khí lạnh. “Em muốn một mình với người chết.”

“Henrietta! Em à, anh sẽ không nói gì đâu. Nhưng em biết là... anh rất lấy làm tiếc.”

“Về đi đâu gì? Rằng John Christow đã chết?” Giọng cô vẫn gai góc.

“Ý anh là... tiếc cho em, Henrietta à. Anh biết đó là... cú sốc lớn với em.”

“Sốc? Không, em rất cứng rắn, Edward à. Em chịu được. Anh bị sốc sao? Anh cảm thấy gì khi thấy anh ta nằm đó? Vui sướng, chắc vậy. Anh đâu có ưa John Christow..”

Edward nói nhỏ, “Anh ấy và anh... không có nhiều điểm chung.”

“Anh chọn từ mới khéo chứ! Thật kì ỳ. Nhưng thực sự rằng hai anh có điểm chung đấy. Chính là em! Hai anh đều thích em, đúng chứ? Chỉ có đi ều rằng điểm chung ấy không kết nối hai anh, mà ngược lại.”

Mặt trắng ló hản ra khỏi đám mây, Edward giật mình khi đột ngột nhìn thấy gương mặt cô đang nhìn về anh. Anh luôn bất giác xem Henrietta bây giờ là sự phóng chiếu của cô em gái anh từng biết thời còn ở Ainswick. Cô nhỏ luôn tươi cười, với đôi mắt sinh động đầy háo hức. Người phụ nữ trước mặt anh đây xem chừng xa lạ, đôi mắt thông minh nhưng lạnh lẽo, và nhìn anh đầy thù địch.

Anh nói chân thành:

“Henrietta, em thân quý, hãy tin anh, anh thật lòng thông cảm với em, với nỗi đau buồn, mất mát em đang chịu.”

“Liệu có đau buồn chẳng?”

Câu hỏi khiến anh lại giật mình. Cô có vẻ đang tự hỏi mình hơn là hỏi anh.

Cô nói bằng giọng trầm thấp:

“Nhanh quá, mọi chuyện thật nhanh. Mới đang sống đó, hít thở đó, thế rồi chết đi, biến mất, trống rỗng. Ôi, sự trống rỗng! Và rồi chúng ta ở đây, ăn bánh sữa trứng và cho là mình đang sống — và John, kẻ sống động hơn bất kỳ ai trong chúng ta, thì lại chết. Em tự nói từ này, anh biết không, cứ tự lặp đi lặp lại mãi. Chết, chết, chết, chết, chết, *chết*. Chẳng mấy chốc nó mất đi ý nghĩa — chẳng còn nghĩa lý gì nữa. Nó chỉ là một từ ngắn ngủi nực cười như tiếng cành cây gãy ngang. *Chết, chết, chết, chết*. Như tiếng trống thổ dân trong rừng sâu. Chết, chết, chết, chết, chết, chết...”

“Henrietta, ngừng lại đi! Vì Chúa, dừng lại!”

Cô tò mò nhìn anh.

“Anh không biết em sẽ cảm thấy thế này sao? Anh tưởng thế nào? Rằng em sẽ ng ồi khóc đơan trang với tấm khăn tay xinh xắn trong vòng tay anh à? Rằng đó quả là một cú sốc lớn nhưng r ồi đang dần vượt qua? Rằng anh sẽ v ỡ v ềem dịu dàng? Anh rất tử tế, Edward à. Anh rất tử tế, nhưng anh quá, quá không xứng.”

Edward lùi lại. Gương mặt anh cứng lại, giọng khô khốc.

“Ừ, anh luôn biết thế.”

Cô tàn nhẫn nói tiếp:

“Anh tưởng như mọi buổi tối khác, mọi người ng ồi thành vòng, John thì chết và không ai chăm lo cho em và Gerda! Anh thì vui, David ngại ngùng, Midge buồn r ầu còn Lucy nhâm nha tận hưởng trải nghiệm thực tế những đi ều thường chỉ đọc trên tờ *News of the World*! Anh không thấy cảnh đó như một cơn ác mộng kỳ dị sao?”

Edward im lặng. Anh lùi vào chỗ tối.

Nhìn anh, Henrietta nói tiếp:

“Đêm nay, mọi chuyện với em đều không có thật, không ai có thật, trừ John!”

Edward lặng lẽ đáp, “Anh biết, anh cũng không thật cho lắm.”

“Em nói thế thật chẳng hơn sức vật, nhưng em không ki ềm được. Em không chịu nổi chuyện một người như John thế mà lại chết.”

“Và anh vốn là kẻ chết dở, lại còn sống đây.”

“Em không có ý đó, Edward.”

“Em có, Henrietta. Có lẽ em đúng.”

Nhưng cô lại nói tiếp, chìm vào những suy nghĩ trước đó.

“Nhưng đây không phải đi ều đau buồn. Có lẽ em không cảm thấy buồn nổi. Có lẽ không bao giờ. Mà em những muốn buồn thương cho John biết mấy.”

Ngôn từ của cô nghe kỳ dị. Anh lại giật mình khi nghe cô nói tiếp, giọng như đang bàn chuyện công việc:

“Em phải đi ra chỗ hồ bơi.”

Rồi cô đi vào rừng.

Bằng dáng đi cứng nhắc, Edward trở vào qua cửa sổ mở.

Midge nhìn lên khi thấy Edward bước vào, đôi mắt vô hồn. Gương mặt anh xám ngắt, dần vật. Trông như bị rút sạch máu.

Anh không nghe tiếng thở dốc mà Midge vừa bước ra đã vội vàng nén lại ngay.

Hầu như máy móc, anh bước lại chỗ cái ghế và ngồi xuống. Rồi cảm thấy hình như cần nói gì đó, anh mở miệng:

“Trời lạnh quá.”

“Anh lạnh lắm à, Edward? Chúng ta... em đốt lò sưởi nhé?”

“Sao?”

Midge cầm hộp diêm trên mặt lò sưởi. Cô quỳ xuống rồi ném que diêm vào lò, thận trọng liếc ngang về phía Edward. Trông anh cứ mơ mơ màng màng.

Cô lại nói, “Có lửa thật tốt. Ấm lên hẳn.”

“Anh ấy nhìn lạnh lẽo quá,” cô nghĩ, “nhưng lẽ nào ngoài trời lạnh đến thế? Là Henrietta! Cô ấy đã nói gì với anh?”

“Dịch ghế lại đây, anh Edward. Lại gần lò sưởi này.”

“Sao chứ?”

“Ghế của anh. Nhích lại đây này.”

Cô nói lớn tiếng và chậm rãi, như thể nói chuyện với người lãng tai.

Rồi đột nhiên, cô nhẹ nhõm hẳn, Edward thực sự của cô đã trở về đây. Anh cười với cô dịu dàng.

“Em nói chuyện với anh à, Midge? Xin lỗi nhé. Anh mãi nghĩ ngợi quá.”

“Ồ, không sao đâu mà. Em đốt lò sưởi lên thôi.”

Những que củi nhỏ tí tách, đôi quả thông khô cháy bùng thành lưỡi lửa sáng trong, rực rỡ. Edward nhìn chăm chăm, thì thào:

“Lửa đẹp quá.”

Anh vươn bàn tay thon dài về phía lò sưởi, sự căng thẳng trong lòng rút đi như thủy triều.

Midge hồi tưởng, “Thời còn ở Ainswick lúc nào mình cũng đốt quả thông nhỉ.”

“Giờ vẫn vậy. Ngày nào cũng cho mang về một giỏ đầy, đổ vào cái sọt để sẵn đấy.”

Edward ở Ainswick. Midge khép hờ đôi mắt, mơ màng tưởng tượng. Hẳn là anh thường ngồi trong thư viện ở chái Tây. Cây mộc lan nghiêng bóng trước cửa sổ, nhuộm căn phòng trong ánh xanh vàng những buổi chiều tà. Một cửa sổ khác mở ra bãi cỏ có cây tùng cao sừng sững trang nghiêm như người lính gác. Bên phải là cây sồi lớn.

Ồi, Ainswick... Ainswick.

Cô như ngửi được mùi thanh ngọt phảng phất từ những chùm mộc lan trắng ngà dù đã vào tiết tháng Chín. Và những quả thông đốt lò. Và mùi ngai ngái từ cuốn sách mà Edward thường cầm trên tay. Anh sẽ ngồi trên chiếc ghế bành, và có lẽ, thi thoảng mắt anh hững hờ rời trang sách để nhìn vào lò sưởi, thoáng nhớ đến Henrietta.

Midge cời lửa, hỏi:

“Henrietta đâu rồi nhỉ?”

“Em ấy ra hồ bơi.”

Midge sững sờ. “Tại sao?”

Giọng cô trầm khàn khiến Edward hơi giật mình.

“Midge, em gái, thì em biết đấy... ừ thì, hoặc cũng đoán được. Em ấy rất thân với Christow mà.”

“À vâng, tất nhiên ai cũng biết chuyện ấy. Nhưng em không hiểu vì sao Henrietta lại thờ thần ở chính nơi anh ấy bị bắn. Chẳng giống Henrietta ngày thường chút nào. Em ấy vốn đâu có thích bày tỏ khoa trương thống thiết như vậy.”

“Làm sao có ai thực hiểu lòng kẻ khác? Ví như là hiểu Henrietta.”

Midge khẽ chau mày. Cô lại nói:

“Dù sao đi nữa, Edward à, chúng ta đã biết Henrietta từ bé đến giờ mà.”

“Em ấy thay đổi r ồi.”

“Không đâu, có ai mà thay đổi nhiều vậy.”

“Henrietta thay đổi r ồi.”

“Nhiều hơn chúng ta đổi thay sao?”

“À, anh vẫn luôn vậy, anh biết chắc chắn thế. Cả em...”

Đột nhiên, ánh mắt anh chuyên chú nhìn cô em đang quỳ cạnh thanh chắn lò sưởi. Như thể anh đang ngắm cô từ xa, chiếc cằm vuông, đôi mắt sẫm, khuôn miệng kiên quyết. Anh bật thốt:

“Giá mà thời gian qua anh gặp em được thường hơn, Midge à.”

Cô mỉm cười với anh.

“Em hiểu mà. Thời nay, khó mà giữ liên lạc thường lắm.”

Có tiếng động bên ngoài, Edward đứng dậy.

“Chị Lucy nói phải, hôm nay mệt mỏi quá, lần đầu gặp phải sự thể này. Anh đi ngủ đây. Em ngủ ngon nhé..”

Lúc Henrietta bước qua cửa sổ vào phòng thì anh đã đi r ồi.

Midge quay lại.

“Em đã làm gì anh Edward thế?”

“Edward sao?” Henrietta ngạc nhiên. Cô hơi chau mày, như thể đang mải nghĩ tẩn đầu đầu.

“Ừ, Edward. Anh ấy khi nãy trở vào trông vừa lạnh vừa tái.”

“Nếu chị quan tâm anh ấy như vậy, sao chị không tự làm gì đi Midge?”

“Làm gì chứ? Ý em là sao?”

“Em không biết được. Ví dụ như đứng trên ghế hét lên chẳng hạn! Lẽ nào chị không biết chỉ có cách như thế mới thu hút được sự chú ý của người như Edward sao?”

“Anh Edward chẳng để ý đến ai ngoài em, Henrietta. Chưa từng khác.”

“Thế thì anh ấy chẳng thông minh cho lắm đâu.” Cô liếc mắt nhìn gương mặt trắng bệch của Midge. “Xin lỗi nếu có làm tổn thương chị. Nhưng tối nay, em căm ghét Edward.”

“Ghét anh ấy? Không thể nào.”

“Được chứ! Hẳn nhiên! Chị đâu biết rằng...”

“Biết đi đâu gì?”

Henrietta chậm rãi:

“Rằng anh ấy gọi nhớ quá nhiều đi đâu em muốn lãng quên.”

“Nghĩa là sao?”

“Thì, ví như những chuyện hời ở Ainswick.”

“Ainswick? Em muốn quên hẳn thời ở đấy sao?” Midge ngờ vực hỏi lại.

“Phải, phải, đúng thế! Em từng hạnh phúc khi ở đó. Nhưng mà bây giờ, em không chịu nổi bất cứ gì nhắc nhở đến hạnh phúc. Chị không hiểu sao chứ? Cái thời chẳng ai biết rồi sẽ xảy ra chuyện gì. Khi mà cứ ngỡ mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp mãi mãi! Người khôn ngoan đã chẳng bao giờ hoài công trông đợi được hạnh phúc. Em lại đã từng.”

Cô kết cục:

“Em sẽ không bao giờ trở lại Ainswick.”

Midge từ tốn:

“Liệu thế chẳng.”

Midge giật mình thức dậy vào sáng thứ Hai.

Cô nằm im sững trong chốc lát, nhìn về phía cửa, tưởng như bà Angkatell sắp bước vào từ đó. Lucy đã nói gì khi chị ấy lao vào phòng mình trong buổi sáng đầu tiên ở đây nhỉ?

Một cuối tuần khó khăn chẳng? Chị ấy từng lo rằng—từng cho rằng sẽ có đi đâu không vui xảy đến.

Phải, quả thế, nó đã xảy đến—và giờ đè nặng lên tâm trí Midge như đám mây đen dày đặc. Cô không muốn nghĩ tới, không muốn nhớ về Đi đâu ấy hãy còn khiến cô khiếp sợ. Đi đâu liên quan đến Edward.

Trí nhớ cô vụt lóe. Một từ đen tối trườn trụi bật ra—*Vụ giết người*.

“Không thể nào,” Midge nghĩ, “Không thể là thực. Đó là ác mộng thôi. Rằng John Christow bị bắn chết cạnh hồ bơi. Máu hòa nước xanh, như cảnh trang bìa của câu chuyện trinh thám. Tưởng tượng, phi thực. Không thể nào người ta lại gặp phải cảnh ấy ngoài đời. Giá mà giờ mọi người đang ở Ainswick. Chuyện như thế không thể xảy ra Ainswick được.”

Đám mây đen đặc trôi từ đầu xuống bao tử, khiến cô hơi buồn nôn.

Không phải mơ. Là thực—sự kiện như trong tờ *News of the World* thường đăng đang xảy ra rồi—cả cô và Edward và Lucy và Henry và Henrietta đều bị cuốn vào đó.

Không công bằng chút nào—rõ ràng là vậy—họ đâu có liên quan gì nếu như chính Gerda bắn chết chồng chị ta.

Bụng dạ Midge quặn lên.

Người chị dâu họ im lặng, đần độn, có phần thảm hại đó— làm sao có thể hình dung con người như vậy lại gắn với hành động kịch tính nhường ấy, với sự bạo lực nhường ấy.

Gerda chắc chắn không dám bắn *bất cứ ai*.

Cơn khó chịu lại quặn lên. Không, không được phép nghĩ như thế. Nếu không phải chị ta thì ai bắn John chứ? Mà Gerda đứng ngay cạnh thì thế, tay còn cầm súng. Khẩu súng lấy từ thư phòng của Henry.

Gerda khai rằng chị ta thấy John nằm đó bèn tiến lại nhặt khẩu súng lên. Nhưng chị ta còn nói thế nào khác được chứ? Thì cũng phải biện minh gì đó, dù gượng gạo tới đâu.

Henrietta tối qua cũng thật kỳ lạ.

Nhưng tất nhiên, đó là do cú sốc từ cái chết của John Christow.

Henrietta tội nghiệp— em ấy vốn quan tâm đến John nhiều vậy.

Nhưng rồi em ấy sẽ lặng lòng thôi— chuyện gì rồi cũng sẽ qua. Rồi em ấy sẽ cưới Edward và về sống tại Ainswick, rồi cuối cùng anh Edward sẽ được hạnh phúc.

Henrietta luôn mến yêu Edward. Chỉ bởi John Christow khi trước cá tính quá mạnh mẽ, quá áp đảo, đến nỗi khiến Edward thành ra có vẻ... nhạt nhòa khi so sánh.

Khi xuống nhà ăn sáng, Midge chợt nhận ra rằng cá tính của Edward, một khi không còn bị John Christow lấn át nữa, bắt đầu hiển hiện. Anh có vẻ chắc chắn về chính mình hơn, bớt do dự và né tránh.

Anh đang nhẹ nhàng nói chuyện với David, dù cậu ta chỉ nhìn chăm chăm không đáp.

“Cậu nhất định phải thường ghé chơi Ainswick đấy nhé, David. Anh mong cậu cứ thật tự nhiên mà khám phá nơi ấy.”

Vừa lấy mút cam, David vừa đáp lạnh ngắt:

“Mấy dinh thự to rộng đến vậy thực nực cười. Nên phân nhỏ ra thì hơn.”

“Mong rằng chuyện ấy chưa xảy đến khi anh còn đó, mong là vậy,” Edward cười. “Nhóm gia nhận nhà anh vẫn đang hài lòng vui vẻ.”

“Thế là không đúng,” David phản đối. “Không ai nên thấy hài lòng cả.”

“Đến con khi xưa còn hài lòng với cái đuôi...” bà Angkatell lầm bầm, bà đang đứng bên tủ bát đĩa, vẫn vợ nhìn cái đĩa đựng món bầu dục. “Bài thơ ấy mình học hồi còn đi nhà trẻ, nhưng không nhớ đoạn sau là thế nào nữa. Chị phải nói chuyện thêm với cậu, David ạ, để mở mang thêm nhiều ý tưởng mới. Theo như chị thấy một mặt người ta ghét tất cả thế nhân, nhưng đồng thời lại chăm sóc y tế miễn phí và cho học hành các thứ (tội nghiệp, mấy đứa nhỏ ấy ngày nào cũng bị lừa đến trường)—và cả món dầu gan cá buộc mấy đứa nhỏ phải nuốt dù có thích hay không nữa—ôi cái món nặng mùi ấy.”

Chị Lucy vẫn cư xử như thường, Midge nghĩ.

Và ông quản gia Gudgeon trông cũng như thường, cô thầm nhận xét khi đi qua ông ở hành lang. Cuộc sống ở Thung Lũng chừng như đã trở lại nếp quen. Thêm chuyện Gerda đã đi khỏi, mọi chuyện chừng như chỉ là giấc mơ.

Chợt có tiếng bánh xe nghiêng trên sỏi, Sir Henry xuống xe. Ông vừa nghỉ đêm tạm ở câu lạc bộ riêng tư rồi sáng lái xe về sớm.

“Anh yêu,” Lucy cất lời, “mọi chuyện ổn cả chứ?”

“Ừ. Thư ký riêng của cậu ấy ở đó, một cô gái rất có năng lực. Cô ấy lo các việc liên quan. Gerda dường như còn một người chị em nữa thì phải. Cô thư ký đã điện báo cho cô ấy.”

“Em nhớ là có họ hàng mà,” bà Angkatell đồng tình. “Ở Tunbridge Wells nhỉ?”

“Ở Bexhill thì phải,” Sir Henry có vẻ bối rối.

“Em nghĩ là,” bà Angkatell cân nhắc cái địa danh Bexhill, “Ừ, nghe có vẻ hợp lý đấy.”

Ông quản gia Gudgeon tiến lại.

“Thưa ngài Henry, Thanh tra Grange vừa điện đến. Vụ đi đầu tra chính thức sẽ bắt đầu lúc mười một giờ ngày thứ Tư.”

Sir Henry gật đầu. Bà Angkatell nói:

“Midge à, em nên gọi điện báo cho cửa hàng em làm đi.”

Midge chậm chạp tiến đến chỗ để điện thoại.

Cuộc đời cô trước nay quá bình thường đến nỗi cô thấy chùng như không đủ lời lẽ để giải thích với chủ rằng sau kỳ nghỉ dài bốn ngày, cô chưa thể trở lại làm việc bởi dính líu đến một vụ giết người.

Nghe chẳng thuyết phục chút nào. Một chút cũng không.

Mà bà chủ Alfrege vốn cũng không phải là người chịu kiên nhẫn nghe giải thích.

Midge hơi bạnh hàm ra, kiên quyết cầm lấy ống nghe.

Cuộc nói chuyện khó khăn y như cô hình dung. Giọng nói khàn khàn của bà chủ Do Thái thấp nhỏ cay nghiệt vang ra từ điện thoại.

“Chuyện gì đó, cô *Hardcathle*? Người chết? Đám tang à? Cô biết thừa tôi rất thiếu người mà? Cô tưởng tôi sẽ chịu cái cơ đó sao? À hả, cô đang vui vẻ lắm, hả!”

Midge ngắt lời bà, nói lại một cách sắc gọn và rành mạch.

“Cảnh sát? Cảnh sát gì chứ?” Giọng bà chủ nghe thất thanh. “Cô dính líu gì tới cảnh sát hả?”

Midge nghiêng rằng, cố giải thích tiếp. Người phụ nữ ở đầu dây kia diễn giải sự việc thành ra thấp hèn làm sao. Như một vụ nhor nhóp cần tới cảnh sát. Con người đúng là có tài đổi trắng thay đen!

Edward mở cửa đi vào, thấy Midge đang gọi điện, anh lại định quay ra. Cô ngăn anh lại.

“Ở lại đi anh Edward. Xin anh đấy. Thật lòng em muốn thế.”

Sự có mặt của Edward trong phòng tiếp thêm cho cô sức mạnh để đối phó với sự độc địa ở đầu dây kia.

Cô nhắc bàn tay đang bịt đầu ống nói.

“Sao? Vâng, tôi xin lỗi, thưa bà. Nhưng không phải lỗi tôi, rốt cuộc là vậy...”

Giọng khàn khàn ở đầu dây kia gào lên giận dữ.

“Còn *cá cược* gì nữa? Bọn người nào mà dính líu tới cảnh sát rồi có người bị bắn hả? Tôi thà không cần cô quay lại nữa! Tôi không để cơ nghiệp mất danh tiếng đâu.”

Midge nói thêm vài câu vượt giận, không hứa hẹn gì. Cuối cùng cô cúp máy, thở phào. Cô hãy còn run rẩy và căng thẳng.

“Chỗ em làm ấy mà,” cô giải thích. “Em thông báo rằng không thể đi làm lại trước ngày thứ Năm vì có vụ đi điều tra và... và cảnh sát.”

“Thế chỗ ấy có tử tế với em không? Cái cửa hàng em làm như thế nào? Bà chủ có dễ chịu và thông cảm không?”

“Bà ấy không chút gì như thế! Bà ấy là dân Do Thái ở khu Whitechapel, nhuộm tóc, giọng nói thì cứ khàn khàn như quạ ấy.”

“Em Midge...”

Vẻ sững sờ của Edward suýt khiến Midge bật cười. Anh thật sự quan tâm đến chuyện này.

“Nhưng em gái thân mến... Làm sao chịu đựng những đi đầu như thế. Nếu buộc phải có việc làm, em phải chọn việc gì mà xung quanh hòa hợp với em, là nơi em yêu mến tất cả những ai làm cùng em chứ.”

Midge nhìn anh một lúc, không nói gì.

Làm sao để giải thích với một người như Edward nhỉ? Anh ấy thì biết gì về thị trường lao động, hay công việc?

Nỗi chua chát chọt trào lên trong cô. Lucy, Henry, Edward, phải, và cả Henrietta, họ đều cách cô một vực sâu không thể vượt qua — vực sâu giữa kẻ nhàn hạ và người làm việc.

Họ không có khái niệm gì về những vất vả khó nhọc để kiếm việc, và để giữ việc, khi đã có! Có người sẽ nói rằng thật ra đâu cần cô phải đi làm kiếm cơm như thế. Anh chị cô, Lucy và Henry, sẽ rất vui lòng cho cô một mái nhà — và cũng vui lòng đưa cô tiền trợ cấp. Edward cũng sẵn lòng gọi tiền cho cô.

Nhưng một đi đâu gì đó trong Midge khẳng khẳng nổi loạn không muốn chấp nhận sự giúp đỡ dễ dàng từ những người họ hàng giàu có. Thi thoảng đến chơi và đắm mình vào cuộc sống sang giàu, nền nếp của Lucy thì vui đấy, cô sẽ tận hưởng hết mình. Nhưng cá tính độc lập khẳng khẳng ghim cô lại, không chấp nhận sống cả cuộc đời nhờ sự ban ơn như thế. Cũng vì cái tính ấy ngăn cô không mở cửa tiệm tự kinh doanh từ tiền mượn của họ hàng và bạn bè. Cô đã thấy quá nhiều cảnh trở trêu từ đó rồi.

Cô sẽ không mượn tiền ai, không nhờ vả đến ảnh hưởng của ai. Cô tự tìm được việc làm trả lương bốn bảng một tuần, và dù trước đây có thực sự được nhận việc là nhờ bà Alfrege hy vọng cô sẽ mời được những bạn bè “sáng láng” của mình đến mua hàng, thì bà đã phải thất vọng. Midge gạt đi mọi gợi ý chào mời bạn bè mình như vậy.

Cô cũng không có hình dung cụ thể gì về công việc. Cô không ưa cửa tiệm, không ưa bà Alfrege, không ưa cứ phải mãi mãi phục vụ những vị khách nóng tính và kém lịch sự, nhưng cô ngờ rằng mình khó lòng kiếm được việc gì mà mình thích làm hơn, bởi cô không có kỹ năng công việc cần thiết nào cả.

Sáng nay, cô đặc biệt bức bối trước chuyện Edward cứ ngỡ như có vô vàn lựa chọn mở ra sẵn trước mặt cô. Tại sao anh ta được quyền sống trong thế giới cách biệt với đời thực như vậy chứ?

Vì họ là nhà Angkatell, tất cả bọn họ. Còn cô—chỉ mang nửa dòng máu Angkatell! Sẽ có những khi, như sáng nay, cô thấy mình chẳng phải người nhà Angkatell chút nào! Cô hoàn toàn là con gái của cha cô.

Cô lại nhớ về cha, đi kèm cơn nhói đau vì yêu thương xen lẫn hối hận, nhớ người đàn ông trung niên tóc hoa râm và gương mặt mệt mỏi ấy. Cha đã gồng gánh nhiều năm để duy trì được việc kinh doanh nho nhỏ của gia đình, đã hết lòng hết sức, nhưng cuối cùng vẫn từ từ xuống dốc. Không phải do ông yếu kém, mà vì ngành ấy đã dần hết thời.

Lạ lùng thay, cô lại thương người cha khắc khổ ít lời ấy hơn người mẹ mang họ Angkatell đẹp rực rỡ. Mỗi lần trở về nhà sau khi đến chơi dinh thự Ainswick, vốn là dịp vui đặc biệt với cô thời đó, cô sẽ đáp lại vẻ hoài nghi khấn khoản phảng phất trên gương mặt mệt mỏi của cha mình bằng

cách choàng tay ôm chầm lấy cổ ông mà reo: “Về tới nhà mình thật vui, về tới nhà mình vui quá ạ!”

Mẹ cô qua đời năm cô mười ba tuổi. Có đôi lúc, Midge cảm thấy mình không hiểu mấy về mẹ ruột. Bà luôn lơ đãng, duyên dáng, vui tươi. Liệu bà có từng hối tiếc về cuộc hôn nhân đã tách bà ra khỏi vòng quan hệ nội bộ của gia tộc Angkatell? Midge không biết. Cha cô tóc ngày càng bạc, tính tình càng trầm lặng hơn sau cái chết của vợ. Những nỗ lực của ông để giữ việc kinh doanh đang đến hồi kết ngày càng vô vọng. Rồi ông ra đi lặng lẽ khi Midge mười tám tuổi, đám tang không mấy ai biết đến.

Midge đã sống cùng nhiều họ hàng nhà Angkatell, từng nhận quà tặng từ họ, từng có những ngày nghỉ rất vui ở nhà họ, nhưng cô từ chối sống dựa vào lòng tốt của họ hàng. Và cũng ngang với tình cảm quý mến của cô dành cho nhà Angkatell, có những khi, như lúc này, cô chột bưng bưng mong muốn nổi loạn.

Cô cay độc nghĩ, “Bọn họ chẳng biết một cái gì!”

Edward vốn nhạy cảm, nhìn cô vẻ nghi hoặc. Anh nhẹ giọng hỏi:

“Anh làm em buồn lòng à? Sao thế?”

Lucy lướt vào phòng, vẫn còn nói dở câu.

“—em thấy đó, đâu thể biết được thực sự em ấy có thích White Hart hơn chỗ chúng ta hay không chứ?”

Midge ngẩn ra nhìn bà, rồi nhìn Edward.

“Em nhìn cậu ấy cũng vô ích,” bà Angkatell nói tiếp luôn. “Edward không biết được việc này đâu mà, Midge, em thì khác, em luôn rất thực tế.”

“Em không biết chị đang nói về chuyện gì, Lucy à.”

Bà Angkatell trông có vẻ kinh ngạc.

“Thì về vụ điều tra đó, cưng. Gerda phải về đây để tiếp nhận điều tra. Thế em ấy có ở đây không? Hay là về bên White Hart? Em ấy trở về đây thì đau buồn thật, tất nhiên là vậy, nhưng bên White Hart thì nhiều người dòm ngó, và lại đông phóng viên nữa. Em biết không, hôm thứ Tư, lúc mười một giờ nhé, hay mười một giờ rưỡi nhỉ?” Bà Angkatell chột nở nụ

cười. “Thế mà chị chưa bao giờ tham gia một vụ phỏng vấn đi đâu tra. Chị nghĩ sẽ mặc bộ váy áo màu xám, đội nón, tất nhiên, phải chằm chu như khi đi nhà thờ, nhưng không cần đi găng tay.”

“Mọi người biết đấy,” bà Angkatell nói tiếp, bước đến chỗ để điện thoại, nhắc ống nghe lên nghiêm túc nhìn nó, “Đạo này chị nghĩ mình chẳng còn đôi găng tay nào, ngoại trừ đôi dùng để làm vườn thôi! Tất nhiên cũng còn nhiều đôi găng dài để lại từ thời anh nhà còn làm việc cho chính phủ. Găng tay là món phụ trang cứ ngớ ngẩn thế nào ấy, các em có nghĩ vậy không?”

“Công dụng duy nhất là để giấu vết vân tay ở hiện trường thôi,” Edward cười.

“Đó, cậu nói thế nghe thú vị quá, Edward à, rất thú vị. Thế chị định làm gì với thứ này đây nhỉ?” Bà Angkatell nhìn cái điện thoại trong tay, có vẻ hơi bực mình.

“Chị định gọi cho ai sao?”

“Không đâu mà.” Bà Angkatell lắc đầu mơ màng, rồi vui vẻ gác điện thoại trở lại giá.

Bà nhìn Edward, rồi nhìn sang Midge.

“Chị không nghĩ cậu làm buồn lòng Midge đâu, Edward à. Do cô ấy để tâm đến sự ra đi bất ngờ hơn chúng ta đấy thôi.”

“Kìa chị Lucy,” Edward kêu lên. “Em chỉ đang lo lắng về chỗ làm của Midge thôi. Nghe chừng là một nơi không tốt lắm.”

“Edward cho rằng em phải kiếm một người chủ thuê có lòng cảm thông dạt dào và biết trân quý em,” Midge nói khô khốc.

“Đúng là Edward nhà ta,” bà Angkatell ra ý tán thưởng.

Bà mỉm cười với Midge và đi ra khỏi phòng.

“Nghiêm túc đấy, Midge,” Edward lại nói, “Anh rất lo.”

Cô ngắt lời anh:

“Mụ đàn bà ấy trả em bốn bảng mỗi tuần. Đó là đi đầu duy nhất quan trọng.”

Cô đi lướt qua người anh, ra vườn.

Sir Henry đang ngồi ở chỗ thường lệ, cạnh bức tường thấp, nhưng Midge tránh hướng ấy, đi ngược lên lối đi trồng hoa.

Những người họ hàng của cô rất duyên dáng, lịch lãm, nhưng sáng nay cô chẳng thiết gì những nét tốt ấy.

David Angkatell ngồi trên ghế đặt ở đầu kia lối trồng hoa.

Riêng David thì không lịch lãm quá cỡ bao giờ, Midge chơi ác, đi thẳng đến ngồi cạnh cậu, cười thầm thấy cậu chàng bực bội ra mặt.

Sao mà khó tránh người ta quá vậy, David thầm nghĩ.

Sáng nay cậu phải ra khỏi phòng ngủ vì mấy cô dọn phòng tay khăn tay chổi ừa vào.

Rồi thư viện (và bộ bách khoa toàn thư Britannica) cũng không phải là thánh địa yên tĩnh như cậu hy vọng. Hai lần liền, bà Angkatell vào rồi lại ra, nhiệt tình đưa ra nhiều nhận xét mà xem chừng không thể nào trả lời một cách trí tuệ cho được.

Thế là cậu ra đây để nghĩ đến ngẫm cái tình thế của mình. Kỳ nghỉ cuối tuần mà cậu phải miễn cưỡng tham gia nay càng dài đằng đẵng vì những việc cấp bách liên quan đến cái chết đột ngột và dữ dội kia.

David vốn thích đắm mình vào không khí học thuật hàn lâm kiểu Platon xưa, hoặc những cuộc tranh luận nghiêm túc về xã hội tương lai ngả theo Cánh Tả, nên cậu không có kỹ năng gì để đối phó với hiện tại trần trụi và bạo lực như lúc này. Như cậu từng nói với bà Angkatell, cậu không đọc tờ *News of the World*. Nhưng giờ cảnh giạt gân trong tờ lá cải đó đã xảy ra ngay tại Thung Lũng này.

Sát nhân! David rùng mình kinh tởm. Thân hữu của cậu nghĩ gì vậy chứ? Làm sao có ai nói ra lời được chữ ấy, nói gì đến ra tay? Rồi trước cảnh ấy nên tỏ thái độ gì? Chán chường? Ghê tởm? Tò mò xem diễn biến?

Đang lúc cố trấn tĩnh, cậu hẳn không hề vui vẻ gì khi bị Midge quấy rầy. Thấy cô ngồi xuống bên cạnh, cậu khó chịu liếc sang, chợt giật mình trước ánh nhìn đáp trả đầy thách thức của cô. Đúng là một cô gái ương ngạnh không chút trí tuệ.

Cô chợt hỏi, “tình cảm của cậu với họ hàng như thế nào?”

David nhún vai:

“Ai lại thực sự để tâm suy nghĩ về họ hàng của mình chứ?”

Midge lại hỏi:

“Thế liệu có ai thực sự từng để tâm suy nghĩ về chuyện gì trên đời không?”

Chị thì hẳn là chưa từng rồi, David nghĩ. Cậu đáp, giọng có phần dụi đi:

“Tôi đang phân tích phản ứng của mình trước cuộc sát nhân.”

“Đúng là kỳ dị thật,” Midge nhận xét, “khi thực sự trong cuộc.”

David thở dài:

“Quá mệt mỏi,” có lẽ đó là phản ứng hợp lý nhất. “Tất cả những thủ tục phép tắc mà người ta những tưởng chỉ tồn tại trong sách trình thám.”

“Hẳn là cậu hối hận vì cuối tuần vừa rồi nhận lời đến đây,” Midge nói.

David lại thở dài.

“Phải, đúng ra tôi ở cùng một người bạn tại London. Cậu ta là chủ hiệu sách Cánh Tả.”

“Hẳn là chỗ ấy thoải mái hơn ở đây,” Midge nói.

“Chị thật tình bận tâm đến chuyện có thoải mái hay không à?” David cau có.

“Rất thường xuyên, khi tôi cảm thấy mình không còn quan tâm đến gì khác cả.”

“Đúng là một tâm thái được cuộc đời chi ùi hư, giả như chị là một người lao động...”

Midge ngắt lời cậu.

“Tôi *chính* là một người lao động thực sự đây. Bởi vậy nên sự thoải mái mới hấp dẫn tôi như vậy. Nào giường êm, gối ấm, nào bữa trà sáng được người hầu nhẹ tay đặt sẵn cạnh giường, rồi bồn tắm sứ đầy nước nóng, và muối tắm hảo hạng. Rồi cái ghế êm mềm chỉ muốn buông mình xuống...”

Midge chợt ngừng kể.

“Người lao động hẳn nên có tất cả những đi ầu đó.” David nói.

Cậu hơi ng ần ngủ v ề món trà sáng được đặt sẵn cạnh giường, nghe có vẻ xa hoa ủy mị trong một thế giới được tổ chức chặt chẽ đ ầu đó.

“Tôi hết sức đ ồng ý với cậu,” Midge chân thành đáp.

Gần trưa, thám tử Hercule Poirot đang thư thả nhấm nháp tách chocolate nóng thì bị tiếng chuông điện thoại cắt ngang. Ông đứng dậy nhấc máy.

“Alo?”

“Ông Poirot ạ?”

“Bà Angkatell?”

“Ôi ông nhớ cả giọng tôi, thật quý hóa! Tôi có làm phiền ông không?”

“Không chút nào. Tôi hy vọng bà không phải chịu thêm đi ầu phiền lòng sau những sự việc đau buồn ngày hôm qua?”

“Không, thật vậy. Quả là đau buồn, như ông nói, nhưng tôi cảm thấy hóa ra lại như người ngoài cuộc. Tôi điện đến để hỏi xem ông có thể sang chỗ chúng tôi hay không... tôi biết là nói thế nghe có vẻ áp đặt, nhưng tôi quả thực đang đau buồn lắm.”

“Tất nhiên là được, thưa bà Angkatell. Bây giờ tôi sang ngay sao?”

“Vâng, xin mời ông sang ngay cho. Càng nhanh càng tốt. Nếu được vậy thì rất cảm ơn ông.”

“Không hề gì. Tôi sẽ đi theo lối xuyên rừng nhé?”

“Vâng, tất nhiên... đường ấy là ngắn nhất. Cảm ơn ông thật nhiều, ông Poirot thân quý.”

Thám tử Poirot chỉ kịp phủi nhẹ phớt bụi bám trên ve áo và choàng lên người chiếc áo khoác mỏng, rồi vội băng lối mòn ngang qua rừng cây dẻ. Hồ bơi đã được rút cạn nước, cảnh sát làm xong việc đều rời đi cả. Khung cảnh trông thanh bình và vô hại giữa ánh mặt trời mùa thu dịu dàng.

Ông Poirot nhìn nhanh sang chỗ nhà mát, để ý thấy chiếc áo choàng lông cáo đã được đưa đi mất, nhưng sáu hộp diêm vẫn yên vị trên bàn; gần phía trường kỷ. Đột nhiên ông cảm thấy hết sức tò mò về chúng.

“Chỗ này không khí ẩm ướt, đâu phải chỗ cất diêm. Để sẵn một hộp cho tiện dùng thì phải lẽ, nhưng đây lại đến sáu hộp.”

Ông nhíu mày nhìn xuống cái bàn sắt sơn. Khay để ly đã được dọn đi. Có vết bút chì trên bàn, nguệch ngoạc hình cái cây trờng kỳ dị. Cái vết ấy khiến Hercule Poirot bức bối. Nó ngược với đầu óc ngăn nắp trật tự của ông.

Ông chặc lưỡi, lắc đầu, rồi đi vội về hướng nhà chính, thắc mắc không biết vì sao gia chủ lại mời ông đến gấp như vậy.

Bà Angkatell đang đợi ông ngay chỗ cánh cửa sổ lớn sát đất và dẫn ông vào căn phòng khách vắng lặng.

“Cảm ơn ông đã đến, ông Poirot à.”

Bà thân thiết nắm lấy tay ông.

“Xin sẵn lòng phục vụ, thưa bà.”

Bà Angkatell khoát tay quanh phòng, đôi mắt đẹp để mở lớn.

“Ông thấy đó, mệt mỏi biết là bao. Vị đi điều tra viên kia phỏng vấn, không, xét hỏi chứ, họ dùng thuật ngữ gì ấy nhỉ? Hỏi Gudgeon nhà chúng tôi! Mà cuộc sống nơi đây đầu phụ thuộc một tay Gudgeon sắp xếp cả, ai mà không cảm thương cho ông ấy. Bởi lẽ bị xét hỏi bởi cảnh sát là chuyện thật khủng khiếp, dù người hỏi là thanh tra Grange đi nữa! Ô, tôi thấy thanh tra Grange có lẽ là kiểu người chăm lo cho gia đình và cũng tử tế, nghe đâu ông ấy có con trai, tối tối ông ấy còn chơi xếp hình với các con, rồi bà vợ ông ấy thu dọn nhà cửa sạch gọn vô cùng, ngoại trừ đồ đạc hơi nhiều...”

Ông Hercule Poirot chớp mắt, nghe bà Angkatell tiếp tục phát huy trí tưởng tượng về cuộc sống gia đình thanh tra Grange.

“Nhìn hàm râu ông ấy quặp xuống,” bà Angkatell tiếp tục thao thao, “tôi nghĩ nhà cửa mà sạch bóng thế thì đôi khi cũng áp lực chứ, như loại xà phòng rửa mặt của các cô y tá trong bệnh viện ấy. Sáng bóng luôn! Nhưng

đó là những vùng quê còn hơi lạc hậu, còn ở nhà dưỡng lão ở London thì các cô ấy dùng các thứ kem phấn và son môi rực rỡ nữa cơ. Mà ông Poirot này, sau khi tất cả những chuyện lộn xộn này qua đi, ông nhất định phải ghé nhà chúng tôi dùng bữa trưa hân hoan đấy nhé.”

“Bà thật chu đáo quá.”

“Bản thân tôi thì không phiền vì cảnh sát, tôi còn thấy mọi sự khá thú vị kia,” bà Angkatell nói tiếp. “Ông cần bất cứ điều gì cứ nói với tôi nhé, tôi nói với thanh tra Grange như thế. Ông ấy có vẻ hơi dễ bối rối, nhưng làm việc có phương pháp lắm.”

“Có vẻ cảnh sát rất quan tâm tìm hiểu động cơ,” bà nói tiếp. “Mà nhắc tới y tá bệnh viện, tôi nghĩ thời còn làm y tá John Christow rất điển trai nhé, tóc đỏ, mũi hếch này. Nhưng tất nhiên đó là chuyện từ xưa rồi, cảnh sát hẳn không quan tâm đâu. Ai mà biết được Gerda tội nghiệp phải chịu đựng những gì? Cô ấy vốn là người rất trung thành và chung thủy, ông nghĩ có phải không? Hoặc có lẽ cô ấy tin theo mọi điều người ta nhận xét về mình. Với người không có trí tuệ cao, có lẽ làm như thế là khôn ngoan nhất.”

Rồi đột nhiên, bà Angkatell mở tung cửa thư phòng, đẩy ông Poirot vào, và reo lên vui vẻ, “Ông Poirot đến rồi đây.” Rồi bà lướt vòng quanh người ông ra khỏi phòng, đóng cửa lại. Thanh tra Grange và Gudgeon đang ngồi bên bàn. Trong góc là cậu trai trẻ tay cầm sổ viết. Gudgeon lịch sự đứng lên chào.

Ông Poirot vội ngỏ lời xin lỗi.

“Tôi sẽ đi ra ngay. Tôi không hề biết bà Angkatell...”

“Không, không, ông đừng ngại.” Hàm râu của ông Grange còn quặp xuống râu rậm hơn khi sáng. Nhớ lại lời phác họa về gia đình ông Grange của bà Angkatell khi nãy, ông Poirot buồn cười nghĩ, “có lẽ là do nhà ông ấy lau dọn quá mức, hoặc một cái bàn bằng đá ở Benares vừa được giao tới nhà, thế nên ngài thanh tra tài ba chẳng còn chỗ mà đi lại nữa.”

Ông bực bội xua những liên tưởng linh tinh ấy đi. Căn nhà chật chội mà sạch sẽ, người vợ lẫn đám con trai chơi trò xếp hình với thanh tra Grange toàn là những tưởng tượng của bà Angkatell mà thôi.

Nhưng bà tả sinh động đến mức những cảnh ấy in vào đầu ông như thể hiện thực rành rành, ngấm cũng tãi.

“Ng ấ đi, ông Poirot,” thanh tra Grange nói ngắn gọn. “Có vài chuyện tôi cần hỏi ý ông, tôi sắp xong rồi.”

Ông quay sang Gudgeon, ông quản gia kính cẩn và g ần như miễn cưỡng ng ấ xuống, giữ vẻ mặt vô cảm quay sang nhìn ông thanh tra.

“Ông chỉ nhớ có bấy nhiêu thôi sao?”

“Vâng thưa ông. Mọi việc hôm ấy đầu như ngày thường. Không có đi ầu gì đặc biệt gây khó chịu.”

“Có cái áo choàng lông thú... để ở nhà mát ngoài hồ bơi. Có phải của quý bà quý cô nào không?”

“Thưa ông, có phải ông có ý chỉ chiếc áo choàng bằng da cáo bạc? Hôm qua tôi có để ý thấy khi mang ly tách ra nhà mát. Nhưng đó không phải là tài sản thuộc bất kỳ vị nào trong nhà này, thưa ông.”

“Thế thì đó là áo của ai?”

“Đó có thể là áo của quý cô Cray, thưa ông. Cô Veronica Cray, nữ diễn viên điện ảnh. Cô ấy có mặc chiếc áo như thế.”

“Vào lúc nào?”

“Lúc cô ấy đến đây vào tối hôm kia, thưa ông.”

“Tôi không nghe ông nói rằng cô ấy là khách ở đây?”

“Vì cô ấy quả không phải khách ở đây, thưa ông. Cô Cray sống ở Dovecotes, đó là... căn nhà mái mé trên, cô ghé đến đây sau giờ cơm tối hôm ấy để xin ít diêm.”

“Cô ấy cần đi sáu hộp diêm phải không?” Ông Poirot chột hỏi.

Vị quản gia quay sang.

“Đúng vậy, thưa ông. Bà chủ của tôi, sau khi đã hỏi xem nhà có còn trữ nhiều diêm không, thì nhất định mời cô Cray nhận hẳn sáu hộp.”

“R ấ cô ấy để lại ngay nhà mát,” ông Poirot nói tiếp.

“Vâng, thưa ông, tôi có thấy chỗ diêm ấy vào sáng ngày hôm qua.”

“Hầu như không thứ gì qua được mắt của vị này,” ông Poirot nhận xét khi ông quản gia rời đi, nhẹ tay kính cẩn khép cửa phòng.

Thanh tra Grange chỉ đáp qua loa rằng bọn người hầu toàn là phường quỷ quyệt!

“Dù vậy,” giọng ông ta nghe chừng hào hứng lên, “Cô phụ bếp thì còn khá. Mấy cô phụ bếp nói chuyện không màu mè như người hầu có vai vế.”

“Tôi cho một người đến căn nhà ở đường Harley đi đầu tra rã,” ông nói tiếp. “Lát nữa tôi cũng tới đó. Hắn phải có phát hiện. Tôi dám chắc bà vợ ông Christow đó cũng phải chịu đựng không ít đâu. Vị bác sĩ bảnh bao và các phụ nhân đau ốm—nhiều chuyện ông không ngờ được đâu! Và tôi còn nghe từ bà Angkatell rằng ông ta có chuyện rắc rối liên quan đến một y tá ở bệnh viện nữa. Tất nhiên, bà ấy nói mơ hồ lắm.”

“Kiểu bà ấy lúc nào cũng thế,” ông Poirot gật đầu.

Một bức tranh tưởng tượng nhanh chóng dựng lên... John Christow dan díu cùng mấy cô y tá bệnh viện... tận dụng vị thế bác sĩ của mình... hắn có nhiều lý do khiến Gerda Christow ghen tuông và đỉnh điểm là ra tay giết chông.

Một bức tranh tưởng tượng thiện nghệ... kéo sự chú ý của ông khỏi căn nhà trên đường Harley, khỏi Thung Lũng, khỏi khoảnh khắc khi Henrietta Savernake bước tới, lấy khẩu súng từ tay Gerda Christow mà không hề gặp phản kháng... làm nhãng đi cả khoảnh khắc John Christow hấp hối, thốt lên lời cuối cùng: “Henrietta.”

Đang lim dim, đột nhiên ông Poirot mở choàng mắt, hỏi luôn ông thanh tra với sự tò mò không cưỡng nổi:

“Thế các cháu trai nhà ông có chơi trò xếp hình Meccano không?”

“Ờ, hả?” Thanh Grange đang cau mày suy tư, giật mình nhìn ông Poirot. “Sao, chuyện gì thế? Thật sự thì mấy đứa nhà tôi còn hơi nhỏ, nhưng tôi cũng định tặng Teddy một bộ xếp hình Meccano nhân dịp Giáng Sinh này. Mà sao ông hỏi thế?”

Ông Poirot lắc đầu.

Bà Angkatell lợi hại ở chỗ những phỏng đoán vượt ngoài lẽ thường từ trực giác của bà lại thường đúng. Chỉ bằng vài lời vô ý (hay có vẻ vô ý) mà bà đã dựng lên cả một bức tranh— và nếu một phần của bức tranh ấy là đúng, thì, bất chấp logic của bản thân, liệu ông có tin phần còn lại của bức tranh ấy không?...

Thanh tra Grange vẫn đang nói.

“Có một điểm tôi cần hỏi ý ông. Cô Cray, cô diễn viên từng đến đây mượn diêm ấy. Nếu quả mục đích là thế, tại sao cô ấy không ghé chỗ của ông, gần hơn nhiều mà? Còn nếu tới đây, cô ấy phải đi bộ hơn nửa dặm?”

Hercule Poirot nhún vai.

“Chắc có lý do gì đó. Vì thế diện chăng? Tệ xá chỉ là nơi tôi ghé nghỉ cuối tuần, nhưng Sir Henry và bà Angkatell thì sống hẳn ở đây, họ cũng là những nhân vật có tiếng tăm. Có thể cô Veronica Cray này muốn làm quen với họ, và mượn diêm cũng là cái có hay.”

Thanh tra Grange đứng dậy.

“Phải,” ông đồng ý, “nghe rất hợp lý, nhưng tôi không muốn bỏ sót chi tiết nào. Dù vậy tôi vẫn cho rằng mọi sự như ta suy đoán thôi. Sir Henry đã xác nhận khẩu súng đó là của ông ấy. Nhiều khả năng họ thực sự có dùng nó để tập bắn súng vào chiều hôm trước. Vậy thì bà Christow chỉ việc vào phòng sách và lấy súng ở chỗ bà ấy thấy Sir Henry cất nó và cất đạn. Khá đơn giản.”

“Phải,” ông Poirot nói nhỏ. “Nghe chừng khá đơn giản.”

Cứ như thế, một người phụ nữ như Gerda Christow phạm tội. Không mưu mô phức tạp, chỉ là hành vi bạo lực bộc phát bởi nỗi đờn đau cay đắng, từ một người đầu óc nông cạn nhưng biết yêu thương sâu đậm.

Và chắc chắn, chắc chắn cô ta cũng có phần nào ý thức việc mình làm chứ. Hay cô ta chỉ hành động trong cơn mù quáng, khi bóng tối che phủ tâm hồn, và lý trí hoàn toàn bị gạt bỏ?

Ông nhớ lại gương mặt trống rỗng, kinh ngạc của cô. Ông không biết, không sao biết được. Nhưng ông cảm thấy mình phải biết.

Gerda Christow kéo bộ áo váy đen qua đầu để cởi ra, rồi thả luôn trên ghế.

Đôi mắt cô thảm nã, đầy hoang mang. Cô lắp bắp, “Em không biết... em thật tình không biết mà. Thế nào cũng không quan trọng nữa.”

“Tôi biết mà, em thân mến, tôi hiểu mà.” Bà Patterson nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Bà rất biết cách cư xử với những người vừa phải chịu nỗi đau mất người thân. “Elsie là chỗ dựa tuyệt vời khi có chuyện.” gia đình bà thường nói vậy.

Lúc này, Elsie đang ngồi cùng cô em gái Gerda, trong phòng ngủ ở căn nhà trên đường Harley, để phát huy vai trò chỗ dựa tuyệt vời của mình. Elsie Patterson dáng cao, phong thái mạnh mẽ đầy năng lượng. Bà nhìn Gerda với vẻ vừa bực mình vừa thương hại.

Gerda tội nghiệp, mất chồng trong trường hợp kỳ dị như thế đúng là bi kịch. Mãi cho đến tận bây giờ, em bà xem chừng vẫn chưa thật sự đón nhận thực tế hoàn toàn. Tất nhiên, như bà Patteson nhớ, Gerda vốn chậm chạp ù lì. Mà bây giờ lại vừa chịu một cú sốc lớn.

Bà nói bằng giọng dứt khoát, “Chị nghĩ sẽ chọn loại vải lụa đen giá mười hai đông ghi-nê đó.”

Luôn phải có ai đó ra quyết định giúp cho Gerda.

Gerda đứng im bất động, chân mày chau lại. Cô chần chừ đáp:

“Em không biết liệu John có thích cho may đồ tang không. Em chưa từng nghe anh ấy nói là không thích.”

“John ơi,” cô thầm gọi. “Giá mà giờ này có anh ở đây để chỉ cho em biết nên làm gì.”

Nhưng John sẽ không bao giờ trở lại nữa. Không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ... Món thịt cừu nguội cứng dãn trên bàn ăn... tiếng sập cửa phòng khám, tiếng John bước lên cầu thang hai bậc một, lúc nào cũng vội vã như vậy, mạnh mẽ sống động...

Sống động.

Rồi anh nằm ngửa ra bên hồ bơi... máu từ từ nhỏ xuống theo thành hồ... cảm giác khẩu súng trong tay cô...

Chỉ là ác mộng, giờ cô sẽ tỉnh lại và không có gì là thực hết.

Giọng nói dứt khoát của chị cô cắt ngang dòng suy nghĩ mơ hồ lộn xộn đó.

“Em phải mặc đồ đen trong thời gian đi điều tra. Nếu em mặc áo màu xanh sáng thì trông kỳ cục lắm đấy.”

Gerda khép hờ mắt, “Cái cuộc đi điều tra để sợ đó!”

“Khổ thân em, cưng à,” Elsie Patterson nói nhanh. “Nhưng sau khi kết thúc em sẽ được về thẳng nhà, cả nhà sẽ chăm sóc thật nhiều cho em nhé.”

Những suy nghĩ mơ hồ trong đầu Gerda dần trở nên sáng rõ. Cô bật hỏi thẳng thốt:

“Rồi em biết phải sống ra sao khi thiếu anh John?”

Bà Elsie Patterson đã có sẵn câu trả lời.

“Em còn các con mà. Em phải sống vì mấy đứa nhỏ.”

Zena thút thít, “Ba chết rồi!” Nó nhào lên giường nức nở. Terry trông tái mét, xem vẻ có nhiều câu muốn hỏi, chứ không khóc.

Có tai nạn khi dùng súng, Gerda nói với hai đứa như vậy, cha chúng đã mất do tai nạn.

Beryl Collins đã cẩn thận giấu mấy tờ báo sáng để bọn trẻ không trông thấy tin tức về vụ án mạng. Cô cũng dặn những người hầu như thế. Beryl trước nay vẫn là người tử tế và chu đáo nhất.

Terry vào tìm mẹ trong căn phòng khách tối lơ mờ, đôi môi Gerda mím chặt, làn da xanh mét lạ thường.

“Vì sao cha bị bắn ạ?”

“Đó là tai nạn, cưng à. Mẹ... mẹ không thể nói về chuyện đó.”

“Không phải tai nạn. Sao mẹ không nói sự thật? Cha con bị giết. Đó là một vụ giết người. Báo viết như vậy đó.”

“Terry, sao con lấy được báo? Mẹ đã dặn cô Collins...”

Thằng nhỏ gật đầu, nghiêm túc như ông cụ non. “Con ra ngoài mua một tờ. Con biết trên báo phải đăng chuyện gì đó mà mẹ không muốn kể cho con, nếu không thì vì sao cô Collins phải giấu báo đi?”

Thật khó mà giấu đi điều gì trước thằng bé này. Sự tò mò khác thường, khoa học và cái nhìn khách quan của thằng bé phải luôn được thỏa mãn.

“Tại sao cha bị giết vậy, mẹ?”

Gerda sụp xuống, hoảng loạn.

“Đừng có hỏi mẹ về chuyện đó, đừng nói về chuyện đó... mẹ không thể, mọi chuyện... kinh khủng lắm.”

“Nhưng mà người ta sẽ đi điều tra được, có phải không? Chắc chắn họ phải đi điều tra. Chuyện đó là cần thiết mà.”

Thật lý trí, thật công tâm. Gerda những muốn thét lên, vừa cười vừa khóc. Cô nghĩ: “Thằng bé không quan tâm gì, không thể tỏ bày, nó cứ hỏi và hỏi. Mà tại sao chứ, thậm chí nó không khóc.”

Terry bỏ đi, khéo léo tránh sự chăm sóc của dì Elsie, thằng nhỏ trông đơn độc, gương mặt nhỏ cau lại, cứng rắn. Lúc nào nó cũng thấy cô đơn, nhưng đi đâu đó không hề gì, cho tới ngày hôm nay.

Ngày hôm nay thì khác, Terry nghĩ. Giá mà có ai đó chịu trả lời những câu hỏi của mình một cách đúng đắn và thông minh.

Ngày mai là thứ Ba, Terry và cậu bạn Nicholson Minor có hạn chế tạo nitroglycerine. Lúc trước cậu đã hẫ hộp ngóng chờ biết bao. Giờ cảm giác ấy đã tan biến. Cậu không quan tâm tới món ấy nữa.

Chính Terry cũng ngỡ ngàng về chuyện cậu không màng gì đến thí nghiệm khoa học nữa. Nhưng khi cha vừa bị giết... Cậu nghĩ rành rọt: “Cha của mình... bị giết.”

Một cơn giận ủ ảm, bắt rễ, chậm rãi bùng lên trong lòng cậu.

Beryl Collins gõ cửa phòng ngủ rồi mới vào. Cô vẫn nhợt nhạt, đi ềm tỉnh và hiệu quả như thường lệ. Cô nói:

“Thanh tra Grange đến rồi.”

Gerda hít sâu đầy hoảng hốt, nhưng Beryl đã nói tiếp luôn.

“Ông ấy nói không cần phải phiền đến bà. Ông ấy sẽ nói vài lời với bà trước khi đi, nhưng hôm nay chỉ hỏi những câu có tính thủ tục về việc khám chữa bệnh của bác sĩ Christow, nên tôi có thể trả lời ông ấy được.”

“Vây à, cảm ơn, Collie.”

Cô thư ký nhanh chóng đi ra ngoài. Gerda thở dài:

“Có Collie là đỡ được bao nhiêu việc. Cô ấy rất thực tế.”

“Đúng thế,” Bà Patteson đồng tình. “Chắc hẳn là một thư ký xuất sắc. Nhưng giản dị quá, tội nghiệp. Thật ra thì như vậy cũng tốt. Nhất là khi làm chung với một người đàn ông hấp dẫn như John.”

Gerda nổi giận:

“Chị có ý gì vậy Elsie? John sẽ không bao giờ... không bao giờ... chị nói như thế John sẽ tán tỉnh hay làm ra chuyện không hay nếu cô thư ký xinh đẹp vậy. John không phải là người như vậy đâu.”

“Tất nhiên rồi, cưng,” bà Patterson đáp. “Nhưng dù sao đi nữa, ta đâu biết đàn ông là như thế nào mà!”

Tại phòng khám, thanh tra Grange đặng phải cái nhìn lạnh tanh đầy thù địch của Beryl Collines. Rõ ràng là có vẻ thù địch, ông nghĩ. Mà, có thể do ánh mắt cô ta trời sinh là vậy.

“Nhìn chán thật,” ông nghĩ. “Hẳn giữa cô và ông bác sĩ không có gì dây dưa. Mà có lẽ cô này chỉ cư xử ngọt ngào trước mặt ông bác sĩ thì sao. Đôi khi cách đây cũng hiệu quả.”

Trong trường hợp này thì không, ông thanh tra kết luận sau một tiếng mười lăm phút phỏng vấn cô thư ký. Cách Beryl Collins trả lời những câu hỏi phải nói là mẫu mực của mẫu mực. Cô trả lời nhanh chóng và rành rọt mọi chi tiết trong quá trình khám chữa bệnh của ông bác sĩ. Ông thanh tra đổi góc độ và thử thăm dò về mối quan hệ giữa John Christow cùng vợ.

Quan hệ giữa hai người họ hoàn hảo, Beryl nói.

“Tôi tưởng thi thoảng họ cũng cãi nhau, như mọi cặp vợ chồng khác?” Ông thanh tra hỏi về thoải mái, như tiện thể nói chuyện phiếm.

“Tôi không nhớ họ có từng cãi nhau lần nào. Bà Christow rất tận tụy với chồng, phải nói là có phần mù quáng.”

Giọng cô phảng phất ý xem thường. Thanh tra Grange nghe ra ngay.

“Cô này có lẽ ủng hộ nữ quyền,” ông nghĩ, rồi hỏi:

“Bà Christow chưa bao giờ bày tỏ chủ kiến gì sao?”

“Không. Mọi thứ đều xoay quanh ông Christow.”

“Nghe như bạo chúa, nhỉ?”

Cô Beryl cân nhắc một lát.

“Không, tôi không cho là vậy. Nhưng rõ ràng ông ấy là người hết sức ích kỷ. Ông ấy mặc nhiên cho là bà Christow sẽ luôn luôn đồng tình với ý kiến của mình.”

“Thế có rắc rối gì với các bệnh nhân không, ý tôi là các quý bà? Cô đừng ngại nói thẳng, cô Collins à. Ai cũng biết các bác sĩ gặp rắc rối với những bệnh nhân đó mà.”

“À, chuyện đó!” Giọng Beryl lộ hẳn vẻ khinh miệt. “Bác sĩ Christow khá công tâm khi giải quyết những rắc rối với các bà ấy. Cách ông ấy cư xử với bệnh nhân không chê vào đâu được.” Cô nói thêm, “Ông ấy thực sự là một bác sĩ tuyệt vời.”

Câu ấy thoáng tỏ ý hâm mộ miễn cưỡng.

Thanh tra Grange hỏi tiếp, “Vậy ông bác sĩ có qua lại với bà nào không? Đừng trung thành không đúng chỗ nhé cô Collins, cảnh sát chúng tôi rất cần biết đi đâu này đấy.”

“Vâng, tôi hiểu được mà. Nhưng theo tôi biết là không.”

Ngắn gọn thật, ông nghĩ. Cô ta không biết thật, nhưng có lẽ vẫn đoán được chút gì chứ.

Ông sắc giọng, “Còn cô Henrietta Savernake thì sao?”

Beryl mím chặt môi.

“Cô ấy là một người bạn thân thiết của gia đình ông bác sĩ.”

“Thế không có... trực trực gì giữa ông bà Christow do cô ấy hay sao?”

“Chắc chắn là không.”

Câu trả lời rất dứt khoát. (Có phần quá mức?)

Ông thanh tra lại chuyển đối tượng.

“Thế cô Veronica Cray thì sao?”

“Veronica Cray là ai?” Giọng cô thư ký tỏ ra ngạc nhiên thật sự.

“Đó là một người bạn của bác sĩ Christow, không phải sao?”

“Tôi chưa từng nghe đến tên cô ta. À, mà hình như tôi từng nghe cái tên đó...”

“Nữ diễn viên điện ảnh.”

Beryl sực nghĩ ra.

“Đúng rồi! Tôi cứ nghĩ sao mà cái tên nghe quen quá. Nhưng tôi không biết ông bác sĩ có quen cô ấy.”

Cô có vẻ khá chắc chắn về đi ầu này nên ông thanh tra lập tức ngừng thăm dò theo hướng này. Ông hỏi tiếp về thái độ của ông Christow vào hôm thứ Bảy trước ngày đi nghỉ cuối tuần. Lần đầu tiên, câu đáp của Beryl mất đi sự tự tin vốn có. Cô nói chậm rãi:

“Thái độ của ông có phần khác thường.”

“Khác thế nào?”

“Ông ấy có phần lơ đãnh. Thời gian nghỉ trước khi cho mời bệnh nhân cuối cùng khá lâu. Thường ông ấy luôn vội vã khám cho xong trước khi đi

nghĩ. Tôi nghĩ... vâng, tôi chắc chắn rằng hôm ấy bác sĩ đang bận lòng về đi đâu gì đó.”

Nhưng cô không chắc chắn thêm về chi tiết nào khác.

Thanh tra Grange không mấy hài lòng với kết quả đi đâu tra. Ông vẫn chưa có manh mối gì chắc chắn để xác định động cơ, mà phải tìm ra động cơ vững chắc trước khi vụ này được đưa sang bên công tố.

Bản thân ông khá chắc rằng chính Gerda Christow đã bắn ch ồng mình. Động cơ hẳn là do ghen tuông, nhưng cho tới giờ chưa tìm được thông tin nào củng cố giả thuyết đó. Hạ sĩ Coombes đã thẩm tra các cô hầu gái nhưng họ cũng cho đáp án tương tự. Bà Christow tôn thờ cả từng dấu chân của ông ch ồng.

Nhưng đi đâu phải đến đã đến ở Thung Lũng, ông thanh tra nghĩ. Nhớ về dinh thự ấy, ông thoáng cảm giác bất an. Sự xuất hiện của cảnh sát khá lạc lõng giữa khung cảnh ấy.

Điện thoại rung, Collins nhắc máy, r ồi chuyển cho ông thanh tra. “Tìm ông, thưa ông thanh tra.”

“Chào, tôi là Grange đây, có việc gì?”

Beryl nhận ra sự thay đổi trong giọng nói của ông, ngược nhìn về tò mò. Nhưng gương mặt như gỗ khắc vẫn vô cảm như cũ. Ông vừa nghe vừa l ần r ần đáp vài tiếng ngắn gọn.

“Được, được, tôi hiểu r ồi. Hoàn toàn chắc chắn r ồi chứ? Không có sơ sót? Phải, được... được, tôi sẽ về đó ngay. Tôi sắp xong ở đây r ồi. Được.”

Ông cúp máy, ng ồi yên một chốc. Beryl vẫn tò mò nhìn ông.

Ông Grange xốc lại tinh thần, hỏi tiếp bằng giọng nghiêm nghị khác hẳn:

“Cô Collins, tôi cho là cô không có suy diễn riêng nào cho vấn đề này?”

“Ý ông là...”

“Ý tôi là cô không nghi ngờ ai đã sát hại bác sĩ Christow?”

Cô thư ký đáp ngắn gọn:

“Hoàn toàn không, thưa ông thanh tra.”

Ông Grange nói chậm rãi:

“Khi thi thể được tìm ra, thì bà Christow đang đứng cạnh đó, tay cầm khẩu súng...”

Ông cố ý ngừng lời giữa chừng.

Collins lập tức có phản ứng. Không nóng vội mà vẫn bình tĩnh, sáng suốt.

“Nếu ông suy đoán bà Christow giết chồng, thì tôi dám chắc là ông sai. Bà Christow không phải là người có khuynh hướng bạo lực. Bà ấy rất nhu mì, luôn tuân phục, và hoàn toàn thuận theo ý chồng. Đối với tôi, thật ngờ ngẩn nếu hình dung tới cảnh có lúc nào đó bà cầm súng bắn chồng mình, cho dù hiện trường có bất lợi cho bà ấy đến mấy đi nữa.”

“Không phải bà ấy, thì là ai?” ông sắc giọng.

Beryl vẫn từ tốn. “Tôi không biết.”

Ông thanh tra đi ra cửa. Beryl hỏi theo:

“Ông có muốn gặp bà Christow trước khi đi không?”

“Không... à được, có lẽ nên thế.”

Một lần nữa, Beryl thắc mắc vì sao người này cư xử khác hẳn với lúc trước khi có điện thoại. Ông đã nghe tin tức gì mà cư xử khác hẳn như vậy?

Gerda lo sợ bước vào phòng. Trông cô buồn bã và hoang mang. Cô run rẩy hỏi nhỏ:

“Ông có tìm ra thêm manh mối gì về kẻ đã giết John không?”

“Vẫn chưa, bà Christow.”

“Không thể nào... chuyện ấy hoàn toàn không thể nào xảy ra được.”

“Nhưng đã xảy ra rồi, bà Christow à.”

Cô gạt đầu, cup mắt, vò khăn tay thành cục.

Ông thanh tra nhỏ giọng hỏi:

“Chồng bà có kẻ thù nào không, bà Christow?”

“John sao? Ồ không đâu. Anh ấy tuyệt vời như vậy mà. Ai cũng thương quý John.”

“Bà không biết ai ghét ông bác sĩ sao?” ông nói thêm, “hoặc thù ghét bà?”

“Thù ghét tôi?” Gerda ngạc nhiên. “Ồi không đâu.”

Thanh tra Grange thở dài.

“Thế còn Cô Veronica Cray thì sao?”

“Veronica Cray? Ồ, cái cô ghé đến đêm ấy để mượn diêm sao?”

“Phải, bà biết cô ấy không?”

Gerda lắc đầu. “Tôi chưa từng gặp. John quen biết cô ấy nhiều năm trước... cô ấy kể vậy.”

“Tôi ngờ rằng cô ấy thù ghét chồng bà, nhưng bà không biết.”

Gerda nghiêm trang đáp:

“Tôi tin rằng không một ai có thể thù ghét John. Anh ấy là người tử tế, vị tha nhất đời... và còn là một trong những người cao thượng nhất.”

“Hừm,” ông thanh tra ậm ừ. “Phải, vậy đó. Thôi xin chào bà Christow. Bà đã biết về phiên thẩm tra đúng không? Mười một giờ trưa thứ Tư ở Market Depleach. Thủ tục rất đơn giản thôi, không có gì khiến bà buồn lòng thêm, có lẽ sẽ hoãn thêm một tuần để chúng tôi đi điều tra thêm.”

“Tôi hiểu rồi, cảm ơn ông.”

Cô đứng đó, mở to mắt nhìn ông thanh tra. Ông chợt tự hỏi không biết tới lúc này, liệu cô đã hiểu rằng chính mình là nghi phạm chính trong vụ này hay chưa.

Ông vẫy taxi, cũng đáng tiền—xét đến thông tin vừa nhận qua điện thoại. Nhưng đầu mỗi ấy dẫn tới đâu thì chưa biết. Thoạt nghe, tin ấy có vẻ không liên quan gì, hơi hoang đường. Nghe không hợp lý. Nhưng có thể theo khía cạnh nào đó mà ông chưa nhìn ra, nó sẽ hợp lý.

Điều duy nhất có thể kết luận chắc chắn là vụ án này hóa ra không đơn giản như ông tưởng lúc ban đầu.

Sir Henry tò mò nhìn thanh tra Grange.

Ông chậm rãi hỏi lại, “Tôi không hiểu rõ ý ông lắm, ông thanh tra.”

“Cũng đơn giản mà, Sir Henry. Tôi mời ông kiểm tra lại bộ sưu tập súng của ông. Hẳn là bộ sưu tập của ông được sắp xếp và ghi chú lại chứ?”

“Tất nhiên. Nhưng tôi đã xác nhận rằng khẩu súng ấy thuộc về bộ sưu tập của mình.”

“Mọi chuyện không đơn giản thế, Sir Henry.” Grange ngừng lại, lựa lời. Ông vốn không muốn để lộ nhiều thông tin khi đang đi điều tra, nhưng trong hoàn cảnh này thì khó có lựa chọn. Sir Henry là nhân vật lớn. Ông ấy chắc chắn sẽ hợp tác đi điều tra, nhưng cần có lý do chính đáng. Ông thanh tra đã quyết, ông hạ giọng:

“Bác sĩ Christow không phải bị bắn bởi khẩu súng mà ông đã xác nhận vào sáng hôm đó.”

Sir Henry nhướng mày.

“Thật không ngờ!” ông nói.

Ông Grange thoáng nhẹ nhõm. Đó đúng là cảm giác của ông khi nghe tin này. Ông thấy mừng vì Sir Henry đã nói ra miệng như thế, và càng mừng vì ông ấy không nói thêm gì nữa. Bởi cho đến lúc này, kết quả đi điều tra chỉ được tới đó. Chuyện này thật không ngờ—và nghe không hợp lý chút nào.

Sir Henry hỏi:

“Ông có lý do gì để cho rằng thứ vũ khí bắn phát đạn chết người đó thuộc bộ sưu tập súng của tôi không?”

“Không có lý do gì cả. Nhưng tôi chỉ muốn chắc chắn mà thôi.”

Sir Henry gật đầu.

“Tôi tôn trọng ý đó. Được, vậy ta vào việc. Cũng cần tốn chút thời gian.”

Ông mở ngăn bàn, lấy ra một cuốn sổ bọc da. Vừa lật sổ, ông vừa nhắc lại:

“Cũng phải tốn chút thời gian để kiểm tra...”

Thanh tra Grange nhận thấy thay đổi trong giọng nói của Sir Henry. Ông ngừng phất lên nhìn. Sir Henry hơi rũ vai, như thể đột nhiên già sạm đi, mệt mỏi.

Thanh tra Grange cau mày nghĩ. “Có quý mới hiểu nổi mấy người ở đây.”

“A...”

Ông Grange quay lại, liếc nhìn đồng hồ, ba mươi phút, hai mươi phút... Sir Henry đã nói là “Cần chút thời gian.”

Ông Grange hỏi:

“Vâng, thưa ông?”

“Khẩu Smith & Wesson .38 mất rồi. Nó đựng trong bao da màu nâu, để cuối giá súng trong ngăn này.”

“Vậy sao!” Ông thanh tra ghì giọng bình thường, nhưng trong lòng đã kích động. “Vậy theo ông, lần cuối ông nhìn thấy khẩu súng đó để đúng vị trí là khi nào?”

Sir Henry trầm ngâm.

“Chuyện này, cũng khó nói. Tôi mở ngăn đựng súng khoảng một tuần trước, tôi cho là, tôi hẳn sẽ chú ý đến khoảng trống nếu súng bị lấy mất. Nhưng tôi không dám hoàn toàn đảm bảo rằng tôi thấy có chính khẩu súng này trong ngăn kéo vào lúc đó.”

Thanh tra Grange gật đầu.

“Cảm ơn ông, tôi rất hiểu. Tôi phải đi đâu tra thêm nữa.”

Ông rời phòng, dáng vẻ vội vàng, quả quyết.

Sir Henry đứng lặng một lát, rồi ông chậm rãi bước qua cửa sổ lớn, ra hiên. Vợ ông tay đeo găng, mang theo giỏ làm vườn, đang cặm kéo tỉa cành.

Bà vui vẻ vẫy tay với ông.

“Ông thanh tra cần gì thế mình? Hy vọng là ông ấy không làm người hầu trong nhà lo sợ nữa. Anh biết không Henry, họ không thích gì chuyện này đâu. Họ không cảm thấy thú vị hay mới lạ như chúng ta.”

“Em cảm thấy mọi chuyện như thế sao?”

Giọng nói của ông khiến bà để ý. Bà ngọt ngào cười.

“Henry thân yêu, anh trông mệt mỏi quá. Những chuyện này phiền lòng anh lắm phải không?”

“Án mạng vốn là chuyện rất phiền lòng, Lucy à.”

Bà Angkatell ngẫm nghĩ một chút, lơ đãng xén vài cành cây, chợt bà sầm mặt.

“Ôi trời ơi, cái kéo này mới chán chứ, chẳng vui gì cả... cứ tỉa là thế nào cũng lố tay. Khi này anh nói gì nhỉ, án mạng là sự phiền lòng sao? Nhưng mà anh Henry này, vì sao lại thế? Em nghĩ là người ta có thể chết dần mòn vì ung thư, vì bệnh lao trong những trại điểu dưỡng đáng sợ đó, hay là vì đột quỵ—dễ sợ lắm, mặt cứ méo sang bên ấy—hoặc người ta bị bắn, bị đâm, bị treo cổ. Nhưng dù cách gì đi nữa thì kết cục cũng giống nhau. Cái chết thì chỉ có một! Bất kể vì sao. Và mọi sự phiền lòng cũng biến mất. Họ hàng khi ấy mới vất vả với đủ thứ tranh cãi về tiền bạc, rằng sẽ mặc đồ tang đen hay không, và ai sẽ thừa hưởng bản viết của dì Selina, đại loại thế!”

Sir Henry ngẩng xuống hàng rào bằng đá.

“Chuyện này sẽ mệt mỏi hơn ta nghĩ đấy, Lucy à.”

“Vâng, anh yêu, chúng ta sẽ cùng nhau chịu đựng. Nhưng khi xong việc thì mình có thể đi chơi đâu đó. Thôi đừng bận lòng về rắc rối hiện tại, hãy hướng đến tương lai nhé. Em rất chờ mong đấy. Em đang cân nhắc xem có nên đến dinh thự Ainswick chơi vào dịp Giáng Sinh này không, có khi nán lại đến lễ Phục Sinh hãy về Anh nghĩ sao?”

“Từ nay đến Giáng Sinh còn nhiều thời gian mà.”

“Vâng, nhưng em đã thấy trước mọi dự tính rồi. Tối lễ Phục sinh, có lẽ thế... ừ.” Lucy cười tươi tắn. “Hẳn là đến lúc đó cô ấy đã vượt qua rồi chứ.”

“Ai kia?” Sir Henry giật mình.

Bà Angkatell vẫn bình thản:

“Henrietta ấy. Em nghĩ hai người họ sẽ làm đám cưới vào khoảng tháng mười năm sau. Vậy đến lúc đó nhà ta có thể sang bên ấy hưởng lễ Giáng Sinh. Em nghĩ là...”

“Thôi em à. Em nghĩ nhiều quá rồi.”

“Anh nhớ chỗ kho lương không? Chỗ ấy làm studio thì đẹp quá. Henrietta cần studio riêng để sáng tác. Em ấy rất tài năng mà. Edward hẳn sẽ vô cùng tự hào về em ấy. Con cái thì hai trai một gái là đẹp, hoặc hai trai hai gái.”

“Lucy... kìa Lucy! Xem em nghĩ đến đâu rồi kìa.”

“Nhưng mà cưng à,” bà Angkatell say sưa mở to đôi mắt đẹp. “Edward sẽ không bao giờ cưới ai khác ngoài Henrietta đâu. Cậu ấy cố chấp lắm. Có phần giống cha em. Định ra đi đâu gì là cứ khăng khăng! Thế nên Henrietta phải cưới cậu ấy thôi, giờ đâu còn vương bận John Christow nữa. Cậu ta đúng là đi đâu kém may mắn nhất xảy đến trong đời cô ấy.”

“Tội nghiệp!”

“Vì sao? Vì cậu ta đã chết ư? Thì, sớm muộn ai mà chẳng ra đi. Em chẳng bao giờ lo về chuyện người ta chết...”

Ông tò mò nhìn vợ. “Anh tưởng em trước nay luôn quý về cậu Christow?”

“Em thấy cậu ấy thú vị. Lịch thiệp có duyên nữa. Nhưng em nghĩ không bao giờ nên quá gắn bó với bất kỳ ai.”

Rồi bà tươi cười giờ kéo cắt lìa một cành hoa *Viburnum Carlesii*, không thương xót.

Hercule Poirot nhìn ra cửa sổ, thấy Henrietta Savernake đang đi về phía cửa trước. Cô mặc bộ áo váy vải tweed màu xanh lá cây như hôm trước khi xảy ra thảm kịch. Một chú chó tai cụp lon ton theo chân cô.

Ông vội đi đến mở rộng cửa. Cô mỉm cười với ông.

“Tôi xin phép vào thăm nhà ông được không? Tôi thích ngắm nhà người ta lắm. Tôi chỉ đang dắt chó đi dạo thôi.”

“Tất nhiên là được. Dắt chó đi dạo, thật đúng kiểu Anh!”

“Vâng,” Henrietta cười. “Tôi có nghĩ đến chuyện ấy. Ông có biết bài thơ này không, cũng khá hay: ‘Ngày nối ngày chậm rãi tiêu dao, ta cho vịt ăn, cần nhân bà vợ, thổi bản *Largo* và dắt chó đi dạo.’”

Đọc xong cô lại cười, rạng rỡ, mong manh.

Poirot đưa cô vào phòng khách. Cô nhìn quanh nội thất gọn gàng, chuẩn mực và gặt đầu.

“Đẹp quá,” cô nhận xét. “Mỗi món đều có cặp. Hẳn là ông sẽ ghét xưởng sáng tác của tôi lắm.”

“Vì sao tôi lại ghét?”

“À, vì đất sét lấm dính khắp nơi, mỗi nơi chỉ để một món đồ tôi thích, nếu đủ cả cặp thì hỏng cả.”

“Tôi hiểu đi đâu đó, thưa quý cô. Cô là nghệ sĩ mà.”

“Chẳng phải ông cũng là nghệ sĩ đó sao, ông Poirot?”

Ông Poirot hơi nghiêng đầu.

“Đó cũng là một câu hỏi đáng cân nhắc. Nhưng theo những gì tôi biết thì, không. Tôi biết có những tội ác mang tính nghệ thuật, cô biết đấy, phải nói là đỉnh cao của trí tưởng tượng. Nhưng quá trình phá án thì không cần sự sáng tạo, mà nó cần cảm hứng truy c ầ u sự thật.”

“Cảm hứng truy c ầ u sự thật,” Henrietta tr ầ m ngâm nhắc lại. “Phải, tôi có thể thấy vì đi ầ u đó mà ông có thể trở nên nguy hiểm dường nào. Vậy sự thật có làm ông thỏa mãn chẳng?”

Ông nhìn cô, thắc mắc.

“Tôi chưa rõ ý cô, cô Savernake?”

“Tôi hiểu được chuyện ông muốn *biết* sự thật. Nhưng sự hiểu biết đó liệu có đủ không? Liệu ông có dẫn thêm một bước để biến đi ầ u mình biết thành hành động.”

Ông Poirot tỏ ra hứng thú trước quan đi ể m ấy.

“Vậy cô có ý rằng, nếu tôi biết được sự thật đằng sau cái chết của bác sĩ Christow, thì tôi có thể thỏa mãn nếu giữ riêng đi ầ u mình biết. Vậy cô có biết sự thật về cái chết của cậu ấy không?”

Henrietta nhún vai.

“Câu trả lời hiển nhiên là Gerda. Mỉa mai thay, người ch ồ ng hay người vợ lại luôn luôn là nghi can số một.”

“Cô không đ ồ ng ý vậy sao?”

“Tôi luôn cố giữ đi ầ u óc cởi mở.”

Ông Poirot nhỏ nhẹ hỏi:

“Vì sao cô tới đây, cô Savernake?”

“Tôi phải thừa nhận rằng mình không đam mê theo đuổi sự thật, ông Poirot ạ. Dắt chó đi dạo chẳng qua là cái có dễ chấp nhận ở mi ề n quê xứ Anh mà thôi. Tất nhiên nhà Angkatell không nuôi chó, như ông đã để ý lúc đến nhà hôm nọ.”

“Tôi quả có lưu ý đến chuyện ấy.”

“Vậy nên tôi mượn con chó của người làm vườn. Ông biết đấy, tôi rõ là không được chân thật lắm đâu.”

Một lần nữa, cô hé cười rạng rỡ. Không hiểu sao đột nhiên ông thấy mũi lòng khôn tả. Ông dụi dằm nói:

“Quả vậy, nhưng cô có lòng chính trực.”

“Làm sao mà ông lại nói thế được?”

Cô giật mình, thậm chí hơi hoảng sợ, ông nhận thấy thế.

“Chính trực,” Henrietta lặp lại. “Tôi cũng không rõ chữ ấy thực chất là sao nữa.”

Cô ng ẩ yên lặng, nhìn chăm chăm tẩm tẩm, đoạn cô ngẩng đầu, vững vàng nhìn ông.

“Ông không muốn biết vì sao tôi đến đây sao?”

“Có lẽ cô hơi khó khăn khi nói ra lời.”

“Vâng, đúng vậy. Ông Poirot à, ngày mai là bắt đầu cuộc thẩm tra. Cần phải quyết định sẽ nói bao nhiêu...”

Chợt ngưng lời, cô đứng dậy, đi ngang qua lò sưởi, đổi chỗ một hai món trang trí và dờn bình hoa cúc đang để giữa bàn sang góc xa nhất trên mặt lò sưởi. Cô lùi lại, nghiêng đầu đánh giá hiệu quả.

“Ông có thích sắp xếp như vậy không, ông Poirot?”

“Hoàn toàn không, thưa cô.”

“Tôi cũng nghĩ vậy.” Cô bật cười, nhanh chóng đưa mọi thứ về chỗ cũ. “Thế, trong lòng nghĩ thế nào thì nên nói ra thế ấy! Ông quả là người rất hợp để chuyện trò. Vậy xin hỏi thẳng, theo ông, liệu cảnh sát có cần biết chuyện tôi là nhân tình của John Christow không?”

Giọng cô khô khan, vô cảm. Cô nhìn về hướng ông, ánh mắt rơi trên bức tường phía sau, ngón trở vân về đường viền của cái bình cắm bó hoa cúc tím. Ông chợt nghĩ rằng cảm xúc của cô đổ dồn vào những chạm vuốt của ngón tay ấy.

Hercule Poirot trả lời rõ ràng và cũng vô cảm như vậy:

“Tôi hiểu. Hai người yêu nhau sao?”

“Nếu ông thích diễn đạt theo cách ấy cũng được.”

Ông tò mò nhìn cô.

“Nhưng khi này cô không nói thế, thưa cô.”

“Đúng vậy.”

“Vì sao lại thế?”

Henrietta nhún vai. Cô ngồi xuống cạnh ông trên ghế sofa, chậm rãi đáp:

“Bởi vì nên diễn tả sự việc... càng chính xác càng tốt.”

Sự hứng thú của ông với cô gái này càng tăng mạnh. Ông lại hỏi:

“Cô là nhân tình của bác sĩ Christow bao lâu rồi?”

“Khoảng sáu tháng.”

“Liệu cảnh sát có dễ dàng tra ra đi đâu đó hay không?”

Henrietta ngẫm nghĩ.

“Có thể đấy. Nếu họ để ý tìm hiểu những mối quan hệ như vậy.”

“Chắc chắn họ sẽ đi điều tra, tôi đảm bảo như vậy.”

“Vâng, tôi cũng nghĩ họ sẽ làm.” Cô ngừng lời, ngấm ngấm mấy ngón tay xòe ra trên đầu gối, rồi quay sang nhìn ông, vẻ thân mật. “Vậy ông Poirot này, tôi nên làm gì? Đến gặp thanh tra Grange và nói... mà trước bộ râu quặp ấy thì tôi nên nói gì nhỉ? Đúng là bộ râu gia truyền.”

Bàn tay ông Poirot bất giác vuốt ve món trang sức trên người mà ông tự hào nhất.

“Thế còn râu của tôi thì sao, thưa cô?”

“Bộ râu của ông là một thành tựu nghệ thuật. Nó không gắn với bất kỳ thứ gì ngoại trừ chính nó. Tôi đảm bảo, bộ râu của ông là độc nhất vô nhị.”

“Rõ là vậy.”

“Đó cũng là lý do tôi đến trao đổi với ông như bây giờ đây. Giả như cảnh sát cần biết sự thật về mối quan hệ giữa John và tôi, thì liệu có cần công khai chuyện ấy cho những người khác hay không?”

“Cũng còn tùy,” ông Poirot nói. “Nếu cảnh sát cho rằng tình tiết ấy không tác động gì đến vụ án này, thì họ sẽ giữ kín. Cô... lo lắng về điếm này sao?”

Henrietta gật đầu. Cô lại cúi xuống ngắm nghía những ngón tay một lát, rồi đột ngột ngẩng lên, nói một tràng bằng giọng khô và nhẹ.

“Sao lại phải khiến Gerda tội nghiệp chịu khổ thêm chứ? Chị ấy sùng bái John và giờ anh ấy chết rồi. Chị ấy đã mất chồng. Sao lại để chị ấy phải chịu thêm gánh nặng nữa?”

“Cô lo lắng vì cô ấy sao?”

“Nghe có vẻ đạo đức giả, phải không? Hẳn ông cho rằng nếu mong Gerda sống bình yên thanh thản thì sẽ không bao giờ nhận làm nhân tình của John nhỉ. Nhưng ông không hiểu được chuyện là thế nào đâu. Tôi không phá hoại gia đình anh ấy, tôi chỉ là một... trong số nhiều.”

“Ồ, chuyện là vậy sao?”

Cô quay phắt lại nhìn ông.

“Không, không, không! Không phải như ông nghĩ đâu! Chính đi đâu đó là tôi bận tâm nhất! Rằng mọi người sẽ hiểu lầm John. Chính vì vậy mà tôi đến đây nói chuyện với ông, bởi tôi ôm hy vọng mơ hồ, mong manh rằng tôi có thể làm ông hiểu được John là người như thế nào. Tôi đã thấy trước họ sẽ đăng tin trên báo kiểu—Đời tư ông bác sĩ—với Gerda, tôi và Veronica Cray. John không như thế, thật ra anh ấy không mê nữ sắc. Phụ nữ không phải đi đầu quan trọng nhất với anh, mà là *sự nghiệp*. Chỉ công việc mới khiến anh ấy say mê và kích thích, cả cảm giác phiêu lưu nữa. Nếu bất chợt hỏi John tên người phụ nữ xuất hiện nhiều nhất trong tâm trí anh ấy, ông biết John sẽ đáp thế nào không?—Bà Crabtree.”

“Bà Crabtree?” Poirot ngạc nhiên. “Vậy bà ấy là ai?”

Giọng Henrietta run run, nghe như muốn cười, lại như muốn khóc:

“Một bà lão già nua, nhăn nheo xấu xí, mà kiên cường lắm. John toàn nghĩ về bà ấy. Hiện bà đang nằm tại bệnh viện Thánh Christopher, do Hội chứng Ridgeway. Đó là một loại bệnh hiếm, nếu mắc phải là chắc chắn sẽ chết bởi chưa có cách chữa. Nhưng John đang nghiên cứu cách chữa bệnh ấy — giải thích sâu về chuyên môn thì tôi chịu, phức tạp lắm, nhưng đại khái là liệu pháp tác động vào hormone. John làm rất nhiều thí nghiệm và bà Crabtree là bệnh nhân vàng của anh ấy. Ông thấy đó, bà ấy rất gan dạ, bà muốn sống, và bà cũng quý mến John. Hai người họ xem như cùng chiến tuyến. Bệnh Ridgeway và bà Crabtree đã chiếm toàn bộ tâm trí John nhiều tháng trời, bất kể ngày đêm, những chuyện khác đều là phụ. Đó mới là người bác sĩ thật sự trong John, chứ không phải chỉ là một bác sĩ mở phòng khám trên đường Harley để moi tiền mấy bà béo phệ, giàu có. Anh có sự ham mê khám phá sâu sắc với khoa học và khao khát thành tựu. Tôi... tôi mong là ông hiểu được.”

Cô hơi dang tay, vẻ bất lực, Hercule Poirot thấy đôi bàn tay ấy sao mà đáng yêu và nhạy cảm.

Ông nói. _“Cô_ có vẻ hiểu rất rõ.”

“Vâng, tôi hiểu chứ. Khi trước John thường đến trò chuyện với tôi. Một phần muốn gặp tôi, mà phần nào đó cũng vì chính anh ấy khi muốn nghỉ ngơi thông suốt đi đâu gì. Có đôi khi anh gần như tuyệt vọng, không biết làm sao để giảm mức độc tính của thuốc chẳng hạn, rồi anh lại nảy ra ý tưởng về hướng đi điều trị mới. Tôi không biết giải thích với ông thế nào, quá trình đó, vâng, hết như một trận chiến đúng nghĩa. Ông thử hình dung về sự phấn nộ, tập trung, đôi khi dẫn vật trần trở của John. Và cũng có những lúc mệt mỏi đến rã rời...”

Cô nín lặng chừng một hai phút, mắt mờ đi vì nỗi hoài niệm.

Poirot hỏi:

“Hẳn cô cũng biết chút ít kiến thức chuyên môn?”

Cô lắc đầu.

“Không đâu, chỉ vừa đủ để hiểu những gì John nói thôi. Tôi tự mua sách đọc thêm.”

Cô lại nín lặng, nét mặt giãn ra, đôi môi hơi hé mở. Hẳn là cô ấy đang nhớ lại chuyện cũ, ông nghĩ.

Thở dài một hơi, cô trở lại với thực tại, bu ãn bã nhìn ông thám tử.

“Ước gì tôi có thể nói cho ông hiểu...”

“Cô đã làm được rồi đó.”

“Thật sao?”

“Phải. Nếu chịu lắng nghe thì sẽ biết được thật giả thôi.”

“Cảm ơn ông. Nhưng giải thích cho thanh tra Grange thì không dễ.”

“Có lẽ vậy. Ông ấy sẽ tập trung vào góc độ cá nhân thôi.”

Henrietta kêu to:

“Nhưng chuyện đó không quan trọng, hoàn toàn không quan trọng mà!”

Poirot chậm rãi nhướn mày. Cô vừa đáp lại lời phản đối ngấm của ông.

“Nhưng thật vậy mà! Ông thấy đó, tôi đứng giữa John và những gì anh ấy suy ngẫm. Rồi vì tôi là phụ nữ, tôi cũng có ảnh hưởng đến anh. Anh không tập trung nổi khi cần tập trung, bởi vì tôi. Anh bắt đầu e sợ rằng anh sẽ yêu tôi, anh đâu muốn để lòng yêu ai. Anh ấy... làm tình với tôi chỉ vì không muốn nghĩ về tôi quá nhiều. Anh muốn mỗi quan hệ của hai chúng tôi thoải mái, đơn giản như những mối tình trước mà thôi.”

“Và cô...” ông Poirot nhìn cô chăm chú. “Cô bằng lòng với mối quan hệ... chỉ đến thế.”

Henrietta đứng dậy. Giọng cô khô khan:

“Không, tôi không bằng lòng. Dù sao, cũng là con người mà...”

Ông Poirot im lặng chừng một phút, lại hỏi:

“Vậy thì tại sao, thưa cô...”

“Tại sao à?” Cô đi qua đi lại. “Vì tôi muốn John được thỏa mãn, tôi mong John đạt được điều anh ấy muốn. Tôi hy vọng anh ấy có thể tiếp tục theo đuổi mối quan tâm, là sự nghiệp. Nếu anh ấy không muốn bị tổn thương như ngày xưa... thì, tại sao à... thì như thế tôi cũng chịu được.”

Ông Poirot xoa xoa mũi.

“Vây, cô Savernake, cô có nhắc đến Veronica Cray. Cô ấy cũng là bạn của John Christow sao?”

“Hai người họ mới gặp lại vào tối thứ Bảy vừa rồi, sau mười lăm năm.”

“John biết cô ấy đã nhiều năm thế sao?”

“Họ từng đính hôn.” Henrietta ng ời xuống ghế. “Để tôi nói rõ hơn. John yêu Veronica vô cùng. Nói cách nào đó, Veronica quá nổi bật, sáng chói, và đ ồng thời ích kỷ vô cùng. Veronica muốn John bỏ hết những gì anh đam mê và trở thành anh chàng nhỏ bé ngoan ngoãn của cô ta là được. John đã chia tay, cũng phải thôi. Nhưng anh vô cùng đau khổ vì quyết định đó. Vây nên anh cưới một người trái ngược hoàn toàn với Veronica— Gerda, nếu nói thẳng ra thì chị ấy đ ần như khúc gỗ. Cuộc hôn nhân như thế sẽ rất êm đẹp, an toàn, nhưng rồi cũng đến ngày anh đâm ra bực bội vì cưới một khúc gỗ như vậy. Anh có nhiều mối tình, đ ầu là hoa cỏ qua đường. Tất nhiên Gerda hoàn toàn chẳng biết gì. Nhưng tôi nghĩ trong suốt mười lăm năm qua, John vẫn ôm khúc mắc trong lòng, về Veronica. Anh chưa từng dứt khoát được với quá khứ. Rồi tối thứ Bảy đó, anh gặp lại cô.”

Ngừng một lúc lâu, rồi ông Poirot nói như tường thuật:

“John ra ngoài, tiễn Veronica về nhà và trở lại Thung Lũng lúc ba giờ sáng.”

“Sao ông biết?”

“Một cô hầu gái trong nhà đau răng không ngủ được.”

Henrietta nhận xét chẳng liên quan:

“Chị Lucy có nhiều người hầu lắm.”

“Nhưng chính cô cũng biết đi ầu đó mà.”

“Phải.”

“Vây sao cô lại biết?”

Cô mỉm cười.

“Vì tôi cũng ôm một nỗi đau khác, ông Poirot à.”

Cô đứng dậy, ra cửa. Poirot nói:

“Tôi sẽ tiễn cô về”

Họ băng sang đường, đi qua cánh cổng dẫn vào rừng cây dẻ.

Henrietta nói:

“Ta không cần đi qua hồ bơi đâu. Có thể đi lên men theo lối mòn bên trái, ngang qua khu trồng hoa.”

Con đường rừng khá dốc. Một lát sau, họ ra được chỗ thoáng đãng hơn, ở góc phải sườn đồi, phía trên rừng cây dẻ. Chỗ này có đặt băng ghế, Henrietta ngồi xuống, ông Poirot cũng nghỉ chân bên cạnh. Những tán cây rừng phủ bóng trên đồi và sau lưng họ, bên dưới là rừng cây dẻ dày đặc. Ngay trước mặt là con đường mòn uốn lượn đồ dốc, từ đây đã thoáng thấy mặt nước hồ bơi lấp lóe.

Poirot im lặng quan sát Henrietta. Gương mặt cô giãn ra, vẻ căng thẳng không còn, nên trông tròn đầy và trẻ trung hơn. Ông nhận ra những đường nét thời thiếu nữ còn đọng lại.

Cuối cùng, ông hỏi rất nhẹ nhàng:

“Cô đang nghĩ gì vậy, thưa cô?”

“Về Ainswick.”

“Ainswick là gì?”

“Là một góc trần gian.” Rồi cô mơ màng tả cho ông nghe về dinh thự ấy. Ngôi nhà duyên dáng màu trắng, cây ngọc lan cổ thụ, tất cả được bao bọc bởi những ngọn đồi xanh rậm bóng cây.

“Đó là nhà cô sao?”

“Không hẳn, tôi sống ở Ireland. Đó là nơi tất cả anh chị em về chơi vào những dịp lễ. Edward, Midge và tôi nữa. Đó là cơ ngơi cha của Lucy để lại, sau khi ông mất, Edward được thừa hưởng.”

“Không phải để lại cho Sir Henry sao? Ông ấy mới là người có tước vị.”

“À anh Henry được phong tước hiệp sĩ,” cô giải thích. “Nhưng anh ấy chỉ là người họ hàng xa.”

“Vậy tiếp sau Edward Angkatell thì dinh thự Ainswick sẽ truyền cho ai?”

“Lạ thật, tôi chưa từng nghĩ về việc ấy. Nếu Edward không kết hôn...” cô ngừng lời, gương mặt thoáng trầm xuống.

Hercule Poirot tự hỏi cô vừa nghĩ đến đi đâu.

“Theo tôi thì,” Henrietta chậm rãi nói tiếp, “sẽ truyền cho David. Chính vì vậy...”

“Vì sao?”

“Vì vậy nên Lucy mời cậu ấy đến đây... David và Ainswick?” Cô lắc đầu. “Cậu ấy có vẻ không hợp với nơi ấy.”

Ông Poirot trở con đường mòn trước mắt.

“Cô đã men theo lối này để đến hồ bơi ngày hôm qua phải không?”

Cô rùng mình.

“Không, theo con đường gần nhà hơn. Edward mới đi theo lối này.” Cô chợt quay sang nhìn ông. “Mà chúng ta phải nói tiếp về chuyện đó nữa sao? Tôi ghét hồ bơi. Tôi ghét cả Thung Lũng này.”

Poirot đọc khẽ:

Ta cảm ghét làm sao thung lũng ghê sợ sau rừng cây nhỏ;

Vết loét giữa cánh đồng ngập màu máu đỏ,

Mạch nguồn rỉ tuôn nổi kinh hoàng âm lặng

Và dấu hỏi điều chi, tiếng vọng về chỉ khăng khăng:

“Cái Chết.”

Henrietta sững sốt nhìn ông.

“Tennyson,” Hercule Poirot gật gù tự hào, “bài thơ của ngài Nam tước Tennyson đó.”

Henrietta lặp lại:

“Và dấu hỏi đi đâu chi, tiếng vọng về...” Cô lẩm bẩm như tự nói với mình, “tất nhiên, tôi hiểu đó là gì, Tiếng vọng!”

“Ý cô là sao, tiếng vọng gì?”

“Nơi này, Thung Lũng này! Tôi đã nhận thấy đi đâu đó vào hôm thứ Bảy, khi Edward và tôi đi dạo trên đỉnh đồi. Tiếng vọng của Ainswick. Tất cả chúng ta đều thế, những người thuộc họ Angkatell. Những tiếng vọng! Chúng tôi không thực sống... không như John.” Cô lại nhìn Poirot. “Giá mà ông biết anh ấy, ông Poirot. Tất cả chúng tôi chỉ là hình bóng nhạt nhòa so với John. John mới sống đúng nghĩa sống trên đời.”

“Tôi biết đi đâu đó, ngay cả khi thấy cậu ấy hấp hối.”

“Tôi hiểu. Ai cũng cảm nhận được... John chết rồi, còn chúng tôi, những tiếng vọng, lại sống... Ông biết không, nghe như một trò đùa dở tệ.”

Vẻ trẻ trung rút cạn khỏi gương mặt cô. Đôi môi cô vắn vẹo rúm rỏ vì nỗi đau chột tọt.

Đến khi Poirot lại lên tiếng hỏi, cô thậm chí không kịp nghe hiểu.

“Xin lỗi, ông vừa nói gì?”

“Tôi hỏi rằng dì của cô, bà Angkatell, có quý mến ông Christow không?”

“Ông hỏi Lucy à? Bà ấy có thể coi là chị em họ xa, nhưng không phải dì tôi. Vâng, chị ấy rất quý John.”

“Vậy người anh em họ kia... cậu Edward Angkatell, cậu ấy có mến ông Christow không?”

Khi cô đáp, ông nghe ra chút căng thẳng trong giọng nói:

“Không hẳn... nhưng hai người đó cũng chưa tiếp xúc nhiều.”

“Vậy còn cậu David Angkatell?”

Henrietta mỉm cười.

“David ấy à, tôi cho là cậu ấy không ưa tất cả chúng tôi. Cậu thích trốn vào thư viện để đọc bộ bách khoa toàn thư thôi.”

“Xem chừng là người nghiêm nghị.”

“Tôi thấy thương cho David. Cuộc sống ở nhà cậu ấy chẳng dễ dàng gì, người mẹ thì tâm trí bất thường, không làm gì được. Vậy nên cách duy nhất để cậu ấy tự vệ là cố tỏ ra cao hơn tất cả. Thường thì vỏ bọc ấy khiến cậu an toàn, nhưng thi thoảng cũng sụp đổ, và David trở nên rất dễ tổn thương.”

“Cậu ấy có cảm thấy mình cao hơn ông Christow không?”

“Cậu ấy cố tỏ ra như thế, nhưng tôi xem chừng không đạt. Có khi John Christow chính là hình mẫu mà David muốn đạt tới. Cũng vì vậy mà cậu ta không ưa John.”

Poirot gật đầu suy tư.

“Phải, tự khẳng định, tự tin, kiên quyết... toàn những phẩm chất mạnh mẽ của đàn ông. Thú vị, thú vị thật.”

Henrietta không đáp.

Đi qua rừng cây dẻ, xuống hồ bơi, Hercule Poirot nhìn thấy một người đang cúi cúi như tìm gì đó.

Ông lẩm bẫm, “Phải chăng...”

“Xin lỗi?”

Poirot đáp. “Là quân của thanh tra Grange. Có vẻ cậu ấy đang tìm gì đó.”

“Chắc là tìm dấu vết. Cảnh sát luôn tìm dấu vết sót lại phải không? Như tàn thuốc lá, dấu chân, que diêm đã quẹt.”

Giọng cô nhuộm vẻ mỉa mai cay đắng. Ông Poirot nghiêm túc trả lời.

“Phải, họ tìm những dấu vết ấy, và đôi khi cũng tìm được thật. Nhưng manh mối thực sự trong vụ này, cô Savernake là, nằm trong các mối quan hệ của những người trong cuộc.”

“Tôi chưa hiểu ý ông.”

“Manh mối nằm ở những đi đầu nhỏ nhất,” Poirot hơi ngửa mặt, mắt lim dim. “Nhưng không phải tàn thuốc lá hay dấu giày cao su, mà là một cử

chỉ, một ánh nhìn, một hành động bất thường...”

Henrietta quay phắt sang nhìn ông. Ông cảm thấy ánh nhìn đó, nhưng không quay lại. Cô hỏi:

Ông có đoán định... đi đâu gì cụ thể chưa?”

“Tôi đang nhớ lại cách cô bước tới trước, lấy súng từ tay bà Christow rồi đánh rơi nó xuống hồ.”

Ông thấy cô hơi giật mình, nhưng giọng nói vẫn bình tĩnh như trước.

“Gerda vốn là người vụng về. Trong lúc đang bàng hoàng như vậy mà để cô ấy cầm súng còn nguyên đạn, thì cô ấy có khi vô tình bóp cò trúng ai đó.”

“Nhưng người vụng về lại chính là cô đấy chứ, phải vậy không, cô làm rơi súng xuống hồ kia mà?”

“Tôi cũng bị sốc mà.” Cô ngừng lại. “Ông định ám chỉ đi đâu gì, ông Poirot?”

Ông Poirot ngẩng xuống, quay sang nhìn Henrietta và nói bằng giọng quả quyết, khách quan.

“Nếu có dấu tay của nhiều người trên cây súng thì có nghĩa rằng dấu tay đó in lên trước khi bà Christow cầm lấy súng, nếu biết được những ai từng chạm súng thì tốt quá, nhưng giờ thì rõ là ta không thể biết được.”

Henrietta nói nhỏ nhưng vững giọng:

“Vậy ông cho rằng dấu tay trên súng là của tôi. Ông cho rằng tôi bắn John rồi đặt súng bên cạnh anh ấy, để Gerda đi tới, nhặt súng lên và đứng đó với khẩu súng trên tay. Ý ông là vậy, phải không? Nhưng chắc chắn, nếu tôi làm vậy, ông phải hiểu rằng tôi đủ thông minh để lau sạch dấu tay của mình trước chứ!”

“Và chắc hẳn cô cũng đủ thông minh để biết rằng, nếu cô làm thế và trên súng không có dấu tay nào ngoài dấu tay của bà Christow, thì chuyện đó rất lạ thường! Bởi cô và những người khác đã tập bắn bằng cây súng đó ngày hôm trước vụ án mạng. Khó có khả năng Gerda lau sạch súng trước khi dùng, bởi lý do nào phải làm vậy?”

Henrietta chậm rãi hỏi:

“Vậy ông cho rằng tôi giết John sao?”

“Khi ông Christow hấp hối, ông ấy nói: *Henrietta.*”

“Ông cho đó là lời buộc tội sao? Đâu phải thế.”

“Vậy đó là gì?”

Henrietta duỗi chân, vẽ những đường vô định trên mặt đất. Cô nói khẽ:

“Ông quên rồi sao... đi đâu tôi nói khi trước? Chuyện tôi và anh ấy?”

“A phải, ông bác sĩ là người yêu của cô, và trong phút lâm chung, ông ấy gọi tên cô. Thật cảm động quá.”

Cô liếc ông sắc lẹm.

“Ông cứ phải nhạo báng vậy sao?”

“Tôi không nhạo báng cô. Tôi chỉ không thích bị lừa, mà rõ là cô đang cố lừa tôi.”

Henrietta bình tĩnh lại.

“Tôi thừa nhận là tôi cũng không thành thật lắm, nhưng khi John gọi ‘Henrietta’ thì đó không phải là lời buộc tội tôi. Ông không hiểu những người như chúng tôi, những người sáng tạo, thì lại rất dễ thích ứng với đời sao? Tôi không giết người đâu ông Poirot, tôi không có khả năng giết ai cả. Sự thật đơn giản là vậy thôi. Ông nghi ngờ tôi chẳng qua vì người sắp chết thì thẩn thên tên tôi, dù khi ấy John hẳn khó mà biết mình đang nói gì.”

“Bác sĩ Christow biết rất rõ mình đang nói gì. Giọng của anh ta khi đó vẫn tỉnh táo như khi trong phòng mổ và ra y lệnh: ‘Y tá, đưa kẹp, cảm ơn.’”

“Nhưng...” cô hoang mang lùi lại.

Hercule Poirot nói tiếp rất nhanh:

“Và tôi không chỉ dựa vào chuyện đó. Tôi không tin rằng cô có khả năng lập kế hoạch rồi giết người, không. Nhưng có thể cô bắn phát súng đó giữa cơn điên giận tột cùng, và nếu vậy... nếu vậy, thưa cô, hẳn người làm sáng tạo như cô sẽ có trí tưởng tượng và kỹ năng để che giấu vết tích của mình.”

Henrietta đứng dậy, tái nhợt và run rẩy. Cô nhìn ông thanh tra, rồi chợt nở nụ cười tiếc nuối:

“Tôi tưởng ông quên tôi kia đấy.”

Hercule Poirot thở dài, buồn bã đáp:

“Thật chẳng may cho tôi. Đúng là như thế.”

Sau khi Henrietta rời đi, ông Poirot vẫn ngồi lại cho đến khi thấy thanh tra Grange rải những bước dài quả quyết băng qua hồ bơi, đi men theo lối mòn ngang qua nhà mát.

Ông thanh tra hẳn đã biết nơi muốn đến.

Có lẽ sau đó ông sẽ còn đến Resthaven hoặc Dovecotes. Chưa rõ là nơi nào.

Ông đứng dậy rồi đi ngược trở về. Nếu thanh tra Grange đến nhà ông, thì ông rất vui lòng tiếp đón.

Nhưng khi về tới Resthaven, không có ai đến cả. Ông Poirot trầm ngâm nhìn lối mòn dẫn về phía Dovecotes. Ông biết Veronica Cray hãy còn chưa quay lại London.

Càng ngày ông càng tò mò về cô diễn viên này. Chiếc áo lông cáo bạc, những hộp diêm, cái cốc qua loa để đến Thung Lũng đêm thứ Bảy, và tiết lộ của Henrietta Savernake về mối quan hệ giữa John Christow và Veronica.

Một khuôn mẫu thú vị đây, ông nghĩ. Ông luôn coi mối liên hệ giữa những manh mối là khuôn mẫu.

Một thiết kế của những cảm xúc hòa trộn và sự va chạm giữa các cá tính khác biệt. Một thiết kế lạ lùng, nối nhau bằng những sợi chỉ đen chứa đầy cảm ghét lẫn khát khao.

Liệu Gerda Christow có giết chồng mình không? Phải chăng mọi chuyện đơn giản là vậy?

Nhớ lại cuộc trò chuyện vừa rồi với Henrietta, ông kết luận rằng vụ này không hề đơn giản.

Henrietta đã tưởng rằng ông nghi ngờ cô là hung thủ, nhưng hoàn toàn không phải thế. Ông chỉ cho rằng Henrietta biết đi đâu gì đó, hoặc đang che giấu đi đâu gì đó—nhưng là gì?

Ông bực bội lắc đầu.

Cảnh hồ bơi. Một cảnh sắp đặt sẵn. Như sân khấu. Sân khấu dàn dựng bởi ai? Dành cho ai?

Rất có thể là dành cho ông, Hercule Poirot. Ông từng nghĩ vậy, nhưng lúc đó ông tưởng cảnh ấy là trò đùa không thích hợp để đón chào mình.

Quả là không thích hợp, nhưng rốt cuộc không phải trò đùa.

Ông lại lắc đầu. Ông không biết. Cũng chưa phỏng đoán được gì.

Rồi ông lại khép hờ mắt, lướt lại mọi tình tiết, quan sát bằng con mắt bên trong tình huống. Sir Henry, địa vị cao, là người đáng tin cậy, từng mang trọng trách với đế chế. Bà Angkatell lúc nào cũng mơ mơ màng màng, thế nhưng không hiểu sao lại duyên dáng vô cùng, lại cực giỏi cho ra những nhận xét không đâu vào đâu. Henrietta Savernake thì yêu John Christow hơn cả chính bản thân mình. Edward Angkatell, dịu dàng, thụ động. Midge Hardcastle lạnh lùng mà lạc quan. Gương mặt hoang mang, sống sờ của Gerda Christow khi cầm khẩu súng trên tay. Tính tình khó chịu của cậu trai mới lớn David Angkatell.

Họ đều bị kẹt trong mớ bòng bong của luật pháp, đan kết với nhau trong hậu quả tàn nhẫn sau cái chết bất ngờ đầy bạo lực. Mỗi người đều ôm mang bi kịch của riêng mình, câu chuyện của riêng mình.

Và đâu đó giữa những đan kết và cảm xúc đó chính là sự thật.

Đối với Hercule Poirot, chỉ có một đi đâu duy nhất hấp dẫn hơn nghiên cứu con người, đó là truy cầu sự thật.

Ông quyết tìm ra sự thật về cái chết của John Christow.

“Tất nhiên là được, thưa ông thanh tra,” Veronica nói. “Tôi rất nóng lòng được giúp đỡ.”

“Cảm ơn cô Cray.”

Veronica Cray hoàn toàn không như những gì ông thanh tra tưởng tượng. Ông chuẩn bị tinh thần gặp một nữ minh tinh quyến rũ, hoặc giả tạo, hoặc thậm chí mạnh mẽ, nếu cô có “diễn” ngoài đời thực thì ông cũng chẳng lạ.

Quả thực cô có diễn, nhưng không phải như kiểu ông tưởng.

Không phô nét hấp dẫn nữ tính quá lộ, không lấy vẻ gợi cảm làm điểm nhấn.

Thay vào đó, trước mắt ông là một phụ nữ đẹp rạng ngời, trang phục đắt tiền, và đồng thời là một người giỏi làm ăn. Veronica Cray không ngây thơ chút nào, ông nghĩ.

“Chúng tôi chỉ muốn làm rõ vài chi tiết thôi, cô Cray. Cô có đến Thung Lũng vào tối thứ Bảy không?”

“Có, nhà tôi hết diêm. Ở vùng nông thôn mới biết thứ ấy cần thiết đến thế nào.”

“Cô đi bộ đến tận Thung Lũng sao? Tại sao cô không sang nhà ông Poirot, gần hơn nhiều?”

Cô nở một nụ cười tự tin tuyệt đẹp như đang đứng trước ống kính.

“Tôi chưa quen ông hàng xóm ấy, đúng ra tôi nên làm quen mới phải. Ông ấy có phần như người ngoại quốc, ông biết đấy, tôi hơi ngại ông ấy sẽ gây điếu phiền toái, mà lại ở gần nhà tôi như vậy.”

“Được, nghe hợp lý đấy,” thanh tra Grange nghĩ. Hẳn cô ấy đã nghĩ sẵn đáp án cho câu hỏi này.

“Vậy là cô mượn được diêm,” ông nói tiếp. “Và cô cũng nhận ra người bạn cũ ở đó là bác sĩ Christow, có phải không?”

Cray gật đầu.

“Tội nghiệp John. Thế mà tôi không gặp anh ấy đã mười lăm năm rồi.”

“Vậy sao?” Giọng ông thanh tra nghi ngờ, nhưng vẫn giữ vẻ lịch sự.

“Thật vậy.” Cray nói dứt khoát.

“Vậy cô có vui khi gặp lại bạn cũ không?”

“Rất vui. Gặp lại bạn cũ bao giờ cũng vui mà, phải không ông thanh tra?”

“Tôi nghĩ cũng còn tùy dịp.”

Veronica Cray nói tiếp luôn, không đợi hỏi:

“Rồi John tiễn tôi về nhà. Hẳn ông muốn biết anh ấy có nói gì liên quan đến bi kịch đã diễn ra không, tôi cũng cố gắng nhớ lại cuộc chuyện trò đêm ấy, nhưng thực sự là không có gì bất thường.”

“Hai người nói về chuyện gì vậy?”

“Những chuyện ngày xưa. Kiểu như anh có nhớ chuyện này, *em có nhớ chuyện nợ không?*” Cô mỉm cười hoài niệm. “Chúng tôi quen nhau ở miền Nam nước Pháp. John gần như không đổi thay gì sau bao năm, tất nhiên có già đi, và thêm phần quyết đoán. Tôi được biết anh ấy khá nổi tiếng trong ngành. Anh không nói gì nhiều về đời tư, nhưng tôi có cảm giác rằng hôn nhân của anh ấy không hẳn xuôi chiều mát mái, tôi chỉ đoán vậy thôi. Tôi nghĩ bà vợ tội nghiệp của anh ấy là người không được sáng láng lắm, lại hay ghen—hẳn là thường làm ầm ĩ vì những bệnh nhân nữ xinh đẹp đến khám.”

“Không đâu,” thanh tra Grange đáp. “Cô ấy xem ra không phải như vậy.”

Veronica nói nhanh:

“Ý ông là cô ấy giỏi đóng kịch sao? Đúng, như thế thì còn đáng ngại hơn.”

“Theo tôi thấy thì cô cho rằng bà Christow đã chính tay bắn chồng, có phải không?”

“Đúng vậy. Trước khi đưa ra xét xử chính thức thì không được phép quy kết tội trạng cho người ta, phải không ông thanh tra? Tôi rất xin lỗi. Chỉ vì tôi nghe hầu gái kể lúc John chết, cô ấy đứng ngay bên cạnh, súng lục trong tay. Ông biết đấy, ở quê thì mọi sự toàn bị cánh người hầu truyền miệng rồi nói quá lên không chừng.”

“Có những khi thông tin từ người hầu rất có giá trị đấy, cô Cray.”

“Hẳn là ông khai thác được khá nhiều thông tin từ họ?”

Ông Grange bình tĩnh nói tiếp:

“Tất nhiên, cần đặt câu hỏi rằng ai có động cơ để...”

Ông ngừng lời. Veronica hơi nhếch cười nuối tiếc:

“Và người vợ luôn luôn là kẻ tình nghi số một sao? Đạo lý ở đâu chứ! Nhưng thường luôn có một người đàn bà khác. Có lẽ cô ta cũng có động cơ chẳng?”

“Cô cho rằng bác sĩ Christow có quan hệ với người đàn bà khác?”

“À... vâng, tôi cho là vậy. Đó là linh cảm của riêng tôi thôi.”

“Linh cảm đôi khi cũng hữu ích lắm đấy,” ông Grange nhận xét.

“Từ những gì John kể, tôi hình dung là... có một nữ điều khắc gia là, ừm, là người bạn rất thân thiết với anh ấy. Nhưng hẳn chuyện này các ông đã biết rồi?”

“Tất nhiên cũng tôi phải tìm hiểu hết mọi mối quan hệ.”

Thanh tra Grange nói bằng giọng khách quan, không hứa hẹn gì, nhưng trong một tích tắc, ông kịp thấy vẻ thỏa mãn ác độc lóe lên trong đôi mắt to xanh thẳm ấy.

Ông hỏi tiếp, rất đúng thể thức:

“Vậy bác sĩ Christow tiễn cô về nhà, như cô vừa nói. Lúc ông ấy rời đi là mấy giờ?”

“Ông biết đấy, tôi nào có nhớ nổi! Chúng tôi nói chuyện một lát rồi anh ấy về. Hẳn là cũng trễ lắm rồi.”

“Ông ấy có vào nhà?”

“Phải, tôi mời anh ấy vào uống nước.”

“Tôi hiểu. Tôi hình dung hai người chuyện trò với nhau... ừm, chỗ nhà mát gần hồ bơi chứ.”

Ông thấy ánh mắt cô xao động. Một thoáng do dự, rồi cô nói ngay:

“Ông đúng là thám tử chuyên nghiệp nhỉ. Vâng, chúng tôi có ng ửi đó hút thuốc và trò chuyện một lát. Làm sao ông biết được?”

Gương mặt cô háo hức như đứa trẻ đòi chỉ mảnh làm một tiêu xảo.

“Cô để quên áo choàng ở đó mà, cô Cray,” ông nói thêm, giữ giọng bình thản, “và mấy hộp diêm nữa.”

“À, đúng rồi.”

“Bác sĩ Christow trở về Thung Lũng lúc ba giờ sáng,” ông thanh tra đầu đầu nói tiếp.

“Trễ đến vậy sao?” Veronica ngạc nhiên.

“Đúng vậy, cô Cray..”

“Nghĩ cũng phải, chúng tôi nói chuyện nhiều lắm, bao nhiêu năm rồi mới gặp lại mà.”

“Cô có chắc rằng cô không gặp lại ông Christow lần nào trong chừng đó thời gian?”

“Tôi đã nói rồi mà, tôi và anh ấy không gặp nhau mười lăm năm rồi.”

“Cô có chắc là không nhớ lần? Tôi linh cảm rằng cô từng gặp ông bác sĩ nhiều lần rồi.”

“Sao ông lại nghĩ như vậy chứ?”

“Ví dụ như từ bức thư này,” thanh tra Grange rút lá thư trong túi ra, hắng giọng rồi đọc lên.

Sáng nay anh đến chỗ em nhé. Em phải gặp anh.

Veronica.

“A...” Cô cười. “Nghe có vẻ hơi ép buộc nhỉ. Có lẽ Hollywood đã khiến người ta thành ra kiêu căng một chút.”

“Nhận thư, bác sĩ Christow có đến nhà cô vào sáng hôm sau. Hai người xảy ra việc cãi cọ. Cô Cray, hai người đã tranh cãi về chuyện gì vậy?”

Thanh tra không giấu vẻ sắc bén nghề nghiệp nữa. Ông lập tức thấy môi cô diễn viên thoáng mím lại vì tức giận. Cô bật ra:

“Chúng tôi không cãi nhau.”

“Có đấy, cô Cray. Lời cuối của cô là *Tôi căm ghét anh hơn bất kỳ ai trên đời này.*”

Cô im bật. Ông cảm giác được cô đang căng não suy nghĩ thật nhanh và thận trọng. Phụ nữ thường nhẹ dạ nhanh lời, nhưng Veronica Cray rất biết tính toán.

Cô nhún vai, nói nhẹ tênh:

“Tôi hiểu rồi. Lại từ miệng người h ầu. Cô h ầu gái của tôi giàu trí tưởng tượng lắm. Cùng một chuyện có nhiều cách nói mà, ông biết đấy. Tôi đảm bảo là tôi không nói năng cường điệu như vậy. Chỉ là chút tán tỉnh nhẹ nhàng thôi. Khi trước chúng tôi có thời gian yêu nhau.”

“Vậy những lời đó không có ý nghiêm túc sao?”

“Tất nhiên không. Và tôi cũng đảm bảo với ông rằng trong mười lăm năm qua tôi không hề gặp lại John Christow. Ông cứ đi ầu tra là biết.”

Một lần nữa, cô trở lại vẻ đàng hoàng, tự tin.

Thanh tra Grange không ép hỏi thêm nữa về chủ đề này. Ông đứng dậy.

“Hôm nay thế là đủ, cô Cray,” ông nói lịch sự.

Ông rời Dovecotes và đi theo con đường mòn đến công dinh thự Resthaven.

Hercule Poirot nhìn ông thanh tra, vẻ ngạc nhiên vô cùng. Ông ngờ vực hỏi lại:

“Vậy khẩu súng mà Gerda Christow cầm trong tay và sau đó đánh rơi xuống hồ bơi không phải là khẩu súng bắn viên đạn giết ông bác sĩ sao? Thật ngoài sức tưởng tượng.”

“Đúng vậy, ông Poirot. Nói thẳng ra, chuyện đó chẳng hợp lý chút nào.”

Ông Poirot lẩm bẩm:

“Không hợp lý chút nào... Nhưng phải có lý do cho chuyện đó chứ, phải không?”

Ông thanh tra thở dài nặng nề “Đúng thế đấy, ông Poirot. Chúng ta phải tìm ra lý do, nhưng ngay lúc này thì tôi chưa nhìn ra manh mối gì. H ầu

vụ án sẽ tiến triển nhanh hơn nếu ta tìm được khẩu súng thực sự dùng để bắn. Ít ra ta biết được khẩu súng đó cũng nằm trong bộ sưu tập của Sir Henry, ông ấy bị mất một khẩu— và thế có nghĩa rằng vụ này dính líu rất nhiều tới Thung Lũng.”

“Phải,” ông Poirot gật đầu.

“Ban đầu cứ tưởng vụ này đơn giản, không lắt léo,” ông thanh tra nói tiếp, “thế nhưng giờ tôi thấy hoàn toàn ngược lại.”

“Phải,” ông Poirot đồng tình, “không đơn giản chút nào.”

“Phải thừa nhận có khả năng đây là một vụ dàn cảnh, hòng đẩy mọi nghi ngờ về phía Gerda Christow. Nhưng nếu vậy, tại sao không để chính khẩu súng gây án tại hiện trường để Gerda nhặt lên?”

“Vì có thể cô ta sẽ không nhặt súng.”

“Đúng thế, nhưng trong trường hợp đó, nếu không có dấu vân tay của ai khác trên súng— giả định là súng đã được lau sạch sau khi bắn— thì Gerda vẫn bị nghi ngờ mà. Đó là đi đầu kẻ sát nhân muốn, phải vậy không?”

“Vậy sao?”

Ông Grange quay sang nhìn.

“Thì, nếu anh là kẻ sát nhân, hẳn anh sẽ muốn đổ tội thật nhanh, thật kín đáo cho người khác, phải không? Phản ứng thông thường của kẻ giết người là vậy.”

“Phảaaaai,” ông Poirot dài giọng. “Nhưng có lẽ trong vụ này kẻ giết người không phải hạng thông thường. Có lẽ đó chính là đáp án cho chúng ta.”

“Đáp án gì?”

Ông Poirot trầm ngâm:

“Rằng kẻ giết người này thuộc loại bất thường.”

Thanh tra Grange hiểu kỳ nhìn Poirot. Ông hỏi:

“Vậy kẻ ấy có ý định gì? Và nhắm tới đi đầu gì?”

Ông Poirot dang tay thở dài.

“Tôi vẫn chưa biết gì cả. Nhưng tôi lờ mờ đoán rằng...”

“Sao?”

“Rằng kẻ giết người muốn giết John Christow nhưng không muốn đổ tội cho Gerda Christow.”

“Hừmmm! Nhưng chúng ta đã nghi ngờ Gerda ngay từ đầu đó thôi.”

“Đúng, nhưng sớm muộn ta cũng sẽ phát hiện ra vấn đề ở khẩu súng Gerda cầm, thế là vụ này được xem xét ở góc độ hoàn toàn mới. Trong thời gian đó, kẻ sát nhân sẽ có thời gian...”

Ông Poirot chợt ngưng bật.

“Thời gian để làm gì?”

“À, *mon ami*, tới đó thì tôi vẫn chưa biết.”

Thanh tra Grange đi qua đi lại trong phòng. Rồi ông dừng lại trước mặt Poirot.

“Ông Poirot, chiều nay tôi ghé nhà ông vì hai lý do. Lý do thứ nhất là vì tôi biết ông có kinh nghiệm rộng rãi trong việc xử lý mấy vụ như thế này, trong quân đội ai cũng biết. Còn lý do thứ hai là vì ông cũng từng tới hiện trường, coi như ông cũng là nhân chứng. Ông đã tận mắt thấy đi đầu gì đã xảy ra.”

Poirot gật đầu.

“Đúng, tôi có thấy, nhưng ông thanh tra ạ, đôi khi những gì mắt thấy không đáng tin cậy lắm đâu.”

“Ý ông là sao, ông Poirot?”

“Đôi khi, ta chỉ thấy đi đầu mình được dẫn dắt cho thấy.”

“Ông nghĩ rằng mọi việc đã được xếp đặt trước?”

“Tôi cho là vậy. Cảnh ấy hệt như bối cảnh trên sân khấu. Những gì tôi thấy được rất rõ ràng: Người đàn ông vừa bị bắn và người phụ nữ bắn anh ta ở bên, tay còn cầm khẩu súng vừa sử dụng. Đó là những gì tôi *thấy*, và ta đã biết rằng ít nhất có một điểm trong khung cảnh ấy không phải như ta tưởng. Khẩu súng ấy không phải là khẩu đã dùng để bắn John Christow.”

“Hừmmm!” Ông thanh tra kéo kéo bộ râu quặp. “Thế ông có nhận thấy điểm nào bất hợp lý trong khung cảnh đó nữa không?”

Ông Poirot gật đầu: “Có ba người khác có mặt ở đó—ba người rõ ràng có vẻ vừa mới tới hiện trường. Nhưng đi đâu đó có thể cũng không phải sự thật. Hồ bơi nằm giữa rừng cây dẻ rậm rạp. Từ hồ bơi có những năm lối mòn dẫn ra các hướng khác nhau: Một dẫn lên nhà chính, một vào rừng, một dẫn ngược lên lối đi trồng hoa, một xuôi xuống vườn rau và một nối với đường mòn đến đây.

“Trong số ba người có mặt, mỗi người đều đến từ một ngã khác nhau. Edward Angkatell từ trong rừng ra, bà Angkatell đi lên từ vườn rau, và Henrietta Savernake từ lối trồng hoa mé trên. Ba người này đến hiện trường gần như cùng lúc, chỉ vài phút sau Gerda Christow.

“Nhưng một trong số họ có thể đã đến đó *trước* cả Gerda Christow, người đó có thể bắt John Christow rồi đi theo một ngã nào đó, rồi vòng lại, vừa vặn xuất hiện cùng lúc với những người khác.”

Thanh tra Grange gật gù:

“Cũng có khả năng đó.”

“Và còn một giả thiết nữa mà ta chưa tính tới. Đó là có người đi theo lối mòn từ đây, bắt John Christow và đi ngược lối cũ về, mà không ai nhìn thấy.”

“Ông nói rất đúng. Vậy là có thêm hai kẻ tình nghi, ngoài Gerda Christow. Họ đều có cùng động cơ—lòng ghen tức. Động cơ giết người là đây. Có hai người phụ nữ khác có dây dưa với John Christow.”

Ông ngừng một lúc rồi nói tiếp:

“Ông Christow có đến nhà Veronica Cray vào sáng hôm đó. Họ xảy ra cãi vã. Cô Cray có nói sẽ khiến ông Christow phải hối hận vì những gì đã làm, rằng cô ấy cảm ghét ông ta hơn bất kỳ ai trên đời này.”

“Thú vị đây,” ông Poirot lầm bầm.

“Cô ấy từ Howllywood đến thẳng đây, theo như tôi đọc trên báo thì có tham gia chụp hình gì đó. Có thể cô ấy đến đây lấy cái áo lông cáo để quên ở nhà mát tối hôm trước. Có thể hai người họ gặp nhau, tranh cãi bùng lên,

cô bắn ông bác sĩ, rồi nghe tiếng người tới, cô ấy chạy ngược lại theo lối đã đến.”

Ông ngừng lời, rồi bực bội nói tiếp:

“Tới đoạn này thì chuyện mới thành ra quái gở khó lường đây! Cái khẩu súng chết tiệt đó không khớp! Trừ khi là,” mắt ông sáng bừng, “cô bắn ông ta bằng súng riêng và để lại hiện trường khẩu súng đánh cắp từ thư phòng Sir Henry để đổ tội cho những người ở Thung Lũng. Hẳn cô ấy không biết về chuyện cảnh sát có thể nhận diện khẩu súng đã sử dụng thông qua ký hiệu trên rãnh xẻ nòng súng.”

“Có bao nhiêu người sẽ biết được chi tiết đó chứ?”

“Theo lời Sir Henry thì nhiều người biết chuyện đó lắm, bởi nhiều truyện trinh thám cũng có nhắc tới mà. Ví dụ như quyển gần đây — *Dấu vết từ cái vòi rỉ nước* — mà Sir Henry kể John Christow có đọc vào hôm thứ Bảy vừa qua, trong đó có nhấn mạnh chi tiết này.”

“Nhưng Veronica Cray phải có cách gì mới lấy được súng từ thư phòng Sir Henry chứ.”

“Phải, như vậy là có dự mưu từ trước.” Ông thanh tra lại kéo râu, rồi nhìn ông Poirot. “Nhưng ông cũng có đặc biệt một khả năng khác, là cô Savernake. Và cảnh tôi thấy tận mắt, à không, phải nói là đi đâu tôi nghe tận tại mới phải, là từ ‘Henrietta’ mà ông Christow nói khi hấp hối. Ông nghe được câu ấy, những người khác cũng vậy, riêng ông Angkatell thì chừng như nghe không rõ lắm.”

“Edward Angkatell không nghe rõ sao? Điềm này cũng thú vị đấy.”

“Nhưng những người khác đều nghe. Cô Savernake nói ông Christow cố gọi cô. Bà Angkatell nói ông ấy mở mắt, nhìn cô Savernake, rồi gọi: ‘Henrietta.’ Bà ấy không nói thêm chi tiết quan trọng nào liên quan tới việc đó.”

Ông Poirot mỉm cười. “Hẳn là vậy.”

“Vậy còn ông thì sao? Ông đã có mặt ở đó, nhìn tận mắt, nghe tận tai. Có phải ông Christow muốn nói với ông rằng chính Henrietta bắn ông ấy không? Nói ngắn gọn, câu ấy có nghe như lời buộc tội không?”

Ông Poirot chậm rãi đáp:

“Lúc đó tôi không nghĩ thế.”

“Nhưng giờ thì sao, ông Poirot?”

Ông Poirot thở dài, rồi nói tiếp, vẫn chậm rãi như thế:

“Cũng có thể. Tôi chưa nói gì thêm được. Chuyện ông hỏi tôi chỉ là ấn tượng trong thoáng chốc đó, rồi khi khoảnh khắc ấy đã qua, ta lại muốn tìm tòi từ sự việc những ngụ ý chưa hẳn đã có.”

Ông Grange vội nói:

“Tất nhiên, những đi đầu này không ghi vào hồ sơ. Những đi đầu ông suy luận không tính là bằng chứng, tôi biết chứ. Tôi chỉ muốn nghe ý kiến của ông thôi.”

“Tôi hiểu ý ông mà, ấn tượng từ những gì ta nhìn thấy cũng rất hữu ích. Nhưng tôi xấu hổ mà thừa nhận rằng ấn tượng của tôi chẳng có giá trị gì. Tôi có thể hiểu lầm, bị thuyết phục bởi bằng chứng bày ra trước mắt, rằng bà Christow vừa mới bắn chòng mình, do vậy khi ông Christow mở mắt và nói ‘Henrietta’ thì tôi không cho rằng đó là lời kết tội. Giờ nhìn lại, quả là tôi đã bị cuốn theo hiện trường và suy luận những đi đầu chưa chắc xảy ra.”

“Tôi hiểu ý ông.” Ông Grange tiếp. “Nhưng nếu từ cuối cùng ông Christow nói là ‘Henrietta’ thì nó phải có ý nghĩa gì đó. Có thể là lời kết tội, có thể khác, do tình cảm chẳng hạn. Có thể ông Christow yêu cô ấy và gọi tên cô lúc lâm chung. Xét hết thấy những gì đã biết, ông nghiêng theo giả thiết nào?”

Ông Poirot thở dài, xoay trở, nhắm mắt rồi lại mở mắt, rồi xòe tay tỏ ý bực bội:

“Giọng ông ấy nghe rất cấp bách, theo tôi nghe thì vậy, cấp bách. Như thế không phải lời kết tội cũng không phải vì tình, nhưng có vẻ gấp gáp. Còn có một đi đầu nữa tôi dám chắc, đó là ông Christow hoàn toàn tỉnh táo. Ông ấy nói, như một bác sĩ ra y lệnh trong ca phẫu thuật cấp cứu cho một người đang chảy máu sắp chết vậy.” Ông Poirot nhún vai. “Tôi chỉ giúp được đến thế.”

“Y khoa à?” Ông thanh tra hỏi lại, “Ừm, có thể đó là giả thiết thứ ba. Ông ấy bị bắn, cho rằng mình sắp chết, nên muốn người ta cấp cứu. Rồi như bà Angkatell thấy, cô Savernake là người đầu tiên ông ấy thấy khi mở mắt ra, thế nên ông ấy gọi tên cô. Nhưng lý giải như vậy nghe chưa thỏa đáng lắm.”

“Trong vụ này không có gì là thỏa đáng cả.” Ông Poirot chua chát nhận xét.

Hiện trường vụ giết người được dựng nên để đánh lừa Hercule Poirot, và đã đánh lừa được ông! Không, chẳng thỏa đáng chút nào.

Thanh tra Grange nhìn ra cửa sổ.

“Chào,” ông giới thiệu, “Đây là hạ sĩ Clark. Có vẻ anh ta tìm được manh mối gì đó. Anh ấy phụ trách phỏng vấn người hời, khôn khéo lắm, lại còn đẹp trai, nên dễ được lòng phụ nữ.”

Hạ sĩ Clark hớn hên đi vào phòng. Anh ta có vẻ rất hài lòng về manh mối tìm được, nhưng vẫn cố giữ tác phong chuyên nghiệp.

“Tôi được biết ông ở đây, nên đến để báo cáo tình hình luôn, thưa ông.”

Anh ta do dự nhìn ông Poirot, dáng vẻ giống ngoại quốc của ông không có vẻ giống người trong ngành.

“Cứ nói đi,” thanh tra Grange lên tiếng. “Đừng ngại ông Poirot đây. Kinh nghiệm của ông ấy trong nghề còn xa cậu mới theo kịp.”

“Vâng thưa ông, như thế này. Cô phụ bếp nói rằng...”

Ông Grange ngắt lời cậu, đắc thắng quay sang nhìn ông Poirot.

“Tôi đã nói gì nào, luôn có manh mối từ cô phụ bếp. Thời này số người hời trong nhà được cắt giảm nhiều, không ai còn nuôi cô phụ bếp nữa. Máy cô ấy thích nói lắm, thế nhưng cứ phải nén mình trong bếp cạnh đầu bếp và mấy người hời có vai vế hơn, nên hiển nhiên các cô sẵn lòng tuân trào nếu có ai chịu khó lắng nghe. Nói tiếp đi, Clark.”

“Cô ấy nói rằng vào chiều Chủ nhật đó, cô ấy có thấy ông quản gia Gudgeon đi trên hành lang, tay cầm một khẩu súng lục.”

“Gudgeon sao?”

“Vâng,” Clark liếc vào sổ ghi chép. “Cô ấy nói nguyên văn thế này: ‘Tôi không biết phải làm gì, nhưng tôi nghĩ nên kể về điều mình thấy hôm đó. Tôi thấy ông Gudgeon đứng ở hành lang với khẩu súng trong tay. Lúc đó ông Gudgeon trông có vẻ khác thường.’”

Clark bình luận, “tôi cho rằng đoạn nhận xét ông Gudgeon khác thường không có nghĩa gì lắm, có thể cô ấy tự thêm thắt thế thôi. Nhưng tôi thiết nghĩ nên báo với ông ngay.”

Thanh tra Grange đứng dậy, vẻ tự tin của một người thấy việc phải làm và tin chắc mình làm được.

—“Gudgeon_ sao? Tôi sẽ đi nói chuyện với ông ta ngay bây giờ.”

Lại là thư phòng của Sir Henry. Ông Grange nhìn chằm chằm bộ mặt không cảm xúc của người đàn ông trước mặt.

Ông quản gia vẫn giữ lễ phép.

“Tôi rất xin lỗi, thưa ông,” ông nhắc lại, “tôi cứ ngỡ đã nói về chuyện ấy rồi, nhưng lại quên đi mất.”

Ông áy náy nhìn ông thanh tra, rồi đến Sir Henry. “Lúc đó vào khoảng năm giờ rưỡi, nếu tôi nhớ đúng, thưa ông. Tôi đi trên hành lang để xem có thư từ gì gửi đến không, rồi để ý thấy có một khẩu súng lục ổ quay nằm trên bàn đặt ở hành lang. Tôi nghĩ khẩu súng đó thuộc bộ sưu tập của ông chủ, nên tôi cầm lên và đem đến đây. Trên giá súng có chỗ trống, nên tôi đặt súng vào chỗ đó.”

“Ông hãy chỉ chỗ ấy cho tôi,” ông Grange yêu cầu.

Gudgeon đứng dậy, lại chỗ giá súng, ông thanh tra theo sát.

“Là khẩu này, thưa ông.” Gudgeon chỉ vào khẩu Mauser nhỏ nhắn nằm cuối hàng.

Rãnh nòng .25, nhỏ nhắn. Đây chắc chắn không phải hung khí đã bắn John Christow.

Ông Grange không rời mắt khỏi khuôn mặt Gudgeon, hỏi tiếp:

“Đó là súng lục tự động, không phải loại ổ quay.”

Ông Gudgeon húng hắng ho.

“Vậy sao, thưa ông? Tôi không hiểu biết về các thứ súng ống cho lắm. Có thể tôi dùng từ không được chính xác.”

“Nhưng ông chắc chắn đây là khẩu súng ông tìm thấy hành lang, và đem đến đây sao?”

“À vâng, thưa ông, chuyện đó thì tôi dám chắc.”

Ông Grange ngăn ông quản gia lại khi ông này định cầm cây súng trên giá.

“Đừng đụng vào nó, cảm phiền. Tôi muốn kiểm tra dấu vân tay trên đó và ổ đạn nữa.”

“Tôi cho rằng súng không nạp đạn đâu, thưa ông. Mọi khẩu súng trong bộ sưu tập của Sir Henry đều tháo đạn cả. Còn về dấu vân tay thì tôi có dùng khăn tay lau sạch súng trước khi cất lên giá, nên nếu còn thì chỉ có dấu vân tay của tôi mà thôi.”

“Vì sao ông làm thế?” Ông thanh tra đành giọng.

Nụ cười hối lỗi của ông quản gia không suy suyển mảy may:

“Vì tôi cho là nó lấm bụi, thưa ông.”

Cửa mở, bà Angkatell lướt vào, tươi cười nhìn ông thanh tra:

“Rất vui lại gặp ông, thanh tra Grange! Thế những chuyện này là sao vậy? Cô bé phụ bếp đang khóc như suối kia. Bà Medway đang mắng nó, nhưng tất nhiên con bé thấy gì nói nấy là đúng thôi. Thế nào là đúng, thế nào là sai, tôi cũng hay bối rối lắm—rất nhiều khi việc đúng thì khó chịu mà việc sai lại được đờng tình, bởi khi đó ta biết mình là ai—nhưng nếu không phải thế thì thật bối rối nhỉ. Tôi nghĩ rằng người ta phải làm đi đâu mình cho là đúng, ông có nghĩ vậy không? Thế ông đã nói gì với họ về khẩu súng ở quay hả Gudgeon?”

Gudgeon kính cẩn đáp:

“Thưa bà, khẩu súng ấy đặt trên bàn ngoài hành lang. Tôi không biết do đâu mà xuất hiện. Tôi đem nó về phòng, đặt vào giá súng. Tôi trình bày với ông thanh tra như vậy, và ông ấy hiểu ý tôi.”

Bà Angkatell lắc đầu, nói nhẹ:

“Không nên thế, Gudgeon. Tôi sẽ tự nói chuyện với ông thanh tra.”

Gudgeon hơi nhích người, bà Angkatell nói tiếp, vẫn duyên dáng:

“Tôi cảm kích động cơ của ông, Gudgeon. Tôi biết ông luôn bảo vệ gia đình tôi khỏi mọi phiền phức rắc rối. Nhưng chuyện đến đây là xong.”

Gudgeon hơi do dự, lướt mắt nhìn sang Sir Henry và ông thanh tra, rồi mới cúi chào và ra khỏi phòng.

Ông Grange định ngăn lại, nhưng không biết vì sao, ông lại buông tay xuống. Gudgeon ra khỏi phòng, khép cửa lại.

Bà Angkatell buông mình xuống ghế bành, mỉm cười với hai người đàn ông. Bà nói về tự nhiên:

“Gudgeon nhà chúng tôi thật lịch thiệp làm sao. Phong thái còn nặng nề phong kiến. Phải, phong kiến.”

Ông Grange hỏi thẳng:

“Bà Angkatell, theo như tôi hiểu thì bà định cung cấp thêm thông tin về vụ việc này?”

“Tất nhiên. Gudgeon không phải nhặt được súng chỗ hành lang đâu. Ông ấy tìm được súng khi lấy trứng ra đây.”

“Trứng?” Ông Grange ngạc nhiên nhìn bà.

“Trứng để trong giỏ ấy mà,” bà Angkatell giải thích. Bà nói như thể hai năm rưỡi. Sir Henry nhỏ nhẹ:

“Em kể chi tiết một chút nhé, anh và thanh tra Grange đây vẫn chưa hiểu gì.”

“Ồ.” Bà Angkatell nói rõ ra. “Khẩu súng ổ quay đây, nó nằm trong giỏ, dưới lớp trứng.”

“Giỏ nào, rồi trứng nào nữa, bà Angkatell?”

“Thì cái giỏ tôi cõm xuống trang trại. Khẩu súng nằm trong giỏ, tôi bỏ trứng vào giỏ, và quên luôn khẩu súng. Rồi tôi thấy cậu John Christow tội nghiệp nằm cạnh hồ bơi, tôi rối lòng quá nên buông tay, may là Gudgeon may mắn đỡ lấy kịp. (Trong giỏ toàn trứng mà, nhớ tôi đánh rơi thật thì trứng vỡ hết mất.) Thế rồi ông ấy mang giỏ vào nhà, rồi lát sau tôi dặn ông ấy nhớ viết ngày lên trứng—khi nào tôi cũng làm thế—nếu không nhà có khi sẽ nhầm mà ăn trứng tươi trước trứng cũ hơn—ông ấy nói với tôi là

mọi chuyện đã thu xếp ổn thỏa, theo tôi nhớ thì giọng ông ấy khi đó rất dứt khoát. Tôi đã nói ông ấy theo nếp phong kiến mà. Ông ấy mang khẩu súng tìm được về thư phòng, có lẽ vì có cảnh sát trong nhà. Người hầu luôn sợ cảnh sát, tôi nhận thấy thế. Ông ấy rất tử tế và trung thành, nhưng mà ngốc thật, rõ là vậy. Ông thanh tra, đó là sự thật mà ông muốn nghe, có phải không?”

Bà Angkatell kết thúc, mỉm cười tươi tắn với ông thanh tra.

“Sự thật là đi đâu tôi truy tìm,” ông nghiêm nghị nói.

Bà Angkatell thở dài.

“Thật rồi rắm quá, có phải vậy không? Tất cả những chuyện săn tìm nghi phạm này. Tôi nghĩ người bắn John Christow không có chủ ý bắn cậu ấy đâu, ý tôi là không có ý định ấy nghiêm túc. Tôi càng chắc chắn thế, nếu hung thủ là Gerda. Thật ra tôi ngạc nhiên vì cô ấy không bắn hụt đấy, cô ấy vốn vụng về mà. Mà thật ra cô ấy rất hiền lành. Nếu ông bỏ tù rồi treo cổ cô ấy, thì bọn trẻ sẽ ra sao đây? Nếu cô ấy bắn chông mình thật, thì bây giờ hẳn đang vô cùng hối hận rồi. Bọn trẻ mất cha đã khổ, giờ mẹ chúng còn bị treo cổ thì sẽ ra sao? Đôi khi tôi nghĩ cảnh sát các ông chẳng buồn nghĩ tới những đi đâu này.”

“Hiện tại thì chúng tôi chưa hề ra lệnh bắt ai cả, thưa bà Angkatell.”

“Đấy, như thế là phải. Nhưng từ trước đến nay tôi luôn cho rằng ông là người sống phải lẽ, ông thanh tra ạ.”

Bà lại nở nụ cười duyên rạng rỡ.

Thanh tra Grange không cưỡng được, chớp mắt mấy cái.

Nhưng ông vẫn không quên mình đang làm gì.

“Như bà vừa nói, tôi muốn biết sự thật. Bà nói đã lấy khẩu súng tự động từ đây, vậy đó là khẩu nào, thưa bà?”

Bà Angkatell hất đầu về giá để súng. “Khẩu thứ hai, hàng cuối. Mauser .25.” Có gì đó trong lời đáp gãy gọn, chính xác đó khiến thanh tra Grange ngờ ngợ. Ông vốn có ấn tượng bà Angkatell là người “mơ mơ màng màng” và “hơi lập dị,” nên không ngờ bà có thể mô tả súng ống với sự hiểu biết đến vậy.

“Bà lấy khẩu súng ở đây rồi bỏ vào giỏ, tại sao thế?”

“Tôi biết thế nào ông cũng hỏi mà,” bà Angkatell cười, giọng nhuốm vẻ đắc thắng. “Chắc chắn là tôi có lý do chứ, phải không Henry?” Bà quay sang chồng. “Anh không nghĩ rằng em có lý do để mang súng ra ngoài vào sáng hôm ấy sao?”

“Chắc chắn là anh tin em, cưng à.”

“Người ta làm đi đâu này đi đâu nọ,” bà Angkatell nói, trề môi nhìn khoảng không trước mặt, “thế rồi không nhớ được vì sao mình làm thế. Nhưng ông thanh tra này, tôi cho rằng luôn luôn có lý do đấy. Hẳn tôi phải có ý định gì khi bỏ khẩu Mauser vào giỏ trứng chứ.” Bà quay sang ông, “Thế theo ông lý do đó là gì?”

Ông Grange nhìn bà chằm chằm. Bà chẳng hề bối rối, cứ như đứa trẻ háo hức chờ đáp án. Ông chịu thua. Ông chưa bao giờ đụng phải người nào như Lucy Angkatell. Trong khoảnh khắc, ông không biết nên làm gì tiếp theo.

“Vợ tôi tính rất đáng trí, ông thanh tra ạ.” Sir Henry đỡ lời.

“Đúng vậy, thưa ông.” Ông Grange đáp cộc lốc.

“Vì sao ông nghĩ tôi lấy khẩu súng đó?” Bà Angkatell hỏi, vẻ tin cậy.

“Tôi không biết, thưa bà Angkatell.”

“Tôi vào phòng này,” bà Angkatell ra vẻ hời hợt. “Tôi đang nói chuyện với Simmons về mấy cái vỏ gối—rồi tôi nhớ mang máng là có đi ngang lò sưởi—rồi tôi thấy cần mua cái que cời lò mới, mà phải là loại hợp cho kiểu lò này cơ...”

Thanh tra Grange nhìn bà chằm chằm, cảm thấy đầu quay mòng mòng.

“Rồi tôi nhớ là có cần khẩu Mauser lên, cái khẩu súng mới nhỏ nhắn vừa tay chứ, tôi vẫn thích loại như thế, xong tôi bỏ vào giỏ luôn. Tôi đem giỏ theo từ khu trồng hoa. Nhưng mà tôi mãi nghĩ nhiều thứ quá, chuyện phải nói với Simmons này, rồi dây bìm bìm leo lên bụi hoa cúc Michaelmas, rồi phải dặn bà bếp Medway nhớ làm một cái bánh bùn thật là béo nữa...”

“Bánh bùn là bánh gì?” Ông Grange hỏi, cốt để ngắt lời bà.

“À tên thế thôi chứ làm từ chocolate, r ồi trứng đánh, r ồi phủ một lớp kem béo nữa. Món bánh ngọt ấy người nước ngoài ưa lắm.”

Ông Grange hỏi tiếp một câu cộc lốc, như thế giờ tay gạt phất lớp mạng nhện đang vướng che t ầm mắt:

“Tóm lại bà có nạp đạn khẩu súng đó không?”

Ông tưởng bà Angkatell sẽ giật mình, có thể còn hơi sợ trước giọng điệu ấy, thế nhưng bà đi ềm nhiên chìm vào suy tư:

“Có không nhỉ? Ngốc thật ấy. Tôi chẳng nhớ gì. Nhưng mà hẳn tôi phải nạp đạn chứ, phải không, ông thanh tra? Súng mà không nạp đạn thì làm được gì? Tôi ước chi tôi nhớ được chính xác những gì mình nghĩ vào lúc đó.”

“Lucy, em à,” Sir Henry nói chen. “Chưa từng có ai biết trong đ ầu em nghĩ hay không nghĩ đến đi ều gì, dù có bên em bao nhiêu năm đi nữa.”

Bà ngoảnh sang cười với ch ồng thật ngọt.

“Em đang cố nhớ mà, anh yêu. Đôi lúc đ ầu óc người ta cứ nhãng đi đ ầu ấy. Như sáng hôm nọ, em c ần ống nghe trên tay mà chịu không nhớ định làm gì. Em còn không biết vì sao mình lại c ần lên kia.”

“Hẳn là bà định gọi điện cho ai đó,” ông thanh tra nói lạnh tanh.

“Không, thế mới lạ chứ, tôi không định gọi ai cả. Sau đó tôi mới nhớ ra, khi ấy tôi đang thắc mắc vì sao vợ ông làm vườn, là bà Mears ấy, lại bế con kiểu kỳ cục như vậy, thế là tôi c ần cái ống nghe lên để hình dung bế đ ứa bé trên tay thì nên như thế nào, r ồi tôi hiểu ngay vì sao mình thấy lạ: Bà Mears thuận tay trái mà, nên dáng bế đ ứa trẻ ngược với tôi.”

Bà hớn hở nhìn hai người đàn ông.

“Thôi được r ồi,” ông thanh tra đ ầu hàng, “hẳn trên đời cũng có những người như vậy.”

Nhưng ông hoàn toàn không tin đi ều mình nói.

Ông nhận ra tất cả mọi chuyện đ ều là những lời nói dối đan bện vào nhau. Ví như cô phụ bếp nói rõ ràng rằng cô thấy Gudgeon c ần một khẩu súng lục ổ quay. Lời khai ấy không quá tin cậy, bởi cô ấy thì biết gì về các

loại súng. Hẳn cô nghe người ta nhắc tới từ “súng lục ổ quay” trong quá trình đi điều tra vụ án, và đối với cô thì súng ổ quay hay súng tự động thì nhìn cũng chẳng khác gì nhau cả.

Còn Gudgeon và bà Angkatell thì chỉ rõ khẩu súng tự động Mauser, nhưng cũng không có gì xác nhận lời họ khai là đúng. Có thể Gudgeon cầm đúng khẩu súng ổ quay bị mất trên giá súng và mang về, nhưng không để lại vào thư phòng và đưa cho bà Angkatell. Đám người ăn kẻ ở trong nhà này xem chừng đều hết lòng sùng mộ bà chủ.

Giả như chính bà là người bắn John Christow thì sao? (Nhưng động cơ là gì chứ? Ông chịu không nhìn ra.) Phải chăng họ nói dối và che giấu cho bà chủ? Ông có linh cảm rất khó chịu rằng đúng như thế.

Rồi câu chuyện tròng giang đại hải bà dựng lên để lấp liếm chuyện mình không nhớ rõ, hẳn là bà có thể kể một lý do thuyết phục hơn nhiều. Nhưng đáng vẻ bà tự nhiên như không, chẳng bối rối hay sợ sệt mảy may. Mẹ kiếp, người phụ nữ này khiến cho ai cũng cảm thấy bà chỉ biết nói toàn sự thật.

Ông đứng dậy.

“Nếu bà còn nhớ thêm được điều gì, vui lòng báo cho tôi biết, thưa bà Angkatell,” ông khô khan nói, đúng thể thức.

Bà trả lời ngay, “Tất nhiên là vậy rồi, ông thanh tra. Đôi khi ta sức nhớ đến, có ai mà ngờ.”

Ông Grange bỏ ra khỏi thư phòng. Ở hành lang, ông kéo rộng cổ áo, hít một hơi thật sâu.

Ông thấy mình kẹt vào giữa mớ bong bóng. Ông tha thiết nhớ cái tẩu cũ kỹ ám mùi của mình, thêm một vai bia, đĩa bò bít tết kèm khoai tây càng tuyệt. Những thứ đơn giản và thiết thực.

Trong thư phòng, bà Angkatell vẫn vờ lướt ngón tay lên món này món khác. Sir Henry ngả người trên ghế bành nhìn vợ, cuối cùng ông hỏi:

“Vì sao em lấy khẩu súng tự động, Lucy?”

Bà Angkatell quay lại, duyên dáng ng ỡ xuống một cái ghế khác.

“Em thật không nhớ chắc, anh Henry à. Có thể do em thoáng nghĩ tới khả năng xảy ra tai nạn thôi.”

“Tai nạn à?”

“Vâng. Mấy thứ rẽ cây ấy mà,” bà Angkatell lơ đãng đáp, “cứ chìa ra, đi đường dễ vấp chân lắm. Có khi người ta cần súng bắn vài phát vào bia bắn, rồi để sót một viên trong ổ đạn—do bất cẩn thôi, tất nhiên rồi, thì con người ai chẳng có lúc thế. Anh biết không, em luôn hình dung tai nạn là cách đơn giản nhất để gây ra chuyện như thế. Rồi người lỡ tay sẽ vô cùng áy náy, tất nhiên rồi, còn tự trách mình nữa...”

Giọng bà lặng d ần. Ch ờng bà ng ỡ im s ững, nhìn chăm chăm vợ. Ông nhỏ nhẹ hỏi tiếp.

“Thế ai là nạn nhân trong... tai nạn đó?”

Bà Lucy quay sang nhìn ông, vẻ vô cùng ngạc nhiên.

“Tất nhiên là John Christow rồi.”

“Lạy Chúa tôi, Lucy...” Ông nghẹn lời.

Bà nói vẻ chân thành:

“Anh Henry, em thật tình lo lắng lắm, về Ainswick.”

“Anh biết. Lại là nơi ấy. Lúc nào em cũng quá đề tâm đến Ainswick, Lucy à. Đôi khi anh nghĩ em chỉ bận tâm đến mỗi chuyện ấy.”

“Edward và David là hai hậu duệ cuối cùng của dòng họ Angkatell. Không thể trông mong gì ở David nữa, cậu ấy sẽ không bao giờ kết hôn đâu, do bà mẹ cậu ấy và nhiều lý do khác nữa. Cậu ấy nữa sẽ thừa kế nơi đó khi Edward mất, mà lại không kết hôn, chúng ta thì hẳn sẽ qua đời từ lâu trước khi cậu ấy đến tuổi trung niên. Như vậy cậu ấy là người cuối cùng trong họ, và mọi thứ sẽ kết thúc theo cậu.”

“Chuyện đó quan trọng lắm sao, Lucy?”

“Tất nhiên rồi! Đó là Ainswick mà!”

“Đúng ra em nên là đàn ông, Lucy à.”

Ông hơi cười, thật khó lòng tưởng tượng một Lucy không đậm đặc chất nữ tính như bây giờ.

“Tất cả tùy thuộc vào việc hôn nhân của Edward, thế nhưng cậu ấy cứ khẳng khái cố chấp, y hệt như cha em. Em những mong cậu ấy nữa sẽ quên Henrietta đi và cưới một cô gái tử tế dễ thương, nhưng than ôi, vô vọng. Rồi em nghĩ chuyện giữa Henrietta và John nữa cũng lại đi theo thói thường. John vốn có bao giờ lâu dài với cô nào. Nhưng rồi em thấy ánh nhìn của cậu ấy với Henrietta tối hôm đó. Cậu ấy thực sự để cô ấy trong lòng. Nếu không có John chen ngang, em nghĩ Henrietta sẽ cưới Edward. Cô ấy dù sao cũng không phải người cứ đắm chìm trong quá khứ. Vậy đó, anh nghĩ xem, chỉ cần loại bỏ John Christow là được.”

“Lucy, không phải em đã... Thật ra em đã làm gì vậy?”

Bà Angkatell lại đứng dậy, nhặt hai cây hoa héo khỏi bình.

“Anh yêu, hẳn anh không bao giờ nghĩ rằng em đã bán John Christow chứ? Em quả có thoáng nghĩ về vụ tai nạn. Nhưng em nhớ ra chính chúng ta mời John Christow đến đây mà, đâu phải cậu ấy tự nói muốn đến. Đâu thể nào mời người ta đến làm khách nữa sắp đặt tai nạn hại họ. Ngay cả người Ả-rập cũng nổi tiếng về tính hiếu khách đấy. Vậy anh đừng lo nhé, Henry?”

Bà nhìn chồng, cười tươi âu yếm. Henry nặng nề lên tiếng:

“Lúc nào anh cũng lo về em, Lucy.”

“Nhưng không cần đâu mà, anh yêu. Anh xem, mọi chuyện đã ổn thỏa rồi. John không còn cản đường nữa, mà không ai trong chúng ta phải tác động gì. Chuyện đó làm em nhớ đến cái ông ở Bombay có lần rất là thô lỗ với em. Thế rồi ông ấy bị xe điện đâm phải, ba ngày sau đó.”

Bà vươn tay mở chốt cánh cửa kiêu Pháp lớn chạy sát đất rồi bước ra vườn.

Sir Henry vẫn ngẩng yên, nhìn theo bóng lưng cao, mảnh khảnh đi xuôi theo lối mòn. Ông trông già hẳn đi và mệt mỏi, gương mặt ông hẳn rõ nét hãi hùng.

Trong bếp, cô phụ bếp Doris Emmott rúm người nghe ông quản gia Gudgeon quở mắng. Bà Medway và cô hầu Simmons đứng bên phụ họa.

“Cứ tự suy diễn rồi kết luận vội vàng như vậy là không chín chắn một chút nào.”

“Đúng, đúng,” bà Medway phụ họa.

“Nếu cô thấy tôi cầm khẩu súng tự động, thì đi đâu nên làm là đến gặp tôi mà lễ phép hỏi: ‘Thưa ông Gudgeon, ông cảm phiền giải thích việc này là sao ạ?’”

“Hoặc cô hỏi tôi cũng được mà,” bà Medway nói thêm, “Tôi luôn sẵn lòng chỉ bảo cho các cô gái trẻ chưa tỏ sự đời.”

“Và đi đâu cô không nên làm,” ông Gudgeon nghiêm khắc nói tiếp, “là đi mách với cảnh sát, mà người đó chỉ là hạ sĩ chứ! Phải cố mà tránh dính líu tới cảnh sát. Nhìn bọn họ trong cái nhà này đã bực mình lắm rồi.”

“Bực không thể tả,” Simmons nói nhỏ. “Chưa bao giờ tôi gặp chuyện như thế này.”

“Chúng ta đều biết phu nhân là người thế nào,” Ông Gudgeon tiếp tục dạy dỗ. “Bà chủ có làm gì đi nữa thì tôi cũng không lấy làm lạ, nhưng dám cảnh sát thì không biết về bà như chúng ta, không cần nói cũng biết bà chủ phải phiền lòng lo sợ thế nào trước những câu thăm vấn và chịu mọi nghi ngờ, chỉ vì bà ấy vô tình cầm súng theo người. Tính bà ấy trước nay như

thế, nhưng đám cảnh sát nhìn đâu cũng chỉ thấy giết chóc với xấu xa. Bà chủ là người đấng trí, nhưng chưa hề giết dù chỉ một con ruồi, trước nay bà vẫn hay để vật này vật nọ ở những chỗ không ai ngờ. Tôi vẫn nhớ mãi chuyện bà ấy mang con tôm hùm sống bỏ vào khay để danh thiệp ngoài hành lang. Giờ nhắc lại tôi vẫn nhớ cảnh ấy rành rành!”

“Chuyện ấy là khi cháu chưa vào làm nhỉ,” Simmons tò mò.

Bà Medway liếc mắt nhìn Doris đầy phê phán.

“Đề sau lại nói,” bà nói. “Doris, chúng ta nói thế là đề tốt cho cháu. Gặp cảnh sát thì thường ai cũng mất bình tĩnh chút, đừng có quên đấy. Giờ đi làm rau đi, cẩn thận với món đậu que đấy, đừng vụng như tối qua.”

Doris hít mũi.

“Dạ, thưa bà Medway,” cô quay lại chỗ bồn rửa.

Bà bếp lại nói:

“Tôi sẽ phóng tay làm món bánh thật ngon, thật béo mới được. Ngày mai là diễn ra cuộc điêu tra rồi. Cứ nghĩ tới là rùng cả mình. Chuyện như thế ai ngờ lại xảy đến với chúng ta.”

Nghe tiếng mở cổng lách cách, ông Poirot ngó qua cửa sổ xem ai đến. Lập tức ông nhận ra vị nữ khách. Tại sao Veronica Cray lại chủ động tìm đến ông nhỉ?

Cô bước vào phòng mang theo mùi hương phảng phất mà ông Poirot nhận ra ngay. Hôm nay cô mặc đờvải tweed và đi giày leo núi, như Henrietta, nhưng phong thái hai người rõ ràng khác hẳn.

“Chào ông Poirot.” Giọng cô vui vẻ, pha chút hỡ hợp. “Tôi nghĩ nên đến thăm hỏi hàng xóm cho phái phép, mà tôi vốn rất muốn được làm quen với ông đây.”

Ông cúi người khẽ chạm bàn tay cô chìa ra.

“Thật vinh hạnh, thưa cô.”

Cô vui lòng nhận cử chỉ ái mộ ấy, nhưng từ chối lời mời dùng trà, café hay cocktail.

“Không sao ạ, tôi chỉ đến trò chuyện chút thôi. Nói thật là tôi có phần lo lắng.”

“Cô có việc bận lòng sao? Tôi rất tiếc khi nghe đi ầu ấy.”

Veronica ng ỡ xuống, thờ dài.

“Về cái chết của anh John Christow ấy mà. Ngày mai là tiến hành đi ầu tra. Ông biết việc ấy chứ?”

“À có, tôi có biết.”

“Tất cả những chuyện này thật quá...” Cô chợt ngừng lời. “Thật khó mà tin nổi. Nhưng hẳn là ông không lấy làm lạ, ông vốn hiểu về bản chất con

người mà.”

“Tôi thật không hiểu mấy về bản chất con người đâu.”

“Thanh tra Grange có đến gặp tôi. Ông ấy cứ cho là tôi có tranh cãi với John. Đúng là thế, nhưng không phải kiểu cãi vã mà ông ấy hình dung đâu. Tôi nói với ông ấy rằng chúng tôi đã không gặp nhau suốt mười lăm năm nay, thế mà ông ấy không tin tôi đâu. Nhưng thật sự là vậy, ông Poirot ạ.”

Ông Poirot hỏi lại, “Nếu chuyện ấy là thật thì cũng dễ chứng minh thôi, vì sao cô hãy còn lo lắng?”

Cô cười ngọt ngào.

“Sự thật là tôi không dám kể với ông thanh tra đi đâu thực sự xảy ra vào tối thứ Bảy ấy. Vì nghe hoang đường đến khó tin. Nhưng tôi vẫn muốn chia sẻ với ai đó, thế nên tôi đến tìm ông đây.”

Ông Poirot nhẹ nhàng cười, “tôi thật lấy làm vinh hạnh.”

Rõ ràng cô coi thái độ đó là đương nhiên. Cô là kiều phụ nữ rất biết sức quyến rũ của mình. Cô tự tin đến nỗi đôi khi cũng phạm sai lầm.

“Mười lăm năm trước, John và tôi đã đính hôn. Anh ấy rất yêu tôi, đến nỗi đôi khi khiến tôi phát mệt. Anh ấy những muốn tôi từ bỏ nghiệp diễn, từ bỏ con đường của mình. John có tính sở hữu cao và áp đặt, nên rốt cuộc chúng tôi không thể chung đường, đành hủy việc đính hôn. Hẳn đó là cú sốc lớn với anh ấy.”

Ông Poirot chép miệng ra chiều thông cảm.

“Mãi đến tối thứ Bảy ấy, tôi mới gặp lại John. Anh ấy tiễn tôi về nhà. Tôi kể với ông thanh tra rằng chúng tôi ôn chuyện ngày xưa, nói cách nào đó thì cũng đúng. Nhưng không chỉ thế.”

“Vâng?”

“John mất bình tĩnh, như phát điên ấy. Anh ấy muốn bỏ vợ bỏ con, đòi tôi ly dị người chồng bây giờ để trở lại với anh ấy. John nói chưa từng quên được tôi, rằng khi gặp lại tôi, thời gian như ngưng lại.”

Cô nhắm mắt, nuốt khan. Dưới lớp trang điểm, gương mặt cô nhợt nhạt.

Rồi cô mở mắt, hơi mỉm cười nhìn ông Poirot. “Ông liệu có tin nổi... người ta lại có thể mê cuồng đến thế chẳng?”

“Tôi nghĩ cũng có khả năng chứ,” ông Poirot nhận xét. “Chưa từng quên được, rồi cứ đợi chờ, tính toán, hy vọng. Dành trọn tâm trí để khẳng khẳng phải đạt được điều mình muốn. Có những người đàn ông như vậy đấy, ông Poirot ạ.”

“Phải, và cũng có những phụ nữ như thế.”

Cô ném cho ông một cái nhìn dữ dội.

“Tôi đang nói về đàn ông, về John Christow. Thì, chuyện là vậy đó. Đầu tiên tôi nói lảng đi, cười cho qua, xem như anh ấy chỉ đùa. Rồi tôi nói anh ấy điên rồi mới định như thế. Mãi tảng sáng anh ấy mới trở về nhà. Chúng tôi cãi nhau rất lâu. Anh ấy vẫn cứ... khẳng khẳng như vậy.”

Cô lại nuốt khan.

“Vậy nên sáng hôm sau, tôi gửi giấy mời anh ấy sang. Tôi không thể cứ để việc này lửng lơ như thế. Tôi phải làm rõ rằng điều anh ấy muốn là không thể được.”

“Không thể sao?”

“Tất nhiên là không thể nào! Anh ấy có đến thật, nhưng không chịu nghe tôi nói gì cả. Cố chấp như thế. Tôi nói rằng làm như vậy không có gì tốt cho tất cả, rằng tôi không còn yêu anh nữa, rằng tôi ghét anh...” Cô ngừng lời, thở phập phồng. “Hắn tôi có hơi nặng lời. Thế rồi chúng tôi chia tay trong giận dữ... rồi bây giờ anh ấy đã... ra đi.”

Ông quan sát đôi tay cô vắn vẹo, những ngón tay và khớp tay lộ. Đôi tay ấy khá lớn, trông tàn nhẫn.

Ông cảm nhận được cảm xúc cực độ của cô. Không phải tiếc thương, không phải đau buồn, là cơn điên giận. Cơn giận của một kẻ vị kỷ không được thỏa mãn.

“Vậy, ông Poirot này,” giọng cô trở lại vẻ bình tĩnh, êm ái. “Tôi nên làm sao đây? Kể ra chuyện này hay giữ kín? Đó là sự thật, nhưng mà cũng khó tin.”

Ông Poirot chăm chú quan sát cô một lúc.

Ông không tin Veronica Cray nói thật, nhưng vẫn cảm nhận được nét thật lòng khó giấu. Vậy là chuyện ấy có xảy ra, chỉ không hoàn toàn như cô kể.

Đột nhiên, ông bừng tỉnh. Chuyện đúng là như vậy, nhưng đảo vai. Chính cô mới là người không quên nổi John Christow. Chính cô là kẻ bị từ chối. Và vì không thể âm thầm chịu đựng cơn điên cuồng như con cọp cái bị giết mất con mồi trước mắt, cô dựng nên một hiện thực mới để thỏa lòng kiêu hãnh bị tổn thương, và xoa dịu cơn khao khát người đàn ông đã vượt khỏi tầm tay với. Veronica Cray không chấp nhận được chuyện bị từ chối đi đâu mình muốn. Thế nên cô đổi trắng thay đen tất cả.

Ông Poirot hít một hơi dài rồi nói.

“Nếu những đi đâu này có liên quan gì đến cái chết của John Christow, thì cô nên nói ra, còn nếu không liên quan, thì không cần thiết. Tôi thiết nghĩ cô có giữ kín chuyện ấy thì cũng là phải lẽ thôi.”

Cô ta có thất vọng không nhỉ? Ông hình dung cô những muốn câu chuyện vừa kể được đưa lên mặt báo kia. Cô tìm đến ông làm gì cơ chứ? Để tìm thánh giả cho cô tập dượt câu chuyện của mình sao? Để thử xem ông phản ứng thế nào? Hay để lợi dụng ông lan truyền câu chuyện ấy?

Nếu phản ứng chùng mịch của ông có làm Veronica thất vọng, thì cô cũng không hề lộ vẻ gì. Cô đứng dậy, chìa cho ông bàn tay thon dài, móng tay được tỉa tốt cẩn thận.

“Tôi rất cảm ơn, ông Poirot. Lời khuyên của ông thật hữu lý. Tôi rất mừng là đã đến chia sẻ cùng ông. Tôi... tôi cứ cảm thấy phải nói ra với ai đó.”

“Tôi rất vinh hạnh được nghe cô giải bày, thưa cô.”

Khi cô đi khỏi, ông mở hé cửa sổ. Mùi hương của cô vẫn quanh quẩn trong phòng, ông không ưa cái mùi ấy. Thứ mùi nước hoa ngọt ngào, đắt tiền nhưng giả tạo và mê hoặc người ta, như chính con người Veronica vậy.

Khi hạ rèm xuống, ông tự hỏi liệu có phải chính cô ta đã giết John Christow hay không.

Cô sẽ không chùn tay khi làm việc đó, ông biết thế. Cô sẽ rất thỏa mãn khi bóp cò, rồi nhìn anh ta lao đảo ngã xuống.

Nhưng đằng sau cơn giận không khoan thứ của cô là tính cách lạnh lùng, giáo hoạt, rất biết lựa thời cơ, một cái đầu lạnh giỏi tính toán. Dù Veronica Cray có muốn giết John Christow đến mấy, ông cũng không chắc cô dám liều như thế.

Cuộc đi đầu tra đã kết thúc. Thủ tục được giản lược hết mức và đã được thông báo từ sớm, thế nhưng tất cả mọi người đều tỏ ra khó chịu đến cực điểm.

Tạm hoãn hai tuần để đi đầu tra thêm, theo yêu cầu từ phía cảnh sát.

Bà Patterson thuê một chiếc Daimler và đi cùng Gerda từ London về Thung Lũng để dự cuộc đi đầu tra. Gerda mặc đồ đen, đội cái nón chằm ăn nhập gì, trông lo lắng và hoang mang.

“Gerda, em khỏe không? Không mất ngủ nhiều quá chứ? Như thế này thì cũng tạm cho là ổn, nhỉ? Rất tiếc rằng em không nán lại đây được với mọi người, nhưng chị hiểu là em đang đau buồn lắm.”

Bà Patterson liếc mắt trách móc cô em vì không giới thiệu bà cho đúng lễ, rồi nói bằng chất giọng vang, rõ:

“Đây là ý của Collin đấy, thuê xe đến đây rồi trở về luôn. Tất nhiên là tốn kém hơn, nhưng chúng tôi nghĩ cũng đáng.”

“Vâng, chị nói rất phải.”

Bà Patterson hạ giọng.

“Tôi sẽ đưa Gerda và hai đứa nhỏ về Bexhill luôn, để con bé được nghỉ ngơi yên tĩnh! Đám phóng viên ấy thật quá đáng! Cứ lượn lờ suốt quanh nhà ở khu Harley.”

Có người mở nắp ống kính máy ảnh, Elsie Patterson đẩy vội cô em vào xe rồi lên đường.

Những người ra tiễn còn kịp thấy gương mặt đờ đẫn của Gerda dưới vành mũ. Trông cô như đã thất hồn lạc phách.

Midge Hardcastle nói khẽ:

“Nghĩ cũng đáng thương quá.”

Edward gay gắt:

“Christow có gì tốt chứ? Chị ta nom đau lòng hết sức.”

“Đời chị ấy chỉ biết có chùng thôi mà,” Midge nói.

“Nhưng vì sao chứ? Anh ta ích kỷ đến thế, làm bạn thì tốt nhưng...” anh ngừng bật. Rồi đột nhiên hỏi: “Thế em nghĩ gì về anh ta hả Midge?”

“Em ấy à?” Midge ngẫm nghĩ, “em kính nể anh ấy.” Cô có vẻ ngạc nhiên vì lời đáp của mình.

“Kính nể sao? Vì đi đâu?”

“À thì, anh ấy giỏi mà.”

“Em có ý nói ở phương diện làm nghề bác sĩ sao?”

“Vâng.”

Chuyện đến đó thì dừng, vì Henrietta chở Midge về London bằng xe riêng. Edward phải quay vào Thung Lũng ăn trưa để còn kịp đón chuyến tàu lửa chiều cùng David. Anh mời băng quơ: “Hôm nào em phải ghé chơi dùng cơm trưa đấy nhé.” Midge ngỏ lời cảm ơn, nhưng cũng nói rằng sau lần nghỉ phép dài thế này thì hẳn cô không xin nghỉ thêm được nữa đâu, dù chỉ một giờ.

Edward tao nhã cười:

“Dịp đặc biệt thì khác chứ, hẳn là họ sẽ thông cảm thôi.” Anh quay sang Henrietta. “Anh sẽ gọi em sau nhé.”

“Được thôi, Edward. Nhưng em thường sẽ ra ngoài nhiều đấy.”

“Em đi đâu?”

Cô nhếch cười nhìn anh.

“Đi cho quên sầu muộn. Anh đâu muốn em cứ ngồi trong nhà khóc lóc phải không?”

Edward chậm rãi đáp:

“Anh giờ đâu còn hiểu được em nữa, Henrietta. Em khác quá rồi.”

Cô dịu nét mặt, buột gọi: “Anh Edward thương mến,” ôm lấy cánh tay anh, rồi nhanh chóng lùi ra.

Cô lại quay sang bà Angkatell. “Sau này khi nào nhớ quá, em lại về đây chơi được không, chị Lucy?”

Bà Angkatell cười, “Tất nhiên rồi, cưng à. Và lại hai tuần sau lại có buổi đi đâu tra nữa mà.”

Henrietta ra bãi họp chợ, nơi cô đậu xe hơi. Midge và các thứ hành lý đã yên vị chờ sẵn. Rồi họ rời đi.

Chiếc xe leo lên dốc rồi chạy men đỉnh đồi. Bên dưới là thảm lá vàng nâu xào xạc trong gió lạnh giữa ngày thu xám xịt.

Midge chột lên tiếng, “Chị thấy mừng khi rời khỏi đó, dù chị Lucy rất tử tế. Đôi khi chị ấy làm chị phát sợ.”

Henrietta chăm chú nhìn vào kính chiếu hậu trong xe, lơ đãng đáp:

“Việc gì Lucy cũng thêm nét kịch tính với sắc màu vào được, kể cả một vụ giết người.”

“Em biết không, trước đây chị chưa từng nghĩ tới vụ giết người nào cả.”

“Có ai bình thường lại nghĩ đến những chuyện ấy đâu. ‘Giết người’ chỉ như một từ gôm chín âm tiết trong ô đố chữ, trò giải trí khi ta đọc dở cuốn sách. Nhưng ngoài đời thực thì...”

Cô bỏ lửng. Midge nối lời:

“Thì thật đến trần trụi. Chị vẫn còn hoảng hốt đây.”

Henrietta bình tĩnh:

“Chị đâu cần lo lắng gì. Chị đứng ngoài vụ này mà. Có lẽ là người duy nhất cũng nên.”

Midge vô tư nói:

“Chúng ta đều ở ngoài vụ này rồi. Đang rời đi đây thôi.”

Henrietta thì thầm, “Phải vậy chăng?”

Cô lại nhìn vào kính chiếu hậu. Đột nhiên cô đạp chân ga, chiếc xe vọt lên. Cô liếc nhìn đồng hồ báo tốc độ: hơn 50 dặm/giờ. Kim nhích dần sang vạch 60 dặm.

Midge nhìn sang, thấy nửa mặt nghiêng của Henrietta. Cô không có vẻ gì là mất tập trung. Henrietta vốn thích tốc độ, nhưng đường đèo uốn lượn thế này không tiện đi với tốc độ hiện giờ. Mối cô thoáng nét cười tàn nhẫn.

Cô nói, “Liếc ra sau kìa, Midge. Chị thấy cái xe đằng sau không?”

“Sao kia?”

“Chiếc Ventnor 10 đó.”

“VẬY À?” Midge đáp cho có lệ, cô không mấy quan tâm đến xe cộ.

“Loại xe ấy nhỏ nhắn, ít tốn xăng, bám đường tốt, nhưng khó tăng tốc.”

“VẬY À?”

Lạ thật, Midge nghĩ, Henrietta sao mà thích xe hơi đến thế. “Như em vừa nói, xe ấy không chạy được nhanh, nhưng cái xe đó bắt kịp chúng ta dù em đã tăng ga lên hơn 60 dặm/giờ.”

Midge giật mình quay sang.

“Ý em là...”

Henrietta gật đầu.

“Xe cảnh sát. Hẳn là họ có lắp thêm động cơ vào dòng xe phổ thông.”

“Thế cảnh sát vẫn còn theo dõi chúng ta hay sao?”

“Rõ ràng là vậy.”

Midge rùng mình.

“Henrietta, em nghĩ sao về vụ khẩu súng thứ hai?”

“Nhờ đó mà Gerda tạm thoát. Nhưng cũng chưa suy ra thêm được đi đâu gì.”

“Nhưng nếu khẩu súng ấy cũng là của anh Henry...”

“Chưa biết được, ta còn chưa tìm được khẩu súng ấy mà.”

“Đúng vậy, có khi là người ngoài làm đấy. Em có nhớ chị nghi ai đã giết John không, Henrietta? Người đàn bà đó.”

“Veronica Cray à?”

“Phải.”

Henrietta im lặng, mắt nhìn thẳng, tập trung lái xe.

“Em nghĩ có khả năng đó không?” Midge khẳng khẳng hỏi tiếp.

“Phải, đúng là *có khả năng*,” Henrietta từ tốn.

“Vậy em có nghĩ là...”

“Không nên cứ muốn gì là nghĩ mãi về chuyện đó đâu. Đây là giải pháp tốt nhất rồi, tất cả chúng ta đều thoát!”

“Chúng ta sao? Nhưng...”

“Chúng ta đều bị cuốn vào vụ này, tất cả. Kể cả chị, Midge thân mến à, dù cảnh sát hẳn sẽ khó lòng tìm ra động cơ chị muốn giết John. Tất nhiên em cũng muốn hung thủ chính là Veronica. Nếu được xem cảnh cô ta, hoặc Lucy, làm trò khi ngã ghế bị cáo thì không gì bằng!”

Midge liếc nhìn cô em.

“Henrietta, chuyện này khiến em trở nên hận thù đến vậy sao?”

“Ý chị nói là...” Henrietta ngừng một thoáng, “em như thế vì yêu John sao?”

“Phải.”

Nói xong, Midge mới giật mình nhận thấy đây là lần đầu tiên chuyện này được nói hẳn ra như vậy. Lucy và Henry, Midge, cả Edward nữa, đều biết Henrietta yêu John Christow, nhưng trước nay không ai đã động gì đến chuyện ấy.

Henrietta lặng đi một lúc như đang suy nghĩ. Rồi cô nói:

“Em không diễn tả được mình thực sự cảm thấy như thế nào. Chính em còn chẳng hiểu mình.”

Xe họ đang băng ngang cầu Albert.

“Cùng về xưởng với em nhé, Midge? Chị em mình dùng trà chiều, rồi sau đó em sẽ chở chị về nhà.”

Khi đến London, ánh nắng chiều ngắn ngủi còn chưa phai. Họ cùng vào xưởng, Henrietta lấy chìa mở cửa, rồi bước vào, bật đèn.

“Lạnh quá,” cô nói. “Đốt lò ga lên thôi. Ôi phiền quá, trên đường về em đã định mua ít diêm.”

“Dùng bật lửa có được không?”

“Bật lửa của em hỏng rồi, mà cũng khó mồi lò sưởi ga bằng bật lửa lắm. Chị cứ tự nhiên nhé, ngay góc phố này có ông già mù bán diêm, em hay mua ở đó. Chỉ một hai phút là em về thôi.”

Còn lại một mình trong xưởng, Midge đi quanh ngắm nghía các tác phẩm của Henrietta. Cô có cảm giác kỳ lạ rằng mình đang chia sẻ không gian này cùng những tạo tác bằng gỗ và đồng đó.

Có một đầu tượng đồng với xương gò má cao, đội cái mũ sắt như Hoàng Quân, rồi một kết cấu thanh thoát làm bằng những lá nhôm xoắn bện như ruy băng, cô rất thích tác phẩm này. Một con cóc rất to bằng đá granite hồng, cuối studio là bức tượng khắc gỗ to gần bằng người thật.

Cô đang ngắm bức ấy thì có tiếng vặn chìa khóa, Henrietta đi vào, hơi thở gấp.

Midge quay lại.

“Tác phẩm gì đây, Henrietta? Trông sợ quá.”

“Sao? À đó là Kẻ Tôn Sùng. Bức ấy sẽ đưa đi trưng bày ở Triển lãm Quốc tế.”

Mắt không rời bức tượng, Midge lặp lại:

“Trông sợ quá.”

Henrietta quỳ trước lò sưởi ga để châm lửa, quay lại hỏi:

“Lạ nhỉ, thế vì sao chị thấy đáng sợ?”

“Có lẽ... vì bức tượng không có mặt.”

“Chính xác đó, Midge.”

“Bức này khắc đẹp quá.”

Henrietta đáp đơn giản:

“May mà tìm được khúc gỗ lê phù hợp.”

Cô đứng lên, thả cái túi và áo choàng lên đi-văng, rồi đặt mấy hộp diêm lên bàn.

Midge ngạc nhiên nhìn cô em, Henrietta chợt có vẻ vui sướng khác thường.

“Giờ ta uống trà,” Henrietta nói, giọng cũng ấm áp vui vẻ như nét mặt.

Midge lờ mờ thấy có gì đó là lạ, nhưng cảm giác đó lập tức bị cuốn đi bởi dòng suy nghĩ khi thấy hai hộp diêm trên bàn.

“Em có nhớ mấy hộp diêm mà Veronica Cray mang về không?”

“Chị Lucy nhất định bắt cô ấy nhận hẳn sáu hộp mà. Tất nhiên là em nhớ.”

“Liệu có ai kiểm tra xem liệu có phải trong nhà cô ta lúc nào cũng có diêm sẵn không nhỉ?”

“Hẳn là cảnh sát sẽ kiểm tra. Họ làm việc kín kẽ lắm.”

Một nét cười đắc thắng vụt qua mặt Henrietta. Không hiểu sao Midge thấy bối rối, thậm chí hơi khó chịu.

Cô nghĩ, “Henrietta trước nay có thật lòng với John không chứ? Có không? Hẳn là không đâu.”

Lòng cô chợt lạnh khi nghĩ tiếp, “vậy là Edward không phải chờ đợi nữa rồi...”

Thật khó mà vui vẻ được. Cô muốn Edward được hạnh phúc, nhưng cô cũng biết mình không có được anh ấy. Đối với Edward, lúc nào cô cũng

chỉ là “em gái nhỏ,” không hơn. Không bao giờ thành người tình trong mộng.

Bất hạnh thay, Edward lại rất chung tình. Ư thì, kẻ chung tình ắt sẽ đạt thành nguyện vọng.

Edward và Henrietta ở Ainswick... Như thế hẳn là hợp lẽ. Rồi họ sẽ chung sống hạnh phúc mãi mãi về sau.

Cô như đã nhìn thấy tương lai ấy rành rành trước mắt.

“Vui lên đi, Midge,” Henrietta gọi. “Đừng buồn phiền về vụ giết người nữa. Hay là lát nữa ta ra ngoài dùng bữa tối với nhau?”

Nhưng Midge vội nói rằng cô phải về nhà. Nhiều việc phải thu dọn, rồi phải viết thư. Thật tình cô chỉ muốn uống cho xong tách trà rồi về ngay.

“Thế em sẽ chờ chị về”

“Chị đi taxi được rồi.”

“Sao thế được, có xe sẵn đây rồi mà.”

Khi hai người ra cửa, trời đã tối và ẩm ướt. Khi lái đến cuối phố, Henrietta chỉ cho Midge chiếc xe đang đậu bên đường.

“Chiếc Ventnor 10 kia. Chị thấy không. Nó sẽ còn bám đuôi mình.”

“Thật khó chịu quá!”

“Vậy à? Em chẳng bận tâm lắm.”

Henrietta tiễn Midge về nhà, rồi lái ngược lại, đậu xe trong garage.

Cô lại vào studio, một mình.

Trong vài phút liền, cô đứng im, nhịp nhịp mấy ngón tay lên mặt lò sưởi. Rồi cô thở dài, tự nhủ:

“Thôi, vào việc. Không nên phí thì giờ nữa.”

Cô cởi bộ áo váy vải tweed rồi mặc bộ đồ bảo hộ vẫn dùng khi sáng tác.

Một tiếng rưỡi sau, cô lùi lại ngắm thành quả của mình. Má cô dính đất sét, tóc tai rối xõa, nhưng cô gạt đầu hài lòng nhìn bức tượng trên đế.

Bức tượng tựa tựa một con ngựa. Đất sét đắp b ồi từng khối kỳ dị. Loại ngựa này, nếu dặt đến trước mặt chỉ huy đội kỵ binh thì hẳn ông ấy vỡ tim mà ngất đi mất, nó cũng không giống bất kỳ loại ngựa có thật nào trên đời. Tổ tiên Ireland thiện nghề săn bắn của Henrietta hẳn cũng không chịu coi đây là con ngựa. Dù vậy, khối đất sét này vẫn gợi hình con ngựa, dù trừu tượng.

Thanh tra Grange mà thấy “con ngựa” này thì sẽ phản ứng ra sao nhỉ? Henrietta hoi nhoẻn cười khi hình dung cảnh ấy.

Edward Angketell lưỡng lự đứng giữa đại lộ Shafterbury cũn cuộn người qua kẻ lại. Anh hỡi hộp bước vào cửa hiệu ngoài cửa có gắn chữ mạ vàng: “Bà Alfrege.”

Do linh cảm, anh thấy không nên gọi điện mời Midge ra ngoài ăn trưa, Anh hãy còn nhớ ấn tượng khó chịu về cuộc gọi điện thoại giữa Midge với bà chủ, mà anh nghe được lúc còn ở Thung Lũng. Anh thấy bị lảng nhục khi nghe giọng Midge có vẻ tuân phục, quy lụy đến vậy.

Midge vốn tự do, vui vẻ, hoạt bát, thế mà phải khúm núm như thế, phải cúi đầu trước những lời thô lỗ, vô phép tắc đâu đây bên kia. Và rồi, khi anh tỏ ý quan tâm, cô thẳng thắn chỉ cho anh thấy hiện thực phũ phàng rằng người ta phải cố mà giữ lấy công việc không để gì kiếm được; rằng giữ được công việc lâu dài thì sẽ khó khăn hơn là chỉ làm một nhiệm vụ đơn lẻ.

Cho đến khi đó, Edward vẫn còn mơ hồ trước thực tế rằng rất nhiều phụ nữ trẻ ngày nay có “việc làm.” Giả như anh có từng nghĩ tới, thì anh cũng cho rằng họ kiếm việc vì thích có việc làm, để thỏa mãn cảm giác độc lập và thêm màu thêm vị cho cuộc sống mà thôi.

Anh chưa khi nào hình dung rằng với lịch làm việc từ chín giờ sáng tới sáu giờ chiều, nghỉ trưa một tiếng, thì phụ nữ chẳng thể nào hưởng được các thú vui và trò giải trí của tầng lớp thượng lưu. Anh cũng không biết rằng, trừ khi hy sinh giờ nghỉ trưa, thì Midge không thể sắp xếp thời gian đi xem tranh, hay dự buổi hòa nhạc chiều, hoặc lái xe ra ngoại thành hưởng ngày hè đẹp trời, hoặc thậm chí không kịp dùng bữa trưa thông thả ở nhà hàng hơi xa chỗ làm. Ngược lại, cô chỉ có thể sắp xếp đi nghỉ ở miền quê vào chiều thứ Bảy hoặc Chủ Nhật, bữa trưa ăn vội ở chuỗi quán ăn Lyons đông đúc hoặc quán ăn nhanh. Tất cả đều xa lạ với anh. Anh vốn rất mến

Midge, cô em gái nhỏ, trước nay anh vẫn đối xử với cô như thế. Y như thời cô còn đến Ainswick chơi vào kỳ nghỉ, bẽn lẽn, đôi mắt to, ban đầu im lặng nhưng sau dần cởi mở, nhiệt tình và đáng yêu.

Edward là người có khuynh hướng đắm mình trong quá khứ, hoài nghi thực tại như một đi đâu chưa được nghiệm chứng, thế nên anh vẫn chưa kịp nắm bắt sự thật rằng cô bé Midge ngày xưa nay đã trở thành một phụ nữ trưởng thành, làm công ăn lương.

Tại Thung Lũng, vào buổi tối hôm đó, khi anh lạnh run đi vào nhà sau cuộc nói chuyện khó chịu với Henrietta, anh thấy Midge đang quỳ trước lò sưởi để nhóm lửa, lần đầu tiên anh mới nhận ra Midge không còn là cô bé con đáng yêu, mà đã trở thành phụ nữ. Cảnh ấy khiến anh thoáng cảm giác như mình vừa mất đi thứ gì quý giá lắm, từng là một phần của Ainswick. Rồi anh bỗng bật thốt ra giữa cảm xúc dâng trào, “Giá mà thời gian qua anh gặp em được thường xuyên hơn, Midge à...”

Lúc đứng dưới ánh trăng đêm ấy, nói chuyện với một Henrietta hoàn toàn khác với cô em gái anh từng biết và thân yêu bấy lâu, thốt nhiên anh kinh hoảng. Rồi ngay tiếp đó, cuộc sống dọn sẵn của anh một lần nữa xáo trộn: Midge bé bỏng, một phần của Ainswick ngày xưa, giờ đã thành người phụ nữ có cặp mắt buồn bã nhưng can đảm mà anh như chưa hề biết.

Từ đó, anh luôn bận lòng, cứ tự trách mình mãi vì chưa từng quan tâm đến liệu Midge sống có vui vẻ, dễ chịu hay không. Anh cứ lo lắng về chuyện cô chẳng sung sướng gì khi làm công ở chỗ bà Alfrege, nên cuối cùng anh quyết tự đi xem thử cửa hàng quần áo cô đang làm.

Edward thận trọng nhìn qua cửa sổ trưng bày bộ đầm đen nhỏ và đai lưng hẹp màu vàng kim, một bộ áo liền quần lộ thách thức, và áo đầm mặc buổi tối đính đầy ren rua màu mè.

Edward chẳng biết gì về thời trang cho phụ nữ, nhưng anh cảm thấy những món đồ trưng ở đây có vẻ chơi bời và phô trương. Không, anh nghĩ, nơi này không xứng với Midge. Phải có ai đó ra tay giúp đỡ, bà Angkatell chẳng hạn.

Cố vượt qua nỗi ngại ngùng, Edward uốn vai, bước vào cửa hàng.

Ngay lập tức, anh cứng người vì ngỡ ngàng. Hai cô gái trẻ tóc vàng ánh kim giọng the thé đang thử đồ, một cô phụ việc da ngăm giúp đỡ. Đằng cuối cửa hàng, một phụ nữ thấp bé có cái mũi bè, mái tóc nâu đỏ, đang tranh cãi với bà khách mập mạp, có vẻ bối rối, về chuyện đổi lại bộ đầm dạ tiệc. Trong phòng thử đồ kề bên, một giọng nữ vang ra cái kính.

“Trời ơi ghê quá, khủng khiếp! Cô không tìm được cho tôi món gì tử tế hay sao?”

Đáp lại là giọng nhỏ nhẹ, cung kính của Midge.

“Bộ màu đỏ rượu này mặc lên sang lắm, tôi cảm thấy rất hợp với bà. Hay là bà thử...”

“Tôi không muốn phí thời gian thử những món nhìn là biết chẳng ra làm sao. Phiền quá. Tôi đã bảo cô rằng tôi không ưa màu đỏ. Nếu như cô chịu để lọt tai...”

Edward đỏ bừng cả mặt lẫn cổ. Anh những mong Midge ném cái đầm đó vào mặt phụ khách ghê tởm này. Thay vào đó, Midge vẫn nhỏ giọng:

“Tôi sẽ đi chọn thêm. Bà không ưa màu xanh lá phải không, thưa bà? Hay bộ màu quả đào này?”

“Xấu quá đi, khủng khiếp! Thôi, tôi không thử nữa đâu. Đúng là phí thời giờ...”

Lúc này, bà Alfrege đã xong việc với bà khách béo mập, tiến lại chỗ Edward vẻ tò mò.

Anh cố trấn tĩnh lại.

“Làm phiền... tôi có thể nói chuyện với... Cô Hardcastle có ở đây không?”

Bà Alfrege nhướn mày, nhưng nhìn bộ đồ sang trọng mà Edward đang mặc, bà giả là cười, trông còn khó coi hơn khi nổi giận.

Trong phòng thay đồ vang ra giọng chói gắt của bà khách.

“Cẩn thận chứ! Cô vụng về quá! Làm gãy cả kẹp tóc của tôi rồi đây này.”

Giọng Midge hơi run: “Tôi rất xin lỗi, thưa bà.”

“Đồ ngu dốt vụng vè” (giọng ấy nghèn nghẹt.) “Thôi, để tôi tự làm lấy. Đưa thất lưng cho tôi.”

“Cô Hardcastle sẽ ra ngay thôi,” bà Alfrege nói, lúng liếng cười đưa tình.

Từ trong phòng thử đồ ló ra một phụ nữ tóc màu vàng cát, trông cẩu kính, tay cầm linh kính túi lớn túi nhỏ, đi thẳng ra ngoài. Midge mặc bộ áo váy đen nghiêm túc, ra mở cửa cho khách. Trông cô phờ phạc, buồn rầu.

“Anh đến đưa em đi ăn trưa,” Edward nói luôn, không quanh co.

Midge liếc vội lên đồng hồ. “Một giờ mười lăm em mới được nghỉ,” cô phân trần.

Lúc này mới là một giờ mười phút.

Bà Alfrege ra ý rộng lượng:

“Thôi bây giờ cô nghỉ cũng được, cô Hardcastle, bạn cô đến tận nơi đón cô kia mà.”

Midge nói nhỏ, “Cảm ơn bà Alfrege,” rồi quay sang Edward, “Chờ em một phút nhé.” Cô biến mất ở phòng sau cửa hàng.

Edward nghe rõ cách bà Alfrege nhấn giọng ở chữ “bạn,” đành đứng chờ.

Bà Alfrege vừa định bắt chuyện với Edward thì cửa lại mở ra, một bà trông giàu có, bế con chó Bắc Kinh đi vào.

Bà Alfrege đánh hơi thấy mối làm ăn béo bở, nên vội ra đón bà khách.

Midge trở ra, cô đã mặc thêm áo khoác. Edward đỡ khuỷu tay dẫn cô ra ngoài.

“Chúa ơi,” anh hỏi một tràng, “em phải chịu đựng những chuyện như thế sao? Anh đã nghe mẹ đàn bà trong phòng thử đồ nói năng như thế với em. Sao em nhịn được hả Midge? Sau em không ném luôn cái đàn đó vào mặt mẹ?”

“Em mà làm như thế thì mất việc luôn.”

“Nhưng gặp những kẻ như thế em không muốn phản ứng hay sao?”

Midge hít sâu.

“Tất nhiên là có chứ. Nhất là những cuối tuần rơi vào đợt giảm giá mùa hè, em cứ sợ mình mặc kệ tất cả mà quất vào mặt khách, thay vì cứ vâng vâng dạ dạ.”

“Midge, Midge bé bỏng của anh, em làm sao chịu được cuộc sống thế này!”

Midge gượng cười phá lên.

“Thôi đừng bực mình nữa, Edward. Sao anh lại đến tận đây? Gọi điện thoại cũng được mà?”

“Anh muốn đến xem tận mắt, anh lo cho em.” Edward ngừng một lát rồi tiếp, “Chị Lucy có mắng con bé rửa bát trong bếp cũng không nặng lời như mẹ đàn bà khi nãy nói em. Em không thể cứ chịu đựng những kẻ thô lỗ, láo xược như vậy được. Chúa ơi, Midge, anh phải đưa em về Ainswick. Anh sẽ gọi taxi, đưa em đến nhà ga, sẽ kịp bắt chuyến tàu 2 giờ 15 về Ainswick đấy.”

Midge dừng chân. Cô đã mất kiên nhẫn sau một buổi sáng mệt mỏi phục vụ khách thử đồ, bà chủ hôm nay lại vô cùng cay nghiệt. Cơn giận chột bùng lên, cô quay phắt sang nhìn Edward.

“À ra thế, sao anh không làm đi? Taxi chạy đầy đường kia kìa!”

Edward sững sờ nhìn cô em, hơi lùi lại trước vẻ giận bùng bùng. Midge càng nói càng mất bình tĩnh:

“Sao anh phải đến tận đây để nói những lời sáo rỗng đó? Anh đâu có hiểu. Chẳng lẽ nghe anh nhắc về thiên đường Ainswick thì những chịu đựng sáng ngày hôm nay đỡ hơn hay sao? Anh tưởng anh cứ nói ngọt rồi hứa hẹn sẽ đưa em đi thì em biết ơn lắm à? Nghe hay ho chân thành làm sao. Anh đâu hề thật lòng. Anh đâu biết em sẵn lòng bán linh hồn để bỏ hết mọi thứ và bắt tàu về Ainswick? Chỉ nghĩ về nơi ấy thôi cũng đau đớn, anh không hiểu sao? Anh có ý tốt, nhưng anh ác lắm. Chỉ nói suông mà thôi...”

Họ đứng đối diện nhau, chắn lối dòng người đông nghịt trên đại lộ Shafterbury giờ nghỉ trưa. Nhưng không ai bận tâm tới xung quanh. Edward nhìn cô em như người vừa choàng tỉnh khỏi giấc ngủ dài.

Cuối cùng anh nói, “Được, khốn nạn cái tr ần đời. Chắc chắn em sẽ lên chuyến tàu 2 giờ 15 về Ainswick hôm nay.”

Anh giờ gậy v ậy một chiếc taxi ngang qua. Xe dừng ngay l ề đường. Edward mở cửa xe, Midge hơi kinh ngạc, nhưng vẫn ng ẩ vào. Anh nói ngắn gọn với tài xế: “Ga Paddington,” r ồi cũng vào xe cùng cô.

Hai người cùng im lặng. Midge mím chặt môi, mắt ánh lên vẻ thách thức. Edward chăm chăm nhìn thẳng phía trước.

Khi xe dừng chờ đèn đỏ ở đường Oxford, Midge mới lên tiếng:

“Anh đùa l ỡ r ồi đấy.”

Edward đáp ngắn gọn:

“Anh không đùa.”

Đèn xanh, chiếc taxi lại rùng mình lao tới trước.

Mãi đến khi chiếc xe rẽ trái vào đường Edward đến khu Cambridge, tâm trạng Edward mới bình hòa lại như cũ.

Anh nói, “Ta không bắt kịp chuyến tàu 2 giờ 15 đâu,” r ồi gõ gõ kính ngăn tài xế, anh nói, “Đi Berkeley.”

Midge lạnh lùng hỏi, “Sao lại không kịp tàu? Bây giờ mới 1 giờ 25 phút.”

Edward cười nhẹ nhàng.

“Vì em chưa có đ ồ đạc gì, Midge à. Không có đ ồng tử, bàn chải đánh răng hay ủng đi đường đất. Vẫn còn chuyến tàu 4 giờ 15 mà. Ta còn kịp ăn trưa và nói chuyện.”

Midge thở dài.

“Đúng là anh, lúc nào cũng chu đáo, thiết thực. Giờ anh qua cơn xúc động r ồi, phải không? Thôi thì, mơ đẹp tới đâu thì mình vui tới đó vậy.”

Cô nắm tay anh, cười bình thản.

“Em xin lỗi đã la hét với anh trên l ề đường cứ như mụ hàng tôm hàng cá. Nhưng anh biết không, khi đó anh phi ền thực sự đấy.”

“Anh biết.”

Hai người vui vẻ nắm tay nhau dạo khu Berkeley. Edward chọn một bàn gần cửa sổ trong nhà hàng, rồi gọi mấy món ăn trưa thật ngon.

Sau khi ăn xong món gà, Midge thở dài, “Thôi em phải chạy về cửa hàng đã, hết giờ nghỉ rồi.”

“Hôm nay em cứ thong thả mà dùng bữa trưa, bao lâu cũng được, nếu cần thì anh mua hẳn nửa chỗ quần áo trong tiệm ấy là được!”

“Anh dễ thương quá, Edward.”

Món tráng miệng là bánh crepe Suzette, kèm café. Edward lấy thìa khuấy đường trong tách, hỏi nhỏ nhẹ:

“Em thực lòng yêu mến Ainswick, đúng không?”

“Mình cứ phải nhắc đến nơi ấy hay sao? Em chịu được chuyện không lên chuyến tàu 2 giờ 15, em cũng không trông đợi gì chuyến tàu 4 giờ 15 hết, nhưng anh đừng xát muối vào vết thương nữa chứ.”

Edward vẫn cười.

“Không, anh không nói về chuyến tàu 4 giờ 15. Ý anh là mời em về ở hẳn Ainswick. Để em sống được vui vẻ hơn, tất nhiên là nếu em chịu đựng được anh.”

Cô nhìn chăm chăm Edward, từ từ đặt tách café xuống bàn bằng đôi tay run rẩy.

“Anh có ý gì vậy, Edward?”

“Anh đang ngỏ lời hỏi cưới em đó, Midge. Anh không lãng mạn, lại ít nhạy cảm, nói chung anh không xuất sắc mặt nào. Anh chỉ thích đọc sách và tiêu khiển qua ngày vậy thôi. Nhưng dù vậy, chúng ta quen biết nhau đã lâu rồi, và anh nghĩ ít ra, cuộc sống ở Ainswick, ừm, cũng bù đắp được phần nào cho em. Anh nghĩ em sẽ được hạnh phúc ở Ainswick, Midge. Em đi với anh chứ?”

Midge nuốt khan vài lần, rồi khó khăn mở miệng:

“Nhưng em cứ tưởng... Henrietta...” cô dừng bật.

Edward nói tiếp, giọng đầu đầu:

“Ừ, anh đã hỏi cưới Henrietta ba lần. Lần nào cô ấy cũng từ chối. Henrietta rất hiểu mình muốn gì.”

Im lặng. Rồi Edward hỏi lại:

“Vây, Midge thân yêu, em đừng ý chứ?”

Midge ngẩng lên nhìn anh. Giọng cô khàn đi vì xúc động:

“Thật không tưởng... Cứ như thiên đường mở ra trước mắt, ngay ở Berkeley này!”

Mặt Edward sáng bừng lên. Anh đặt tay lên tay cô.

“Em coi Ainswick là thiên đường sao? Midge ơi, anh vui lắm.”

Họ hạnh phúc ng ỡ bên nhau. Edward trả ti ền bữa ăn, boa thêm một khoản hậu hĩnh. Khách trong nhà hàng vãng d ần. Midge cố gắng ép mình từ biệt:

“Thôi mình đi. Em phải quay về cửa hàng. Bà chủ đang cần người, em không thể cứ thế mà đi.”

“Không, em chỉ trở lại để nộp đơn xin nghỉ thôi, hay thủ tục đại loại thế. Dù sao em cũng không làm ở đó nữa. Anh không chịu được. Nhưng trước tiên mình đi dạo phố Bond đi, khu ấy bán nhiều loại nhẫn.”

“Nhẫn sao?”

“Thường cần hôn cần nhẫn mà, phải không?”

Midge bật cười.

Trong ánh sáng êm dịu của hiệu trang sức, Midge và Edward cùng cúi xem khay nhẫn đính hôn lấp lánh, người bán hàng kín đáo đứng lui bên cạnh, chờ phục vụ.

Edward đẩy lui khay nhẫn:

“Không lấy ngọc lục bảo.”

Henrietta cũng mặc váy áo vải tweed màu lục... Henrietta trong bộ đ ầm dạ tiệc đẹp như một viên ngọc Trung Hoa...

Không, không lấy ngọc lục bảo.

Midge cố gạt đi suy nghĩ như vết dằm đâm nhói tim.

“Chọn giúp em đi,” cô nói với Edward.

Edward chăm chú xem tiếp. Anh cầm lên chiếc nhẫn đính một viên kim cương duy nhất, không lớn lắm, nhưng màu sắc rất đẹp và sáng.

“Anh thích cái này.”

Midge gật đầu. Cô thích gu chọn hàng của Edward, tinh tế, khó tính, biết chính xác mình muốn gì. Trước mắt Edward và nhân viên bán hàng, cô lờn nhẫn vào ngón tay.

Edward ký séc trả 342 bảng cho chiếc nhẫn rồi quay lại cười với Midge. “Đi thôi, chúng ta đi nói chuyện thô lỗ với bà Alfrege nào.”

“Ôi cưng ơi, chị rất mừng cho hai em!”

Bà Angkatell chìa bàn tay mảnh mai cho Edward, tay kia ôm nhẹ Midge.

“Em làm rất đúng, Edward, phải đưa em ấy về đây, tránh xa cái cửa hàng kinh khủng ấy. Midge sẽ ở lại đây em nhé, làm đám cưới ở đây luôn. Nhà thờ Thánh George cách đường lớn chừng ba dặm, nếu đi bằng rừng thì chỉ mất một dặm thôi, nhưng ai lại muốn đi xuyên rừng để dự đám cưới chứ. Ở đó có một ông mục sư, tội nghiệp, cứ đến đầu mùa thu là ông ấy cảm lạnh luôn luôn. Cha xứ hiện giờ có giọng Anh rất sang, thế nên buổi lễ sẽ càng ấn tượng và chính thống hơn, em biết mà. Chứ không thì rất khó giữ không khí nghiêm trang khi ông mục sư nói bằng cái giọng nghệt mũi ấy.”

Đúng là kiểu cách của Lucy, Midge dờ khóc dờ cười.

“Em cũng thích làm đám cưới ở đây, chị Lucy,” cô nói.

“Thế là coi như xong nhé, cưng. Áo cưới bằng satin trắng tinh này, sách kinh màu trắng ngà, thôi đừng cần hoa. Phù dâu thì sao nhỉ?”

“Thôi đừng bày vẽ linh đình, em chỉ muốn một đám cưới nhỏ khiêm tốn thôi.”

“Chị hiểu mà cưng, em nghĩ thế cũng đúng. Thường đám cưới vào mùa thu hay dùng hoa cúc mâm xôi, nhưng mà hoa ấy chán lắm. Mà phải dành thời gian chọn phù dâu cẩn thận, không thì đội hình không đẹp. Mà thường đám nào cũng có một cô phù dâu chán ngắt không đâu vào đâu cả, nhưng vẫn phải mời bởi đó là chị em bên nhà trai. Nhưng tất nhiên...” Bà Angkatell cười tươi, “Edward đâu có chị em gì.”

“Trong hoàn cảnh này, đi đâu ấy thành lợi thế nhỉ,” Edward cũng cười.

“Đẽ trẻ con phụ trong đám cưới là sợ nhất ấy,” bà Angkatell say sưa nói tiếp. “Ai cũng khen: ‘Ôi bọn trẻ đẽ cứng quá!’ nhưng mà em ơi, h ỡ hộp lắ! Bọn nhỏ có khi dắm vào đuôi váy cô dâu, hoặc là kêu khóc đòi nũ mẫ, mà thường xảy ra nhất là lắ ra ốm đứng hôm đấ. Chị hình dung làm sao cô dâu đi vào nhà thờ một cách duyên dáng trang trọng đượ, khi cứ nơm nớp lo không biết phía sau có ai giắ phải váy không.”

“Không cần có người theo sau em đâu ạ,” Midge vui vẻ nói. “Không cần áo cưới cũng đượ. Em mặc áo khoác với váy làm đám cưới cũng vui.”

“Không đượ Midge, như thế cứ như bà quả phụ ấy. Không, phải là váy cưới satin trắng, và nhất địn không mua ở cửa hiệu bà Alfrege.”

“Chắc chắn là thế,” Edward đ ồng ý.

“Đẽ chị đư em đến hiệu Mireille,” bà Angkatell nói tiếp.

“Chị Lucy thân mế, em không trả nỡ tiền váy cưới hiệu ấy đâu.”

“Em toàn lo vớ vẩn, Midge. Anh chị sẽ lo hết đ ờ cưới cho em chứ. Henry sẽ đẫn em lên bực nhà thờ. Mong là anh ấy còn mặc vừa cái quần trong bộ lễ phục. Cũng hai năm r ỡ anh ấy mới mặc lại bộ ấy. Còn chị sẽ mặc...”

Bà Angkatell nhắm mắt tưởng tượng.

“Vâng?”

“Mặc đ ậm màu xanh cầm tú c ầu nhé,” bà Angkatell sung sướng nói. “Edward, hẳn em sẽ mời đượ một người bạn làm phù rể chứ nhỉ, không thì vẫn có David. Chuyện này rất tốt với cậu ấy đấ. Cậu ấy sẽ tự tin chũng chạc hơn, và đ ồng thời cảm thấy đượ gia đìn thương quý cậu ấy thế nào. Cậu ấy hẳn rất coi trọng đi ầu đó. Hẳn cậu ấy rất buồn, khi biết mình thông minh, hiểu biết, thế mà cảm giắ không ai yêu quý mình vì đi ầu ấy cả! Tất nhiên cũng có thể xảy ra chuyện ngoài ý muốn, ví như cậu ấy làm mất nhẫn cưới hoặc là đánh rơi nhẫn vào phút chót chẳng hạn. Edward hẳn là lo lắng lắ. Thật vui nếu những người từng ở đây khi có án mạng lại cùng tụ họp về đ ự đám cưới.”

Bà Angkatell nói câu cuối bằng giọng bình thản như không.

“Báo chí có thể tường thuật kiểu: ‘Mùa thu này, phu nhân Angkatell mời bạn bè đến chung vui nhân vụ án mạng nhỉ,’ Midge không nhận được.

“Ừ,” bà Angkatell vẫn mãi nghĩ. “Đúng thật. Buổi tiệc liên quan tới phát súng ấy. Em biết không, khi nghĩ theo hướng đó thì sự việc đúng là như thế!”

Midge hơi rùng mình:

“Cũng may là dù sao vụ việc cũng kết thúc rồi.”

“Chưa đâu, hãy còn đi điều tra tiếp mà. Người của thanh tra Grange sục sạo khắp nơi, giẫm nát cả khu rừng để và làm mấy người nông dân giật mình, họ cứ hiện ra bất thình lình những chỗ không ai ngờ đến ấy.”

“Họ đang tìm gì nhỉ?” Edward hỏi. “Khẩu súng ổ xoay đã bắn Christow sao?”

“Hắn là vậy. Họ còn cần theo trát tòa để khám xét trong nhà nữa. Ông thanh tra xin lỗi mãi, ông ấy ngại ngần lắm, nhưng chị nói rằng không sao. Kể ra ấy cũng là chuyện mới lạ. Họ khám xét mọi nơi mọi chỗ. Chị cũng đi theo, còn chỉ cho họ những chỗ kín mà họ bỏ sót nữa kia. Nhưng họ không tìm được gì. Buồn thật. Khổ thân thanh tra Grange, ông ấy gầy sọp đi, và cứ kéo râu mãi. Bà vợ ông ấy đáng ra nên nấu nhiều món ngon bồi dưỡng cho chồng trong lúc này chứ, nhưng chị cảm giác bà ấy thuộc kiểu phụ nữ lo chăm chút nhà cửa sáng bóng hơn là nấu bữa ăn ngon. Nhắc mới nhớ, chị phải xuống tìm bà Medway mới được. Buồn cười thật, người ăn kẻ ở trong nhà sao lại sợ cảnh sát thế chứ. Món bánh tráng phô mai của bà ấy tối qua không sao nuốt được. Bà ấy không vui là món bánh dở ngay. Nếu không có Gudgeon trấn an thì có khi nửa số người hầu đã bỏ đi mất. Hay là hai em đi dạo một vòng cho dễ chịu, sẵn giúp cảnh sát tìm khẩu súng ấy luôn?”

Hercule Poirot ngồi trên băng ghế đầu dốc, ngắm rừng cây dẻ, bên dưới nữa là hồ bơi. Ông không định sang chỗ ông bà Angkatell, dù bà chủ rất tha thiết mời ông ghé chơi bất kỳ lúc nào. Chính thái độ ngọt ngào quá mức ấy khiến ông phải suy nghĩ.

Thình thoảng, ông nghe tiếng cành cây rãng rãc, rồi thấy một bóng người đang đi xuyên qua rừng dẻ bên dưới.

Là Henrietta, đi từ ngoài vào. Cô dừng chân khi thấy Poirot, rồi đến gần cạnh ông.

“Chào ông Poirot. Tôi vừa đến tìm ông nhưng ông ra ngoài rồi. Ông nghiêm trang thế, có phải đang chủ trì cuộc tìm kiếm không? Ông thanh tra có vẻ rất hăng hái. Các ông đang tìm khẩu súng gáy án à?”

“Đúng vậy, cô Savernake.”

“Ông nghĩ liệu cảnh sát có tìm được không?”

“Có chứ. Sẽ sớm tìm được thôi.”

Cô tò mò nhìn ông:

“Theo ông thì khẩu súng ấy ở đâu?”

“Tôi chưa biết, nhưng tôi nghĩ cảnh sát sẽ tìm được sớm thôi. Chỉ là vấn đề thời gian.”

“Ông nói nghe lạ lùng thật!”

“Thì ở đây xảy ra những chuyện lạ lùng mà. Cô vừa đi London mà đã quay về đây nhỉ.”

Nét mặt Henrietta cứng lại, rồi cô bật cười cay đắng:

“Như kẻ giết người về thăm lại hiện trường sao? Trước nay người ta vẫn tin vậy, nhỉ. Vậy là ông cho rằng chính tôi đã làm việc đó! Ông không hề tin tưởng khi tôi nói với ông rằng tôi không giết ai hết, phải không?”

Ông Poirot chưa vội trả lời. Cuối cùng, ông trầm ngâm nói:

“Ngay từ đầu, tôi đã cảm thấy rằng vụ án này hoặc là rất đơn giản— đơn giản tới nỗi không ai ngờ, cô biết đấy, sự đơn giản thuần túy cũng làm người ta lạc hướng, hoặc là vô cùng phức tạp. Cũng có nghĩa rằng, chúng tôi đang đối đầu với một đối thủ rất mưu trí, trù tính sâu xa; cứ mỗi lần chúng tôi đến gần sự thật thì lại bị dẫn dắt bởi một manh mối khác, mà cuối cùng không tới đâu cả. Những lần công dã tràng đó, những lần lạc lối đó, không tự nhiên mà có— nó được dựng nên, theo mưu đồ định trước.

Hung thủ thông minh, tinh tế này luôn dắt mũi tất cả chúng tôi, và chưa từng thất bại.”

“Thì sao?” Henrietta hỏi. “Vậy có liên quan gì đến tôi?”

“Kẻ đang dắt mũi chúng tôi hẳn có óc sáng tạo rất cao, thưa cô.”

“À... do vậy nên tôi bị nghi ngờ sao?”

Cô mím môi cay đắng, yên lặng rút ra cây bút chì trong túi áo khoác, lơ đãng vẽ hình một cái cây hình thù kỳ dị lên ghế băng sơn trắng, mà cau lại.

Ông Poirot yên lặng quan sát cô. Tâm trí ông nảy lên—ông mừng rỡ đến khung cảnh phòng khách của bà Angkatell vào buổi chiều xảy ra vụ án, ông nhìn chằm chằm ghi điểm, ông đứng cạnh cái bàn sắt sơn đặt ở nhà mát vào sáng hôm sau, và cả câu hỏi mà ông đã hỏi ông quản gia Gudgeon.

Ông nói:

“Cái cây này... Cô từng vẽ lên tấm thẻ ghi điểm khi chơi bài.”

“Phải nhỉ.” Henrietta như sực tỉnh. “Cây càn khôn đó, ông Poirot.” Cô bật cười.

“Sao lại gọi là cây càn khôn.”

Cô giải thích cho ông rõ.

“Thế, khi cô tiện tay vẽ chơi, cô luôn vẽ cây này sao?”

“Phải. Vẽ thế này rất vui, đúng không?”

“Vẽ trên cái ghế này, trên tấm thẻ ghi bài tối thứ Bảy ấy, vẽ trong nhà mát sáng Chủ Nhật...”

Bàn tay cầm bút chì cứng lại, bất động. Cô hỏi, giọng dửng dưng:

“Trong nhà mát sao?”

“Phải, trên cái bàn sắt tròn ở đó.”

“À, thế thì có khi tôi vẽ cái đó vào... ừm, chiều thứ Bảy.”

“Không thể nào. Khi Gudgeon bùng ly tách ra khỏi nhà mát là tầm 12 giờ sáng Chủ Nhật, khi đó trên bàn không có dấu vết gì. Tôi có hỏi, ông ấy cũng chắc chắn như vậy.”

“Thế hẳn là...” cô do dự trong chốc lát, “hẳn là vào chiều Chủ Nhật.”

Ông Poirot vẫn nhẹ nhàng cười, lắc đầu.

“Tôi không nghĩ vậy. Cảnh sát có mặt ở khu hồ bơi suốt chiều Chủ Nhật để chụp ảnh thi thể và vớt khẩu súng dưới hồ lên. Mãi đến tối họ mới đi. Nếu có ai vào nhà mát thì họ đã để ý rồi.”

Henrietta chậm chạp lên tiếng:

“Tôi nhớ rồi. Tôi có ra nhà mát vào tối đó, cũng khá trễ, sau bữa tối.”

Ông Poirot sắc giọng:

“Người ta không vẽ vôi gì được trong bóng đêm, cô Savernake. Chẳng lẽ giữa đêm cô đi ra nhà mát, ngồi xuống vẽ cái cây này lên bàn, dù chẳng có đèn lửa gì sao?”

Henrietta vẫn bình tĩnh, “Lời tôi nói là thật. Dĩ nhiên ông thấy khó tin. Ông hẳn có suy đoán của mình, là gì vậy?”

“Tôi cho rằng cô có mặt ở nhà mát vào ngày Chủ Nhật, sau mười hai giờ, sau khi Gudgeon đã bùng ly tách đi. Rồi cô đứng cạnh bàn để quan sát hoặc chờ ai đó, và trong lúc đó, cô vô thức vẽ cây càn khôn lên mặt bàn.”

“Tôi không có ở nhà mát vào thời điểm đó. Tôi chỉ ngồi ở hiên một lát, rồi lấy giỏ, lên vườn hoa cắt tỉa hoa thực được héo và chỉnh lại mấy khóm các không thẳng hàng. Đến khoảng một giờ, tôi đi xuống hồ bơi. Tôi đã nói mọi thứ với Thanh tra Grange. Tôi chưa bao giờ đến gần hồ bơi cho đến tận một giờ, ngay sau khi John bị bắn.”

“Cô nói vậy, nhưng cây càn khôn cô vẽ đã làm chứng ngược lại, thưa cô.” Ông Poirot vẫn lịch sự.

“Tóm lại, ông cho rằng tôi đã ra nhà mát và chính tôi bắn John, có phải không?”

“Có thể cô ra đó và đã bắn ông Christow, hoặc cô có mặt ở đó và thấy kẻ khác bắn ông Christow, hoặc có người biết cô hay vẽ cây càn khôn, nên

cố ý vẽ đúng cây đó lên bàn, để người ta nghi ngờ cô.”

Henrietta đứng dậy. Cô hát cảm thán thức.

“Ông vẫn cho rằng tôi bán John Christow, và nghĩ sẽ chứng minh được đi đâu đó. Vậy, tôi nói cho ông biết, ông sẽ không bao giờ chứng minh được đâu. Không bao giờ!”

“Cô tự cho rằng mình thông minh hơn tôi sao?”

“Ông sẽ không bao giờ chứng minh được,” Henrietta nhắc lại rồi quay đi, lần theo lối mòn quanh co dẫn xuống hồ bơi.

Thanh tra Grange đến Resthaven để dùng trà cùng ông Poirot. Vị trà đúng như ông hình dung: Trà Trung Hoa, hương vị nhạt nhẹ.

“Mấy người nước ngoài này không biết pha trà gì cả. Không thể dạy họ được.” Nhưng ông không để tâm. Lúc này ông đang vô cùng bi quan, nên không màng gì đến sự bất mãn nho nhỏ ấy.

Ông nói, “Ngày kia là mở lại cuộc điếu tra, thế mà trong tay chúng ta có gì? Không gì cả! Mạ kiếp, khẩu súng quái quỷ đó phải ở đâu đó chứ! Cái chồn quái quỷ gì mà toàn rừng là rừng. Đến phải đi ều cả đội quân đến mới lục soát nổi. Chẳng khác nào mò kim đáy bể. Nhiều khả năng là chúng ta không bao giờ tìm ra khẩu súng đó đâu.”

“Ông sẽ tìm ra thôi,” ông Poirot nói chắc chắn.

“Đâu phải cứ muốn là tìm được!”

“Sớm muộn gì ông sẽ tìm ra thôi, mà theo tôi chẳng bao lâu nữa đâu. Ông dùng thêm trà nhé?”

“Tôi không phi ền... à thôi, thôi đừng châm thêm nước sôi nữa.”

“Trà pha không đủ đặc sao?”

“Vâng, không đặc lắm,” ông thanh tra giữ lịch sự.

Ông r ầu rĩ nhấp thứ nước nhạt hoét màu nâu trong tách.

“Vụ án này nó chơi tôi, ông Poirot, tôi cứ bị dắt mũi lòng vòng như thằng ngốc. Tôi chịu không hiểu được đám người này. Bên ngoài thì ra vẻ hợp tác lắm, nhưng những gì họ nói toàn dẫn tôi xa khỏi sự thật mà thôi.”

“Dẫn đi xa khỏi sự thật à?” Ông Poirot lặp lại, hơi giật mình như nghĩ ra chuyện gì. “Tôi hiểu...”

Ông thanh tra càng nói càng rõ ràng.

“Ví như chuyện khẩu súng. Theo kết quả pháp y thì ông Christow rõ ràng bị bắn chỉ một, hai phút trước khi ông tới hiện trường. Bà Angkatell cầm giỏ trứng, cô Savernake xách giỏ làm vườn đựng hoa thực được héo, Edward Angkatell thì đang mặc cái áo khoác đi săn rộng có túi lớn đựng đạn. Thế nghĩa là ai trong số ba người ấy đều có cơ hội mang khẩu súng gây án đi. Nó hẳn không được giấu ở khu vực hồ bơi, người của tôi đã lật tung chỗ đó lên rồi, nên rõ ràng nó đã bị mang đi nơi khác.”

Ông Poirot gật gù. Ông thanh tra nói tiếp:

“Gerda Christow bị dàn cảnh, nhưng ai làm chứ? Tới đây thì mọi manh mối tôi theo đầu đứt cả.”

“Thế lời khai của những người liên quan về việc họ làm buổi sáng hôm đó có thuyết phục không?”

“Lời khai đều hợp lý cả. Cô Savernake làm vườn. Bà Angkatell đi nhặt trứng gà. Edward Angkatell và Sir Henry đi săn và tách nhau ra vào khoảng trưa—lúc đó Sir Henry quay vào nhà, còn Edward Angkatell đi xuyên rừng xuống chỗ nhà mát. Cậu trai trẻ còn lại chỉ ở trong phòng đọc sách. (Trời đẹp thế mà ru rú trong phòng, đúng là một sách.) Cô Hardcastle đem sách xuống vườn cây ngẩng đầu đọc. Mọi chuyện đều rất tự nhiên, nhưng không cách nào xác nhận được. Gudgeon mang khay đựng ly tách ra khỏi nhà mát khoảng 12 giờ. Ông ấy không biết những người khác trong nhà đi đâu, làm gì. Nói theo cách nào đó, hầu như ai trong số họ cũng đáng ngờ.”

“Vậy sao?”

“Tất nhiên người có lý do để ta nghi ngờ nhiều nhất là Veronica Cray. Bởi trước đó cô ta cãi nhau với Christow, cô ghét anh ta, cô có khả năng bắn anh ta—nhưng tôi không tìm được bất cứ bằng chứng nào cho thấy cô thực sự làm vậy. Cũng không có bằng chứng nào cho thấy cô có cơ hội lấy cắp khẩu súng từ thư phòng Sir Henry. Không ai thấy cô ấy ra hay vào khu hồ bơi hôm ấy. Và khẩu súng xoay nòng bị mất rõ ràng không nằm trong tay cô, lúc này.”

“Ông chắc chắn?”

“Thế ông nghĩ sao? Nếu có chút bằng chứng thì tôi còn xin lệnh xét nhà được, nhưng hóa ra không cần. Cô ấy rất sẵn lòng hợp tác. Và trong căn bungalow nhỏ xíu ấy không có súng ống gì cả. Sau khi tạm hoãn đi điều tra, tôi để cô Cray và cô Savernake đi, rồi cho người bám đuôi họ để dò xét. Một cảnh sát của tôi vào cả phim trường để theo dõi Veronica—nhưng không có dấu hiệu gì cho thấy cô giấu khẩu súng ở đó.”

“Còn Henrietta Savernake thì sao?”

“Cũng không dấu vết gì. Cô ấy đi thẳng về Chelsea, chúng tôi cũng cho người theo dõi. Khẩu súng không có trong studio hay đồ đạc của cô. Cô ấy cũng rất vui lòng để chúng tôi khám xét, thậm chí có vẻ thích thú nữa. Mấy món đồ cô ấy làm ra khiến cấp dưới của tôi giật cả mình. Anh ấy nói không hiểu sao người ta lại thích tạo ra mấy thứ đó nữa—tượng thì nổi u nổi cục, rồi dây đồng với nhôm xoắn xuýt với nhau, rồi con ngựa cũng không ra ngựa.”

Ông Poirot hơi giật mình.

“Ông nói là ngựa à?”

“Phải, ngựa. Miễn cưỡng gọi thế thôi. Nếu muốn làm tượng con ngựa cho giống thì nên đi quan sát ngựa thực chứ!”

“Một *con ngựa*,” ông Poirot lẩm bẩm.

Thanh tra Grange quay lại.

“Sao ông lại quan tâm đến chi tiết ấy, ông Poirot? Tôi chưa hiểu.”

“Có mối liên hệ... về mặt tâm lý.”

“Liên hệ sao? Ngựa và xe kéo à? Ngựa gỗ? Đầu trâu mặt ngựa? Thôi tôi chịu. Dù sao đi nữa, sau một hai ngày gì đó, cô Savernake lại đóng gói đồ đạc quay trở lại đây. Ông biết việc đó chưa?”

“Có, tôi đã nói chuyện với cô ấy khi gặp cô ấy đi trong rừng.”

“Hắn là lòng dạ bần thần. Thì cô ấy có qua lại với ông bác sĩ mà, rồi khi hấp hối, ông ấy còn gọi: ‘Henrietta,’ như lời cáo buộc. Nhưng thế chưa đủ làm bằng chứng.”

“Phải,” ông Poirot trầm ngâm. “Chưa đủ.”

Thanh tra Grange nặng nề nói tiếp.

“Không khí ở nơi đó kỳ quái thế nào ấy, khiến người ta mê mụ đi! Như thể tất cả đều biết chuyện gì đó. Rồi bà Angkatell, vẫn không đưa ra được lý do gì thuyết phục về việc vì sao hôm đó bà ấy cần theo súng. Họ có điên mới làm thế, mà có khi bà ấy điên thật.”

Ông Poirot nhẹ lắc đầu.

“Bà ta không điên đâu.”

“Rồi đến Edward Angkatell. Tôi cứ ngỡ sẽ nắm bắt được đi đâu gì nơi cậu ta. Bà Angkatell có nói, không, bà ta ngầm gợi ý thì đúng hơn, rằng Edward yêu cô Savernake nhiều năm nay rồi. Vậy là anh ta có động cơ. Nhưng rồi anh ta vừa đính hôn với cô Hardcastle! Thế là đâu còn động cơ gì nữa.”

Ông Poirot âm ừ ra chiều thông cảm.

“Rồi cậu trai trẻ còn lại,” ông thanh tra nói tiếp. “Bà Angkatell có kẻ vài đi đâu. Mẹ cậu chết trong dưỡng trí viện, bà ấy bị tâm thần, cứ ngỡ ai cũng muốn giết mình. Ông biết đấy, nếu cậu con trai bị di truyền chứng ấy, thì có thể cậu ta cũng ảo tưởng rằng bác sĩ Christow đang lập mưu chứng minh cậu tâm thần nốt. Dù rằng ông Christow không phải bác sĩ tâm thần. Hướng nghiên cứu của ông ấy là ảnh hưởng thần kinh lên ống tiêu hóa và bệnh... bệnh gì đó tôi quên rồi. Nhưng cậu thiếu niên này hơi bất thường, có thể cậu cho là bác sĩ Christow đến đây để giám sát cậu ta. Cách hành xử của cậu lạ lùng lắm, căng thẳng đến phòng tất tả.”

Thanh tra Grange ngẩng đầu ra.

“Ông thấy rồi đó. Toàn là suy đoán vậ thôi, không dẫn tới đâu cả.”

Ông Poirot lại hơi giật mình. Ông lầm bầm:

— “Tránh xa... _ không phải *dẫn đến*. Từ đó mà đi, không phải tới. *Không đâu cả*, đâu đó... Phải rồi, *hắn* là thế!”

Thanh tra Grange nhìn ông:

“Đám người nhà Angkatell ấy đều quái gở. Tôi thề là họ biết sự thật.”

Ông Poirot nói nhỏ:

“Đúng vậy.”

“Ý ông là, họ đâu biết hung thủ là ai sao?” Ông thanh tra ngờ vực hỏi lại.

Ông Poirot gật đầu.

“Phải. Trước nay tôi vẫn đoán vậy. Giờ thì tôi chắc chắn rồi.”

“Tôi hiểu,” ông thanh tra nhăn mặt rầu rĩ. “Vậy là họ biết mà giấu chúng ta? Tôi sẽ cho họ thấy. *Tôi sẽ lòng ra khẩu súng đó.*”

Đúng hết phong cách trước nay của ông thanh tra, ông Poirot nghĩ.

Thanh tra Grange hăm hừ:

“Tôi sẵn lòng đổi bất cứ gì để cho họ biết tay.”

“Họ là...”

“Tất cả bọn họ. Làm tôi rối trí! Nói năng lung tung! Âm chỉ nọ kia! Tỏ ra nhiệt tình giúp cảnh sát nữa chứ, giúp kia đây! Toàn là giăng bẫy với che mắt, không có gì rõ ràng hết. Tôi chỉ muốn biết một sự thật chắc chắn mà thôi.”

Hercule Poirot nhìn ra cửa sổ một lúc, chú mục vào một điểm bất thường trong khung cảnh mọi thứ đều đối xứng tuyệt đối.

Ông lên tiếng:

“Ông muốn sự thật chắc chắn sao? *Eh bien*, trừ khi tôi nhàn, còn không thì có một sự thật chắc chắn ngay chân rào gôn cổng nhà tôi kia.”

Hai người đi ra vườn. Ông Grange quỳ xuống, ông gạt mở cành cây ra cho đến khi thấy thứ bị giấu trong đó. Ông hít sâu một hơi khi một vật bằng thép màu đen lộ ra.

“Đúng là khẩu súng ổ xoay.”

Rồi ông ngờ vực quay sang ông Poirot.

“Không, không, ông bạn ạ,” ông Poirot kêu lên. “Tôi không bán ông Christow cũng không tự giấu khẩu súng ngay hàng rào nhà mình đâu.”

“Tất nhiên rồi, tôi xin lỗi, ông Poirot. Để xem nào. Có vẻ đúng là khẩu súng bị mất của Sir Henry đấy. Ta so mã số trên súng là biết ngay thôi. Để xem đây có phải là khẩu súng dùng để giết ông Christow hay không. Giờ mọi việc dễ dàng hơn rồi.”

Ông cẩn thận dùng khăn tay lụa bọc lấy khẩu súng vừa đào ra.

“Giờ phải chờ để lấy dấu vân tay. Tôi có cảm giác cuối cùng vận may của chúng ta cũng đổi chiều.”

“Nhớ báo tôi biết nhé.”

“Tất nhiên, ông Poirot. Tôi sẽ gọi cho ông.”

Sau đó, ông Poirot nhận hai cuộc gọi. Một cuộc ngay chiều hôm đó. Giọng ông thanh tra hào hứng:

“Ông Poirot phải không? Có tin rồi đây. Đúng khẩu súng đó, khẩu súng bị mất của Sir Henry, cũng là khẩu đã bắn John Christow. Giờ chắc chắn rồi. Có nhiều dấu tay trên súng lắm. Ngón cái, ngón trỏ, một phần ngón giữa. Tôi đã nói vận may của ta sẽ đổi chiều mà!”

“Ông đã cho nghiệm chứng dấu vân tay chưa?”

“Chưa, nhưng rõ ràng không phải dấu tay của bà Christow, tôi đã lấy vân tay bà ấy trước đây. Nhìn kích cỡ thì có vẻ là dấu tay đàn ông. Ngày mai tôi sẽ trở lại Thung Lũng để thông báo việc này và lấy dấu vân tay tất cả bọn họ. Rồi ta sẽ biết đi đâu cần biết!”

“Hẳn rồi, tôi mong là vậy,” ông Poirot đáp lịch sự.

Cuộc gọi thứ hai đến vào ngày hôm sau, giọng ông thanh tra đã mất vẻ hào hứng. Ông rầu rĩ thông báo:

“Ông muốn nghe tin mới nhất không? Dấu tay trên súng không khớp với dấu tay bất cứ ai trong vụ này! Hoàn toàn không! Không phải Edward Angkatell, hay David, hay Sir Henry! Cũng không phải của Gerda Christow, Savernake, hay Veronica, hay bà Angkatell, kể cả cô gái da ngăm kia nữa! Tôi so cả dấu tay của cô phụ bếp lẫn người hầu, đều không phải!”

Ông Poirot ậm ừ ra chiều thông cảm. Ông thanh tra nói tiếp:

“Vậy xem ra vụ này do người ngoài làm. Ai đó đã giết ông Christow mà ta không hề có manh mối gì. Kẻ đó đã lẻn vào thư phòng lấy trộm súng mà không ai biết, r ỡ ra tay, và theo lối mòn rời đi. Kẻ ấy vút khẩu súng vào chân hàng rào nhà ông r ỡ biến mất!”

“Ông có muốn lấy dấu tay của chính tôi luôn không?”

“Tôi không từ chối đâu! Đột nhiên tôi nhận ra ông cũng có mặt tại hiện trường, và sau tất cả, hóa ra ông lại thành nghi can số một trong vụ này đấy!”

Viên cảnh sát đi đầu tra hỏi giọng r ã quay về phía vị chủ tịch b ã thăm đoàn.

Vị này cái nhìn tờ giấy đang cầm trên tay. Yết hầu ông chạy lên chạy xuống, r ã ông đọc rõ ràng:

“Chúng tôi cho rằng nạn nhân đã bị giết chết một cách có chủ đích, bởi một hay nhiều người mà chúng ta chưa biết.”

Ông Poirot lặng lẽ gật đầu, ông đang đứng cạnh bức tường. Không có lời kết luận nào khả dĩ hơn thế. Bên ngoài, gia đình Angkatell đang trò chuyện cùng Gerda và chị gái cô. Gerda vẫn mặc đồ đen, nom thất thần và buồn bã như cũ. Lần này họ không thuê xe riêng nữa, mà đi tàu hỏa bởi dịch vụ trên tàu cũng rất tốt, bà Patterson giải thích như thế. Chỉ cần bắt chuyến tàu nhanh đi Waterloo là sẽ bắt kịp chuyến 1 giờ 20 đi Bexhill.

Bà Angkatell vỗ vỗ lên tay Gerda, dặn dò:

“Em nhớ giữ liên lạc với chúng tôi nhé, cưng. Hẹn gặp ăn trưa ở London chẳng hạn? Sẽ có lúc em lên thành phố mua sắm chứ nhỉ.”

“Em... em chưa biết nữa,” Gerda lắp bắp.

Bà Patterson giục:

“Thôi ta đi, xe lửa sắp tới rồi.”

Gerda quay đi ngay, vẻ nhẹ nhõm.

Midge thở dài:

“Tội nghiệp chị ấy. Cái chết của John chỉ đem lại cho chị ấy đi đầu may mắn duy nhất là thoát khỏi sự hiếu khách khủng khiếp của chị đó, Lucy.”

“Em nói thế không hay đâu, Midge. Chị rất cố gắng mà.”

“Chị càng cố thì càng tệ, Lucy.”

“Thôi thì mọi chuyện dù sao cũng đã qua, phải không?” Bà Angkatell cười. “Tất nhiên thanh tra Grange thì không vui tí nào. Tội nghiệp ông ấy. Nếu ta mời ông ấy đến nhà dùng bữa trưa thì liệu ông ấy có vui hơn không? Coi như một người bạn của gia đình.”

“Thôi cứ để ông ấy yên, Lucy,” Sir Henry lên tiếng.

“Có lẽ nên thế thật,” bà Angkatell trề môi. “Hôm nay cũng không hợp để mời cơm trưa. Món bắp cải Partridges và bánh soufflé bà Medway làm ngon lắm, nhưng không phải món thanh tra thích. Hẳn ông ấy ưa bít tết tái và bánh táo kiểu truyền thống, hoặc bánh nhân táo, tôi nghĩ thế.”

“Khiếu ẩm thực của em lúc nào cũng chuẩn, Lucy à. Thôi ta về nhà đi, món gà gô hần nguội mất.”

“Nhưng mình phải ăn mừng một chút chứ. Mọi chuyện kết thúc tốt đẹp vậy mà?”

“Ờ...”

“Em biết anh nghĩ gì, Henry, nhưng đừng lo. Chiều nay em sẽ chuẩn bị.”

“Bây giờ em định làm gì đấy, Lucy?”

Bà Angkatell chỉ cười:

“Ồn cả mà, anh yêu. Thu xếp vài việc còn lại thôi.”

Sir Henry hoài nghi nhìn vợ.

Khi cả nhà về tới Thung Lũng, ông quản gia ra đón, mở cửa xe.

“Mọi chuyện tốt đẹp cả, Gudgeon à,” bà Angkatell nói. “Nhớ thông báo cho bà Medway và những người khác. Tôi biết thời gian qua mọi người đều căng thẳng, chúng tôi rất quý lòng trung thành của mọi người.”

“Chúng tôi đều rất lo cho ông bà, thưa bà,” Gudgeon nói.

“Ông tử tế quá, Gudgeon,” bà Angkatell nói khi vào phòng khách, “Nhưng không cần đâu. Tôi còn có phần thích vụ này kia. Khác hẳn nếp

sống hàng ngày. David, cậu có thấy rằng những trải nghiệm như thế này sẽ giúp ta mở mang đầu óc không? Khác hẳn những gì cậu học ở Cambridge nhỉ.”

“Em học ở Oxford,” David đáp lạnh ngắt.

Bà Angkatell lơ đãng nói tiếp. “Ờ, cuộc đua thuyền trượt giữa hai trường. Đúng là đặc chất Anh, nhỉ?” Rồi bà bước tới chỗ để điện thoại, nhắc ống nghe lên, cầm trong tay mà nói tiếp:

“David, lần sau cậu lại đến ở chơi lâu lâu nhé? Do vụ án này mà ta chưa có thời gian trò chuyện thân thiết mấy. Nhất là khó bàn về những chủ đề trí tuệ.”

“Cảm ơn chị,” David lạnh nhạt. “Nhưng khi về em sẽ đi Athens, học trường của Anh ở đó.”

Bà Angkatell quay sang chồng.

“Hiện giờ ai đang phụ trách sứ quán ở đó nhỉ? À, ông Hope Remington. Nhưng em nghĩ David không ưa nhà ấy đâu. Mấy cô gái nhà ấy ồn ào quá, chơi cả môn hockey với cricket, và cái trò gì mà phải bắt bóng trong rổ ấy.”

Bà ngừng lại, nhìn ống nghe đang cầm trong tay.

“Tôi tính làm gì với cái này ấy nhỉ?”

“Có lẽ chị định gọi cho ai đó,” Edward nhắc.

“Không đâu.” Bà đặt lại ống nghe lên giá. “Cậu có thích điện thoại không, David?”

Bà toàn hỏi những câu kiểu vậy, David cúi kính nghĩ, trả lời cách nào nghe cũng ngớ ngẩn cả. Cậu đành đáp rằng cậu cho rằng điện thoại khá hữu ích.

“Theo cậu thì nó cũng hữu ích như máy xay thịt nhỉ? Hay dây cao su? Người ta không...”

Bà ngừng lời vì ông Gudgeon vào thông báo bữa trưa đã dọn xong.

“Cậu thích món gà rô hãm, nhỉ,” bà Angkatell bắn khoản hỏi.

David gật đầu.

“Đôi khi em cảm thấy Lucy hơi bay bay thế nào ấy,” Midge nói, cô và Edward đang vào rừng tản bộ.

Món gà lẫn món tráng miệng đầu tuyệt hảo, cuộc đi đầu tra chấm dứt, mọi người đầu nhẹ nhõm.

Edward ngẫm nghĩ:

“Anh luôn thấy đầu óc Lucy rất khác thường, như trò đồ chữ vậy. Cứ như cây búa đập hết cây đinh này đến cây đinh khác, mà không lúc nào hụt.”

“Dù sao đi nữa, chị ấy đôi khi làm em sợ.” Cô hơi rùng mình, “Gần đây, chỗ này làm em cứ sờ sờ.”

“Em sợ Thung Lũng sao?”

Edward ngạc nhiên quay lại nhìn cô.

“Nhưng nơi này luôn phần nào gợi nhớ đến Ainswick,” anh nói, “tất nhiên không phải là thực...”

Midge ngắt lời:

“Chính thế đấy, Edward. Em sợ những thứ không thực. Anh biết đấy, đâu biết cái gì ẩn giấu đằng sau chúng. Giống như... một tấm mặt nạ.”

“Đừng tưởng tượng nhiều thế, em Midge của anh.”

Edward nói với cô bằng giọng khoan hòa như nhiều năm trước. Khi xưa cô yêu sự dịu dàng ấy biết bao, nhưng giờ không hiểu sao hơi khó chịu. Cô cố nghĩ cách giải thích ý mình, rằng cô không tưởng tượng mà chừng như đang sờ sờ nhận ra đi đâu gì đó.

“Lúc em rời đi London, cảm giác ấy không còn, nhưng khi trở lại đây thì lại cảm thấy như trước; rằng hình như ai cũng biết kẻ thực sự giết John Christow. Chỉ có một người không biết gì, là em.”

Edward hơi bực mình:

“Chúng ta cứ phải nhắc tới John Christow hay sao? Anh ta chết rồi. Không còn gì nữa.”

Midge lẩm nhẩm:

*“Chàng đã ra đi,
Nàng ơi,
Chàng đã ra đi
Cỏ mọc xanh rì,
Dưới chân mộ đá.”*

Cô đặt tay lên cánh tay Edward.

“Ai đã giết anh ấy vậy, Edward? Ai cũng ngờ là Gerda, nhưng cuối cùng không phải chị ấy. Vậy là ai? Nói em nghe anh nghĩ gì? Hay là người mà ta chưa hề quen?”

Edward càng khó chịu hơn:

“Phí công suy đoán như vậy có được gì đâu? Nếu cảnh sát còn không tìm được manh mối hay bằng chứng gì vững chắc, thì vụ án coi như khép lại, và chúng ta cũng không còn phải bận tâm gì nữa.”

“Phải... nhưng mà ta vẫn không biết chuyện gì xảy ra.”

“Thế ta cần biết để làm gì? John Christow thì liên quan gì đến hai ta?”

Hai ta, Edward và mình ư? Midge nghĩ. Thật sự, không gì cả. Ngọt ngào thay, “hai ta” nay đã thành một đôi. Nhưng dù John Christow đã được làm đám tang và nằm yên dưới mộ, thì chuyện về anh vẫn chưa đào sâu chôn chặt. *Chàng đã ra đi, nàng ơi*—John Christow vẫn chưa thực sự ra đi, dù Edward có mong đi đâu đó thế nào chẳng nữa. Anh ta vẫn còn nấn ná ở Thung Lũng này.

Edward hỏi:

“Mình đang đi đâu nhỉ?”

Giọng anh là lạ, khiến Midge ngạc nhiên.

“Ta đi lên đỉnh đồi nhé?”

“Em thích thì đi thôi.”

Anh có vẻ không muốn đi, tại sao nhỉ, cô tự hỏi. Thường anh rất thích đi dạo theo lối này, cùng với Henrietta... Suy nghĩ của cô chợt đứt phụt. *Anh ấy và Henrietta*. Không tìm được, cô hỏi: “Mùa thu này, anh đã dạo cung đường này chưa?”

Giọng anh cứng nhắc:

“Henrietta và anh cùng đi dạo lối này vào buổi chiều đầu tiên đến Thung Lũng.”

Im lặng.

Họ đi đến tận đỉnh đồi và ngồi nghỉ trên gốc cây đổ.

Midge vẫn ám ảnh, *có lẽ anh ấy và Henrietta cũng từng ngồi đây*.

Cô lặng lẽ xoay xoay chiếc nhẫn. Viên kim cương lấp lánh thứ ánh sáng lạnh lẽo. (*Không lấy ngọc lục bảo, anh nói.*) Cô cố gợi chuyện:

“Giáng sinh này lại được về Ainswick, thật hay quá.”

Edward không phản ứng gì, tâm trí anh đã lãng đãng tận đâu.

Midge nghĩ, “anh ấy đang nghĩ về Henrietta và John Christow.”

Anh và Henrietta từng ngồi chính chỗ này, trò chuyện. Henrietta rất biết mình muốn người như thế nào, nhưng Edward vẫn là của cô ta. Luôn luôn như vậy, Midge cay đắng nghĩ, mãi là của Henrietta...

Cơn đau quặn lên trong lòng. Thế giới hạnh phúc màu hồng mà cô đã sống suốt tuần qua run rẩy rồi đổ sụp. “Mình không thể sống thế này, khi mà Henrietta vẫn trong tâm trí anh ấy. Mình không chấp nhận được. Mình không chịu nổi.”

Gió thổi tiếng thở dài qua hàng cây, những chiếc lá lìa cành vội vã, những đốm vàng chỉ còn lác đác giữa bạt ngàn lá nâu.

“Edward!”

Giọng cô khẩn thiết khiến anh giật mình quay lại.

“Ừ, anh đây.”

“Xin lỗi anh, Edward.” Mối cô run rẩy, cô cố ép giọng bình thường, tự chủ. “Em phải nói thật lòng. Không ích gì đâu. Em không thể cưới anh. Sẽ

không đi tới đâu cả, Edward.”

Anh lấp bắp:

“Kìa em, Midge... Ainswick...”

Cô ngắt lời:

“Em không thể cưới anh chỉ vì yêu Ainswick. Anh... anh phải hiểu đi ầu đó.”

Anh thở dài một hơi thật nhẹ, như tiếng vọng của những chiếc lá lặng lẽ rời cành.

“Anh hiểu rồi. Phải, có lẽ em làm thế là đúng.”

“Anh rất tử tế khi hỏi cưới em, không gì ngọt ngào hơn. Nhưng không thể đâu, Edward. Chuyện này sẽ không ổn chút nào.”

Cô ôm tia hi vọng mơ hồ rằng anh sẽ cãi lại, sẽ cố thuyết phục cô, nhưng anh xem ra cũng cảm thấy hết như cô vậy. Khi hình bóng của Henrietta vẫn như ng ấ bên cạnh, rõ ràng anh cũng nghĩ cuộc hôn nhân này không thể nào hạnh phúc.

“Ừ,” anh nói như vọng lại lời cô, “chuyện này sẽ không đi tới đâu.”

Cô tháo nhẫn khỏi ngón tay, chìa ra cho anh.

Cô sẽ mãi mãi yêu Edward, cũng như Edward mãi mãi yêu Henrietta, cuộc đời này là địa ngục bất tận.

Cô khàn giọng:

“Chiếc nhẫn đẹp lắm, anh Edward.”

“Em giữ nó đi, Midge. Anh thật lòng mong tặng cho em.”

Cô lắc đầu.

“Em không nhận được.”

Anh cười nhẹ:

“Anh sẽ không tặng nó cho ai khác nữa, em biết mà.”

Thân mật như thế. Anh sẽ không bao giờ hiểu cô cảm thấy gì. Thiên đường ngay trước mắt, mà chớm chạm tới là vỡ tan tành, trượt khỏi tay cô

như chưa từng hiển hiện.

Chiều hôm ấy, ông Poirot tiếp vị khách thứ ba.

Henrietta Savernake, Veronica Cray, rồi hôm nay là bà Angkatell, Bà đi như lướt trên lối mòn dẫn vào nhà, vẻ mong manh duyên dáng như tiên nga.

Ông mở cửa đón, bà mỉm cười chào.

“Tôi đến gặp ông đây,” bà nói ngay.

Tiên nga thoát hóa người trần mắt thịt.

“Tôi rất vinh hạnh, thưa bà.”

Ông dẫn bà vào phòng khách. Ngồi xuống ghế sofa, bà lại cười.

Hercule Poirot nghĩ, “bà ấy cũng già rồi, tóc chớm bạc, gương mặt có nếp nhăn. Thế nhưng thần kỳ thay, cái dáng vẻ ấy...”

Bà Angkatell nhỏ nhẹ:

“Tôi muốn nhờ ông làm giúp tôi một việc.”

“Vâng, thưa bà?”

“Đầu tiên, tôi phải nói với ông về chuyện John Christow.”

“Bác sĩ Christow sao?”

“Phải. Tôi cảm thấy nên đặt dấu chấm hết cho tất cả chuyện này. Ông hiểu ý tôi mà, phải không?”

“Tôi thực chưa rõ ý bà, thưa bà Angkatell.”

Bà lại tặng ông nụ cười mê hoặc, đặt bàn tay thon dài trắng muốt lên tay áo ông.

“Ông Poirot thân mến, ông hiểu mà. Cảnh sát sẽ truy tìm chủ nhân dấu vân tay trên súng và nếu không tìm được, thì cuối cùng vụ án này phải khép lại. Nhưng tôi e là ông sẽ không để nó khép lại như thế.”

“Đúng là tôi sẽ theo tới cùng,” ông Poirot gật đầu.

“Tôi cũng nghĩ như vậy đấy, cho nên mới đến đây. Ông muốn biết sự thật, có phải không?”

“Hẳn nhiên là vậy.”

“Có lẽ tôi nói chưa rõ. Tôi đang muốn tìm hiểu xem vì sao ông không chấp nhận ngừng đi điều tra. Đâu phải vì danh tiếng trước nay, cũng đâu phải ông quyết phải treo cổ kẻ giết người? (Phải nói là lối hành hình ấy không dễ chịu chút nào, cứ như thời Trung Cổ.) Chỉ là, tôi nghĩ ông muốn biết. Ông hiểu ý tôi mà phải không? Nếu ông chỉ muốn biết sự thật, muốn nghe sự thật, thì, có lẽ tôi sẽ giúp ông thỏa nguyện. Tôi đoán có đúng chẳng?”

“Bà đang muốn kể cho tôi sự thật sao, bà Angkatell?”

Bà gật đầu.

“Vậy là bà biết sự thật?”

Đôi mắt bà Angkatell mở to.

“Phải, tôi biết từ lâu rồi. Tôi những muốn kể cho ông. Và rồi chúng ta nên đồng ý với nhau rằng mọi chuyện thế là đã kết thúc, xong xuôi.”

Bà lại cười.

“Thỏa thuận thế có được không, ông Poirot?”

Ông Poirot phải cố gắng mới nói ra lời:

“Tôi không thể thỏa thuận thế, thưa bà.”

Ông muốn, rất muốn bỏ quách vụ này, chỉ bởi vì bà Angkatell bảo ông làm thế.

Bà Angkatell ngẩng bất động một lúc, rồi bà nhướng mày.

“Tôi tự hỏi, ông có biết mình đang làm gì không.”

Midge trăn trở giữa đám mền gối trong bóng tối, không sao ngủ được. Có tiếng mở chốt cửa, rồi tiếng chân ngoài hành lang đi ngang phòng cô.

Là cửa phòng Edward, tiếng chân của Edward.

Cô bật đèn bàn cạnh giường, nhìn đồng hồ.

Ba giờ kém mười phút.

Mới tảng sáng, Edward xuống lầu vào giờ này làm gì? Lại thật.

Tối qua cả hai cùng đi ngủ sớm, chừng mười giờ rưỡi. Cô không ngủ được bởi nỗi đau cuộn cuộn như phát sốt, cặp mắt cũng nhức nhối.

Suốt đêm, cô nghe từng tiếng đồng hồ điểm dưới lầu, tiếng cú rúc xa xa ngoài cửa sổ. Hơn hai giờ sáng, cơn tuyệt vọng dâng đến đỉnh điểm, cô cứ tự lặp đi lặp lại: “Mình chịu không nổi, không chịu nổi nữa. Ngày mai sắp tới, lại là một ngày mới. Rồi ngày nối ngày mà qua thôi.”

Cô đã tự tách mình khỏi Ainswick, nơi chất chứa mọi trù mên yêu thương, nơi vốn có thể thuộc về cô mãi mãi.

Nhưng thà mất Ainswick, thà chịu cô đơn, thà kéo dài cuộc đời tẻ ngắt mệt mỏi, còn hơn sống với Edward và hình bóng Henrietta day dứt. Mãi cho tới ngày đi dạo trong rừng hôm đó, cô mới biết mình ghen chấy lòng như vậy.

Mà ngẫm lại, Edward cũng đã bao giờ nói yêu cô đâu? Quý mến, đối xử tử tế, nhưng không hơn. Khi trước cô vẫn cam lòng thỏa mãn, nhưng không thể nữa, khi cô nhận ra mình sắp sửa sống chung mái nhà với

Edward, mà tâm trí anh vẫn chỉ toàn hình bóng Henrietta. Khi đó, cô biết sự quý mến trước nay không còn đủ.

Edward vừa đi ngang phòng cô, xuống lầu.

Lạ thật, rất lạ. Anh đi đâu chứ?

Sự khó chịu của Midge ngày càng tăng. Nó là một phần trong nỗi bất an mà Thung Lũng mang lại cho cô mấy ngày nay. Edward xuống lầu vào giờ sớm thế để làm gì? Anh ấy ra ngoài chẳng?

Cuối cùng cô không nhịn được cứ nằm khan mà sốt ruột. Cô nhồm dậy, khoác áo ngủ, cầm cây đèn pin rồi mở cửa phòng, đi ra.

Trời còn tối mịt, đèn đuốc tắt hết. Midge rẽ trái, lên ra đầu cầu thang. Tầng dưới cũng tối đen. Cô chạy xuống lầu, ngẩn ngừ một chút rồi bật đèn hành lang. Mọi thứ đều im ắng. Cửa trước vẫn khóa kín. Cô đẩy thử cửa hông, nó cũng bị khóa.

Vậy là Edward không ra ngoài. Nhưng anh ấy đi đâu chứ?

Chợt cô ngừng lên, hít mũi. Có hơi khí ga phảng phất đâu đây.

Cửa vào khu bếp chỉ khép hờ. Cô đi vào, có ánh sáng yếu ớt hắt ra từ cửa bếp để mở. Mùi ga nồng nặc hơn.

Midge chạy dọc hành lang, lao vào bếp. Edward đang nằm trên sàn, cắm đầu vào cái bếp ga đã vặn hết cỡ.

Midge vốn là người thực tế, nhanh nhẹn. Đầu tiên cô giật mở cửa chớp. Không mở được cửa sổ, cô lấy khăn quấn quanh cánh tay, đập vỡ kính. Rồi cô nín thở, khom người lôi Edward ra khỏi lò ga, vặn khóa ga.

Anh đã bất tỉnh, hơi thở mong manh, nhưng cô biết anh sẽ không ngất lâu. Chỉ chút nữa là anh chết. Gió lùa qua cửa sổ ra cửa bếp mở rộng, nhanh chóng thổi tan mùi khí ga. Midge kéo Edward lại gần cửa sổ, để cho thoáng hơn. Rồi cô ngẩng xuống, ôm anh trong vòng tay trẻ trung, mạnh mẽ.

Cô gọi tên anh, ban đầu khe khẽ, rồi càng lúc càng tha thiết.

“Edward, Edward, Edward...”

Anh tựa mình, rên rỉ, mở mắt nhìn cô. Anh nói rất khẽ, “Lò ga,” rồi bất giác nhìn về hướng đó.

“Em biết, nhưng mà vì sao, sao anh làm thế?”

Anh run rẩy, bàn tay lạnh giá, không sức sống. Anh hỏi, “Midge à?” vẻ vừa ngạc nhiên vừa vui mừng.

Cô nói, “Em nghe tiếng anh đi ngang. Em không biết có chuyện gì... nên em xuống xem thử.”

Anh thở một hơi thật dài, như vừa từ nơi xa tấp trở lại.

“Đó là cách tốt nhất,” anh nói.

Chợt cô sực nhớ ra câu nói của Lucy vào đêm xảy ra bi kịch, *News of the World*.

“Nhưng Edward, sao anh lại làm vậy chứ? Tại sao hả?”

Anh nhìn cô, ánh nhìn lạnh lẽo, vô hồn khiến cô rùng mình.

“Vì anh biết anh chẳng giỏi cái gì. Luôn luôn thất bại. Luôn luôn bất lực. Những người như Christow mới làm nên chuyện. Phụ nữ ngưỡng mộ họ. Còn anh chẳng là gì, sống không ra sống. Anh thừa kế Ainswick và cứ thế qua ngày vậy thôi, tới khi chết. Sự nghiệp chẳng có gì, văn chương dăm chữ. Henrietta không muốn anh. Không ai muốn anh cả. Hôm đó, ở Berkeley, anh cứ nghĩ... nhưng rồi cũng vậy. Em cũng không cần anh. Em yêu Ainswick là vậy mà cũng không chịu nổi cuộc sống với anh. Thế nên anh nghĩ thôi chấm dứt cho xong.”

Midge nói vội vàng, không kịp thở.

“Anh yêu, anh của em, anh không hiểu rồi. Chỉ vì Henrietta... chỉ vì em tưởng anh vẫn còn yêu Henrietta sâu đậm.”

“Henrietta?” Anh lẩm bẩm mơ hồ, như đang nói chuyện với ai ở xa tít tắp. “Ừ, anh từng yêu cô ấy nhiều.”

Rồi giọng anh mờ đi, chỉ còn thoi thóp:

“Lạnh quá.”

“Edward, anh yêu!”

Cô quàng tay ôm chặt lấy anh.

Anh mỉm cười, thì thào:

“Em ấm quá, Midge, em ấm quá.”

Thì ra cảm giác tuyệt vọng là như vậy, Midge nghĩ, là giá lạnh và cô đơn bất tận. Cô chưa từng hình dung nổi tuyệt vọng làm đông giá con người. Cô những tưởng nó đi đôi với đam mê, nóng bỏng, bạo lực và sự sôi. Nhưng không phải thế. Đây mới là tuyệt vọng—cảm giác tất thảy xung quanh đều tối tăm, lạnh lẽo, và chỉ còn mình ta đối diện. Và lỗi lầm do tuyệt vọng, như mục sư từng nói, là lỗi lầm lạnh lẽo, cắt đứt con người ta khỏi hơi ấm và những gì gắn liền với tha nhân.

Edward lặp lại, “Em ấm quá, Midge.”

Trong lòng cô đột nhiên trào lên niềm vui và tự hào, cô nghĩ, “Vậy đây là đi đâu anh ấy muốn, là đi đâu mình có thể cho anh ấy!” Họ đều lạnh lẽo, những người nhà Angkatell ấy. Ngay cả Henrietta vốn khác người, cũng có sự lạnh lùng khó lý giải của dòng máu Angkatell. Thì cứ để Edward yêu Henrietta như ôm ấp một giấc mơ hảo huyền. Cái anh thực sự cần là hơi ấm, sự lâu dài và ổn định, là sự bầu bạn hàng ngày, là tình yêu và tiếng cười ở Ainswick.

Cô nghĩ, “Edward cần người thấp lên ngọn lửa ấm trong nhà, và mình sẽ là người làm chuyện ấy.”

Edward nhìn lên. Anh thấy gương mặt Midge cúi nhìn mình. Màu da ấm áp, khuôn miệng tươi tắn, đôi mắt bình tĩnh, và làn tóc đen rũ xuống trán như đôi cánh.

Henrietta trong mắt anh khi nào cũng là sự phóng chiếu bóng hình quá khứ. Đứng trước mặt một Henrietta trưởng thành, anh chỉ muốn thấy cô bé mười bảy tuổi, mối tình đầu của anh. Nhưng giờ, khi nhìn Midge, lạ lùng thay, anh thấy sự tiếp diễn. Anh thấy cô bé ngày nào thắt tóc hai bím, anh thấy làn tóc mây ôm lấy khuôn mặt cô lúc này, và anh thấy làn tóc ấy khi đã đốm bạc.

“Midge mới là thực.” Anh nghĩ. “Một đi đâu có thực duy nhất mà mình từng biết trên đời.” Anh cảm nhận hơi ấm và sự mạnh mẽ của cô—người con gái da ngăm, lạc quan, sống động, và *chân thực*. “Midge là viên đá để ta dừng lại đời mình.”

Anh nói thành lời, “Midge, em yêu, anh yêu em nhiều, đừng rời bỏ anh nữa nhé.”

Cô cúi xuống, anh cảm thấy đôi môi ấm, thấy tình yêu của cô bao bọc lấy anh, che chở cho anh, và niềm hạnh phúc bùng nổ như đóa hoa giữa hoang mạc lạnh lẽo mà anh đã một mình ở đó quá lâu.

Chợt Midge bật cười:

“Kìa Edward, có con gián bò ra nhìn mình kìa. Con gián *dễ thương* quá hả? Chưa khi nào em thấy thích một con gián đến vậy đâu.”

Cô mơ màng, “Đời sao mà lạ. Giờ ta cùng ngồi trên sàn bếp đầy mùi ga với đám gián bao quanh, thế mà cứ ngỡ như thiên đường.”

Anh cũng mơ màng, “Anh có thể ở lại đây mãi mãi.”

“Nhưng nên đi ngủ thôi anh. Bốn giờ sáng rồi. Ngày mai biết giải thích ra sao với chị Lucy về cánh cửa sổ vỡ bây giờ?”

May quá, Lucy là kiểu người rất dễ chấp nhận các kiểu lý do kỳ quái, Midge nghĩ!

Lúc sáu giờ sáng, Midge học theo thói của Lucy, đi vào phòng ngủ đánh thức bà.

Cô nói thẳng toẹt. “Tối qua, Edward đi xuống bếp, đút đầu vào lò ga. May là em nghe tiếng nên xuống xem thử. Em đã đập vỡ cửa sổ, vì lúc ấy không mở được..”

Cô phải nói là phản ứng của bà Lucy thật tuyệt vời.

Bà chỉ mỉm cười ngọt ngào, không hề lấy làm lạ.

“Midge thân mến, lúc nào em cũng thực tế. Hẳn em sẽ là ngu ồn an ủi lớn nhất với Edward đấy.”

Khi Midge đã ra khỏi phòng, bà Angkatell nằm đó, suy nghĩ. Rồi bà bật dậy, đi tới phòng ông chồng, hôm nay ông quên khóa cửa.

“Anh Henry!”

“Ôi Lucy! Gà còn chưa gáy sáng mà!”

“Nhưng anh nghe đã Henry, chuyện này quan trọng lắm. Mình phải lắp bếp điện thôi, bỏ cái lò ga đi.”

“Sao thế, lò đang dùng tốt mà?”

“Đúng là thế, nhưng mà cứ nhìn thấy lò ga là có người lại nảy ý định nọ kia, mà đâu phải ai cũng hành động thực tế được như em Midge nhà mình.”

Nói đoạn, bà nhẹ nhàng lướt ra. Sir Henry lau bầu trở mình. Vừa mở mành ngủ lại, ông vừa lẩm bẩm. “Mình mơ hay sao ấy, Lucy vừa vào phòng nói về cái lò ga à?”

Ngoài hành lang, bà Angkatell đi ngang phòng tắm, tranh thủ đặt sẵn ấm nước lên bếp ga. Sẽ có người muốn dùng tách trà sớm, bà biết thế. Rồi bà trở lại giường ngủ tiếp, vô cùng hài lòng về cuộc đời lẫn về chính bản thân mình.

Edward và Midge ở Ainswick, cuộc đi đầu tra đã chấm dứt. Bà sẽ đến nói chuyện với ông Poirot lần nữa. Cái ông thấp bé dễ mến ấy...

Chợt một ý tưởng mới lướt qua, bà ngẩng bật dậy. “Liệu cô ấy có từng nghĩ tới chuyện này chưa nhỉ?” Bà tự hỏi. Bà ra khỏi giường, vội vã đi tới phòng Henrietta. Chưa kịp tới nơi, bà đã bắt đầu nói luôn.

“—rồi đột nhiên chị nghĩ, có khi em đã bỏ sót chuyện ấy.”

Henrietta lau nhàu ngái ngủ, “Lạy Chúa thương xót, chị Lucy, giờ này chim chóc còn chưa hót nữa!”

“Ôi chị biết mà cưng, giờ còn hơi sớm, nhưng mà đêm qua có chuyện, Edward và cái lò ga và Midge và cái cửa sổ nhà bếp, rồi nghĩ xem nên nói với ông Poirot như thế nào và...”

“Xin lỗi chị Lucy, mấy chuyện chị nói có vẻ chẳng đâu vào đâu cả, để sau đi được không?”

“Là cái bao súng ngắn, cưng à. Chị nghĩ, có thể em quên cái bao súng.”

“Bao súng à?” Henrietta ngẩng dậy, tỉnh hẳn. “Cái bao súng làm sao?”

“Khẩu súng ổ xoay của Henry cất trong bao súng, em biết đấy. Người ta vẫn chưa tìm được bao súng. Tất nhiên không ai nghĩ tới nó cả, nhưng nếu có thì...”

Henrietta lập tức ra khỏi giường, cô nói:

“Ai cũng có lúc quên đi điều này đi điều khác. Đúng vậy!”

Bà Angkatell trở lại phòng, lên giường và nhanh chóng ngủ thiếp đi.

Ấm nước sôi réo lên, rồi cứ thế sôi mãi.

Gerda lăn qua trở lại trên giường, rồi chợt ngẩng dậy. Cô đã đỡ đau đầu, nhưng vẫn mừng là không đi picnic với người nhà. Một mình trong căn nhà vắng vẻ thật yên bình và thoải mái, dù chỉ một lúc.

Chị Elsie rất tử tế, đúng thế, ít nhất là trong thời gian đầu. Gerda được phục vụ bữa sáng tận giường, ai cũng nhường cho cô cái ghế bành êm ái nhất, không để cô nhúng tay vào việc gì.

Ai cũng thương xót cô vì mất chồng. Cô thu mình đây biết ơn trong sự bảo bọc đó. Cô không muốn nghĩ, không muốn nhớ, không muốn cảm thấy bất kỳ đi đâu gì.

Nhưng mỗi ngày trôi qua, cô cảm thấy lại càng gần đến lúc phải bắt đầu sống tiếp, phải quyết định nên làm gì, ở đâu. Elsie đã bắt đầu mất kiên nhẫn với cô em. “Trời đất, Gerda, đừng có chậm chạp như vậy chứ!”

Mọi thứ trong nhà trở lại như xưa, xưa lắm, trước khi John đưa cô đi. Ai cũng nghĩ cô trì độn, chậm chạp. Không có ai nói như John, rằng “Anh sẽ chăm sóc cho em.”

Tim cô nhói đau, Gerda tự nhủ, “Mình sẽ pha ít trà.”

Cô xuống bếp, cầm lấy cái ấm. Nước sắp sôi thì cô nghe tiếng chuông cửa.

Hôm nay người hầu được cho nghỉ hết nên Gerda tự ra mở cửa. Cô kinh ngạc thấy Henrietta trước mặt, xe hơi của cô đậu ở lề đường.

“Bất ngờ quá, Henrietta!” cô kêu lên. Cô lùi lại. “Mời vào, chị và các cháu đã đi chơi nhưng...”

Henrietta ngắt lời. “Thế càng tốt. Em muốn gặp riêng chị thôi. Nghe này, Gerda, chị đã vứt cái bao súng đi đâu?”

Gerda đứng sững. Cặp mắt chột trống rỗng, hoang mang. Cô hỏi lại, “bao súng à?”

Cô mở một cánh cửa phía bên phải hành lang.

“Em vào đây đi, phòng hơi bụi. Sáng nay nhà đi vội không kịp thu dọn.”

Henrietta nóng nảy ngắt lời.

“Nghe này Gerda, chị phải nói với em. Ngoại trừ cái bao súng thì mọi việc đều ổn hết, rất kín kẽ. Chị không bị dính dáng gì tới vụ này. Em tìm thấy khẩu súng ổ xoay mà chị đút vào bụi cây gần hồ bơi rồi. Em đã giấu nó ở nơi mà chị không thể giấu, trên súng có dấu tay mà cảnh sát không bao giờ lên ra được. Vậy là chỉ còn cái bao súng. Em phải biết, chị đã làm gì với nó?”

Cô ngừng lời, ra sức cầu nguyện rằng Gerda nghe hiểu nhanh.

Cô không biết tại sao mình đặc biệt nôn nóng như vậy. Xe cô không có người bám đuôi, cô đã kiểm tra chắc chắn. Cô khởi hành từ đường đến London, dừng đỗ xăng, còn cố ý nói rằng cô đang đi London. Rồi đi tiếp một đoạn, cô quay đầu chạy theo lối đường quê cho đến khi ra đường chính dẫn từ phía nam ra biển.

Gerda vẫn nhìn cô trừng trừng. Cái chị này lúc nào cũng chậm rì rì, cô nghĩ.

“Nếu chị vẫn còn giữ thì phải đưa ngay cho em. Em sẽ tìm cách bỏ nó đi. Nó là thứ duy nhất khiến chị bị nghi ngờ có liên can tới cái chết của John. Vậy chị có giữ nó không?”

Im lặng. Rồi Gerda chậm rãi gật đầu.

“Chị không biết rằng có điên mới giữ lại bao súng hay sao?” Henrietta cố nén sự nôn nóng.

“Chị quên mất. Chị để trên phòng.”

Cô nói thêm:

“Khi cảnh sát đến căn nhà ở đường Harley, chị cắt vụn nó ra rồi bỏ vào túi với các món đồ đang khâu dở.”

Henrietta nói, “Rất khôn ngoan.”

Gerda đáp lại, “Tôi không ngu ngốc như mấy người nghĩ đâu.” Chợt cô giơ tay bưng lấy cổ họng, khàn giọng kêu. “John... anh John!”

Henrietta an ủi, “Em hiểu mà, chị, em hiểu mà.”

Gerda kêu lên, “Em làm sao hiểu được... John không... Anh ấy không...” Cô đứng đó, đờ đẫn và thảm nã lạ thường. Cô chợt nhìn chăm chăm vào mặt Henrietta. “Nói dối, toàn là dối trá! Tôi cứ tưởng mình biết anh ta. Tôi thấy vẻ mặt anh ta khi theo con đàn bà ấy ra ngoài vào tối hôm đó, Veronica Cray. Tôi biết anh ta thích nó, tất nhiên, nhiều năm trước khi cưới tôi kia mà, tôi cứ tưởng đã chấm dứt.”

Henrietta nhẹ nhàng dỗ:

“Đúng là đã kết thúc mà.”

Gerda lắc đầu.

“Không. Cô ta tới làm bộ như không gặp John nhiều năm rồi, nhưng tôi biết về mặt đó. Anh ta ra ngoài với nó, tôi thì đi ngủ. Tôi cố đọc sách cho quên đi, cái cuốn trinh thám John đang đọc dở. John mãi không về, cuối cùng tôi bỏ ra ngoài...”

Cô như đang tua lại trước mắt cảnh đêm ấy.

“Trăng sáng lắm. Tôi đi ra hồ bơi. Có ánh sáng ở nhà mát. John và cô ta.”

Henrietta kêu khẽ.

Gương mặt Gerda thay đổi hẳn. Không còn vẻ ngây thơ ngạc nhiên mà cứng lại, không có vẻ gì hối hận.

“Tôi đã tin John biết mấy. Tôi tin phục anh ta như Chúa trời. Tôi những tưởng anh ta là người cao quý nhất trên đời này, rằng đi đâu gì anh làm cũng tử tế và cao thượng. Toàn *dối trá* hết! Tôi chẳng còn gì. Tôi... tôi đã từng *tôn sùng* John!”

Henrietta nhìn Gerda như bị thôi miên. Ngay tại đây, cô thấy rành rành trước mắt hình ảnh trong đầu mình và đã được cô khắc thành tượng gỗ. Đây chính là Kẻ Tôn Sùng. Sự mù quáng hiển dưng một khi bị khinh thường thì vỡ tan tành và nguy hiểm.

Gerda vẫn nói, “Tôi không chịu được! Tôi phải giết anh ta! Tôi phải... cô thấy chưa, Henrietta?”

Cô hạ giọng, nghe thân mật như chia sẻ với bạn bè.

“Tôi biết mình phải cẩn thận, vì cảnh sát rất ranh ma. Tôi cũng không đến nổi ngu như mọi người tưởng đâu! Nếu cử động thật chậm và nhìn trân trân, thì ai cũng cho là cô không hiểu gì cả, trong lúc đó thỉnh thoảng cô còn cười thẫn vào mũi họ! Tôi biết mình giết được John mà không ai hay biết, vì tôi đọc trong sách rằng cảnh sát biết được khẩu súng nào bắn ra phát đạn ấy. Chiều hôm đó, Sir Henry có chỉ cho tôi cách lắp đạn và bắn khẩu súng ổ xoay. Tôi lấy hẳn hai khẩu. Tôi bắn John bằng một khẩu, rồi giấu đi, rồi người ta phát hiện ra tôi đứng đó, cần khẩu còn lại. Đầu tiên họ tưởng tôi bắn anh ấy, rồi phát hiện ra không phải do khẩu súng tôi cần, thế là họ cho tôi trắng tội.”

Cô gật đầu đắc thắng.

“Nhưng mà tôi quên cái túi da. Nó trong ngăn kéo phòng ngủ của tôi. Cô gọi nó là gì, bao súng à? Hẳn là *bây giờ* cảnh sát không để ý nữa đâu.”

“Có thể đấy,” Henrietta thuyết phục. “Chị nên đưa nó cho em, em sẽ mang đi. Chị không còn giữ nó thì sẽ an toàn thôi.”

Cô ngồi sụp xuống, đột nhiên thấy sức lực như rút kiệt.

Gerda nói, “trông em không khỏe đâu. Chị sẵn đang pha trà đây.”

Cô ra khỏi phòng, lát sau quay lại với bình trà, sữa và hai cái tách. Bình sữa sánh ra ngoài một ít vì quá đầy. Gerda đặt khay xuống, rót cho Henrietta tách trà.

“Ôi trời ơi,” cô lo lắng, “Chị cứ tưởng nước sôi già rồi chứ.”

“Không sao mà,” Henrietta nói. “Đi lấy cái bao da đi, Gerda.”

Gerda do dự, rồi cũng ra khỏi phòng. Henrietta gục đầu vào cánh tay khoanh trên bàn. Cô mệt rã rời, mệt khủng khiếp. Nhưng sắp xong rồi.

Gerda sẽ an toàn, John muốn như thế.

Cô đứng dậy, gạt tóc rũ xuống trán và cậ̀m lấy tách trà. Có tiếng động chổ cửa khiến cô nhìn lên, Gerda lậ̀n này nhanh nhẹn khác thường.

Nhưng người đến là ông Hercule Poirot.

“Cửa trước mở, nên tôi mạn phép tiến vào,” ông nói, đi lại chổ bàn trà.

“Ông!” Henrietta kêu lên. “Sao ông lại đến đây?”

“Khi cô vội vàng rời Thung Lũng, tôi hặ́n là đoán biết cô đi đâu. Tôi thuê một chiếc xe chạy nhanh và đến thẳng đây.”

“Tôi hiểu,” Henrietta thở dài. “Ông đoán đúng.”

“Thôi cô đừng nên uống trà thì hơn,” ông Poirot nói tử tế, cậ̀m lấy cái tách đặt xuống khay. “Trà pha bằng nước chưa sôi hặ́n thì uống không tốt đâu.”

“Chuyện vặt vãnh như nước sôi cũng quan trọng vậy sao?”

Ông Poirot gật đầu nhẹ nhàng, “Chuyện gì cũng quan trọng cả.”

Có tiếng chân, rặ́i Gerda vào phòng, tay cậ̀m túi kim chỉ. Cô nhìn ông Poirot, rặ́i nhìn Henrietta.

Henrietta nói trước:

“Gerda, em bị coi là nghi can. Ông Poirot đây theo dõi em. Ông ấy nghĩ em giết John, nhưng không chứng minh được.”

Cô nói chậm, tính toán từng câu. Miễn Gerda không tự khai ra là được.

Gerda đờ đẫn hỏi, “Tôi rất tiếc. Thế ông dùng chút trà nhé, ông Poirot?”

“Không cậ̀m đâu, cảm ơn bà Christow.”

Gerda ngặ́i xuống, bắt đậ̀u nói, về áy náy.

“Tôi rất xin lỗi là mọi người ra ngoài cả. Chị và các cháu đi cắm trại. Tôi không khỏe lắm, nên mọi người để tôi nghỉ ở nhà.”

“Tôi rất tiếc vì việc ấy, thưa bà.”

Gerda cậ̀m tách trà lên nhấp một ngụm.

“Nhiều thứ lo lắng quá. Việc gì cũng phải tính cả. Ông biết đấy, trước nay John luôn sắp xếp mọi chuyện, nhưng giờ anh ấy đi rồi...” Giọng cô nhỏ dần. “Đi thật rồi.”

Cô hoang mang nhìn hai người, vẻ đáng thương.

“Tôi không biết phải sống sao khi mất John. John chăm sóc cho tôi, anh ấy trông chừng tôi mà. Giờ anh ấy đi thì mọi chuyện tan nát hết. Mấy đứa nhỏ cứ hỏi hoài, mà tôi biết trả lời làm sao? Nhất là Terry, nó hỏi: ‘Vì sao cha con chết?’ rồi sẽ đến một ngày nó biết sự thật. Terry luôn tìm cách biết mọi thứ nó muốn. Tôi cứ bối rối vì nó luôn hỏi vì sao, chứ không phải ai giết.”

Gerda ngả người ra ghế. Môi cô xanh tím lại. Cô gượng nói, trúc trặc:

“Tôi thấy... không khỏe... nếu John... John...”

Ông Poirot đi vòng qua bàn, đỡ cô nằm xuống ghế. Ông cúi đầu, vạt mi mắt Gerda xem thử. Rồi ông đứng thẳng dậy.

“Chết nhanh chóng, không mấy đau đớn.”

Henrietta nhìn ông.

“Bệnh tim chẳng? Không phải.” Cô suy nghĩ cực nhanh. “Do món trà. Cô ấy bỏ thuốc trong trà. Gerda chọn cách ra đi vậy sao?”

Ông Poirot nhẹ lắc đầu.

“Không, vốn là nhắm vào cô. Đó là tách trà dành cho cô.”

“Cho tôi sao?” Henrietta sững sờ. “Nhưng tôi giúp chị ấy mà.”

“Đâu có quan trọng. Cô không thấy con chó khi mắc bẫy bao giờ sao? Nó nhe nanh với bất cứ ai đến gần. Cô ta chỉ biết rằng cô đã biết bí mật, cho nên, cô phải chết.”

Henrietta chậm chạp nói:

“Ông vừa lấy cái tách từ tay tôi đặt xuống khay, ông cố tình, ông muốn cô ta...”

Ông Poirot ngắt lời:

“Không, không phải thế, thưa cô. Tôi không biết chắc có gì trong tách trà của cô. Tôi chỉ nghĩ là có khả năng như vậy thôi. Và trên khay có đến hai tách trà còn nguyên, cô ấy vẫn có cơ hội uống tách còn lại chứ—nếu cô coi đó là cơ hội. Tôi chỉ cho rằng kết cuộc như thế này coi như khá khoan dung với cô ta, và cả hai đứa trẻ vô tội.”

Ông nhẹ nhàng hỏi Henrietta, “Cô rất mệt mỏi, phải không?”

Cô gật đầu, hỏi thêm, “Ông đoán được từ khi nào?”

“Tôi không biết chắc. Hiện trường đã được dàn dựng, đó là đi đầu tôi cảm nhận đầu tiên. Nhưng mãi sau tôi mới ngờ rằng chính do Gerda Christow dàn dựng, rằng thái độ cô ấy chỉ là giả tạo, bởi cô ấy tự ra tay mà. Nhưng tôi bị rối do sự giản đơn lẫn phức tạp đó. Tôi từ sớm đã nhận ra rằng tôi phải đối phó với sự khéo léo của cô, và cô được họ hàng hỗ trợ và tiếp tay, khi họ hiểu ra cô muốn làm gì?” Ông hỏi lại. “Sao cô muốn làm như vậy?”

“Vì John nhờ tôi! Anh ấy gọi *Henrietta* là để nói đi đầu đó. Chỉ một từ là tôi hiểu. Anh ấy muốn tôi bảo vệ Gerda. Anh ấy yêu Gerda nhiều hơn anh ấy biết. Hơn cả Veronica Cray. Hơn cả tôi. Gerda *thuộc về* anh ấy, John thích những thứ thuộc về mình. Anh biết nếu có ai đó bảo vệ được Gerda khỏi đi đầu chị ấy đã làm, thì đó là tôi. Anh ấy cũng biết tôi sẽ làm mọi việc anh muốn, bởi vì tôi yêu anh.”

“Và cô làm ngay lập tức,” ông Poirot lạnh giọng.

“Phải, đầu tiên tôi lấy khẩu súng khỏi tay chị ta và vờ làm rơi nó xuống hồ, như vậy thì sẽ xóa được dấu tay. Rồi sau đó tôi phát hiện ra rằng John bị bắn bởi một khẩu súng khác, vậy nên tôi ra ngoài tìm, và hẳn nhiên tìm được ngay, vì tôi biết Gerda có thể vứt nó ở đâu. Chỉ một hai phút sau đó là người của ông Grange ập đến.”

Cô nghĩ một chút, rồi nói tiếp, “Tôi bỏ nó vào túi đeo bên người cho đến khi mang nó về lại London. Rồi tôi giấu nó trong studio cho đến khi tôi mang nó trở lại, và bỏ vào chỗ cảnh sát không tìm được.”

“Con ngựa đất sét,” ông Poirot lầm bầm.

“Sao ông biết? Phải, tôi bỏ nó vào cái túi bóng, rồi quấn dây xung quanh làm khung, rồi đắp đất sét lên. Dù sao đi nữa, cảnh sát không thể phá hoại tác phẩm của nghệ sĩ, phải không? Làm sao ông biết nó giấu ở đâu?”

“Vì cô chọn biểu tượng con ngựa. Trong vô thức, cô nghĩ tới con ngựa thành Troy. Nhưng làm sao cô làm giả được dấu vân tay?”

“Có ông già mù bán diêm trên phố. Tôi nhờ ông ấy cầm giúp, trong khi tôi bận tay lấy tiền ra trả cho ông.”

Ông Poirot nhìn cô một lúc.

“*C'est formidable!*” ông không kìm được. “Thưa cô, phải nói rằng cô là đối thủ giỏi nhất tôi từng gặp.”

“Nhưng mà quá mệt mỗi khi cứ phải tính toán sao cho luôn đi trước ông một bước.”

“Tôi biết. Tôi bắt đầu nhận ra sự thật khi thấy các manh mối tìm được khiến tất cả mọi người đều bị nghi ngờ, chỉ trừ Gerda Christow, nói đúng hơn là ‘dẫn ra xa’ khỏi cô ta. Cô cố tình vẽ cây càn khôn để tôi chú ý và nghi ngờ cô. Bà Angkatell biết rõ cô làm gì, nên đã giải trí bằng cách dẫn dắt thanh tra Grange tội nghiệp theo các manh mối đâu đâu. Rồi David, Edward, cả chính cô nữa.

“Cô biết đấy, chỉ có một cách duy nhất để khiến người thực sự phạm tội không bị nghi ngờ nữa. Đó là phải khiến những kẻ khác bị nghi ngờ nhưng không khẳng định được. Đó là lý do vì sao mọi manh mối đều trông có vẻ hứa hẹn, nhưng rồi đứt gãy và không dẫn tới đâu cả.”

Henrietta nhìn thân người thăm nảo nằm rũ trên ghế, thì thầm, “Tội nghiệp Gerda.”

“Cô luôn cảm thấy như vậy từ trước đến nay sao?”

“Tôi cho là vậy. Gerda yêu John thắm thiết, nhưng cô ấy không muốn yêu con người thật của anh ta. Cô ấy đặt anh trên bệ cao mà tôn thờ mọi điếu cao quý, tuyệt vời và vị tha nơi anh. Một khi thần tượng đã sụp đổ, thì chẳng còn lại gì.” Cô ngừng một chút rồi tiếp: “Nhưng John không phải là thần tượng để phụng thờ. Anh ấy là con người thật, bằng xương bằng thịt. Anh ấy tốt bụng, ấm áp, giàu sức sống, và là bác sĩ giỏi, phải, rất giỏi chuyên môn. Anh ấy mất đi nghĩa là cuộc đời này vắng một người vĩ đại. Và tôi mất đi người đàn ông duy nhất mình từng yêu.”

Poirot nhẹ nhàng đặt tay lên vai cô:

“Nhưng cô là người có thể sống với nỗi đau lớn lao, có thể bước tiếp và mỉm cười...”

Henrietta ngược nhìn ông, cười cay đắng.

“Nghe hơi thống thiết, phải không?”

“Do tôi là người nước ngoài, nên tôi ưa dùng từ ngữ văn hoa đấy mà.”

Henrietta chột nói:

“Ông rất tử tế với tôi.”

“Đó là vì tôi thật lòng hâm mộ cô nhiều.”

“Ông Poirot, giờ phải làm sao với Gerda?”

Ông Poirot kéo khóa túi kim chỉ. Ông đổ mọi thứ bên trong ra, có những mảnh da lộn, và da nâu đã thuộc. Có mấy miếng đặc biệt dày, màu nâu bóng. Ông Poirot ghép chúng lại.

“Đúng là cái bao súng. Tôi sẽ lấy đi. Tội nghiệp bà Christow, bà ấy quá đau buồn trước cái chết của chồng. Trong một phút không tỉnh táo, bà ấy chọn cách ra đi...”

Henrietta chậm rãi hỏi lại:

“Vậy là không ai biết chuyện gì đã thực sự xảy ra sao?”

“Tôi cho rằng sẽ có một người biết. Con trai của ông Christow. Hắn có một ngày cậu ta sẽ đến gặp tôi để hỏi cho ra nhẽ.”

“Ông đừng nói cho nó,” Henrietta kêu lên.

“Tôi sẽ kể chứ.”

“Không, đừng!”

“Cô không hiểu r ả. Cô không chịu được khi thấy người ta bị tổn thương, nhưng cũng có những người bị tổn thương khi không được biết sự thật. Cô nghe Gerda nói r ả đấy, *Terry luôn tìm cách để biết*. Đầu óc khoa học kiểu ấy trọng sự thật. Sự thật dù có đắng cay, r ả vẫn sẽ được chấp nhận, và dệt nên muôn nẻo đường đi trên cõi nhân gian này.”

Henrietta đứng dậy.

“Ông muốn tôi ở lại đây không, hay tôi nên đi?”

“Cô nên đi là hơn.”

Cô gật đầu, rồi nói như tự hỏi:

“Mà tôi nên đi đâu chứ? Đi đâu bây giờ, còn John nữa đâu?”

“Cô nói hết như Gerda Christow vậy. Cô rồi sẽ biết mình nên đi đâu, làm gì thôi.”

“Vậy sao? Nhưng tôi mệt lắm, ông Poirot, rất mệt mỏi.”

Ông nói nhẹ nhàng:

“Đi đi, cô bé. Chỗ của cô là bên người sống. Tôi sẽ nán lại đây cùng người đã khuất.”

Tên đường lái xe về London, trong đầu Henrietta cứ vô thức lặp đi lặp lại hai câu hỏi: “Giờ mình phải làm gì? Mình phải đi đâu đây?”

Mấy tuần qua, cô lúc nào cũng trong trạng thái căng thẳng hồi hộp, chưa giây phút nào thả lỏng. Cô luôn canh cánh buộc mình phải hoàn thành chuyện John giao phó lại cho mình. Giờ chuyện đã xong, cô thất bại chẳng, hay đã làm tròn? Nghĩ cách nào thì cũng có lý. Dù sao đi nữa, nhiệm vụ đó đã kết thúc. Cơn mệt mỏi tích tụ liền ập tới tức thì.

Cô lại nhớ đến những lời đã nói với Edward ngoài hiên nhà đêm đó—đêm John chết—cái đêm cô ra nhà mát gần hồ bơi, và dưới ánh sáng que diêm, cố ý vẽ một cái cây cằn khôn lên mặt bàn. Cố ý, như một phần của kế hoạch, đến nỗi không thể ng ỡ xuống mà thương khóc. “Mà em những muốn buồn thương cho John biết mấy,” tối hôm ấy cô nói với Edward như vậy.

Xmas Những cô nào dám thả lỏng, để nỗi buồn đau chiếm lấy mình.

Giờ cô có thể khóc thương được rồi. Bao lâu tùy thích. Cô thì ào, “Anh John... John ơi...”

Nỗi đắng cay và những suy nghĩ đen tối trào lên như sóng.

Cô nghĩ, “Giá mà cứ để mình uống tách trà đó.”

Nhờ tập trung lái xe, tâm trí cô dịu đi chốc lát, nhưng chẳng mấy chốc nữa cô sẽ về tới London, đưa xe vào garage, và một mình trong xưởng sáng tác vắng lặng. Mãi mãi như vậy, bởi không còn John ghé đến, ng ỡ đó mà bắt nạt cô, cáu kỉnh với cô, yêu cô hơn cả lòng anh muốn, kể cho cô nghe những thắng lợi lẫn thất bại khi nghiên cứu về chứng bệnh Ridgeway, về bà Crabtree và bệnh viện St. Christopher’s.

Rồi cô sực nghĩ ra: “Phải rồi, mình sẽ đi đến bệnh viện St. Christopher’s.”

Lúc cô đến, bà Crabtree đang nằm trên chiếc giường hẹp, hấp háy đôi mắt kèm nhèm nhìn cô khách.

Tính cách của bà hết như trong lời kể của John, Henrietta chợt cảm thấy ấm áp và nhẹ nhõm hẳn. Điều này là thật, sẽ còn lại mãi! Trong góc bệnh viện chật chội này, cô như gặp được John lần nữa.

“Tội nghiệp ông bác sĩ. Lạ lùng quá, hả?” bà Crabtree nói. Giọng bà thương cảm, pha chút phẫn khích, vì bà vốn yêu đời; mà cái chết, dù trên giường sinh hay do người ta sát hại, đều là những mảng màu chói chang nhất trên tấm thảm cuộc đời. “Để bị bắn chết như vậy chớ! Tôi quản cả ruột gan khi đọc tin. Đăng đây trên báo đó mà. Cô y tá cho tôi hết báo chí cô ấy gom được, dễ thương quá chừng. Có đăng hình này kia, đủ hết. Chỗ cái hồ bơi. Hình bà vợ bị điếu tra, tội nghiệp cô, rồi bà chủ nhà Angkatell. Nhiều hình lắm. Nghĩ buồn quá trời đất, cô hả?”

Henrietta không trách sự hào hứng có vẻ thiếu tế nhị của bà. Cô thích dáng vẻ ấy, bởi cô biết John cũng thích. Nếu anh qua đời, hẳn anh thích bà Crabtree tò mò hào hứng thế này, hơn là khóc than rên rĩ.

“Giờ tôi chỉ mong người ta bắt được kẻ đó,” Bà Crabtree tức giận, “thời bây giờ đâu còn bắn nhau nơi công cộng như hồi xưa nữa, nghĩ cũng tiếc. Tôi cũng muốn có lần đi coi thử. Giá mà tôi ở đó thì sẽ tới thiệt lẹ để kịp xem coi kẻ nào hại ông bác sĩ như vậy. Hẳn thằng cha đó ôn tồn ác hiểm lắm! Chớ sao, người như ông bác sĩ soi đèn ban ngày còn khó kiếm! Sáng láng láng, còn tử tế nữa. Hễ ổng tới đây là làm tôi cười miết. Cứ nhớ mấy chuyện ổng nói. Tôi sẵn lòng làm mọi thứ vì ông bác sĩ!”

“Dạ phải,” Henrietta đồng tình, “anh ấy rất thông minh. Là một người vĩ đại.”

“Cứ nghĩ mà coi, trong cái bệnh viện này. Toàn là y tá, không thì là bệnh nhân! Hễ ông bác sĩ tới là cảm giác như mình khỏe hơn.”

“Vậy là bà sẽ khỏe hơn nhỉ,” Henrietta an ủi.

Đôi mắt nhỏ của bà cụ tối lại. “Không chắc đâu, cô nhỏ. Giờ khám cho tôi là cậu trai trẻ đeo kính, nói năng lòng vòng. Khác hẳn ông Christow, đã

vậy không bao giờ chịu cười! Ông bác sĩ Christow đó, lúc nào cũng pha trò! Để tôi còn chịu đựng được những thứ thuốc men tiêm chích này. Có lần tôi nói, ‘tôi chịu hết nổi rồi bác sĩ ơi.’ Thế là ông đáp, ‘Được chứ, bà Crabtree. Bà mạnh mẽ lắm mà. Bà sẽ qua được thôi, rồi sẽ thành huy hiệu thoi trong lịch sử y học đấy, cả tôi lẫn bà.’ Cứ vậy đó. Tôi chịu làm mọi chuyện vì ông bác sĩ! Ông ấy trông mong ở mình nhiều lắm, nên mình không thể làm ông ấy thất vọng được, cô nhỏ hiểu ý tôi mà.”

“Vâng,” Henrietta đáp.

Đôi mắt sắc sảo của bà liếc nhìn cô.

“Xin lỗi cô nhỏ, nhưng cô là vợ ông bác sĩ hả?”

“Không ạ, cháu là bạn anh ấy thôi.”

“À, tôi biết rồi.” Bà Crabtree nói.

Henrietta tự hỏi bà biết gì.

“Thế vì sao hôm nay cô tới thăm bà già này?”

“Anh Christow thường kể với cháu về bà, và những liệu pháp trị liệu mới. Cháu chỉ muốn đến thăm hỏi bà chút thôi.”

“Tôi xui dẫu rồi, cô à.”

Henrietta kêu lên:

“Không thể nào! Bà sẽ khỏe lên thôi.”

Bà Crabtree cười.

“Thì tôi cũng đâu muốn chết, cô biết mà.”

“Vậy hãy chiến đấu tiếp nhé! Bác sĩ Christow nói bà kiên cường lắm mà.”

“Vậy sao?” Bà nằm im một lát, rồi chậm chạp nói: “Quân ác độc, người hiểm có như vậy mà nữ lòng hãm hại.”

Ta sẽ không còn gặp ai như anh ấy nữa. Henrietta chợt nghĩ. Bà Crabtree chuyển sang nhiệt tình an ủi cô.

“Thôi cô nhỏ cũng ráng vui lên. Chắc là đám tang cũng làm to lắm, hả.”

“Vâng, tang lễ ấm áp lắm,” Henrietta nói xuôi theo.

“Hà! Giá mà tôi đến chia buồn được.” Bà Crabtree thở dài. “Lần kế tiếp chắc là tôi tự đi đưa đám chính mình thôi.”

“Không,” Henrietta kêu lên. “Bà không được đâu hàng. Bà vừa nói bác sĩ Christow bảo rằng bà và anh ấy sẽ đi vào lịch sử y học mà. Giờ còn một mình, bà cũng cố đi trọn nhé. Liệu trình chữa trị cũng vậy thôi. Giờ bà cố gắng vì cả hai đó, bà sẽ thành huyền thoại y học cho bà, cho cả anh ấy nữa.”

Bà Crabtree chăm chú nhìn cô một lúc.

“Nghe lớn lao quá! Tôi sẽ cố, cô nhỏ à. Chứ biết chắc sao được.”

Henrietta đứng dậy, nắm tay bà.

“Tạm biệt bà nhé. Cháu sẽ còn trở lại, nếu có dịp.”

“Ừ nhé. Tôi cũng muốn có ai để trò chuyện về ông bác sĩ.” Đôi mắt bà lại lóe lên tia sáng tinh anh, “Người gì đâu mà mặt nào cũng tốt, ông Christow ấy.”

“Dạ, anh ấy đúng là như vậy.”

Bà cụ lại nói:

“Nhưng mà đừng có ủ ê hoài, cô nhỏ, cái gì mất là mất thôi. Dù gì cũng không níu lại được đâu.”

Bà Crabtree và ông Hercule Poirot đều khuyên cô đi đâu tương tự, chỉ có cách diễn đạt là khác.

Cô lái xe về Chelsea, cất xe vào garage, rồi chậm chạp đi vào xưởng.

“Đã tới giây phút mình sợ hãi nhất,” cô nghĩ, “lúc chỉ còn mỗi mình, cô độc. Không còn phải kìm hãm nữa. Cứ thỏa lòng mà khóc.”

Cô đã từng nói gì với Edward? “Mà em những muốn buồn thương cho John biết mấy.”

Cô ng ã sụp xuống ghế, gạt mớ tóc rơi xuống mặt.

Đơn độc—trống rỗng—không có gì cả. Một sự trống trải đến vô cùng.

Nước mắt dâng lên, lặng lẽ trào xuống má.

Thương khóc vì John. Anh John yêu dấu.

Giọng sắc sảo đến đau đớn của John còn văng vẳng:

“Nếu anh chết rồi thì việc đầu tiên em sẽ làm, dù nước mắt còn ròn ròn trên má, là bắt tay vào khắc bức tượng người đàn bà than khóc hay một bức buồn thương chết tiệt nào đó.”

Cô giật mình. Sao đột nhiên cô lại nghĩ tới chuyện đó?

Đau thương, khổ sở... đường nét bức tượng chỉ lờ mờ thấy được, đầu phủ mũ trùm.

Chất liệu thạch cao tuyệt.

Cô mừng tượng bức tượng trong đầu—cao, thon, nỗi đau bị giấu kín, chỉ phơi bày qua những nếp áo rũ buồm thắm.

Nỗi đau lộ qua bức tượng thạch cao trắng muốt đó.

“Nếu anh chết rồi...”

Nỗi đắng cay chọt ập tới mãnh liệt!

Cô bàng hoàng nghĩ, “Thì ra mình chính là như vậy! John nói đúng. Mình không biết yêu, mình không biết tiếc thương, không thể dành toàn tâm cho cảm xúc. Những người như Midge, hóa ra mới là người thực sự đáng quý trên cõi đời này.”

Midge và Edward, ở Ainswick.

Là đời thực—là sức mạnh—là sự ấm áp.

“Nhưng còn mình, mình chẳng phải con người toàn vẹn nữa. Mình không thuộc về bản thân, mà của thứ gì bên ngoài thể xác này. Thay vì thương khóc trước cái chết, mình chỉ biết chuyển hóa nỗi đau thành bức tượng thạch cao...”

Tác phẩm trưng bày số 58. “Đau thương.” Chất liệu: thạch cao tuyệt.
Tác giả: Cô Henrietta Savernake...

Cô thì thầm:

“John, tha thứ cho em, nhé anh, em không thể không làm như thế.”



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

